

nhóm lứa Việt

# Việt ngữ

Lớp 5



Nhà Xuất - bản CÀNH - HỒNG

173, Cô Giang Saigon

Đ.T. : 93.716

# VIỆT - NGỮ

## LỚP 5

*Trình bày và minh họa : Học sĩ HUỖNH PHÚ NHIỄU*

**NHÓM BIÊN SOẠN LỬA-VIỆT**

**TRẦN-DOÃN-ĐỨC**

*Giáo-sư Sư-phạm — Trường Sư-phạm  
Saigon*

**VŨ-NGÔ-MUU**

*Cử nhân Văn-Khoa — Giáo-sư  
Trung-học.*

**BÙI-NGỌC-TUYÊN**

*Giáo-sư Trung-học*

**TRỊNH-NGỌC-NGUYỄN**

**NGUYỄN-VĂN-LONG**

**ĐÀO-HUY-VINH**

**TRẦN-TRỌNG-LẠC**

**VŨ-ĐỨC-CƠ**

*Giáo-học — Tốt nghiệp Sư-phạm*

*Nhóm Lửa-Việt được sự cộng-tác thường-xuyên  
của các Họa-sĩ nổi tiếng:  
Vivri . Huỳnh-phú-nhiều . Cao-đức-thư . Quách-phước*

nhóm lửa việt

# VIỆT NGỮ

## lớp năm

NGỮ VỤNG	:	64 bài
TẬP ĐỌC		} 64 bài
HỌC THUỘC LÒNG		
CHÁNH TẢ	:	64 bài
VĂN PHẠM	:	32 bài
TẬP LÀM VĂN	:	32 bài
TẬP VIẾT	:	32 bài

Nhà Xuất - bản CÀNH - HỒNG

173, Cò Giang Saigon

Đ.T. : 93.716



## Lời nói đầu

---

Cuốn sách chúng tôi hân-hạnh gửi tới Quý-vị đồng nghiệp hôm nay có ưu-điểm chắc-chắn là được biên-soạn theo đường lối tập-thể. Nhóm Lừa-Việt chúng tôi gồm những giáo-chức khác nhau về tuổi đời, cũng như về tuổi nghề. Tất cả đã từng dạy qua các lớp ở bậc Tiểu học và hiện vẫn phục-vụ ngành tiểu-học trên những phương-vị khác nhau; nên có thể nói rằng đã thấu-luộm được một mớ kinh-nghiệm vững-vàng và hợp-thời. Bài vở, qua sự gạn lọc của một tập-thể như vậy, chắc chắn đã loại được nhiều thiếu sót.

Ngoài ra, nhà xuất-bản luôn luôn hội-y với nhóm biên-soạn và áp-dụng những kỹ-thuật ấn-loát tân-kỳ nhất, để thực-hiện những tiêu-chuẩn đã được đề ra. Vì vậy, chúng tôi mong rằng có thể làm Quý-vị hài-lòng về những điểm sau đây :

### ● Về hình - thức :

— Sách hoàn-toàn in offset, để đạt được một hình-thức sáng-sủa, đẹp-đẽ.

— Bài vở đủ dùng cho một niên-khóa.

— Nhiều hình ảnh đi liền ngay với bài ngữ vựng và học-thuộc lòng để cụ-thể hóa bài dạy.

### ● Về nội-dung :

Bài vở soạn đúng theo chương-trình và lời chỉ-dẫn của Bộ giáo-dục :

— **NGŨ-VỰNG** : Những bài đọc được soạn vừa phải, có mạch-lạc, theo nhiều lối văn, nên không khô-khan. Số từ-ngữ mới của mỗi bài được gạn lọc để vừa đủ dạy trong thời-gian ấn-định. Riêng lớp Bốn và lớp Nam, các từ-ngữ Hán-Việt thường được phân-tích trước khi giải-nghĩa.

— **TẬP-ĐỌC, HỌC-THUỘC LÒNG** : Các bài là những đoạn văn, thơ có giá trị trích ở tác phẩm của văn, thi-sĩ hiện đại. Nội-dung các bài đều hợp với chủ-điểm ngữ-vựng, vừa sức hiểu-biết của học-sinh.

— **CHÁNH TẢ** : Các bài viết đều ngắn, mạch-lạc, có liên-quan với chương-trình ngữ-vựng. Những từ-ngữ học-sinh thường hay lầm-lẫn được lưu-ý nhiều lần trong phần nhận-xét chánh-tả.

— **VĂN-PHẠM** : Các bài văn-phạm được soạn giản-dị, chỉ nhằm giúp học-sinh hiểu những qui-tắc chính-yếu của ngôn-ngữ Việt, theo đúng tinh-thần của chương trình hiện-hành.

— **TẬP LÀM VĂN** : Mỗi loại văn bắt đầu bằng một bài hướng-dẫn gọn, có tính-cách thực-hành. Các đề ra đều sát với đời sống thực-tế, nên tiện cho việc giảng-dạy của quý-vị giáo-chức.

— **TẬP VIẾT** : Các bài tập-viết được soạn theo nguyên-tắc tiệm-tiến, dạy từ chữ dễ viết đến chữ khó. Những câu áp-dụng thường có ý-nghĩa giáo-dục.

Mặc dù đã hết-sức cố-gắng, chúng tôi cũng tự biết không sao tránh khỏi những thiếu-sót. Ước mong Quý-vị đồng-nghiệp vui-lòng chỉ-báo, để những lần tái-bản sau, cuốn sách được hoàn-hảo hơn. Chúng tôi xin chân-thành cảm tạ quý-vị.

---

---

---

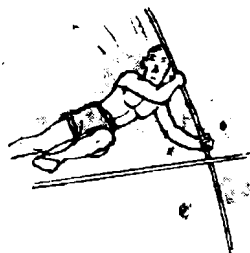
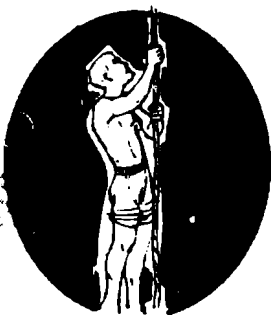
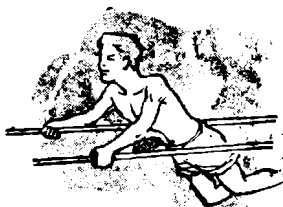
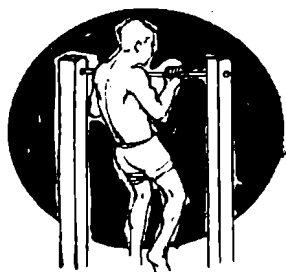
Nhóm Biên-soạn Lựa-viết và  
nhà Xuất-bản Cảnh-Hồng.

## Lời cảm ơn

*Chúng tôi chân-thành cảm ơn qui-vị văn, thi-sĩ  
tử cho phép trích in những đoạn văn, thơ trong  
tác-phẩm của qui vị.*

*Với qui.vị có bài trích in mà chúng tôi không  
được biết địa chỉ đêxin phép, mong qui vị vì mục  
đích giáo dục chung thứ lỗi cho. Trân trọng  
cảm ơn qui vị.*

**NHÓM BIÊN-SOẠN**



**Ngũ-vương**

**TUÂN LỄ 1**

## I.— THỂ DỤC

BÀI ĐỌC.— Ngày... tháng...

Em Nam thân-mến,

Anh thấy em gầy yếu quá. Đó là vì em không năng tập thể-dục. Em quên câu « thể-xác có lành-mạnh, tâm-hồn mới minh-mẫn » rồi sao ?

Anh khuyên em hãy năng vận-động. Ngoài những buổi tập thể dục ở trường, mỗi buổi sáng em nên tới sân vận-động; ở đây có sấn tạ, xà ngang, xà dọc, dây leo, lại có huấn-luyện-viên thể-dục chỉ-dẫn cách luyện-tập.

Anh của em  
BẮC.

TẬP NÓI CHUYỆN.— Tại sao Bắc viết thư khuyên Nam nên tập thể-dục ? — Đề thuyết-phục Nam, Bắc nhắc tới câu tục-ngữ nào ? — Bắc khuyên Nam ngoài việc tập ở trường, còn nên tập ở đâu ? — Tại sân vận-động có những dụng-cụ thể-dục nào ? — Người chỉ-dẫn cách luyện-tập gọi là gì ?

## HỌC TIẾNG

**Danh-từ :** Sân vận-động — tạ — xà ngang — xà dọc — dây leo  
— huấn-luyện viên.

**Tính-từ :** Cường-tráng — minh-mẫn.

**Động-từ :** Vận-động — chỉ-dẫn.

**Tục-ngữ :** *Thề-xác có lành-mạnh, tâm-hồn mới minh-mẫn.*

**GIẢI-NGHĨA—Sân-vận-động:** Sân rộng, để tập và biểu-diễn thể-dục, thể thao. **Tạ :** dụng cụ thể-dục, có thứ để tập ném, có thứ để cử mà luyện bắp thịt. **Huấn-luyện-viên :** Người chỉ dẫn cho người khác tập luyện. **Cường-tráng :** khoẻ-mạnh. **Minh-mẫn :** sáng-suốt. **Vận-động :** cử động .

**BÀI TẬP.—** Muốn khoẻ-mạnh, chúng ta cần năng . . . . .  
Tại . . . có đủ các dụng-cụ thể-dục như . . . , . . . ,  
. . . , . . . Ở đó, lại có các . . . . . thể-dục . . . . .  
cho ta luyện.tập theo đúng phương-pháp.

### **Ngữ-vựng**

## 2. — THỂ-THAO

**BÀI ĐỌC.—** Tôi vừa được xem nhiều lực-sĩ đại-diện cho các trường tham-dự cuộc thi điền-kinh tại sân vận-động. Cuộc thi này làm tôi nhớ lại phim thể-vận-hội đã xem ngày nào.

Các lực-sĩ học-sinh đều vạm-võ, dẻo-dai. Họ tranh tài về đủ các môn : ném tạ, ném đĩa, phóng lao, nhảy sào, nhảy cao...

**TẬP NÓI CHUYỆN .—** Các lực-sĩ học-sinh tới sân vận-động làm gì ? — Cuộc thi này làm tác-giả nhớ lại phim chiếu bóng nào ? — Các lực-sĩ học sinh đều thể nào ? — Họ tranh-tài về các môn điền-kinh gì ?

## HỌC TIẾNG

Danh-từ : điền-kinh — lực-sĩ — thể-vận-hội — môn ném tạ  
— môn ném đĩa — môn nhảy sào.

Tính-từ : vạm-vỡ — dẻo-dai.

Động-từ : tham-dự — tranh tài.

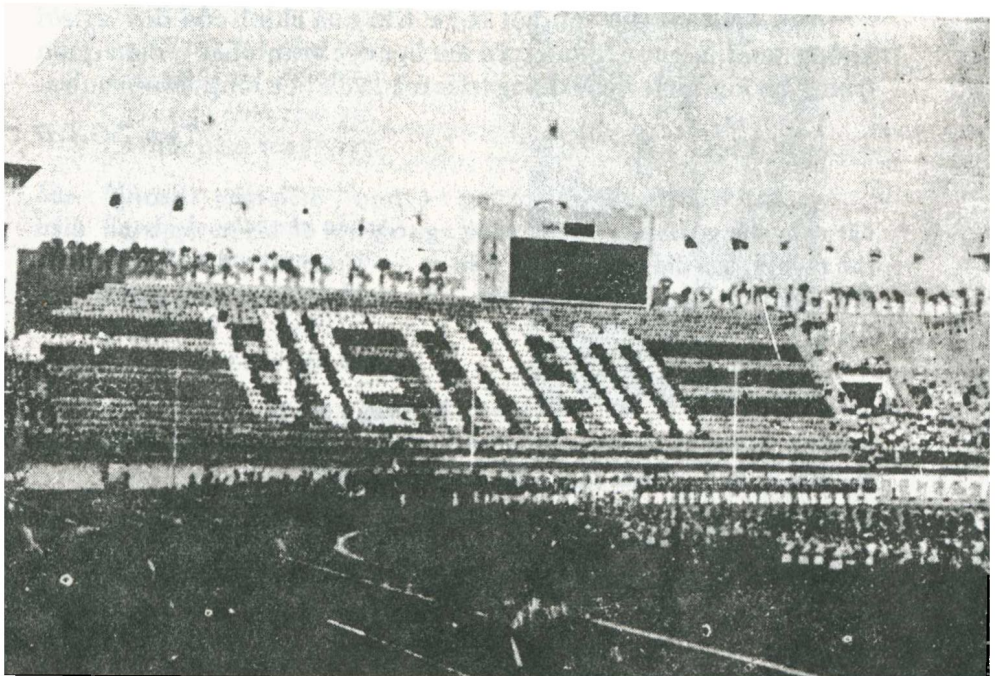
Thành-ngữ : — *khỏe như vạm*

— *yếu như sên*

**GIẢI NGHĨA.**—**Điền-kinh** : các môn thể-thao cá-nhân, như chạy, nhảy, ném tạ, ném đĩa... **Lực-sĩ** : người có sức mạnh ; người có thân-hình nở-nang, cân-đối vì tập thể-dục hay thể-thao. **Thể-vận-hội** : ( thể-giới vận-động hội ) đại hội thể-thao quốc tế **Vạm-vỡ** : to lớn, khỏe-mạnh. **Dẻo-dai** : mềm-mại, khéo léo và bền sức. **Tham-dự** : dự vào.

### BÀI TẬP

- 1.— Kể vài môn điền-kinh mà em biết.
- 2.— Phân nghĩa với « vạm-vỡ » là gì ?
- 3.— « Yếu như sên » nghĩa là gì ?



## **THỂ-VẬN-HỘI**

1.— Lá cờ thể-vận vĩ-dại màu trắng, tung bay trước gió, và ngọn đuốc thể-vận: bùng cháy ánh lửa vàng. Hàng trăm lực-sĩ, dưới những sắc cờ chói-lói của các quốc-gia trên thế-giới, đông-đặc cả thao-trường. Bản thể-vận ca hùng-dũng trời lên xé tan tấm màn im lặng. Đột-nhiên, muôn ngàn cánh chim câu trắng bay vút lên nền trời xanh. Đó là quang-cảnh buổi khai-mạc thể-vận-hội, một cuộc tranh hùng vĩ-dại về thể-thao trên thế-giới.

2.— Từ năm 1896 tới nay, thể-vận-hội đã được tổ-chức tại nhiều nơi trên hoàn-cầu. Năm nay, thể-vận-hội đã khai-diễn ở Úc-châu, với 73 nước trên thế-giới tham-dự các cuộc tranh tài về đủ các môn thể-thao cho cả nam lẫn nữ.

3— Thể-vận-hội vượt qua đọi-lực và trùng-dương, nối liền các dân-tộc trên thế-giới.

Tín-điều của thể-vận-hội là : « Kết-quả chính của đời người không phải là cuộc thắng trận mà là cuộc tranh-đấu ; điều quan trọng không phải là đã thắng trận mà là đã hết lòng đấu-tranh ».

*Theo T.G.T.D*

**GIẢI NGHĨA.**—Thao-trường : ( thao : diễn-tập ; trường : chỗ đất rộng, dùng làm nơi tụ-tập đông người) nơi để luyện tập, trình diễn thể thao. Khai-diễn : bắt đầu diễn ra — Tín-điều : điều tin-tưởng. Đọi lực : cõi đất lớn, đi từ bên nọ sang bên kia không phải qua biển.

**Ý- TUỞNG** .— Khi thể-vận-hội khai-mạc, người ta thấy gì ở thao-trường ? — Chim bồ câu trắng tượng-trưng cho gì ? — Thể-vận-hội nói trong bài này khai-diễn ở đâu ? — Nhắc lại tín-điều của thể vận hội.

**LỜI-VĂN.**— « Bay vút » nghĩa là gì ? — Người ta còn nói : bay. . . bay. . . Ta có thể thay « trùng-dương » bằng từ-ngữ vào ? — Phân nghĩa với « hùng-dũng » là gì ?

## DÀN - BÀI .—

- 1) Lễ khai mạc thể vận hội.
- 2) Nơi khai diễn thể vận hội.
- 3) Tín hiệu của thể-vận-hội.

ĐẠI-Ý.— Lễ khai mạc thể vận hội tại Úc-châu.

PHÁT-ÂM.— vĩ đại — sắc cờ — thao trường — trùng dương

### Tập đọc — học-thuộc-lòng

#### NGÀY KHAI TRƯỜNG

- 1.— Hôm nay ngày khai trường,  
Ngoài phố vui như hội !  
Rộn-rã trên vệ đường,  
Tiếng giầy inh-ôi.
- 2.— Ánh bình minh sáng rọi,  
Trong lòng trẻ vui mừng.  
Chim trên cành chào gọi,  
Ca khúc nhạc tung bừng.
- 3.— Mũ, giầy, quần áo mới,  
Cặp sách mang nhẹ nhàng.  
Bao nhớ nhưng mong đợi.  
Trong lòng rộn chửa chan,  
Giục trẻ đi gấp bước,  
Mong chóng đến nhà trường.

VŨ-ĐÌNH-LIÊN



GIẢI - NGHĨA .— Rộn-rã : ồn-ào, náo - nhiệt, inh-ôi : âm i.  
Bình - minh : lúc tảng sáng, lúc mặt trời mọc. Tung-bừng : nhộn nhịp.  
Trường : trường.



**Ý-TUỞNG.**—Ngày khai trường, quang cảnh ngoài phố thế nào? — Tác gia tưởng tượng chim chóc chào gọi ai? — Trong dịp khai trường, các em nhỏ được cha mẹ sắm sửa cho những gì? — Học sinh mong chóng đến trường để làm gì?

**LỜI VĂN.**—“Vui như hội” là thế nào? — Ta có thể thay tiếng “gặp” trong “đi gặp bước” bằng tiếng nào?

## DÀN-BÀI

- 1) Quang cảnh phố xá hôm khai trường.
- 2) Chim chóc cũng vui cùng học sinh trong ngày khai trường.
- 3) Học sinh vui vẻ rào bước đến trường.

**ĐẠI-Ý.**—Quang cảnh ngày khai trường và cảm tưởng của học sinh trong ngày đó.

**PHÁT ÂM :** khai trường — rộn rã — sáng rọi — chứa chan

## Chánh-tà

### 1.— TẬP THÈ - DỤC

Các em hãy xem những người có tập thể-dục : chân tay họ cứng-cáp ; họ đi đứng hùng-dũng, trông thật là xứng-đáng con người.

Vậy muốn cho thân-thể cường-tráng, các em phải tập thể-dục. Tập thể-dục là tập đi, tập chọi, tập những cách làm cho mình-mày, tay chân vận-động luôn, để da thịt được nở-nang, gân-cốt được dẻo-dai.

Tập thể-dục, không những thân-thể được mạnh-mẽ mà trí tuệ lại được minh-mẫn nữa.

Theo **TRẦN-TRỌNG-KIM**

**GIẢI-NGHĨA.**—Cứng-cáp : mạnh-mẽ. Minh-mẫn : sáng-suốt, lanh-lợi.

**CÂU HỎI.**—Chân tay và dáng đi của người có tập thể dục thế nào? — Tập thể dục là gì? — Tập thể dục có lợi gì?

**ĐẠI-Ý.**— Năng tập thể-dục thì thân-thể cường tráng, trí-tuệ, minh-mẫn.

**NHẬN - XÉT CHÁNH - TẢ.**— **Cứng-cáp** — **xứng-đáng**  
— **nở-nang** — **đẻo-dai.**

**CÂU . HỎI CHÁNH - TẢ .—**

- 1) Giải-nghĩa : **cứng-tráng, dẻo-dai.**
- 2) **Phản-nghĩa** với **cứng-cáp** là gì ?
- 3) **Câu cuối cùng** bài **chánh-tả** gọi cho ta **câu tục-ngữ** nào ?

**Chánh-tả**

## 2.— **THỂ - VẬN - HỘI**

Viết đoạn 1, bài tập đọc « **thể-vận-hội** »

**Văn-phạm**

## **NGUỒN - GỐC TIẾNG VIỆT - NAM**

**BÀI HỌC.**— Tiếng Việt-nam do hai nguồn-gốc chính mà ra :

- 1) Tiếng của ta sẵn có, tức là tiếng nôm như : **làm việc, ngủ, cái nhà...**
- 2) Tiếng mượn của chữ Hán, gọi là tiếng Hán-Việt như : **thề-dục, vĩ-đại, học-đường...**
- 3) Ngoài ra còn một số tiếng mượn của Âu-Mỹ như : **ô-tô, xà-bông, mít-tinh, cao-bồi...**

**BÀI TẬP.**—

Tìm 3 thí-dụ về tiếng nôm, 3 thí-dụ về tiếng Hán-Việt.

**Tập làm văn**

## **TẢ ĐỒ VẬT**

**Chỉ dẫn :**

**Phần mở bài :**

Mở bài bằng cách giới-thiệu đồ vật mình sắp tả, nghĩa là nói mình thấy vật ấy ở đâu, dịp nào v.v...

### **Phần thân bài :**

Tả hình dáng tổng-quát (màu, sắc, kích-thước) rồi tả từng phần.  
Sau hết nói ích-lợi của vật ấy.

### **Phần kết luận :**

Nếu vật tả là của mình thì có thể nói mình giữ gìn vật ấy thế nào hay cảm-tình của mình đối với vật ấy. Nếu vật tả không phải của mình thì nói ý-nghĩ vật ấy gợi ra cho mình.

### **DÀN BÀI CHUNG**

#### **I— Mở bài :**

Thấy vật ấy ở đâu ? dịp nào ?

#### **II— Thân bài :**

- a) Hình-dáng toàn-thể.
- b) Tả từng phần.
- c) Ích-lợi.

#### **III— Kết luận :**

Cảm-tình của mình đối với vật tả ; hay cách giữ gìn ; hay ý nghĩ của mình về vật tả.

#### **ĐỀ :**

Tả cái bảng ở lớp em.

#### **Mở bài :**

Cái bảng đặt ở chỗ nào trong lớp ?

#### **Thân bài :**

- 1) Hình gì ? Sơn màu gì ? Dài bao nhiêu ? Rộng bao nhiêu ?
- 2) Các bộ phận : mặt bảng, khung, giá bảng, chốt cài.
- 3) Ích lợi.

#### **Kết luận :**

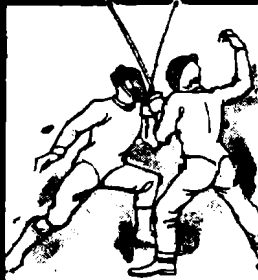
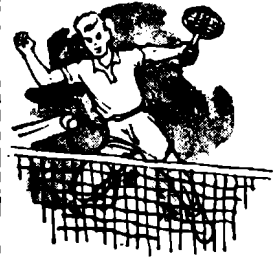
Ý-nghĩ của mình về cái bảng

### **Tập viết**

Chữ hoa (chữ khò lớn, vừa và nhỏ).

*I K*

*Kim chi có đầu*



**Ngũ - vịnh**

**TUẦN LỄ**

**2**

## 1. - CÁC TRÒ CHƠI THỂ - THAO

**BÀI ĐỌC.**— Trò chơi thể-thao mỗi thứ mỗi vẻ.

Quần-vợt, bóng bàn, võ-cầu thì nhẽ-nhận : lúc biểu - diễn cũng như lúc giao-đấu, người chơi những môn này không bao giờ đụng chạm nhau. Bóng rổ, bóng chuyền thì hấp-dẫn với những cách đưa bóng, lừa banh. Túc - cầu là môn thể - thao bình-dân được nhiều người ưa-thích.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Em thích trò chơi thể-thao nào ? - Quần-vợt và bóng bàn khác nhau thế nào ? - Bóng rổ khác bóng chuyền ở chỗ nào ? - Môn thể-thao bình dân được nhiều người ưa thích nhất là môn gì ?*

### HỌC TIẾNG

**Danh-từ :** quần-vợt — bóng rổ — bóng chuyền — bóng bàn — võ-cầu -- túc-cầu.

**Tính-từ :** (quần-vợt) nhẽ-nhận — (môn thể thao) bình-dân.

**Động-từ :** biểu-diễn — giao-đấu.

**Thành-ngữ :** Mạnh đực, yếu thua

**GIẢI-NHĨA**— **Quần-vợt** : trò chơi dùng vợt mà đánh trái banh nhỏ vượt qua một cái lưới căng ở giữa sân. **Vũ-cầu** : (vũ : lông chim) quả cầu phần dưới làm bằng lông chim. **Túc-cầu** (túc : chân) môn đá banh. **Nhả - nhặn** : lịch-sự, từ-tôn. **Biểu - diễn** : phở ra cho người ta xem. **Giao-đấu** : đấu với nhau.

**BÀI TẬP.**— Trong kỳ đại-hội thể-thao học-sinh, Nam là một trong sáu cầu thủ của đội . . . . . đã được cử đi . . . . . với các trường bạn. Trong dịp này nhiều cây vợt bóng . . . . . và . . . . . cũng có cơ hội trở-tài. Nhiều cây vợt nữ-sinh biểu - diễn. . . . . Nhưng môn . . . . . sôi-nổi và hấp-dẫn, được nhiều người xem hơn cả.

**Ngữ-vịng**

**2.— CÁC TRÒ CHƠI THỂ - THAO (tiếp theo)**

**BÀI ĐỌC.**— Nhiều người cho rằng dân ta có óc trọng văn khinh võ. Điều đó không được xác-đáng, bằng cứ là hiện ta có nhiều võ - sĩ hữu - danh; võ số võ - đường, được mở ra để dạy nào quyền Anh, kiếm - thuật, nào nhu - đạo, thái - cực - đạo, cả võ ta, võ tàu nữa. Võ - sinh nam, nữ đua nhau tới đó trau-giồi võ-nghệ cho tinh-thông.

**TẬP NÓI CHUYỆN**— Nơi người ta tới để luyện-tập võ-nghệ gọi là gì ?  
— Người học võ gọi là gì ? — Kể vài môn võ-nghệ mà em biết.

**HỌC TIẾNG**

Danh-từ . võ-sĩ — võ-đường — võ-sinh — quyền-Anh —  
kiếm-thuật — nhu đạo — thái-cực-đạo.

Tính-từ : (võ-sĩ) hữu-danh — (võ-nghệ) tinh-thông.

Động-từ : trau-giồi (võ-nghệ) — mở (võ-đường).

Thành ngữ : — *văn võ kiêm toàn.*

**GIẢI NGHĨA.**— **Võ-sĩ** : người giỏi võ. **Võ-sinh** : người học võ. **Võ - đường** : nơi luyện-tập võ-ngệ. **Quyền Anh** : môn võ đánh bằng tay đeo bao, do người Anh đặt ra. **Kiểm-thuật** : thuật đánh-kiểm. **Như đạo** (như = như) môn võ Nhật-bản, cốt dùng sự mềm dẻo mà hạ kẻ địch. **Thái-cực-đạo** : môn võ Đại-hàn. **Hữu - danh** : có tiếng, có tên tuổi. **Tình - thông** : hiểu-biết rành-rẽ. **Trou-giỏi** : luyện tập cho giỏi. **Văn võ kiêm toàn** : giỏi cả về văn lẫn về võ.

## BÀI TẬP

- 1) Giải-nghĩa : võ-sĩ, võ-sinh.
- 2) Tiếng như trong «nhu đạo» nghĩa là gì? Tìm một từ-ngữ có tiếng như như vậy.
- 3) Phản nghĩa với hữu-danh là gì?

## Tập đọc

### THƯỢNG ĐÀI

1— Trận chính đêm nay là cuộc đấu lấy chức vô-địch hạng gà. Người ta chờ đợi rất nhiều ở Hùng, một tài-năng đang lên.

2— Khi Hùng giơ hai bàn tay nắm lại lên khỏi đầu để chào khán-giả, tiếng vỗ tay nổ ran làm anh muốn hít mạnh tất cả những sự khuyến-kích đó vào đây ấp lồng ngực. Anh bỏ áo choàng, để lộ ra những bắp thịt cuộn-cuộn, rồi về góc đài cho những người săn-sóc đeo găng. Anh liếc mắt về góc đối diện, nhìn địch-thủ của mình. Mặt hần lăm-li, bắp thịt như chìm đi, che đậy một sự nguy-hiểm ngầm độc, nhưng đôi mắt kia thì không giấu ai được; nó dò xét, lục-lọ, và, nếu Hùng có một sơ-hở gì, chắc-chắn nó sẽ biết dùng cơ-hội đó.

3.— Tuy nhiên, Hùng rất tự-tin. Anh đưa mắt nhìn quanh một vòng và sung-sướng nhận những cái vẫy tay thân-mật, những lời khích-lệ của một số bạn-bè.

PHAN.VĂN.TẠO

**GIẢI-NHĨA.**—Đài (võ đài) : chỗ võ-sĩ tỉ-thí, thường dựng cao để khán-giả coi. **Thượng-đài** : lên đài. **Hạng gò** : một trong những hạng của môn quyền Anh, môn này có những hạng : hạng nặng, hạng bán nặng, hạng gà, hạng lông, hạng ruồi. **Khuyến-khích** : khuyến nên gắng sức. **Găng** : cái bao tay bằng da mà võ-sĩ quyền Anh đeo mỗi khi giao đấu. **Lục-lạc** : tìm-tòi, moi-móc.

### Ý-TƯỜNG.—

*Trong trận đấu đêm nay, khán-giả trông chờ ai? Khán-giả làm gì để khuyến khích Hùng khi anh chào họ? Địch-thủ của Hùng có những nét gì đặc biệt? Trước địch-thủ, Hùng có thái-dộ thế nào?*

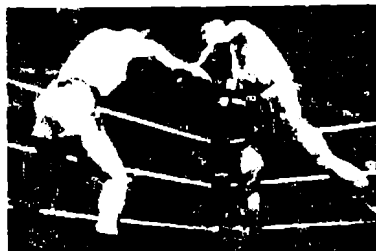
**LỜI VĂN.**—*Tìm những danh-từ ghép có tiếng «giả» như «khán-giả». Tìm tiếng đồng-ngữ với : «địch-thủ», «khích lệ». Kể vài thành-ngữ có tiếng «văn và tiếng «võ»*

### DÀN BÀI.—

- 1— Khán-giả nóng lòng chờ xem Hùng đấu võ.
- 2— Hùng lên đài, chào khán-giả và quan sát địch-thủ
- 3— Hùng tin ở tài mình và ở sự ủng-hộ của khán-giả.

**ĐẠI-Ý** : Võ-sĩ Hùng lên đài với tất cả lòng tin-tưởng sẽ thắng trận.

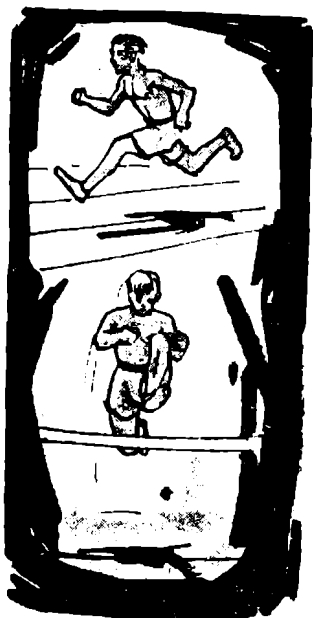
**PHÁT-ÂM** : đêm nay — võ-địch — khuyến-khích — áo chòang nguy-hiểm — sung-sướng.



## Tập đọc - học-thuộc-lòng

### TRÊN SÂN VẬN - ĐỘNG

- 1.— Gà mới vừa gáy sáng,  
Rạng đông trời trong xanh.  
Vận động trường tập-nập  
Bao người đang tập-tành:
- 2.— Những tấm thân cường-tráng,  
Nằm vắt trên xà ngang.  
Những cánh tay chắc nịch,  
Đánh đu thật nhịp nhàng.  
Trên con đường than bột  
Chạy vòng xung quanh sân,  
Từng lớp người gắng gỏi  
Giành nhau từng bước chân.
- 3.— Gió thổi căng lồng ngực,  
Cỏ cây cùng vươn cao,  
Bao nguồn sinh-lực mới,  
Hòa trong ánh nắng dào.



#### HOÀI-ĐIỆP

**GIẢI-NGHĨA**— Sân vận động : sân rộng để phô-diễn thể-thao  
Tập-nập : đông - đủ, nhộn - nhịp. Cường - tráng : khỏe-mạnh  
Sinh-lực : sức sống.

**Ý - TƯỞNG**.— Nước ta có vận-dộng - trường nào lớn nhất? - Người ta thường đến sân vận - động vào những lúc nào để luyện tập? - Kể những môn tập tác-giả nói đến trong bài này.

**LỜI VĂN**.—Phân nghĩa với «rạng đông» là gì? «Ném người lên thật cao»: thay «ném» bằng tiếng khác — «Giành nhau từng bước chân» nói lên điều gì?



## DÀN - BÀI .

1.— Sáng sớm trên sân vận động đã có đông người tập.

2.— Cảnh luyện-tập trên sân vận-động.

3.— Bầu không-khí lành-mạnh ở sân vận-động.

**ĐẠI Ý.**— *Cảnh luyện-tập trên sân vận động buổi sáng sớm.*

**PHÁT-ÂM.**— sân vận-động — gà-gáy — chắc-nịch — gắng-gỏi  
— sinh-lực.

## **Chánh-tà**

### 1.— XEM ĐÁ BANH

Muốn thật thưởng - thức bóng tròn phải ngồi bên khán - đài bình-dân.

Chỉ ở đó người ta mới hồi-hộp đến nghẹn thở khi banh tới gần thành nhà, sung-sướng đến điên-cường khi banh vào lưới địch. Tất cả những tình-cảm đó được trút qua những tiếng hò, tiếng hét, tiếng vỗ tay. Có người quên hẳn mình là khán-già, ngồi xem mà tưởng đứng trong sân, đến nỗi thấy trong sân người ta co cẳng đá, mình cũng phóng chân ra đá một trái banh tưởng-tượng. Chỉ khi người ngồi trước mặt kêu lên mới chợt thấy mình lờm.

**PHAN-VĂN-TẠO**

**GIẢI-NGHĨA.**— **Thưởng-thức :** hưởng biết cái hay, cái đẹp.  
**Khán-đài bình-dân :** nơi những người mua hạng vé rẻ tiền ngồi xem.  
**trút :** đồ hết vào.

**CÂU HỎI .**— *Muốn thật thưởng-thức bóng tròn, phải ngồi ở đâu ?*  
— *Khi banh tới gần thành nhà hay vào lưới địch, người xem có cảm-giác thế nào ?*  
— *Tại sao có khán-già co chân đá trái-banh tưởng-tượng ?*

**ĐẠI-Y.**—*Khán-giả ở khán-dài bình-dân bao giờ cũng theo dõi trận cầu một cách say-mê cuồng-nhiệt.*

**NHẬN-XÉT CHÁNH-TÀ** ..— **nghe**n thờ — **điên-cuồng** —  
trút qua — **ngồi** trước mặt — **kêu** lên.

### CÂU HỎI CHÁNH-TÀ .—

1.— Giới-nghe : cầu-thủ, khán-giả.

2.— « Môn đá danh » còn gọi là gì ?

3.— Đại-y bài này nói gì ?

4.— tìm những tiếng Hán-Việt trong câu thứ nhất bài chánh-tà.

### **Chánh-tà**

2.— **Thượng** đài.

Viết đoạn 2 bài tập đọc, tới « nguy-hiểm ngấm độc ».

### **Văn-phạm**

#### **VẦN QUỐC-NGŨ, NGUYÊN-ÂM VÀ PHỤ-ÂM.**

Vần quốc-ngũ gồm những nguyên-âm và những phụ-âm.

— Nguyên-âm là chữ tự nó có âm-thanh : **a, ă, â, e, ê, i, y, o, ô, ơ, u, ư,**

— Phụ âm là chữ ghép với nguyên-âm mới có âm-thanh **b, c, d, đ, g, h, k, l, m, n, q, p, r, s, t, v, x.**

Ngoài ra còn có phụ-âm do hai, ba phụ-âm hợp thành gọi là phụ-âm ghép : **ch, gh, kh, ng, ngh, nh, ph, th, tr.**

#### **CHỮ, TIẾNG, CÂU**

Chữ như chữ **a**, chữ **b**, chữ **c**...

Tiếng : đá banh ( 2 tiếng ).

Nhiều tiếng ghép lại mà đủ ý-nghĩa thì gọi là câu.

Thí-dụ : Tôi thích đánh võ-cầu.

## BÀI-TẬP . -

Câu thứ nhất trong bài chính tả 1 gồm bao nhiêu tiếng ? - Tiếng « thường » gồm mấy phụ-âm ? - mấy nguyên-âm ?

### Tập làm văn

Hãy tả cái cặp đựng sách vở của em.

#### DÀN BÀI

**Mở bài :** Em có cái cặp vào dịp nào ?

**Thân bài :**

1— Hình dáng : còn mới hay đã cũ ? . màu sắc ? kích thước ?

2— Tả từng phần : (phía ngoài) quai, nắp, khoá ; (phía trong) các ngăn.

3— Ích-lợi : em dùng cái cặp thế nào ? (ngăn nào để đồ dùng gì) ; nhờ cái cặp, đồ dùng của em được sạch sẽ, ít bị mất...

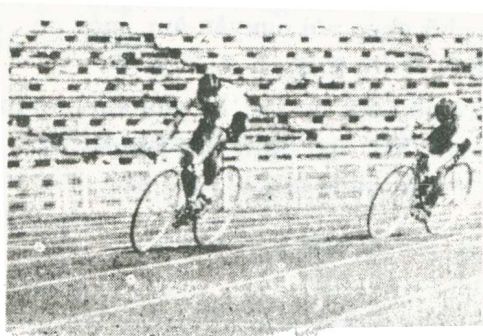
**Kết luận :**

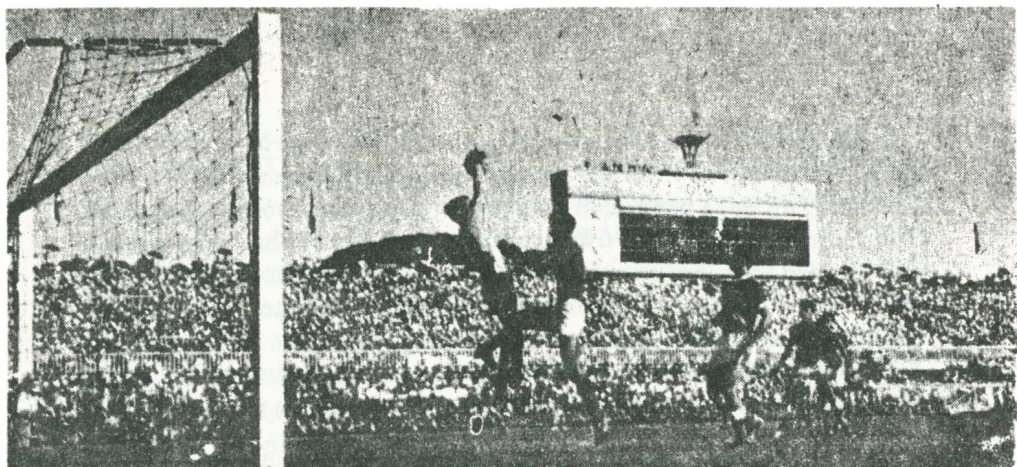
Cảm-tình của em đối với cái cặp.

### Tập viết

Chữ hoa ( chữ khò lớn, vừa và nhỏ )

*H Học hay, càng biết.*





**Ngữ-vựng**

**TUẦN LỄ**

**3**

## 1. CÁC TRÒ CHƠI THỂ-THAO (tiếp theo)

### BÀI-ĐỌC.— MỘT TRẬN TÚC-CẦU

Hai đội banh đã dàn ra sân. Trọng-tài thổi còi. Một cầu-thủ trao banh cho đồng đội. Mấy cầu-thủ bèn dịch ủa tới. Trận đấu sôi-nổi ngay từ đầu. Khán-giả reo hò cổ-võ, trọng-tài chạy tới chạy lui, mấy giám-biên làm việc không ngừng.

Mỗi khi một bên tràn xuống hãm thành bên kia thì cầu-trường càng thêm náo-nhiệt. Một bên cố-gắng làm bàn, một bên cương-quyết giải vây. Trong khung gỗ, thủ-môn vẫn bình tĩnh như tin-tưởng rằng địch sẽ không tài nào chọc thủng lưới của mình được.

**TẬP NÓI CHUYỆN** .— *Khi hai đội banh dàn ra sân, ta nghe thấy gì?*

— *Ngay từ lúc đầu trận đấu đã thế nào? — Những ai reo hò, cổ võ? — Lúc nào cầu-trường thêm náo-nhiệt? — Thủ-môn tỏ ra thế nào?*

### HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : túc-cầu — cầu-thủ — thủ-môn — trọng-tài — giám-biên — khán-giả.

**Tính-từ** : (trận đấu) sôi-nổi — (thủ-môn) bình-tĩnh.

**Động-từ** : hãm thành — làm bàn.

**Thành-ngữ** : Chọc thủng lưới.

**GIẢI-NHĨA.** Túc-cầu: môn đá banh. Cầu-thủ: người chơi cầu, chơi banh. Thủ-môn: cầu-thủ giữ thành. Trọng-tài: (trọng: giữa; tài: phân xử) người đứng ra phân-định được thua trong một cuộc giao-đấu thể-thao. Giám-biên: (giám: trông coi; biên: bờ) người phụ-lực trọng-tài, phát cờ báo-hiệu mỗi khi trái banh ra khỏi lần vôi hoặc thấy một cầu thủ bị việt-vị (việt-vị: xuống quá vị-trí của mình khi banh chưa xuống). Sôi-nổi: náo-động. Bình-tĩnh: không rối-trí. Hâm thành: đem banh xuống thành địch và tìm cách đá vào khuôn gỗ. Làm bàn: thắng được một trái. Chọc thủng lưới: đá banh lọt vào lưới địch.

**BÀI TẬP.**—Mười ba giờ chiều cầu trường đã đông nghẹt. Tiếng còi của... vừa ré lên, hai đội banh ra sân. Sau khi chào khán-giả, các... bắt đầu giao-đấu. Trận đấu thật là... Các... cầm cờ chạy tới, chạy lui. Mỗi khi có một cầu-thủ... khán-giả cổ-vỗ nồng-nhiệt làm rung-động cả cầu-trường.

## Ngữ-vịng

### 2.- CÁC TRÒ CHƠI THỂ-THAO (tiếp theo)

#### BÀI ĐỌC.— **MỘT ĐẤU-THỦ BÓNG BÀN LỢI HẠI**

Thanh được chọn vào hội - tuyên bóng bàn trường anh để tham-dự đại-hội thể-thao học sinh toàn quốc. Thanh là cây vợt khá lợi-hại. Anh từng đấu giao-hữu với nhiều cây vợt xuất-sắc. Chưa một đấu-thủ nào chịu đựng nổi lối tấn-công ò-ạt của anh. Thủ-quân của đoàn hy-vọng Thanh sẽ đoạt giải quán-quân kỳ này.

**TẬP NÓI CHUYỆN.** — Vì sao Thanh được chọn vào hội tuyên bóng bàn của trường anh? — Thanh từng làm gì với nhiều cây vợt xuất-sắc? — Thủ-quân của đoàn hy-vọng gì ở Thanh?

#### HỌC TIẾNG

Danh-từ: đại-hội-thể-thao — hội-tuyên — đấu-thủ — thủ-quân — cây vợt.

Tính-từ: (cây vợt) xuất-sắc — (sức tấn-công) ò-ạt.

Động-từ: đấu giao-hữu — chịu đựng (lối tấn công).

Thành-ngữ: *Đoạt giải quán quân.*

**GIẢI NGHĨA.**—**Đội-hội thể-thao** : cuộc tranh tài về thể-thao có lực-sĩ các nơi về tham dự. **Hội tuyển** : (tuyển: chọn) đội thể-thao thành lập bằng cách chọn lựa những người giỏi. **Đấu-thủ** : người dự vào một cuộc tranh-đua. **Thủ-quân** : (thủ: đầu; quân: người làm chủ) người đứng đầu một đội cầu. **Cây vợt** : chỉ đấu thủ bóng bàn hay đấu thủ quần vợt (vì những người này dùng vợt để đánh banh). **Xuất-sắc** : đặc biệt, trái với tầm thường. **Sức tấn-công ð-ạt** : sức tấn công mạnh-mẽ, tới-tấp. **Đấu giao-hữu** : đấu để thù-tiếp nhau, không cốt được thua. **Đoạt giải quán quân** : chiếm giải đầu.

### BÀI TẬP.

- 1) Giải-nghĩa : cây vợt lợi-hại, đấu giao-hữu.
- 2) Kể những dụng-cụ về bóng bàn.
- 3) Phản-nghĩa với xuất-sắc là gì ?



**ĐÁNH VẬT**

1.— Đánh vật là một môn du-hí mà dân Việt xưa dùng để giải-trí trong thời bình và đem ứng-dụng trong thời loạn. Hầu hết các thanh-niên đồng quê đều có tập sơ qua vài miếng vật.

2.— Đã đánh khi vật phải dùng sức, nhưng muốn chế-ngự bên địch, sức khỏe không đủ, cần phải có nhiều miếng, đề ngang, đề đội đối-phương lên.

Trước khi vật, hai đối-thủ cùng nhau lên đài, múa tay ,co chân. Họ lừa nhau, rình nhau và sau một hồi, họ xông vào ôm lấy nhau.

Lúc vật, có lực-sĩ lỡ miếng, liền nằm bò sát đất, mặc cho đối phương vùn : lực.sĩ này chỉ bồng nhồm dậy khi đối-phương hờ-cơ.

3.— Người xem vật nhiều khi hồi-hộp như chính mình là lực-sĩ. Và đó-vật, trước muôn ngàn con mắt của khán-giả, ai cũng cố-công, gắng sức để thắng.

*Theo TOAN-ÁNH*

**GIẢI-NGHĨA.**— Du-hí : chơi đùa để mua vui. Ứng-dụng : đem dùng. Chế-ngự : thắng. Đối-phương : bên chống lại mình, bên địch. Vùn : lăn đi ; ở đây : lật ngửa lên. Hờ-cơ : sơ-ý.

**Ý-TUỞNG.** — Dân Việt mình xưa dùng môn vật để làm gì? — Muốn chế ngự bên địch, ngoài sức khỏe, đó vật còn cần phải có gì nữa? — Khi bị lỡ miếng, lực sĩ làm thế nào? — Người xem vật nhiều khi thấy thế nào? — Tại sao đó vật cố công, gắng sức để thắng?

**LỜI VĂN.**—Tìm trong bài tập đọc một danh từ ghép đồng nghĩa với «đối-phương». — Thay từ ngữ «đồng quê» bằng từ ngữ khác.

**DÀN BÀI**

1.— Dân mình xưa rất ưa đánh vật.

2.— Đánh vật, cần có sức khỏe và biết các thế đánh.

3.— Người xem vật cũng như người đánh vật đều thích-thú.

**ĐẠI-Ý.**—Đánh vật là một môn võ gây hào hứng cho cả người xem lẫn người đánh.

**PHÁT-ÂM.**—đánh vật — giải trí — rình nhau — bò sát đất

## Tập đọc — học-thuộc-lòng

### THỂ-THAO

- 1— Cuộc đời nổi sóng cạnh tranh,  
Chiếc thân hèn -yếu đua ganh thể nào ?  
Đồng-bào ơi, hỡi đồng bào,  
Vệ-sinh phải học, thể-thao phải cần.
- 2— Đánh đu, đá bóng, đánh quần,  
Thì tay xách nặng, thì chân chạy dài;  
Tập cho nở ngực, ngang vai,  
Tập cho khoẻ sức, cao người, cứng gân.
- 3— Thân mình đối với quốc-dân,  
Còn nhiều quan hệ đến tương-lai

ĐẶNG XUÂN QUỲNH



**GIẢI-NGHĨA.**—Đồng bào : (đồng : cùng; bào : cái bọc) ý nói người cùng một nước. Tương lai : (tương : sắp, lai : lại) sắp tới.

**Ý-TUỞNG** : Tác-giả kêu gọi đồng bào làm những việc gì ? — Kể các môn thể-thao mà tác-giả nói tới trong bài này. — Tập thể-thao có lợi gì ? — Tại sao thân mình có quan-hệ đến tương-lai của đất nước ?

**LỜI VĂN.**—Phân nghĩa với hèn yếu là gì ? — Tìm những từ ngữ chứng tỏ tập thể thao có lợi cho ta.

### DÀN BÀI

- 1— Ta phải học vệ-sinh và tập thể-thao.
- 2— Tập thể thao thì thân-thể khoẻ-mạnh, dẻo-dai.
- 3— Thân ta cũng có quan-hệ đến tương-lai của đất nước.

**ĐẠI Ý.**—Tác giả khuyên ta nên tập thể thao cho khoẻ mạnh và để giúp ích quốc gia.

**PHÁT-ÂM.**—Cạnh-tranh, vệ-sinh, nở ngực, ngang vai, khoẻ sức.



## Chánh-tà

### 1.— BÓNG BÀN VIỆT-NAM

Trong các đoàn tuyển-thủ của ta đã mang chuông đi dấm nước người, đoàn tuyển-thủ bóng bàn đã quảng-cáo nhiều cho xứ-sở.

Các danh-tài của ta đã nhiều lần đoạt giải quán-quân, rất vẻ-vang ở ngoại-quốc. Một đôi khi, không may phải họ vợt trước đoàn dũng-mãnh hơn, họ cũng nêu cao được gương tranh đấu đúng với tinh-thần thượng-võ.

Đoàn bóng bàn Việt-nam đạt được thành-tích như vậy là nhờ ở tài khéo léo của nhà diu-dắt và nhất là ở sự chuyên-cần luyện-tập của các tuyển-thủ.

**GIẢI-NGHĨA.**— Tuyển-thủ : người được lựa chọn vào một hội tuyển. Họ vợt : ý nói bị thua — Tinh-thần thượng võ : (thượng : chuộng) lòng chuộng võ dũng, chuộng sự hào-hùng.

**CÂU HỎI.**— Đoàn tuyển-thủ của ta về môn nào đã quảng-cáo nhiều cho xứ-sở? — Ở ngoại quốc, các danh-tài bóng bàn của ta đã làm được việc gì? — Khi không may bị thua họ cũng đã nêu được gì? — Đoàn bóng bàn của ta đạt được thành-tích nhờ đâu?

**ĐẠI Ý.**— Đoàn bóng bàn của ta đã quảng-cáo nhiều cho xứ-sở, nhờ các thành-tích đạt được.

**NHẬN XÉT CHÍNH TÀ.**—Xứ sở, đoạt giải, gương tranh-đấu.

**CÂU HỎI CHÍNH TÀ.**—

1— Giới nghệ-ta : danh-tài, nhà diu-dắt, tuyển-thủ.

2— Đại ý bài này nói gì?

3— Phán-ngiã với chuyên-cần là gì?

4— Trong tiếng « Việt-nam » những mẫu-tự nào là nguyên âm? phụ-âm?

## Chánh-tà

### 2.— ĐÁNH VẬT

Viết từ, « trước khi vật » đến « đề thắng »

## Văn-phạm

### ĐẤU GIỌNG

Mỗi thanh không dấu của tiếng Việt thường có thể biến thành năm thanh khác nữa nhờ năm dấu giọng, /, \, ˆ, ~, ˙.

Thí-dụ : *lanh* có thể biến thành : lánh, lảnh; lảnh, lảnh, lảnh.

Những dấu giọng rất quan-hệ, nếu viết một tiếng mà bỏ sót dấu hay bỏ sai dấu, nghĩa của tiếng đó sẽ bị sai-lạc đi.

**BÀI TẬP.**—Đưa ra một thí-dụ tỏ rằng một tiếng bỏ sót dấu hay bỏ sai dấu giọng, nghĩa sẽ khác hẳn đi.

## Tập làm văn

**Hãy tả bàn giấy của thầy (cô) giáo em.**

I.— **MỞ BÀI :** Bàn đặt ở chỗ nào trong lớp ?

II.— **THÂN BÀI :** 1— Hình dáng tổng-quát : màu sắc, làm bằng gì ? kích thước.

2— Các bộ phận : mặt bàn, chân, hộc bàn; ghế.

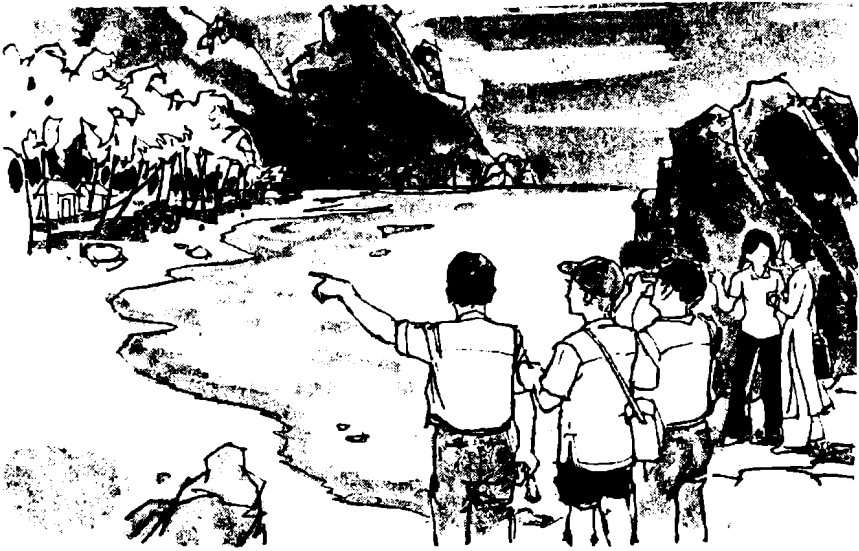
3— Những đồ dùng bày trên bàn : sổ, sách, bút, mực, thước, phấn, vân vân.

III.— **KẾT LUẬN :** Cảm-tưởng của em.

## Tập viết

Chữ hoa (chữ khò lớn, vừa và nhỏ)

G. Góp giờ thành bão



**Ngữ-vựng**

**TUẦN LỄ**

**4**

### I.— DU-NGOẠN

**BÀI ĐỌC.**— Các em học-sinh ! Có một cách giải-trí rất bổ-ích là du-ngoạn. Các em nên đi thăm các danh-lam thắng-cảnh trong vùng. Các em sẽ thích-thú với những phong-cảnh ngoạn-mục. Những cuộc tiếp-xúc với dân địa-phương sẽ giúp các em mở rộng kiến-vấn. Các em sẽ thấy rằng ngắm cảnh đẹp, khảo-sát các di-tích lịch-sử, chuyện trò với người xa-lạ, là lối học thiết-thực nhứt đối với du-khách.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Có một cách giải-trí rất bổ-ích là gì ? — Các em nên đi thăm những gì ? Những cuộc tiếp-xúc với dân địa-phương sẽ giúp các em điều gì ?*

### HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : danh-lam thắng-cảnh — phong-cảnh — di-tích lịch-sử — du-khách — kiến-vấn.

**Tính-từ** : bổ-ích — ngoạn-mục.

**Động-từ** : khảo-sát — du-ngoạn.

**Cách-ngôn** : *Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.*

**GIẢI NGHĨA** .— **Du-ngoạn** : (du : đi chơi, ngoạn : xem ngắm).  
 đi chơi ngắm cảnh. **Danh-lam thắng-cảnh** : (lam : chùa thờ Phật)  
 chùa chiền nổi tiếng, cảnh đẹp. **Phong-cảnh** : cảnh trí đẹp.  
**Di-tích** : (di : để lại, tích : dấu vết) dấu vết còn để lại. **Kiến-văn** :  
 (kiến : trông thấy, văn : nghe) điều tai nghe mắt thấy, sự hiểu  
 biết. **Ngoạn-mục** : (ngoạn : lấy làm thích, mục : mắt) thích mắt.  
**Khảo-sát** : xem xét, tìm tòi để hiểu biết. **Đi một ngày đàng, học  
 một sàng khôn** : (sàng : vật đan bằng tre, dùng để tách trấu ra  
 khỏi gạo vừa xay) đi du ngoạn học được nhiều điều khôn.

## BÀI TẬP

Du-ngoạn là một cách giải-trí rất . . . . . Đi du-  
 ngoạn, . . . . có dịp viếng thăm những . . . lam. . .  
 cảnh. Ngoài ra, còn có dịp tiếp-xúc với dân địa-phương để  
 mở rộng. . . . Bởi vậy, có câu : « . . . . ».

## Ngữ-vựng

### 2.— DU-LỊCH

**BÀI ĐỌC**.— Ông Năm sang thăm Nhật-bản. Trước hết, ông  
 lo xin giấy thông-hành, rồi thu xếp hành-lý để lên đường. Nhờ  
 những phương tiện giao-thông tối-tấn, cuộc hành-trình của ông  
 không có gì vất-vả. Tới nơi, ông mướn một người hướng-đạo  
 thành-thạo để họ đưa đi thăm các danh lam thắng cảnh. Ông  
 được tai nghe, mắt thấy bao nhiêu điều mới lạ và bổ ích.

**TẬP NÓI CHUYỆN**.— Trước khi du-lịch, ông Năm sắp soạn  
 những gì ? — Nhờ phương-tiện giao-thông tối-tấn, cuộc hành-trình của  
 ông Năm thế nào ? — Ông Năm mướn người hướng-đạo để làm gì ?

## HỌC TIẾNG

**Danh từ** : du-lịch — hành-lý — giấy thông-hành — cuộc  
 hành-trình — người hướng-đạo.

**Tính từ** : (cuộc hành trình) vất-vả — (người hướng-đạo)  
 thành-thạo.

**Động từ** : đi du-lịch — xin (giấy thông-hành).

**Thành ngữ** : — Tai nghe, mắt thấy.  
 — Thuận buồm, xuôi gió.

**GIẢI NGHĨA :** Du-lich : (du : đi chơi ; lịch : trải qua) đi chơi, thường là đi xa, để xem xét. Hành-lý : (hành : đi ; lý : đồ đem đi đường) đồ dùng đem đi đường. Hành-trình : đường đi từ nơi nọ tới nơi kia. Giấy thông-hành : giấy chánh-quyền cấp cho người đi ra nước ngoài. Người hướng-đạo : người dẫn đường. Thuận buồm xuôi gió : ý nói đi được bằng an.

## BÀI TẬP

- 1.— Giải-nghĩa : Cuộc hành-trình, người hướng-đạo.
- 2.— Du-lich và du-ngoạn khác nhau thế nào ?
- 3.— Tiếng du trong du-lich nghĩa là gì ? Tìm 2 tiếng ghép có tiếng du như vậy.

### Tập đọc

## QUA NINH-THUẬN

1.— Tôi đi sâu vào tỉnh Ninh-thuận.

Trong nắng ấm của buổi mai đẹp trời, con đường nhựa từ từ dẫn con « ngựa sắt » của tôi hướng về phía Ninh-chữ, một thôn xóm nằm trên một bờ cỏ có nhiều thông già vi-vút.

Về mùa hạ, hướng về phía này, du khách thỉnh-thoảng có dịp gặp những xe ngựa, xe hơi hoặc xe bò chở đầy những dưa hấu. Trái nào trông cũng tròn-trĩnh, dễ thương, ngon lành...

2.— Nhưng rồi du-khách cũng có dịp ngạc-nhiên quá đỗi, khi biết rõ rằng vùng sản-xuất ra những quả dưa hình dáng kiểu-diêm kia, với phẩm-chất ngon lành kia, lại là một vùng toàn cát là cát. Mới nhìn, có cảm tưởng như đây là bãi sa-mạc khô-khan bên xứ Ả-rập. Nhưng nếu ở Ả-rập, người ta có dịp ngắm những cây chà-là xanh mượt bên bờ nước, thì ở đây, du khách chỉ thấy toàn là cây hoang cằn-cỗi, vàng úa.

### HUYỀN-TẤN

**GIẢI NGHĨA.** —Vi-vút : tiếng reo của lá thông khi có gió thổi qua. Sản-xuất : làm ra ; ở đây : trồng được. Kiểu-diêm : xinh đẹp lắm. Phẩm-chất : tinh chất riêng, tốt hay xấu của một vật.

**Y TƯỞNG.** — Tác-giả dùng phương-tiện gì để đi sâu vào tỉnh Ninh-thuận ? — Về mùa hạ, đến Ninh-thuận, du-khách thường gặp những gì ? — Mới nhìn Ninh-thuận, tác-giả có cảm-tưởng gì ? — Cây-cối ở vùng Ninh-thuận thế nào ?

LỜI VĂN. — « Con ngựa sắt » ở đây là cái gì ? — Tác-giả dùng những tiếng gì khiến cho ta thích quá đũa hấu ? — Tác-giả dùng những tiếng nào để tả cảnh cần-cối của Ninh-thuận ?

DÀN BÀI.—1.— Tác-giả đi vào tỉnh Ninh-thuận.

2.— Đất-đai và thổ-sản của Ninh-thuận.

ĐẠI Ý.—Đất-đai Ninh-thuận cần-cối, nhưng Ninh-thuận sản-xuất được đũa ngon.

PHÁT-ÂM.—Đi sâu vào — vi-vút — tròn-trĩnh — ngon lành

## Tập-đọc — học-thuộc-lòng

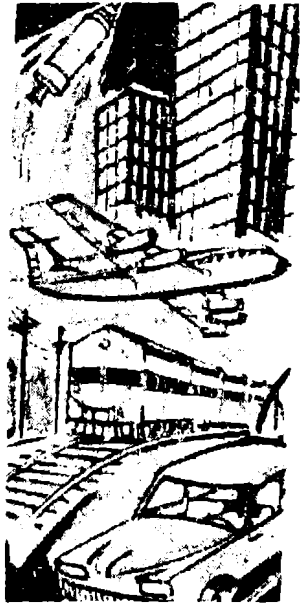
### ĐI XA BIẾT RỘNG

- 1.— Nam nhi mắc nợ tang-bồng,  
Đọc ngang trời rộng, vẫy vùng bề khơi,  
Đưa nhau lên chốn võ-đài,  
Văn-minh tiến bộ, cùng người chen đua.
- 2.— Ai đi khắp mặt địa-cầu ?  
Phi-châu ai kiếm ? Mỹ-châu ai tìm ?  
Nguyệt-cầu còn kẻ muốn lên,  
Mở miền Nam-cực, thăm miền Bắc-dương.  
Quần bao nguy-hiềm, gian-nan,  
Chỉ bền vững chí, gan càng chắc gan.
- 3.— Quanh quanh trong xóm trong làng,  
Ếch ngồi đáy giếng thấy đàng đi đâu...

DƯƠNG BÁ TRẠC

GIẢI-NGHĨA.—Nợ tang-bồng : ý nói người con trai phải đi đây đi đó. Võ-đài : ý chỉ nơi tranh đua. Văn-minh : đã có trình độ tiến-hóa cao. Gian-nan : khờ-sờ, khó-khăn. Ếch ngồi đáy giếng : ý nói người không nhìn xa thấy rộng.

Ý TUỞNG. — Chi-khi của người con trai là phải thế nào ? — Kể những gương mạo-hiềm trong bài này — Tác-giả vi ai với con ếch ngồi đáy giếng ?



LỜI VĂN. — Thay « địa-cầu », « nguyệt-cầu » bằng những tiếng nôm. — Trái nghĩa với « văn-minh » là gì ? — Tìm một câu tục-ngữ ý nói có chí thì sẽ thành-công.

- DÀN BÀI : 1.— Làm trai phải tranh-dua với đời.  
2.— Những tấm gương mạo-hiêm.  
3.— Không đi thì không biết rộng.

ĐẠI Ý.—Có đi xa mới rộng tầm con mắt.

PHÁT ÂM :—**v**ẫy **v**ùng — **v**ầu **m**inh — **ng**uy **h**iếm  
— **è**ch ngồi **d**ây **gi**ống.

## Chánh-tả

### I.— ĐI TẮM BIỂN

Một đoàn hơn bốn mươi chiếc xe đạp, bon-bon trên đường trải nhựa. Ai cũng mong rời đây sẽ được nô-dùa với sóng biển.

Một giờ sau, đã nghe tiếng sóng vỗ ãm.ãm. Ở phía chân trời, lờ-mờ hiện ra những rặng phi-lao cao.vút.

Đến nơi, cả đoàn du-ngoạn đi gửi xe rồi vui.vẻ kéo ra bãi biển mênh-mông. Từ ngoài khơi, những ngọn sóng bạc đầu gào thét, đuđi nhau, chạy xô vào bờ. Chúng tôi reo mừng vì được đùa giỡn với sóng lam, cát trắng.

Theo VĂN TRÌNH  
(Tiểu học Nguyệt San)

GIẢI-NGHĨA.—Bon-bon : chạy nhanh. Phi-lao : thứ cây thuộc loài thông, thân cao, lá nhỏ, mà người ta thường trồng ở bãi biển. Sóng bạc đầu : sóng to có ngọn trắng xóa.

CÂU HỎI. — Đoàn người đi du-ngoạn đi thuyền bằng gì ? — Khi gần tới biển, người ta nghe và nhìn thấy gì ? — Đến nơi cả đoàn du-ngoạn kéo nhau ra đâu ? — Tại sao họ reo mừng ?

ĐẠI Ý.—Một đoàn người dùng xe đạp để đi tắm biển.

NHẬN XÉT CHÁNH TẢ.—trải, rặng phi lao, cao vút, gào thét, đùa giỡn.

## CÂU HỎI CHÁNH TẢ

- 1.— Giải-nghĩa : cao-vút, mệnh-mông, ngoài khơi.
- 2.— Khi nào đoàn người đi du ngoạn biết là sắp tới bãi biển.
- 3.— Phản-nghĩa với « lò-mò » là gì ?
- 4.— Tìm những dấu giọng trong câu thứ nhất bài chánh tả.

### Chánh-tả

#### 2.— QUA NINH-THUẬN

Viết từ : « Tôi đi sâu vào » đến « ngon lành ».

### Văn-phạm

#### DẤU PHẪY

Dấu phẩy cũng gọi là dấu phết (,)

Dấu phẩy dùng để :

1) Phân cách những danh-từ, tính-từ, động-từ... đi liền nhau, thí-dụ :

— (danh-từ) Những môn thể-thao là : bóng bàn, bóng chuyền, bóng rổ, quần vợt...

— (tính-từ) Cái cặp của tôi mịn, mềm-mại, láng như gương.

— (động-từ) Học sinh chạy, nhảy, ca hát, reo hò thật vui-vẻ.

2) Ngắt câu ra từng đoạn, mỗi đoạn thường là một mệnh-đề.

Thí dụ : Trời hừng sáng, các thứ tiếng động như cùng dậy một lượt : tiếng người ồn-ào, tiếng động cơ ầm-ì, tiếng rao quà lanh-lảnh.

3) Sau một từ-ngữ hay đoạn câu chỉ thời gian, nơi chốn, duyên cớ... cũng có dấu phẩy.



- Thí dụ : — Hôm qua, tôi nghỉ học.  
— Ở Hà-Tiên, có đời mới.  
— Ba ham chơi. Bởi thế, nó dốt.

**BÀI TẬP :** Giải-thích những dấu phẩy trong câu « từ ngoài khơi... xô vào bờ », ở bài chính-tả 1.

## **Tập làm văn**

**Em có nhiều đồ chơi, hãy tả cái mà em thích nhất.**

### DÀN BÀI

**Mở bài :** Em có những đồ chơi gì ? Em thích nhất cái nào ?

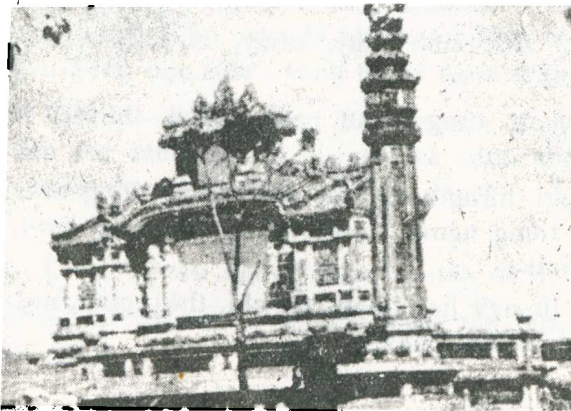
**Thân bài :** 1) Hình dáng, màu sắc, làm bằng gì ? cỡ ?  
2) Tả từng phần.  
3) Nói những lý-lẽ làm cho em thích cái đồ chơi ấy.

**Kết luận :** Nói cách giữ-gìn.

## **Tập viết**

Chữ hoa (chữ khở lớn, vừa và nhỏ).

*E, Ech ngồi đáy giếng*





**Ngữ-vựng**

**TUẦN LỄ**

**5**

## I. — CÁC BẬC HỌC

**BÀI ĐỌC.**— Năm nay tôi lên mười. Tôi sắp học xong **bậc tiểu-học**. Sang năm, tôi lên **bậc trung-học đệ nhất cấp**. Sau đó bốn năm, tôi lên **bậc trung-học đệ nhị cấp**. Học ba năm nữa, đậu tú-tài I, tú-tài II, rồi tôi lên **bậc đại-học**. Từ đây, tôi bước vào bậc học **chuyên-khoa**; tùy môn chọn, tôi sẽ học từ ba đến bảy năm là thành tài.

Bề học **mệnh-mông** thật, nhưng nếu ta thành-**khôn cầu học** thì, **tốt-nghiệp đại-học**, ta cũng chưa quá hăm lăm tuổi.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Bậc tiểu-học gồm những lớp nào? — Bậc trung-học có mấy cấp? Kê ra. — Kê những lớp của bậc trung-học đệ nhất cấp — Bậc trung-học đệ nhị cấp gồm những lớp nào? — Muốn lên đại-học, phải có bằng cấp gì?*

### HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : bậc tiểu-học — bậc trung-học đệ-nhất-cấp — bậc trung-học đệ-nhị-cấp — bậc đại-học.

**Tình-từ** : (bề học) mệnh-mông — (bậc học) chuyên khoa, phổ-thông.

**Động-từ** : Cầu học — tốt-nghiệp (đại-học).

**Văn-liệu**.— *Thành-khôn cầu học.*

**GIẢI-NGHĨA** : **Phân-khoa** (phân : chia ; khoa : môn) ban đại-học chuyên về một môn, như luật-khoa, y-khoa, văn khoa... **Chuyên-khoa** : Chuyên dạy về một khoa, một môn. **Phổ-thông** : (phổ : khắp ; thông : chung cả) dạy cho người ta những điều hiểu biết thông thường đủ loại. **Tốt-nghiệp** : học xong một bậc học và đạt được kết-quả. **Thành-khản cầu học** : thật lòng muốn học.

## BÀI TẬP

- 1.— **Giải-nghĩa**.— *bậc chuyên-khoa, tốt-nghiệp.*
- 2.— Nếu sáu tuổi em vào lớp 1 và nếu em học giỏi thì bao nhiêu tuổi em sẽ đỗ tú-tài toàn phần ?
- 3.— Tại sao ta phải *thành-khản cầu học* ?

## Ngữ - vựng

### 2.— CÁC BẬC HỌC (tiếp theo)

**BÀI ĐỌC**.— Mỗi ngày nào, Việt còn rụt-rè theo mẹ tới lớp mẫu-giáo. Thế mà nay, nó đã lên lớp năm rồi ! Việt đã được những giáo-viên tận-tâm dạy—dỗ, được thấy ông hiệu-trưởng luôn luôn bận-rộn với công việc nhà trường. Việt đã làm quen với những chú lao-công hiền-lành. Hằng ngày, Việt cùng học-tập với những học-sinh ngoan-ngoãn và chăm-chỉ.

Không bao giờ Việt quên rằng trường tiểu-học là nơi đầu tiên dạy dỗ em nên người.

**TẬP NÓI CHUYỆN**.— *Mới bắt đầu đi học thì em học ở trường bậc nào ? — Những thầy, cô dạy ở trường tiểu-học, gọi là gì ? — Người đứng đầu một trường tiểu-học gọi là gì ? — Em nên chơi với những người bạn thế nào ?*



## HỌC TIẾNG

**Danh - từ** : lớp mẫu - giáo — trường tiểu-học — giáo-viên — hiệu-trưởng — lao-công — học-sinh.

**Tính - từ** : (giáo-viên) tận-tâm — (học-sinh) chăm-chỉ, ngoan-ngoãn.

**Động - từ** : học-tập — dạy-dỗ.

**Cách-ngôn** : *Tiền học lễ, hậu học văn.*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Lớp mẫu-giáo** : lớp dạy trẻ con chưa đủ tuổi vào lớp một trường tiểu-học. **Trường tiểu-học** : trường dạy các trẻ em từ lớp một tới lớp năm. **Giáo-viên** : thầy-giáo dạy ở bậc tiểu-học. **Hiệu-trưởng** : (hiệu : trường ; trưởng : đứng đầu) người đứng đầu một trường học. **Lao-công** : người trông coi, quét dọn ở trường. **Tận-tâm** : hết lòng. **Tiền học lễ, hậu học văn** : học lễ-phép trước, rồi mới học văn bài.

### BÀI TẬP

- 1.— **Giải-nghĩa** : trường mẫu-giáo, giáo-viên, hiệu-trưởng tận-tâm.
- 2.— Trường tiểu-học có những lớp nào ?
- 3.— Tìm tiếng phản-nghĩa với « chăm-chỉ ».

**TÔI ĐI HỌC**

1.— Hằng năm, cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và, trên không, có những đám mây bàng-bạc, lòng tôi lại nao-nức những kỷ-niệm hoang-mang của buổi tựu-trường.

2.— Tôi quên thế nào được những cảm-giác trong-sáng ấy, nảy-nở trong lòng tôi như mấy cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang-đáng. Những ý-tưởng ấy, tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi chưa biết ghi và ngày nay, tôi không nhớ hết; nhưng mỗi lần thấy một em nhỏ rụt-rè theo mẹ lần đầu tiên đi đến trường, tôi lại thấy lòng tung-bình rộn-rã.

3.— Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu-yếm nắm tay tôi, dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự-nhiên tôi thấy lạ. Cảnh-vật xung-quanh tôi đều thay đổi, vì chính trong lòng tôi đang có sự thay-đổi lớn : hôm nay tôi đi học.

*Theo THANH TỊNH*

**GIẢI-NGHĨA.**— Nao-nức : rộn-ràng, xốn-xang — Hoang-mang : sợ-sệt và bối-rối — Cảnh-vật : những gì bày ra trước mắt ta.

**Ý-TƯỞNG.**— *Cứ vào cuối thu, tác-giả lại nhớ tới gì ? — Tại sao ngày mới đi học, tác-giả không ghi những ý-tưởng của mình lên giấy ? — Mỗi lần thấy một em nhỏ rụt-rè theo mẹ đến trường, tác-giả lại thấy lòng mình thế nào ? — Tại sao, lần đầu tiên đi học, tác-giả thấy cảnh-vật thay đổi ?*

**LỜI VĂN.**— *Tìm trong câu thứ nhất, những từ - ngữ nói đặc-điểm của mùa thu. — Tiếng nào trong bài cho ta biết là tác-giả đi học lần đầu tiên ở trường làng ?*

## DÀN BÀI

- 1.— Cứ vào cuối thu, tác-giả lại nhớ đến buổi tựu-trường đầu tiên.
- 2.— Tác-giả không nhớ hết những kỷ-niệm về buổi tựu-trường ấy.
- 3.— Tác-giả gọi lại vài kỷ-niệm về buổi học đầu tiên.

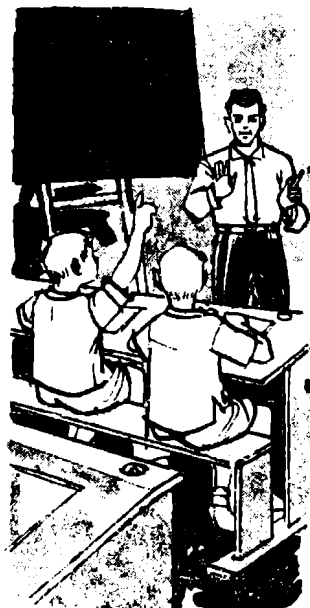
ĐẠI-Ý.—Cứ vào cuối thu, tác giả-lại nhớ đến buổi học đầu tiên của mình.

PHÁT-ÂM.—Lá rụng — bàng-bạc — nao-nức — rụt-rè

## Tập-đọc — học-thuộc-lòng

### PHẢI BIẾT HỌC

- 1— Có những kẻ tuổi còn niên-thiếu.  
Mà tinh-thần già yếu, thương thay!  
Lòng không hề biết hăng say,  
Việc đời hay, dở, đều ngáy mặt nhìn.
- 2— Ấy thuở nhỏ không siêng học-hỏi,  
Chỉ mặc cho thầy nói, bạn thưa,  
Chớ hề bàn-luận bao giờ,  
Bài dù không hiểu, ăm ừ cho qua.  
Quen lì mãi, lòng ra lạnh nhạt,  
Rồi lớn lên nhút-nhát, ngại lời,  
Dở hay gì cũng bướng xúi,  
Đóng vai thụ-động mặc người lo-toan.
- 3— Hỡi em nhỏ ngày xanh đương ngát  
Hãy mở tai, mở mắt, mở mồm,  
Nghe, trông và học cho khôn,  
Nói cho ra lẽ thiệt hơn ở đời.



NGỌC-TUYẾN

**GIẢI-NHĨA** : Tuổi niên-thiếu : tuổi dưới 20. Bàn-luận : bàn cãi để tìm ra lẽ phải. Li : trơ ra. Buông xuôi : để mặc ai muốn làm gì thì làm. Thu-động : chịu nhận việc làm của người, khác chứ không phải tự mình làm. Lo-toan : tính-toán xếp đặt công việc.

**Ý-TUỜNG.** — Tác giả có ý chê hạng người nào ? — Theo tác-giả, tại sao mà hạng người này trở nên như vậy ? — Tác-giả khuyên ta phải học hỏi thế nào ?

**LỜI-VẤN** : — Tìm những tiếng phản nghĩa với « nhút-nhút », « tự-do », « thụ-động ». — Tìm một ca-đạo hay tục-ngữ có tiếng « học ».

**DÀN BÀI** : 1. — Chê hạng tuổi trẻ thụ-động.

2. — Lý-do khiến họ trở nên thụ-động.

3. — Khi học, phải biết nghe, trông và hỏi.

**ĐẠI-Ý.** — Học-sinh phải biết nghe, trông, và đối-đáp với thầy, bạn thì mới mau tiến-bộ.

**PHÁT ÂM.** — Niên-thiếu — thương thay — hăng say — siêng học

## Chánh-tà

### I. — BUỔI HỌC ĐẦU TIÊN

Sau một hồi trống thúc vang-dội, mấy người học trò cũ sắp hàng dưới hiên rồi đi vào lớp.

Một mùi hương lạ xông lên trong phòng học. Trông hình gì treo trên tường, tôi cũng thấy lạ và hay-hay. Tôi nhìn bàn ghế chỗ tôi ngồi rất cẩn thận rồi tự nhiên lợm nhộm là vật riêng của tôi. Tôi nhìn người bạn tí-hon ngồi bên tôi, một người bạn tôi chưa hề biết, nhưng lòng tôi không cảm thấy xa lạ chút nào. Sự quyến-luyến ấy tự-nhiên và bất-ngờ quá, đến nỗi tôi cũng không dám tin là có thật.

THANH-TỊNH





**GIẢI NGHĨA.** — **Lạm nhận** : nhận quá giới-hạn của mình.  
**Quyến luyến** : thương-yêu, quyến-quít.

**CÂU HỎI.**— Sau một hồi trống, mấy người học-trò cũ làm gì ? — Trông hình gì treo trên tường, tác giả cũng thấy thế nào ? — Nhìn người bạn tí-hon bên cạnh, tác-giả có cảm-nghĩ gì ?

**ĐẠI-Ý.**—Tác-giả thuật lại buổi học đầu tiên của mình lúc còn nhỏ.

**NHẬN XÉT CHÍNH-TẢ.**— **vang-dội, xông lên, lạm nhận, quyến-luyến.**

**CÂU HỎI CHÍNH-TẢ.**—

- 1) Giải-nghĩa : hiên, xông lên, bất-ngờ.
- 2) Đại ý bài này nói gì ?
- 3) Phản nghĩa với « tí-hon » là gì ?
- 4) Trong bài chính-tả có bao nhiêu dấu phẩy ?



## Chánh-tà

### 2.— TÔI ĐI HỌC

Viết đoạn 1 và đoạn 3 bài tập đọc.

## Văn-phạm

### DẤU CHẤM CÂU (tiếp theo)

Dấu chấm (.)

Viết xong mỗi ý là làm xong một câu, phải đánh dấu chấm. Hãy đọc đoạn văn sau đây :

« Tôi học trường X. Muốn vào trường tôi, phải đi hết một đường hầm khá dài. Trường tôi gồm ba dãy nhà lầu mới xây và ba dãy nhà trệt đã cũ ».

Ta thấy đoạn văn này gồm 3 câu :

— Câu thứ nhất có ý giới-thiệu trường X.

— Câu thứ nhì nói tới lối vào trường.

— Câu thứ ba nói về các dãy nhà của trường.

Mỗi câu nói lên một ý nên phải ngắt ra bằng dấu chấm.

Sau dấu chấm, phải viết hoa.

### BÀI TẬP

Đọc bài chính tả, « Buổi học đầu tiên » và đếm những dấu chấm, cùng những chữ viết hoa sau dấu chấm.

## Tập làm văn

### TẢ CÂY CỐI

CHỈ DẪN :

Phần mở bài : Giới thiệu cây ta sắp tả (xem lại bài tả đồ vật.)

**Phần thân bài :** Tả hình dáng cây : tốt-tươi hay cần-cỗi ? giống hình cái gì (nếu có)? cao chừng bao nhiêu? Rồi tả từng phần : gốc, thân, cành, lá, hoa, quả (nếu có). Nếu cây phải tả « quen thuộc » đối với ta thì có thể nói đến sự thay đổi của nó theo từng mùa (thời kỳ ra hoa, kết trái, mùa rụng lá...). Sau đó, nói đến ích lợi của cây. Cũng nên biết là có nhiều thứ cây, thứ hoa, còn có ý-nghĩa tượng-trưng, như cây trúc tượng-trưng cho người quân-tử, hoa-sen tượng-trưng cho vẻ cao-quý, trong sạch, cây liễu tượng-trưng cho vẻ yếu-đuối, mềm-mại...

**Phần kết luận :** Nói cảm-tình của mình đối với cây ấy, hoặc ý-nghĩ, kỷ-niệm mà cây ấy gợi ra cho mình.

### DÀN BÀI CHUNG

- I.— Mở bài :** Giới-thiệu cây mình sắp tả : cây gì ? ở đâu ? khi nào ?
- II.— Thân bài :** 1) Hình dáng : vẻ, cao chừng...  
2) Tả từng phần : Gốc, thân, cành, lá, hoa, trái (nếu có).  
3) Ích lợi.
- III.— Kết-Luận :** Nói ý-nghĩ hay cảm-tình, hay kỷ-niệm.
- ĐỀ :** Nhà em có trồng một cây mận, hãy tả ra.
- I.— Mở Bài :** Cây mận trồng ở chỗ nào ? từ bao giờ ?
- II.— Thân Bài :** 1) Hình-dáng : vẻ, cao chừng...  
2) Các phần : gốc, thân, cành, lá, hoa, trái.  
3) Ích-lợi : cho bóng mát, trái ngon, làm cho cảnh nhà thêm đẹp.
- III.— Kết-Luận :** Cảm-tình của em đối với cây ấy, hoặc : ý-nghĩ, kỷ-niệm mà cây ấy gợi ra cho em.

**Tập viết**

Chữ hoa (chữ khò lớn, vừa và nhỏ).

Ô, Ôn có tri tân.



**Ngữ-vựng**

**TUẦN LỄ**

**6**

### **I.— CÁC BẬC HỌC (tiếp theo)**

**BÀI ĐỌC :** .....ngày....tháng....

Nam thân-mến,

Qua năm nay, em sẽ bước lên bậc trung-học. Em sẽ thấy trường trung-học khác xa trường tiểu-học : mỗi lớp có nhiều giáo-sư phụ-trách ; ban giám-đốc gồm hiệu-trưởng, giám-học, tổng giám-thị và nhiều giám-thị. Sau này, lên bậc đại-học, em còn thấy nhiều cái mới lạ nữa. Ở bậc đại-học, có nhiều phân-khoa, mỗi phân-khoa do một khoa-trưởng điều-khiển. Lên bậc đại-học, em sẽ là sinh-viên chứ không còn là học-sinh nữa.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Học hết bậc tiểu-học, em sẽ học lên bậc học nào ? — Ban giám-đốc một trường trung-học gồm những vị nào ? — Người điều-khiển một phân-khoa đại-học gọi là gì ? — Người theo học bậc đại-học gọi là gì ?*

## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : trường trung-học — phân-khoa đại-học — giám học — giám-thị — tổng-giám-thị — giáo-sư — khoa-trưởng — sinh-viên.

**Tính-từ** : (giáo-sư) lỗi lạc — (sinh-viên) ưu-tú.

**Động-từ** : phụ-trách — điều-khiển.

**Tục-ngữ** : học thầy chẳng tầy học bạn.

**GIẢI-NGHĨA.** — Trường trung-học : trường ở bậc trên trường tiểu-học. Phân-khoa đại-học : trường dạy khoa chuyên-môn dành cho những người có tú-tài toàn phần. Giám-học : viên chức ở trường trung-học, chuyên xem xét về việc giảng-dạy của giáo-sư và việc học của học-sinh. Giám-thị : viên chức coi về kỷ-luật trong trường. Tổng giám-thị : người đứng đầu ban giám-thị. Giáo-sư : thầy dạy ở bậc trung hay đại-học. Khoa-trưởng : người đứng đầu một phân-khoa đại-học. Sinh-viên : người theo học bậc đại-học. Lỗi-lạc : giỏi khác thường. Ưu-tú : (ưu : tốt nhất ; tú : đẹp) giỏi-giang nhất. Phụ-trách : (phụ : mang ; trách : phạt sự) : giữ phạt-sự dạy-dỗ, hướng-dẫn. Điều-khiển : sắp-đặt và lo-liệu cho mọi việc chạy đều.

## BÀI-TẬP

- 1.— Giải nghĩa : *giám-học, giám-thị.*
- 2.— Người học ở bậc đại-học gọi là gì ?
- 3.— « Trường » trong danh-từ ghép « khoa trưởng » nghĩa là gì ? — Tìm 3 danh-từ ghép có tiếng « trưởng » như thế.



Cơ-quan lãnh-đạo việc giáo-dục toàn-quốc hiện nay gọi là Bộ Giáo-dục. Dưới quyền Bộ, có Tổng Nha Trung Tiều-học và Bình-dân giáo-dục, các viện đại-học, các ty tiều-học. Các cơ-quan giáo-dục này giúp sức Bộ để trông coi việc học, tuyển giáo-chức và nhất là cải-tiến chương-trình giáo-dục cho hợp với sự tiến-bộ của dân-tộc. Người ta tin tưởng rằng với sự cố-gắng và tinh-thần trách-nhiệm, các nhà lãnh-đạo giáo-dục sẽ vạch ra một chương-trình giáo-dục hoàn-bị, một đường-lối giáo-dục sáng-suốt để dlu.đặt con em trong việc học.

TẬP NÓI CHUYỆN.— Cơ-quan nào lãnh-đạo việc giáo-dục toàn quốc ? — Dưới quyền Bộ Giáo-dục có những cơ-quan nào ? — Các cơ-quan giáo-dục có nhiệm-vụ gì ?

**HỌC TIẾNG**

Danh-từ : Bộ Giáo-dục — Tổng Nha Trung Tiều-học và Bình-dân Giáo-dục — Viện đại-học — ty tiều-học — cơ-quan giáo-dục.

Tính-từ : (chương-trình) hoàn-bị — (đường-lối giáo-dục) sáng-suốt.

Động-từ : lãnh-đạo — cải-tiến (chương-trình).

Cách-ngôn : *Có học phải có hạnh.*

GIẢI-NGHĨA. - Bộ Giáo-dục : cơ-quan lãnh-đạo việc giáo-dục trong toàn-quốc. Tổng Nha Trung Tiều-học và Bình-dân giáo-dục : cơ-quan trông coi riêng về việc học ở bậc trung học, tiều-học và ngành bình-dân giáo-dục. Viện đại-học : cơ-quan điều-khiển các trường đại-học. Ty tiều-học : cơ-quan đứng đầu ngành tiều-học trong một tỉnh. Cơ-quan : (cơ : máy ; quan : then) nghĩa đen : máy-móc và then chốt. Cơ-quan giáo-dục : bộ-phần của chính-phủ, coi về việc giáo-dục. Hoàn-bị : đầy đủ,

trộn vụn. **Lãnh-đạo** : dẫn đường, đi-dắt. **Cải-tiến** : sửa đổi cho được tiến-bộ. **Có học phải có hạnh** : người có học cần phải trau-giỏi hạnh-kiểm.

**BÀI TẬP**            Điều vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

Cơ-quan lãnh-đạo việc giáo-dục toàn-quốc là . . . . .  
Trông coi ngành tiểu-học trong một tỉnh thì có . . . . .  
Các ty tiểu-học, các trường trung-học cũng như các lớp bình-dân giáo-dục đều thuộc quyền điều-khiển của Tổng Nha .  
. . . . . Các nhà lãnh đạo giáo-dục luôn luôn lo . . . . .  
. . . . . chương-trình giáo dục cho ngày thêm . . . . .  
Chúng ta hy-vọng rằng sẽ có một đường-lối giáo-dục . . . . .  
dẫn-dắt con em trên đường tiến-bộ.

**Tập đọc**

**TRƯỜNG BÁCH-KHOA BÌNH-DÂN**

1.— Những buổi tối, khi ánh đèn ĐO-thành bật sáng, giữa lúc công tư-sở, các xưởng máy nghỉ việc, thì tại trường nữ-học Phan-văn-Trị đường Trần Hưng-Đạo lại hiện ra một cảnh tưng-bừng, náo-nhiệt. Đèn điện ở mười lăm lớp chạy dài trên ba tầng lầu rực ánh sáng. Từng tốp, nam, nữ thanh-niên, học sinh, công tư-chức, thợ thuyền, tiểu-thương, người đi bộ, kẻ đi xe máy lữ-lượt kéo vào sân trường rồi tản đi các lớp. Đó là những học-viên trường Bách-khoa bình-dân tới để trau-giỏi thêm kiến-thức.

2.— Khi đặt chân vào trường này, các học-viên đã tạm quên địa-vị, nghề-nghiệp của mình để tuân theo kỷ-luật và nghe lời giảng-dạy của các giảng-viên. Có những học-viên già, tuổi lớn gấp đôi những giảng-viên trẻ, song ở đây tuổi không đáng kể, mà chỉ kể tới lòng hiếu học của người nghe và sớ-trường của người dạy.

3.— Với số tiền trợ-cấp của Bộ Giáo-dục, với lòng nhiệt-thành của một số thanh-niên trí-thức dạy giúp không lấy tiền, trường đã đào-tạo được rất nhiều chuyên-viên để phụng-sự tổ-quốc.

Theo HOÀNG-LAN

**GIẢI NGHĨA.**—**Náo-nhiệt** : xôn-xao, nhộn-nhịp. **Trau-giỏi** : làm cho tinh-thực. **Sớ-trường** : cái hay cái giỏi của mỗi người.

**Ý TƯỞNG.**—Lúc nào trong ngày, trường nữ-học Phan-văn-Trị rực ánh sáng và náo-nhiệt? — Học-viên trường Bách-khoa Bình-dân thuộc những thành-phần nào? — Ở trường học này người ta chỉ kể tới gì? — Nhờ đâu mà nhà trường đã đào-tạo được nhiều chuyên-viên?

**LỜI VẤN.**—« Rực ánh sáng » là thế nào? — Phan nghĩa với « náo-nhiệt » là gì?

### DÀN BÀI

- 1) Tới đến các học-viên kéo tới trường Bách-khoa Bình-dân để trau-giỏi kiến-thức.
- 2) Ở đây, người ta chỉ kể đến lòng hiếu học của người nghe và sớ-trường của người dạy.
- 3) Nhà trường đã đào-tạo được nhiều chuyên-viên hữu-ích.

**ĐẠI Ý.**—Nhờ trường Bách-khoa bình-dân mà những người lớn tuổi có thể trở thành những chuyên-viên hữu-ích.

**PHÁT-ÂM.**—**bật sáng, rực ánh sáng, lũ-lược, trau-giỏi.**

## Tập-đọc — học-thuộc-lòng

### CẦN PHẢI HỌC

- 1— *Buổi niên-thiếu phổ-thông cần học,  
Điều thông-thường cần phải biết qua ;  
Biết yêu nước, biết thương nhà,  
Việc gần cũng thạo, việc xa cũng sành.*
- 2— *Không biết chữ, người khinh mọi-rợ,  
Mắt trừng trừng mà tựa thông-mạnh ;  
Đọa-đầy vào kiếp u minh,  
Sao bằng bề học đua ganh vẫy-vùng ?*
- 3— *Lúc sớm khuya ra công gắng sức,  
Phổ-thông rồi đến bậc chuyên-môn.  
Càng học rộng, càng thêm khôn,  
Trong đường tranh-đấu phần hơn về mình.*

HỒNG-THẠCH



**GIẢI-NGHĨA.**—**Sành** : ý nói thông-thạo về một vấn-đề nào.  
**Trừng trừng** : mở mắt to và nhìn mãi không chớp. **Thông-mạnh** : mù mà mắt vẫn trong như thường. **U-minh** : tối-tăm, dốt-nát.

**Y-TUỞNG.** — Tại sao trong buổi niên-thiếu, ta cần phải học ? — Tác-giả ví người không biết chữ như người có tật gì ? — Không biết chữ thì khổ thế nào ? — Tác-giả khuyên ta gì ? — Có học thì được lợi những gì ?

**LỜI VẤN.**— « Biết qua-loa » nghĩa là gì ? — Phản nghĩa với « mọi-rợ » là gì ?

### DÀN BÀI

- 1) Lúc còn nhỏ cần phải học để biết yêu nước và hiểu những điều thông-thường.
- 2) Không biết chữ thì khổ-sở và bị mọi người khinh.
- 3) Phải chuyên-cần học-tập vì việc học rất có lợi.

**ĐẠI-Y.**—Chúng ta cần phải học hỏi vì việc học đem lại cho ta nhiều ích-lợi.

**PHÁT ÂM.**—qua-loa — cũng sành — trừng-trừng — vậy-vùng — gắng sức.

## Chánh-tà

### TRƯỜNG MẪU-GIÁO

1.— Trường được xây cất trên một khu đất rộng. Nơi đây thanh-khoáng, cây rậm, bóng nhiều, khiến trẻ em được gần-gũi với thiên-nhiên.

Các phòng học đều được quét vôi và sơn bằng những màu tươi sáng, thích-hợp với tâm-hồn trẻ. Đồ dùng bàn ghế đều nhỏ bé, xinh xắn, vừa tầm các trẻ em. Trên tường treo la-liệt những tranh vẽ đơn-sơ, màu sắc cũng đơn-giản.

Chung quanh trường là những bồn cỏ xanh-tươi với những luống hoa đầy màu sắc; lại thêm cột đu, cầu tuột, ngựa gỗ, thang leo để các em chơi đùa, chạy nhảy.

Theo HOÀNG LAN



**GIẢI NGHĨA.**— Thanh-khoáng : rộng-rãi và có không-khí trong-sạch. La-liệt : rất nhiều. Lương hoa : dọc đất vun cao lên để trồng hoa.

**CÂU HỎI.**— Trường học được xây cất trên khu đất thế nào ? — Các phòng học ra sao ? — Trên tường, người ta trông thấy gì ? — Chung quanh trường học có những gì ?

**ĐẠI Ý.**— Trường mẫu-giáo tổ-chức có qui-củ, thích-hợp với trẻ em nhỏ tuổi.

**NHẬN-XÉT CHÁNH-TẢ.**— thanh-khoáng, xinh-xắn, đơn-sơ, lương hoa, cầu tuột.

**CÂU HỎI CHÁNH TẢ.**—

- 1) Giải nghĩa : trường mẫu-giáo, cây rậm, đơn-sơ.
- 2) Đại ý bài này nói gì ?
- 3) Tìm tiếng phản nghĩa với « xinh-xắn ».
- 4) Khi nào ta dùng dấu chấm ?

**Chánh-tả**

**TRƯỜNG BÁCH-KHOA BÌNH-DÂN**

Viết đoạn 1, bài tập đọc

**Văn-phạm**

**DẤU CHẤM CÂU** (tiếp theo)

Dấu hai chấm (:)

1) Ta dùng hai chấm khi sắp kê ra những vật, những sự hay những điều gì.

Thí dụ :

— Có nhiều thứ cá : cá rô, cá trê, cá lóc, cá chim, cá thu...

— Cậu bé dùng ngắm những đồ chơi bày trong tủ kiếng : nào bi, con quay, nào ô-tô, tàu bò, nào máy bay, hỏa tiễn...

2) Khi sắp kê lại lời nói của một người nào, cả lời nói của mình, ta cũng dùng hai chấm, còn phải đặt lời nói của người ta trong ngoặc kép nữa.

Thí dụ : Thầy giáo hỏi tôi : « Năm nay con lên mấy ? » Tôi đáp : « Thừa thầy, con lên mười ».

Sau hai chấm, thường không viết hoa, nhưng nếu có ngoặc kép thì phải viết hoa.

### BÀI TẬP .—

« Những dấu chấm câu tôi đã học là : dấu phẩy, dấu chấm, dấu hai chấm ». Hãy giải thích ý-nghĩa của dấu hai chấm trong câu trên.

## Tập làm văn

Em đã có dịp quan sát một cây chuối, hãy tả ra.

### DÀN BÀI

**Mở bài** : Nơi trồng, loại chuối.

**Thân bài** : 1) Hình dáng.

2) Các phần :

a) Thân cây : cõ, màu, nhẵn bóng, lá héo...

b) Lá (lá non, lá già).

c) Hoa hay buồng (quài), nếu có.

**Kết luận** : Cảm tưởng.

## Tập viết

Chữ hoa (chữ khổ lớn, vừa và nhỏ).

*Đ* *Đu* *vóc* *học* *hay*





**Ngũ-vương**

**TUẦN LỄ**

**7**

### I. — CÁC KHOA CHUYÊN-MÔN

**BÀI ĐỌC.**— Khi lên bậc đại-học, bạn sẽ chọn một khoa chuyên-môn hợp với sở-thích của bạn. Muốn trở thành bác-sĩ để cứu nhân độ thế thì bạn học y-khoa. Nếu bạn thích bào-chế thuốc men thì theo dược-khoa. Nếu bạn mong làm thẩm-phán để cầm cân nảy mực nơi công-đường, hay làm luật-sư để đem tài hùng-biện ra gỡ những mối oan-ức thì theo luật-khoa. Nếu có khiếu về văn-chương, bạn sẽ theo văn-khoa. Nếu bạn say-mê khoa-học thì những khoa vật-lý, hóa-học, vạn-vật sẽ đáp-ứng những ước-vọng của bạn.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— Muốn trở thành bác-sĩ thì theo học khoa nào ? — Muốn trở thành dược-sĩ, luật-sư thì theo khoa nào ? — Người có khiếu về văn-chương nên học khoa nào ? — Nếu say-mê khoa-học, ta sẽ học những khoa nào ?

#### HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : Y-khoa — nha-khoa — dược-khoa — luật-khoa — văn-khoa — khoa vật-lý — khoa hóa-học.

**Tính-từ** : (Luật-sư) hùng-biện — (Bác-sĩ) nổi tiếng.

**Động-từ** : (Bác-sĩ) trị-bệnh — (Dược-sĩ) bào chế — (Luật-sư) biện-hộ.

**Thành-ngữ** : — Cứu nhân độ thế. — Cầm cân nảy mực.

**GIẢI-NGHĨA.**— **Y-khoa** : (y : nghề trị bệnh) khoa dạy trị bệnh và bảo-vệ sức-khỏe. **Dược-khoa** : (dược : thuốc) khoa dạy cách chế thuốc. **Luật-khoa** : môn học nghiên-cứu về pháp-luật. **Văn-khoa** : phân-khoa đại-học, chuyên dạy về văn-chương, triết lý và sử-ký, địa-lý. **Khoa vật-lý** : khoa học khảo-cứu về các vật-thể, và giải-thích những luật-lệ thiên-nhiên điều-khiển vạn-vật. **Khoa hóa-học** : khoa-học khảo-cứu về tính biến hóa của vật-chất. **Hùng-biện** : nói hay, nói giỏi, cũ khéo. **Bảo-chố** : pha, chế thuốc. **Biện-hộ** : (biện : giải bày phải trái ; hộ : giúp đỡ, che-chở) giải-bày lý-lẽ về bệnh vực. **Cứu nhân độ-thế** : (độ : cứu ; thế : đời) ý nói cứu giúp người đời khỏi cảnh khổ. **Cầm cân nảy mực** : xét-xử theo công-lý.

### BÀI TẬP

- 1 — GIẢI-NGHĨA.— *y-khoa, dược-khoa, hùng-biện, biện-hộ.*
- 2 — Tìm 4 danh-từ ghép có tiếng « y » như « y-khoa ».
- 3 — Kể 4 trường đại-học mà em biết.

## Ngữ-vựng

### 2.— CÁC KHOA CHUYÊN-MÔN (tiếp theo)

**BÀI ĐỌC.**— Ngoài các trường đại-học, còn có nhiều trường cao-đẳng chuyên-nghiệp để đào-tạo các chuyên-viên.

Học-viện Quốc-gia Hành-chánh cung-cấp nhân-viên cho các ngành hành-chánh trong nước. Trường Quốc-gia Nông-Lâm-Súc đào-tạo các kỹ-sư, các cán-sự thành-thạo về trồng-tria, khai-thác rừng và chăn nuôi. Ở trung-tâm kỹ-thuật Phú-thọ còn có Trường Cao-đẳng Điện-học, trường Cao-đẳng Công-chánh để huấn-luyện các chuyên-viên về điện, cầu cống...

Với những trường chuyên-nghiệp ấy, cái học của ta đã bắt đầu hướng về thực-nghiệp.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— Các trường cao-đẳng chuyên-nghiệp mở ra để làm gì? — Học-viện Quốc-gia Hành-chánh có nhiệm-vụ gì? — Trường Quốc-gia Nông-Lâm-Súc cung-cấp các chuyên-viên về ngành nào? — Muốn thành kỹ-sư điện hoặc cầu cống thì theo học ở trung-tâm nào?

## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : trường chuyên-nghiệp — Học-viện Quốc-gia Hành-chánh — Trường Quốc-gia Nông-Lâm-Súc — Trung tâm Quốc-gia Nông-nghiệp — Trường Cao-đẳng Điện-học — Trường Cao-đẳng Công-chánh.

**Tính-từ** : (chuyên-viên) thành-thạo — (kỹ-thuật) tinh-vi.

**Động-từ** : đào-tạo — huấn-luyện.

**Thành-ngữ** : Công thành danh toại.

**GIẢI-NHĨA.**— Trường chuyên-nghiệp : trường học dạy riêng về một nghề nào. Học-viện Quốc-gia Hành-chánh : trường đào-tạo công-chức các ngạch hành-chánh cao-cấp. Trường Quốc-gia Nông-Lâm-Súc : trường huấn-luyện kỹ-sư, cán-sự về các ngành trồng-trọt, chăn nuôi và khai-thác rừng. Trường Cao-đẳng Điện-học : trường đào-tạo các kỹ-sư về ngành điện. Trường Cao đẳng Công-chánh : trường đào-tạo các kỹ-sư về cầu-cống, xây cất. Thành-thạo : hiểu tường-tận và đã quen việc. Tinh-vi : rành rẽ. Đào-tạo : rèn luyện cho thành. Huấn luyện : dạy bảo, rèn-luyện. Công thành danh toại : ý nói người học-trò đã đạt được kết-quả mong muốn.

## BÀI TẬP

Ở Việt-Nam, có nhiều trường. . . . . Học-viện . . .  
. . . . . đào-tạo nhân-viên cho các ngành hành-chánh  
trong nước. Trường . . . . . huấn-luyện các chuyên viên  
về trồng trọt, chăn nuôi, bảo-vệ và khai-thác rừng. Ở trung-  
tâm kỹ-thuật Phú-Thọ có trường. . . . . đào-tạo kỹ-sư  
điện, trường. . . . . đào-tạo kỹ-sư công-chánh.

**CẦN PHẢI HỌC MÔN ĐỊA-LÝ**

1.— Ngày nay, không một quốc-gia nào có thể đứng riêng biệt, lẻ-lỏi; càng thịnh-đạt bao nhiêu, lại càng cần liên-kết với các dân-tộc khác. Vậy chúng ta cần phải hiểu rõ vị-trí, chính-thể và dân-cư các nước, mới có thể biết được ảnh-hưởng của các nước ấy đối với chúng ta. Biết bao nhiêu việc lớn lao xảy ra hằng ngày được bàn trên báo-chi mà ta không có quyền không biết. Nếu không rõ các địa-điểm ấy ở đâu thì liệu ta có thể hiểu biết được thời-cuộc chẳng ?

2.— Đẳng khác, một công-dân xứng-đáng phải am hiểu địa-lý, mới có thể làm tròn nhiệm-vụ với đất nước. Nhờ khoa địa-lý, mình sẽ thấy tài-nguyên, nước mình phong-phú, vị-trí nước mình thuận-lợi, năng-lực nước mình dồi-dào mà tăng lòng tự-tin. Mình lại biết các nước lân-cận, biết các cường-quốc, và nhân đó, hiểu được địa-vị nước mình trên thế-giới. Như vậy, lòng yêu nước thương nòi lại càng tăng thêm nữa.

3.— Xem thế thì địa-lý là môn học tối quan-trọng mà thanh, thiếu-niên không có quyền xao-lãng.

Theo PHẠM-XUÂN-ĐỘ và NGÔ-ĐỨC-KÍNH

**GIẢI-NGHĨA.**— Liên-kết : hợp-tác với nhau. Vị-trí : nơi, chỗ. Thời-cuộc : tình-hình đang diễn ra. Tài-nguyên : nguồn sinh ra của-cái, nguồn-lợi quốc-gia. Năng-lực : sức có thể làm được. Xao-lãng : bỏ quên không lưu-ý tới.

**Ý TƯỞNG.**— *Tại sao ngày nay, một dân-tộc cần liên-kết với các dân-tộc khác ? — Muốn biết ảnh-hưởng của một nước nào đối với nước mình, ta phải biết những gì về nước ấy ? — Tại sao một công-dân xứng-đáng cần am-tường địa-lý nước mình ?*

**LỜI VĂN.**— « Không có quyền không biết » có nghĩa là gì ?  
— Đặt một câu có tiếng « không... không... » như câu trên.  
— « Mình » trong bài này chỉ ai ?

## DÀN BÀI.

- 1 — Phải học địa-lý mới có thể theo-dõi được tình-hình quốc-tế.
- 2 — Phải học địa-lý để cho lòng yêu nước thương nòi tăng thêm.
- 3 — Môn địa-lý quan-trọng, ta không có quyền xao-lãng.

ĐẠI-Ý.— Môn địa-lý rất quan-trọng : nó giúp ta hiểu rõ nước ta cũng như các nước khác và tăng thêm lòng yêu nước mình.

PHÁT-ÂM.— lè-loi, — vị-trí — xây ra hằng ngày.

## Tập đọc — học-thuộc-lòng

### GIỜ QUỐC-SỬ

- 1 — Những buổi sáng vừng hồng lè-lói chiếu,  
Trên non sông, làng mạc, ruộng đồng quê  
Chúng tôi ngồi im-lặng lắng tai nghe,  
Tiếng thầy giảng suốt trong giờ quốc-sử.
- 2 — Thầy tôi bảo : « Các em nên nhớ rõ :  
Nước chúng ta là một nước vinh-quang.  
Bao anh hùng trước của giàng-san  
Đã đổ máu vì lợi-quyền dân-tộc.
- 3 — Các em phải đêm ngày chăm-chỉ học,  
Đề sau này nổi được chí tiên-nhân.  
Ta chắc rằng sau một cuộc xoay-vàn,  
Dân nước Việt lại là dân hùng-kiệt.

D. V. C



**GIẢI-NHĨA.**— Vòng hồng : mặt trời. Giang-san (cũng nói : giang-sơn ; giang : sông, san : sơn : núi) đất nước. Tiên-nhân : (tiên : trước, nhân : người) người trước, người xưa ; ông cha.

**Ý-TUỞNG.**— Trong giờ quốc-sử, học-sinh ngồi học thế nào ? — Thầy giảng cho học-sinh nghe điều gì ? — Thầy khuyên học-sinh làm sao ? — Khi mấy vị anh-hùng nước ta. — Muốn nối chí tiên-nhân, các em phải làm gì ?

**LỜI VĂN.**— Câu nào tỏ rằng học-sinh chăm-chú nghe bài quốc-sử ? — « Các xoay vần » : ý nói gì ?

### DÀN BÀI

- 1 — Học-sinh chăm-chú nghe thầy giảng quốc-sử.
- 2 — Thầy nói về bao anh-hùng đã hy-sinh vì dân-tộc.
- 3 — Thầy khuyên học-sinh chăm học mong sau này nối chí ông cha.

**ĐẠI-Ý.**— Thầy dạy học-sinh nhớ công ơn tổ tiên và khuyên chăm-chỉ học đề sau này phụng-sự đất nước.

**PHÁT-ÂM.**— buổi sáng — vòng hồng le-lời chiếu -

## Chánh-tà

### ! — TRƯỜNG CÁN-SỰ Y-TẾ

Trường học này là một tòa nhà cao ba tầng trong bệnh-viện Chợ Rẫy. Ban giảng-huấn gồm có nhiều bác-sĩ, được một số nam nữ y-tá ưu-tú trợ-giúp.

Sau ba tháng học-tập và được huấn-luyện đầy đủ về thiên-chức của mình, các khóa-sinh được cấp-phát đồng-phục và làm lễ nhận-mũ. Trong ngày lễ này, các học-viên khóa trước châm lửa vào cây nến cho các học-viên mới. Ý-nghĩa của việc ấy là người đi trước gieo ánh-sáng y học cho người đi sau, để nối tiếp nhau làm tròn sứ-mạng phụng-sự nhân-loại về phương-diện y-học.

Theo Tạp-chí GIA-ĐÌNH



**GIẢI-NHĨA.**— **Thiên-chức** : chức-vụ tự-nhiên, coi như được trời trao cho. **Khóa-sinh** : người theo một khóa học nào. **Sứ-mạng** : nhiệm-vụ thiêng-liêng phải làm.

**CÂU HỎI.**— Trường Cán-sự Y-tế đặt ở đâu ? — Ban giảng-huấn gồm những thành-phần nào ? — Khi nào khóa-sinh được phát đồng-phục và làm lễ nhận mũ ? — Trong ngày lễ nhận mũ, học-viên khóa trước làm gì ? — Ý-nghĩa của việc chàm nén ấy là gì ?

**ĐẠI-Y.**— Trường Cán-sự Y-tế Sài-gòn và ý-nghĩa của lễ nhận mũ ở trường này.

**NHẬN XÉT CHÁNH-TÀ.**— **trợ-giúp** — **gieo ánh-sáng** — **sứ-mạng**.

### CÂU HỎI CHÁNH TÀ

- 1.— Giải nghĩa : học viên, đồng phục, y học.
- 2.— Trong lễ nhận mũ, việc làm gì có ý nghĩa nhất ?
- 3.— Gieo và reo khác nghĩa nhau thế nào ?

### Chánh-tà

## 2. — CẦN PHẢI HỌC MÔN ĐỊA-LÝ

Viết đoạn 1, bài tập đọc.

### Văn-phạm

### DẤU CHẤM CÂU (tiếp theo)

Dấu chấm than (!) và dấu chấm hỏi (?)

1.— Chấm than dùng sau một lời than-vãn, một lời khuyến-khích, một mệnh-lệnh, một tiếng gọi, hay sau một câu tỏ sự vui mừng, sự lạ lùng, sự ngạc nhiên, sự đau đớn...

**Thí-dụ :**

- Than ôi ! đang chiến tranh, còn bị bão lụt nữa ! (lời than)
- Thanh-niên ơi ! mau hiến thân dưới cờ ! (tiếng gọi)
- Ồ, trên trời có vật gì lạ quá kia ! (lạ lùng)
- Kia, anh Năm ! Thế mà Tư nó bảo anh đau nặng ! (ngạc nhiên)

## 2.— Chấm hỏi dùng sau một câu hỏi.

Thí-dụ :

— Anh học lớp mấy ? Nó có bao nhiêu tiền ? Tại sao anh không đi học ?

Sau dấu chấm hỏi phải viết hoa, sau chấm than đặt sau tân-thân từ, không viết hoa, nhưng sau dấu chấm than ở cuối câu thì phải viết hoa.

### BÀI TẬP

Hãy chấm câu đoạn văn sau đây và sửa lại những chữ phải viết hoa :

Đã lâu Ti và Sửu không gặp nhau, hôm qua bỗng thấy Ti đi ngoài phố Sửu kêu kìa anh Ti anh đi đâu đấy Ti chạy lại bắt tay Sửu và hai người nói chuyện vui về lạ

### **Tập làm văn**

## TẢ MỘT CẢNH HOA HUỆ

### DÀN BÀI

I.— MỞ BÀI : Em đã trông thấy cảnh hoa vào dịp nào ?

II.— THÂN BÀI : 1) Hình-dáng toàn-thể.

2) Các phần : cành, những hoa đã nở (cành hoa, nhị, hương thơm), những hoa chưa nở (màu sắc, hình-dáng...)

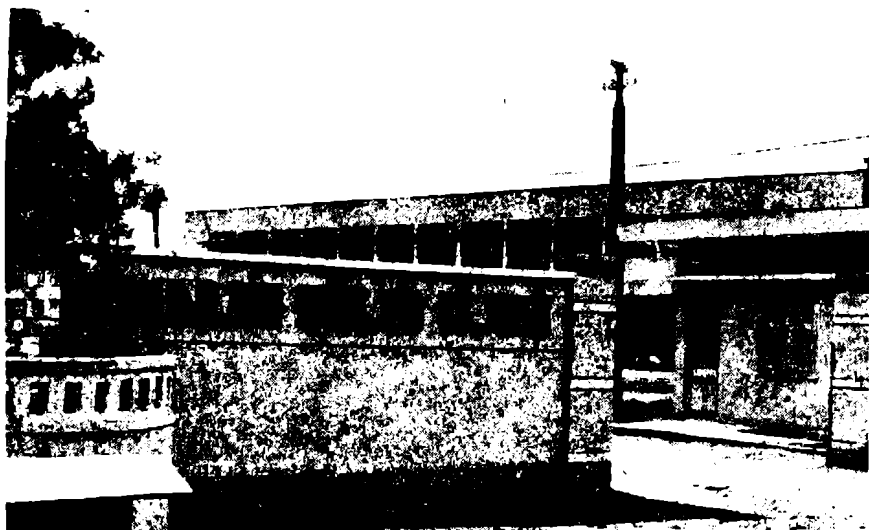
3) Hoa huệ tượng-trung cho sự tinh-khiết, nên được dùng trong việc cúng bái hay trang-hoàng bàn thờ...

III.— KẾT-LUẬN : Cảm-tưởng của em.

### **Tập viết**

(Chữ hoa (chữ khở lớn, vừa và nhỏ)

*Q Quen tay, hay việc*



*Ngữ-vựng*

**TUẦN LỄ**

**8**

## **I. — CÁC KHOA CHUYÊN-MÔN (tiếp theo)**

**BÀI ĐỌC.**— Những học-sinh không lên được bậc đại-học có thể vào các trường chuyên-nghiệp trung-cấp. Họ có thể thi vào Trường Quốc-gia Thương-mại để học lấy kỹ-thuật tinh-vi của nghề buôn bán. Họ cũng có thể vào Trường Cán-sự Y-tế, Trường Dược-tá Quốc-gia, Trường Nữ Hộ-sinh Quốc-gia để phục-vụ trong ngành y-tế. Nếu thích nghề dạy học cao quý họ sẽ vào trường Sư-phạm. Nếu có khiếu về âm-nhạc thì Trường Quốc-gia Âm-nhạc sẽ là nơi để cho tài-năng của họ có dịp phát-triển.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Trường Quốc-gia Thương-mại có nhiệm-vụ gì ? — Muốn thành cán-sự y-tế, cán-sự điều-dưỡng thì học trường nào ? — Muốn thành dược-tá, nữ hộ-sinh thì học trường nào ? — Người có khiếu về âm-nhạc, nên theo học trường nào ?*

### **HỌC TIẾNG**

**Danh-từ :** Trường Quốc-gia Thương-mại — Trường Cán-sự Y-tế — Trường Dược-tá Quốc-gia — Trường Nữ Hộ-sinh. Quốc-gia — Trường Sư-phạm — Viện Quốc-gia Âm-nhạc.

- Tinh-từ** : (kỹ-thuật) tinh-vi — (nghề dạy học) cao-quý.  
**Động-từ** : phục-vụ — phát-triển.  
**Tục-ngữ** : — *Phúc chủ lộc thầy.*  
                   — *Trọng thầy mới được làm thầy.*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Trường Quốc-gia Thương-mại** : trường do chính-phủ thiết-lập để đào-tạo những người chuyên về ngành buôn bán, **Trường Cán-sự Y-tế** : trường đào-tạo các cán-sự y-tế (nhân-viên y-tế có khả-năng hơn y-tá). **Trường Dược-tá Quốc-gia** : trường đào-tạo các dược-tá để phụ giúp các dược-sĩ trong công việc bào-chế thuốc. **Trường Nữ Hộ-sinh Quốc-gia** : trường đào-tạo các cô đỡ. **Trường Sư-phạm** : trường đào-tạo giáo-viên. **Trường Quốc-gia Âm-nhạc** : trường đào-tạo nhạc-sĩ, nhạc-công. **Tinh-vi** : rành rẽ. **Phục-vụ** : làm phận sự của mình. **Phát-triển** : mở rộng ra. **Phúc chủ lộc thầy** : ý nói bệnh-nhân khỏi bệnh vừa do tài thầy lang, vừa do sự phúc đức của con bệnh

- BÀI TẬP** : 1 — **Giải-nghĩa** ; trường thương-mại, phát-triển.  
 2 — Muốn thành giáo-viên thì vào trường nào ?  
 3 — Tìm tiếng phản-nghĩa với cao-quí.

## Ngữ-vịcng

### 2.— CÁC KHOA CHUYÊN-MÔN (tiếp theo)

**BÀI ĐỌC.**— Hiện nay, nhiều tỉnh cũng có trường chuyên-nghiệp. Nhiều họa-sĩ xuất-sắc xuất thân từ **Trường Mỹ-thuật Gia-định**. **Trường Mỹ-nghệ Thực-hành Biên-hòa** đã đào tạo nhiều tay thợ nặn tượng, thợ làm đồ gốm khéo-léo. **Trường Canh-nông Cần-thơ** đã cung-cấp cho ngành trồng-trọt, chănnuôi những cán bộ càng ngày càng cần-thiết. Nhiều trường **Kỹ-thuật** đã được thiết-lập tại các tỉnh Qui-nhơn, Đà-nẵng, Vĩnh-long, Sài-gòn.

Nhờ những trường chuyên-nghiệp này, biết bao thanh thiếu niên đã phát-huy được tài-năng của mình và trở nên người hữu-dụng.

**TẬP NÓI CHUYỆN.** — Trường Mỹ-thuật Gia-định dạy môn gì? — Trường Mỹ-nghệ Thực-hành Biên-hòa đào-tạo những thợ gì? — Trường Canh-nông Cần-thơ có nhiệm-vụ gì? — Muốn trở thành giáo-viên tiểu-học thì theo học trường nào?

## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : trường Mỹ-thuật — trường Mỹ-nghệ Thực-hành — trường Canh-nông — trường Kỹ-thuật.

**Tính-từ** : (họa-sĩ) xuất-sắc — (người) hữu-dụng.

**Động-từ** : thiết-lập — phát-huy (sở-trường).

**Tục-ngữ** : *Ruộng bẽ bẽ, không bằng nghề trong tay.*

**GIẢI-NGHĨA.** — Trường Mỹ-thuật : đây, trường đào-tạo các họa-sĩ. Trường Mỹ-nghệ Thực-hành : (mỹ : đẹp) trường dạy nghề mỹ-thuật như nghề điêu-khắc, nghề nặn tượng. Trường Kỹ-thuật : trường đào-tạo những cán-bộ và thợ chuyên. môn. Xuất-sắc : giỏi hơn bậc thường. Hữu-dụng : dùng được, có ích. Thiết-lập : dựng nên. Phát-huy : làm cho tỏ rõ ra. Ruộng bẽ bẽ không bằng nghề trong tay : có nghề trong tay thì đời sống được bảo-đảm hơn là có nhiều ruộng đất.

## BÀI TẬP

Bạn muốn có một nghề trong tay phải không ?

Nếu nhận thấy mình có khiếu về hội-họa thì bạn còn đợi gì mà không xin vào học trường . . . . . Gia-định. Trong một thời-gian, bạn có thể trở thành . . . . . xuất-sắc. Nếu lại ưa trồng-trọt, chăn nuôi, bạn có thể thi vào trường . . . . . Cần-thơ hay trường Nông-Lâm-Sức Bảo-lộc. Nếu bạn muốn trở thành thợ làm đồ gốm hay thợ nặn tượng thì kia, trường . . . . . Biên-hòa đang chờ đón bạn.

**TRƯỜNG KỸ-THUẬT PHÚ-THỌ**

1.— Đi thăm các xưởng của trường Kỹ-thuật Phú-thọ khách sẽ ngạc-nhiên trước nhiều vật-dụng do chính các học-viên làm ra.

2.— Chẳng hạn, khách sẽ thấy những học-viên đang làm việc bên một chiếc máy khoan nội-hóa, giống như máy khoan tối-tân nhập-cảng từ Hoa-kỳ. Các máy khoan đó được làm bằng sắt vụn lấy ở Gò-vấp. Nơi đây, Quân-đội cho phép các học-viên tới kiểm những gì hữu-dụng cho trường. Thép và sắt vụn một vè, sẽ được đúc lại để làm máy khoan. Những khoan tay và khoan máy, mang những chữ « Chế tại Phú-thọ » sẽ được gửi tới Vĩnh-long, Qui-nhơn và Đà - nẵng để trang-bị những trường kỹ-thuật, được thiết-lập tại các tỉnh đó.

Khách cũng thấy, tại xưởng học về xe hơi, một học-viên đang tái-tạo một chiếc xe hơi mới. Sau khi hoàn-tất, chiếc xe này sẽ được gửi tới một trường kỹ-thuật mới thiết-lập ở tỉnh.

3.— Đến thăm Trường Kỹ-thuật Phú-thọ. Chúng ta thấy rằng niềm hy-vọng thiết-tha của những thanh-niên Việt-nam yêu kỹ-thuật đang lần lần được thực-hiện.

*Theo T.G.T.D.*

**GIẢI-NGHĨA.**— Trường kỹ-thuật : trường đào-tạo những thợ chuyên-môn. Xưởng : nơi thợ thuyên làm việc. Hữu-dụng : cần dùng, có ích. Mót : lượm lặt của rơi, của bỏ. Trang-bị : sắp đặt cho đầy-đủ. Thiết-lập : đặt ra, dựng nên. Tái-tạo : sửa lại cho ra như mới.

**Ý-TUỜNG.**— Học-viên trường kỹ-thuật Phú-thọ lấy sắt thép ở đâu để làm máy khoan ? — Tại xưởng học về xe hơi, học-viên đang làm gì ? — Đến thăm trường kỹ-thuật Phú-thọ chúng ta có cảm-trùng gì ?

**LỜI VẤN.**— Tìm tiếng trái nghĩa với « nội-hóa », « hữu-dụng », « nhập-cảng ». Tìm vài từ-ngữ ghép có tiếng « học » như « học-viên ».

**DÀN BÀI.**— 1— Sự khéo tay của học-viên làm cho khách đến thăm phải ngạc-nhiên.

2— Vài thí-dụ về sự khéo tay của học-viên.

3— Niềm hy-vọng của học-viên đang thành hình.

**ĐẠI-Ý.**— Mặc dầu trong hoàn-cảnh thiếu-thốn, trường kỹ-thuật Phú-thọ đã gây được niềm tin cho thanh thiếu niên ưa chuộng kỹ-thuật.

**PHÁT ÂM.**— *khách sỡ* ngạc-nhiên — chiếc máy khoan —

## Tập-đọc — học-thuộc-lòng

### KHUYẾN HỌC CANH-NÔNG

- 1 — Tôi nghe đồn ở nước người,  
Nhà nông bỏ một thu mười như chơi ;  
Vì chưng họ học đến nơi,  
Cày, bừa, gieo, bón họ thời rất tinh.
- 2 — Nào như nghề ruộng nước mình ?  
Từ xưa vẫn để mặc tình dân đen.  
Nghề nubi dân hầy còn hèn,  
Thì ta học để nâng lên ai nào !  
Ta cần hướng-dẫn đồng-bào  
Sửa nghề trồng-tría, bắt vào chân nubi ;  
Mở ra kỹ-nghệ sửa tươi,  
Sửa đặc, phó-mát, thịt nhồi, thịt khô...
- 3 — Khi nào hết phải ăn nhờ,  
Dân ta mức sống bấy giờ mới cao ;  
Bấy giờ ta được tự-hào :  
Nghề ta làm lợi cho bao nhiêu người.

### HỮU-CHÍ



**GIẢI NGHĨA.**— Khoa canh-nông : khoa dạy về trồng-trọt, chăn nuôi. Hướng-dẫn : diu-dắt, chỉ bảo đường-lối. Trồng-tría : (tría : gieo hạt giống) nói chung về sự trồng-trọt. Kỹ-nghệ : nghề chế-tạo cần đến tay thợ, và máy-móc. Tự-hào : tự cho là có tài-trí.

**Y-TUỜNG.**— *Tại sao nghề nông ở nước ta còn thấp kém ? — Vì sao nhà nông ở nước ngoài thu.hoạch được nhiều hoa-lợi ? — Ngoài việc trồng-tría, tác-giả còn khuyên nên chú-trọng tới nghề gì ? — Hãy kể vài thứ thực-phẩm mà nghề chăn nuôi có thể cung-cấp cho ta .*

**LỜI VẤN.**— *Tìm vài từ-ngữ trong bài chỉ dùng riêng cho nghề nông.— « Nghề nuôi dân » chỉ nghề gì ? — Tìm ở trong bài một danh-từ gốc ở tiếng Pháp.*

## DÀN BÀI

1 — Nghề nông nước người tiến-bộ nên thu được nhiều hoa-lợi.

2 — Nghề nông nước mình còn thấp-kém, cần canh-tân.

3 — Khi nào nghề nông phát-triển, dân ta được ấm-no.

**ĐẠI-Ý.**— Nghề nông nước nhà thấp-kém, cần phải cải-tiến để đem lại ấm no cho mọi người.

**PHÁT ÂM.**— cây bừa — rất tinh — dân đen — trồng-tría

## Chánh-tà

### I.— TRƯỜNG CANH-NÔNG CẦN-THƠ

Quý bạn tới thăm trường Canh-nông Cần-thơ thì sẽ thấy ở đây học-viên được huấn-luyện thật chu-đáo. Học lý-thuyết xong là họ được thực-tập rất nhiều ở ngoài đồng và trong các vườn hay trại thí-nghiệm của nhà trường.

Quý bạn sẽ thấy ông hiệu-trưởng giáo-sư, và học-viên thật-sự bắt tay vào công việc ở các ruộng, vườn, trại chăn nuôi...

Các bạn sẽ thấy học-viên cày bừa theo lối cổ-truyền và sử-dụng cày máy, để so-sánh hai lối canh-tác cừu và tân, ngõ hầu rút kinh-nghiệm.

Theo DUY-VIỆT



**GIẢI-NHĨA.**— **Trường canh-nông** : trường đào-tạo những cán-bộ chuyên về nghề nông. **Chu-đáo** : đến nơi đến chốn. **Sử-dụng** : dùng. **Lối canh-tác** : cách làm ruộng. **Ngõ-hầu** : đề được. **Kinh-nghiệm** : điều đã trải qua.

**CÂU HỎI.**— Học xong lý-thuyết, học-viên trường canh-nông Cần-thơ thực-tập ở đâu ? — Tại sao học-viên vừa cày bừa theo lối cổ-truyền vừa dùng cày máy ?

**ĐẠI Ý.**— Tại Trường Canh-nông Cần-thơ, học-viên được thực-hành đầy đủ về trồng-tria, chăn nuôi.

**NHẬN XÉT CHÁNH-TẢ.**— học lý-thuyết — trại chăn nuôi — lối cổ-truyền — sử-dụng.

### CÂU HỎI CHÁNH-TẢ

- 1 — **Giải-nghĩa** : lý-thuyết, giáo-sư, cổ-truyền.
- 2 — Sau phần lý-thuyết, học-viên trường Canh-nông Cần-thơ học tập ở đâu ?
- 3 — Tìm tiếng phản-nghĩa với « lý-thuyết ».
- 4 — Đặt một câu với dấu chấm than, một câu với dấu chấm hỏi.

## Chánh-tả

### 2. — TRƯỜNG KỸ-THUẬT PHÚ-THỌ

Viết đoạn 2 bài tập đọc, từ « khách sẽ thấy »

## Văn-phạm

### DANH-TỪ

Danh từ là tiếng dùng để gọi người, loài vật, đồ vật hay sự việc...

Thí-dụ : học-sinh, sư-tử, bảng, sự tự-do...

Danh-từ chung dùng để gọi những người, những con vật, những đồ vật cùng một loại.

Thí-dụ : nông-phu, trâu, sách...

Danh-từ riêng để gọi riêng một người, một con vật hay một trái núi, một con sông, một xứ...

Thí-dụ : Nguyễn-Bá, Lu-lu, Hoàng-liên-sơn, sông Đồng-nai...

BÀI TẬP.— Tìm 3 danh-từ chung ; 3 danh-từ riêng.

### **Tập làm văn**

**Nhà em có trồng nhiều thứ cây ăn trái, em thích nhất cây nào ? Hãy tả cây ấy và nói tại sao em thích .**

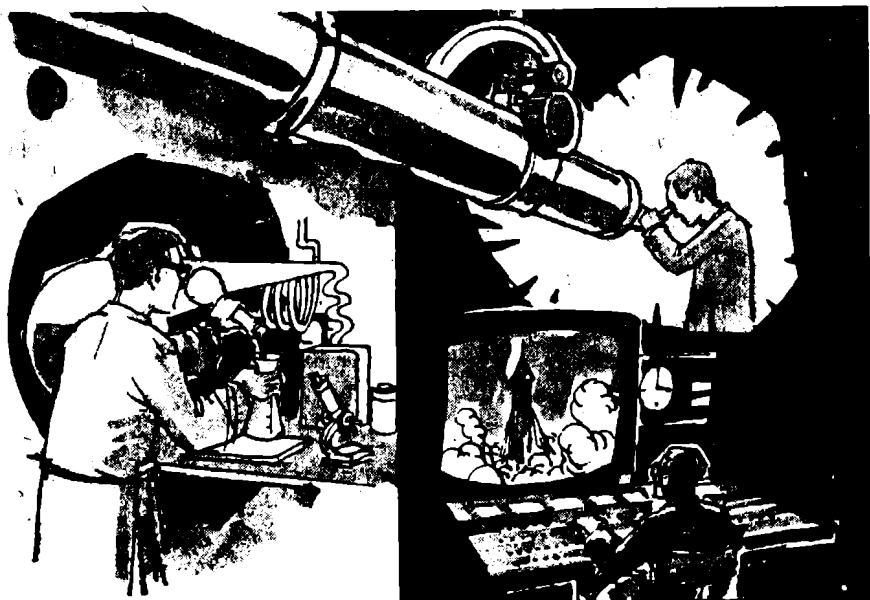
#### DÀN BÀI

- I.— MỞ BÀI : Kể những cây ăn trái của nhà em. Em thích nhất cây gì ?
- II.— THÂN BÀI : 1— Hình-dáng : cây cao chừng bao nhiêu ? Thân cây lớn cỡ nào ? Hình-dáng ra sao ?  
2— Các phần : gốc, thân, cành, lá, hoa, trái.  
3— Lý-do làm em thích thứ cây này.
- III.— KẾT-LUẬN : Cảm-tình hay ý-nghĩ của em.

### **Tập viết**

Chữ hoa (chữ khổ lớn, vừa và nhỏ)

*L Lá lành đùm lá rách*



**Ngữ-vựng**

**TUẦN LỄ**

**9**

### 1.— CÁC NHÀ BÁC-HỌC

**BÀI ĐỌC.**— Có biết tại sao người Áu-Mỹ được văn-minh như ngày nay không? Đó là nhờ công-lao của các nhà hóa-học và vật-lý-học xuất-chúng; nhờ những bác-sĩ trứ-danh đã dày công nghiên-cứu để tìm ra những thuốc linh-nghiệm, nhờ những nhà thiên-văn-học quan-sát các hiện-tượng trong vũ-trụ giúp cho nông-gia biết trước mưa, nắng... mà làm mùa, biết trước dông bão mà đề-phòng... Nhân-tài nước mình thì thiếu thốn quá: cả đến chuyên-viên trung-cấp cũng chưa có đủ cho nhiều ngành sinh-hoạt quốc-gia nữa! Các em đượchọc-hành, phải nghĩ tới điều đó.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Tại sao các nước Áu-Mỹ được văn-minh như ngày nay? — Những bác-sĩ trứ-danh đã khám-phá ra gì? — Nhà thiên-văn-học giúp đượcgi cho nông-gia? Nhân-tài nước mình thiếu thốn đến thế nào?*

### HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : nhà bác-học — nhà hóa-học — nhà vật-lý-học  
— bác-sĩ — nhà thiên-văn-học — chuyên-viên.

**Tinh-từ** : (nhà hóa-học và vật lý-học) xuất-chúng — (bác-sĩ) trừ-danh. (thuốc) linh nghiệm.

**Động-từ** : (nhà bác-học) nghiên-cứu — quan-sát (các hiện-tượng...)

**Thành-ngữ** : *chính-phục không-gian.*

**GIẢI-NGHĨA.**— Nhà bác-học : (bác : rộng) người học rộng biết nhiều. Nhà hóa-học : người chuyên khảo-cứu về tính biến-hóa của vật-chất. Nhà vật-lý-học : người chuyên khảo-cứu về những tính-chất trường-cứu của vật-thể và giải-thích những luật thiên-nhiên chi-phối vạn-vật. Nhà thiên-văn-học : người chuyên khảo-cứu về các hiện-tượng trong trời đất. **Chuyên-viên** : (Chuyên : luyện riêng về một mặt ; viên : người) người giỏi, thạo về một công việc gì. **Xuất-chúng** : (xuất : vượt lên trên ; chúng : mọi người) hơn người. **Trừ-danh** : (trừ : rõ rệt ; danh : tên, tiếng) nổi tiếng. **Nghiên-cứu** : (nghiên : tìm tòi ; cứu : tra, xét đoán) tìm tòi để hiểu rõ.

**BÀI TẬP.**— Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

— Ở các nước tiền-tiến, không thiếu gì những nhà bác-học . . . . . Họ là những . . . . . từng tìm ra những thuốc . . . . . , những . . . . . sáng chế ra lắm thứ tài tình, ví-du phi-thuyền đề . . . . .

## Ngữ-vịng

### 2. — CÁC NHÀ BÁC-HỌC (tiếp theo)

**BÀI ĐỌC.**— Tuy thiếu chuyên viên về nhiều ngành, nhưng khi giành lại độc-lập từ tay người Pháp, chúng ta đã có nhân-tài cần-thiết để thay thế họ. Có hai việc đáng ghi nhớ :

1.— Một số học-giả uyên-thâm đã can đảm lập ra trường Đại-học Văn-khoa ;

2.— Những luật-gia, kinh-tế-gia lỗi-lạc được cử ra điều khiển đầu tiên trường Luật, đã khổ công dịch-thuật, biên-soạn để dạy bằng tiếng Việt trước tiên ở bậc Đại-học.

Hiện nay, chúng ta đang cần có những triết-gia, những nhà xã-hội học, nhân-chúng học... để mở-mang ngành khoa-học nhân-văn.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Một số người nào đã can đảm lập ra trường Đại-học Văn-khoa ? — Những Giáo-sư đầu tiên điều-khiển trường Luật gồm những thành phần nào ? — Họ đã làm được việc gì đáng ghi nhớ ? Hiện chúng ta đang cần có những hạng nhân tài nào ?*

## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : học-giả — luật-gia — kinh-tế gia — triết-gia — nhà xã-hội học — nhà nhân chủng-học.

**Tính-từ** : (học giả) uyên-thâm — (kinh-tế gia) lỗi-lạc.

**Động-từ** : dịch-thuật — biên-soạn.

**Thành-ngữ** : *thông kim, bác cổ.*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Học-giả** : (giả : chỉ người) người chuyên khảo-cứu về các môn học, nhất là về sử, địa. **Luật-gia** : nhà chuyên môn về luật học — **Kinh-tế-gia** : (kinh-bang : trị nước ; tế-thể : giúp đời) nhà chuyên khảo cứu về việc sản-xuất, phân-phối và tiêu dùng các sản-vật. **Triết-gia** : người tinh-thông triết-học. **Nhà xã-hội học** : (xã-hội : đoàn-thể có nhiều người kết-hợp với nhau) người nghiên-cứu về cách tổ-chức xã-hội của loài người. **Nhà nhân-chủng học** : nhà nghiên-cứu về các giống người. **Uyên-thâm** : sâu xa — **Lỗi-lạc** : tài giỏi khác thường. **Dịch thuật** : viết sách, báo bằng cách dịch tài-liệu ngoại-quốc ra tiếng nước mình. **Biên soạn** : sưu-tầm tài-liệu, rồi viết thành sách. **Thông kim, bác cổ** : hiểu thấu việc ngày nay và biết nhiều việc ngày xưa.

## BÀI-TẬP

- 1 — Giải-nghĩa : luật-gia — kinh-tế-gia.
- 2 — Tiếng giả trong học-giả chỉ gì ? Tìm những danh từ khác có tiếng giả như vậy.
- 3 — Làm một câu có tiếng lỗi-lạc.



**TÍNH ĐĂNG-TRÍ CỦA AM-PE**

1.— Am-pe là một nhà bác-học người Pháp. Ông có tính đăng-trí lạ-lùng.

2.— Lúc dạy học, ông thường lấy khăn quàng cò lau bảng rồi lau mặt, khiến học-trò phải bật cười.

Một hôm, trên đường đi dự một buổi họp, ông nhặt được hòn sỏi có vẽ lạ và đi chăm-chạm để quan-sát. Nhưng rồi về giờ, ông móc túi lấy đồng hồ ra coi. Liền đó, thấy hòn sỏi chẳng có giá-trị gì, ông quăng xuống sông. Đang buổi họp, người bạn ngồi cạnh hỏi giờ, ông móc túi giờ hòn sỏi cho xem. Thì ra ông đã ném đồng hồ xuống sông và bỏ hòn sỏi vào túi !

Có lần đi dạo phố, óc bạn suy-nghĩ về một bài toán, ông sung-sướng thấy trước mắt hiện ra một tấm bảng đen. Ông bước tới, lấy phấn ra làm toán trên bảng. Bỗng cái bảng chạy. Ông cứ chạy theo mà làm toán. Tới khi nhọc quá, dừng lại thở, ông mới nhận ra tấm bảng chỉ là lưng một cái xe ngựa !

3.— Các em buồn cười, phải không ? Nhưng chẳng có gì lạ đâu : các nhà bác-học trí-óc luôn luôn bị căng-thẳng vì những vấn-đề khoa-học nên thường ít để ý tới những chuyện lật-vật.

**THIỆN-CHÍ**

**GIẢI NGHĨA.** — Đăng-trí : hay nghĩ đi chỗ khác. Quan-sát : xem xét. Đi dạo : đi chơi rong, không có mục-dịch gì.

**Ý-TƯỢNG.** — Nhà bác-học Am-pe có tính gì ? — Khi dạy học, ông thường đăng-trí như thế nào ? — Có lần ông định ném hòn sỏi đi mà ném làm cái gì ? — Một lần, đi ngoài phố, ông chạy theo cái gì để làm toán ? — Tại sao các nhà bác-học thường đăng-trí ?

**LỜI VĂN.** — « Quăng xuống sông » : thay tiếng « quăng » bằng tiếng khác. « giờ cho người ấy coi... » : giờ và do khác nghĩa nhau thế nào ?

## DÀN BÀI

- 1 — Am-pe có tính dăng-tri.
- 2 — Vài thí-dụ về tính dăng-tri của Am-pe.
- 3 — Lý-do khiến các nhà bác-học hay dăng-tri.

PHÁT-ÂM.— Am-pe — dạy học — trẻ giờ — quăng xuống

### Tập đọc — học-thuộc-lòng

#### SIÊNG-NĂNG LÀ VÀNG



- 1 — Phú-nông biết sấp chầu tiên-tử,  
Gọi các con dặn nhỏ đôi lời :  
« Ruộng nhà chớ bán con ơi,  
Cụ xưa chôn giấu vàng mười ở trong.  
Chỗ chôn vàng ta không nhớ rõ,  
Nhưng gắng công chẳng khó tìm đờ ;  
Xong mùa tháng tám bắt vào,  
Xới cày, đừng mẩu đất nào bỏ quên »,  
Người cha chết, con liền đào, xới,  
Khắp ruộng nhà đổ bới lung-tung.  
Cuối năm lúa tốt ần-ần,  
Số thu-hoạch được, tăng hơn mọi mùa.
- 2 — Vàng chôn giấu chẳng qua là kế  
Người cha khôn dùng để tỏ rằng :  
Siêng-năng là một kho tàng.

VIÊN-HÀM (dịch thơ Pháp)

GIẢI-NGHĨA .— Sấp chầu tử : gần chết. Vàng mười : vàng nguyên chất, không lẫn chất gì khác. Số thu hoạch : số lúa thu được.

Ý-TƯỢNG.— Trước khi chết phú-nông dặn các con làm sao ? — Sau khi người cha chết, các con đào xới ruộng là có ý gì ? — Tại sao cuối năm ấy lúa lại tốt hơn mọi năm ? — Bày ra chuyện chôn vàng, người cha muốn dạy các con điều gì ?

**LỜI-VẤN.**— Tác giả dùng từ-ngữ nào để nói rằng phú nông sắp chết ? — Tìm những tiếng phản nghĩa với « khó », « khôn », Trong bài này có những tiếng nào chỉ công việc làm ruộng ?

### DÀN BÀI

1 — Phú-nông dặn con đào xới ruộng mà tìm vàng.

2 — Phú-nông muốn dạy các con rằng « siêng-năng là một kho vàng ».

**ĐẠI-Y.**— Sự siêng-năng làm cho người ta nên giàu có.

**PHÁT-ÂM.**— vàng mười — xới cày — lúa tốt Ừn-Ừn — thu hoạch.

## Chánh-tả

### I.— PÁT-TƠ VÀ BỆNH CHÓ DẠI

Ngày xưa, ai bị chó dại cắn tốt phải chết. Ông Pát-tơ mới cố công tìm cách trị bệnh dại. Sau một thời-gian nghiên-cứu, ông thấy rằng vi-trùng bệnh dại hoành-hành trong óc và tủy chó. Rồi ông dùng tủy chó dại mà chế ra thuốc chích ngừa cho chó khỏi ra dại. Nhưng ông tự hỏi rằng liệu có thể dùng thuốc này chữa cho người bị chó dại cắn được chăng.

Một dịp tốt đã cho phép ông thí-nghiệm : người ta mang tới ông một cậu bé bị chó dại cắn. Ông chích thuốc cho cậu ta. Bốn tháng sau cậu bé vẫn sống khỏe-mạnh, tỏ rằng thuốc có công-hiệu.

Nhờ ông Pát-tơ, nhân loại - tránh được một tai-ương kinh-khủng là bệnh dại.

#### THIỆN-CHÍ

**GIẢI-NGHĨA.** — chó dại : chó điên. Hoành-hành : phá-phách. Có công-hiệu : có kết-quả tốt.

**CÂU HỎI.**— Pát-tơ thấy rằng vi-trùng bệnh chó dại hoành-hành ở phần nào trong cơ-thể con chó ? — Ông dùng gì để chế thuốc chích ngừa cho chó khỏi ra dại ? — Khi ông chích thuốc ngừa cho một cậu bé bị chó dại cắn, kết-quả ra sao ?



ĐẠI-Y.— Ông Pát-tơ đã cứu nhân-loại khỏi bệnh chó dại,  
NHẬN XÉT CHÁNH-TẢ.— Pát-tơ — nghiên-cứu — tùy  
chó — tai-ương.

### CÂU HỎI CHÁNH TẢ

- 1— Giải-nghĩa : bác-học, trị-bệnh.
- 2— Ông Pát-tơ đã dùng chất gì để chế thuốc chữa bệnh dại ?
- 3— Tìm tiếng đồng-nghĩa với « chích », tiếng phản-nghĩa với « khỏe mạnh ».
- 4— Tìm danh-từ riêng và danh-từ chung trong câu chót

## Chánh-tả

### 2.— TÍNH ĐẲNG-TRÍ CỦA AM-PE

Viết từ đầu bài tập đọc tới « bỏ hòn sỏi vào túi ! ».

## Văn-phạm

### LOẠI-TỪ

Loại-từ là tiếng đứng trước danh-từ để chỉ danh-từ ấy thuộc về loại nào.

Có hai thứ loại-từ : loại-từ chung và loại-từ riêng.

1 — Loại-từ chung, chỉ chung các đồ vật và các con vật, gồm có hai tiếng : con và cái.

Thí-du : con trâu, con chó, cái bảng, cái bàn...

2 — Loại-từ riêng, chỉ riêng từng loài.

Thí-du : cây cau, cây trứng cá, cây bưởi... cá sấu, cá rô, cá trê... hoa lan, hoa hồng, hoa huệ...

Loại-từ riêng là danh-từ biến thành.

BÀI TẬP.— Tìm loại-từ chung, loại từ riêng trong đoạn văn sau đây : « Trong tủ kính của tiệm bán đồ chơi, bày đủ thứ : con chó, cây thông, xe ô-tô, cả những con búp-bê ngộ-nghĩnh nữa ».

## Tập làm văn

### TẢ CON VẬT

## CHỈ DẪN

**PHẦN MỞ BÀI :** Giới thiệu con vật định tả.

**PHẦN THÂN BÀI :** Tả hình-dáng toàn-thể rồi đến các bộ-phần. Nên tả theo thứ-tự : đầu, mình, chân, đuôi ; sau đó, nói về cách sinh-hoạt, tính-tình riêng của nó. Nếu là giống vật nuôi trong nhà, ta cũng nên kể đến những công việc nó giúp ta và sự quyến-luyến của con vật đối với ta.

**PHẦN KẾT LUẬN :** Nói ý nghĩ hay cảm tình của mình.

### DÀN BÀI CHUNG

I.— **MỞ BÀI :** Thấy con vật trong trường-hợp nào ?

- II.— **THÂN BÀI :**
- 1) Hình-dáng : màu lông... cao, to chừng nào ?
  - 2) Tả từng bộ phận của con vật : đầu, cổ, mình, chân, đuôi.
  - 3) Sự hoạt-động của con vật. Nếu tả con vật nhà mình nuôi thì nói cả tính-tình và thói quen của nó ; nói thêm sự quyến-luyến của nó đối với ta nữa, nếu có.

III.— **KẾT-LUẬN :** Ý nghĩ hay cảm-tình của mình.

**ĐỀ :** **Tả con mèo của nhà em**  
**DÀN BÀI**

I.— **MỞ BÀI :** Nhà em nuôi con mèo từ hồi nào ? đặt tên là gì ?

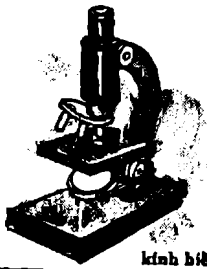
- II.— **THÂN BÀI :**
- 1) Hình-dáng : nó to cỡ nào ? màu lông...
  - 2) Các phần : đầu, mình, chân, đuôi.
  - 3) Tính-nết : hay bắt chuột, nằm bẹp, ăn vụng.
  - 4) Sự lợi, hại của con mèo.

III.— **KẾT-LUẬN :** Cảm-tình của em (thích hay ghét).

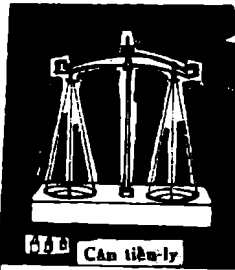
**Tập viết**

Chữ hoa (chữ khở lớn, vừa và nhỏ)

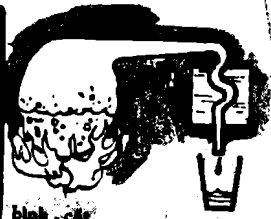
*P Phép vua thua lệ làng*



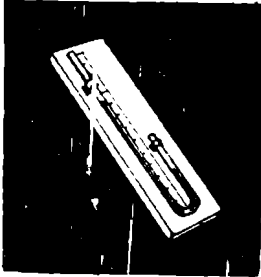
kính hiển-vi



Cân tiêu-ly



binh - c&agrave;



phong vũ-biểu



ống nghe



hàn-thủ-biểu xem bệnh.

## Ngũ-vịng

## TUẦN LỄ 10

### I. — PHÒNG THÍ-NGHIỆM

**BÀI ĐỌC.**— Trong phòng thí-nghiệm của trường tôi chỉ có nhiều tranh ảnh ; dụng-cụ khoa-học thì chỉ có một cái kính hiển-vi, một cái phong-vũ-biểu, một cái cân tiêu-ly và vài cái nhiệt-kế là đáng kể. Ngoài ra, còn có những vỏ bóng điện lớn để dùng thế cho bình cầu, những vỏ ống thuốc dùng làm ống-nghiệm và một vài học-cụ khác do các giáo-viên chế-tạo ra.

Tuy nhiên, tại cái phòng thí-nghiệm thô-sơ ấy, chúng tôi cũng đã được xem thầy giáo làm những thí nghiệm rất rõ-ràng để chứng-minh những điều thầy giảng-dạy.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— Phòng thí-nghiệm nói trong bài là phòng thí nghiệm ở đâu ? — Kể những dụng cụ trong phòng thí-nghiệm ấy — Phòng thí-nghiệm thô-sơ này đã giúp cho học-sinh được xem gì ?

## HỌC TIẾNG

- Danh-từ** : kính hiển-vi — phong-vũ-biểu — cân tiêu-ly — nhiệt-kế — bình-cầu — ống nghiệm.  
**Tính-từ** : (phòng thí-nghiệm) thô-sơ, vĩ-đại.  
**Động-từ** : thí-nghiệm — chứng-minh.  
**Tục-ngữ** : *Con mắt là một đòn cân.*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Phòng thí-nghiệm** : (thí : thử ; nghiệm : xét) nơi các nhà khoa-học thử để xét về kết-quả của một luật khoa-học, hoặc tìm-tòi những luật khoa-học khác. **Kính hiển-vi** : kính dùng để soi những cái rất nhỏ, mắt thường không trông thấy, như vi-trùng. **Phong vũ-biểu** : (phong : gió ; vũ : mưa ; biểu : bảng kê) dụng-cụ để ghi áp-suất của không-khí xem mà đoán thời-tiết. **Cân tiêu-ly** : cân rất nhạy và rất chính-xác dùng để cân vàng, bạc, vị thuốc hay các chất hóa-học để làm thí-nghiệm. **Nhiệt-kế** : (nhiệt : sức nóng ; kế : tính-toán) dụng-cụ để đo nhiệt-độ. **Bình-cầu** : bình thủy tinh có bầu tròn như quả banh, có cổ dài, thường dùng để đun, nấu, trong phòng thí-nghiệm. **Ống-nghiệm** : ống thủy-tinh dùng để đựng những chất đem làm thí-nghiệm. **Thô-sơ** : sơ sài. **Vĩ-đại** : (vĩ và đại đều nghĩa là lớn) lớn lắm. **Thí-nghiệm** : thử, để xét kết-quả. **Chứng-minh** : bày ra cho thấy rõ-ràng. **Con mắt là một đòn cân** : có thể lấy mắt mà ước đoán trọng-lượng được.

### BÀI TẬP :

Vi-trùng, phải nhìn qua . . . . . mới thấy. Những chất lỏng đem làm thí-nghiệm đều đựng trong những . . . . .  
Khi làm thí-nghiệm, người ta dùng . . . . . để đo nhiệt-độ, dùng . . . . . để đo áp suất không khí ; có khi phải dùng . . . . . để cân, và dùng . . . . . để nấu các chất.



**2.— PHÒNG THÍ-NGHIỆM** (tiếp theo)

**BÀI ĐỌC.**— Một hôm, chúng tôi được coi thầy trình bày phép cất nước. Qua cái bình-cất bằng thủy-tinh, chúng tôi đã theo dõi những hiện-tượng của sự bốc hơi và sự ngưng hơi. Một hôm khác, thầy dùng vài dụng cụ thô-sơ để khảo-sát một vài định-luật về sự nở của vật-chất. Một hôm khác nữa, thầy đã dùng tranh vẽ mà giảng về phép tổng-hợp và phép phân-tích nước. Thật tình, chúng tôi chẳng hiểu gì lắm. Thầy biết thế, chép miệng nói: « Một thí-nghiệm chính-xác bằng cả vạn lời nói suông. Nhưng muốn làm thí-nghiệm về hai điểm này, cần những dụng cụ tối-tân cơ nhưng không có ».

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Khi xem thầy giáo trình-bày phép cất nước học-sinh được chứng-kiến những hiện-tượng gì ? — Người học-sinh nói trong bài còn được xem thầy làm gì nữa ?*

**HỌC TIẾNG**

**Danh-từ** : bình cất — hiện-tượng — định-luật — phép tổng-hợp — phép phân-tích.

**Tính-từ** : (dụng-cụ) tối-tân — (một thí-nghiệm) chính-xác.

**Động-từ** : khảo-sát (định-luật) — tổng-hợp — phân-tích.

**Thành-ngữ** : Sai một li, đi một dặm.

**GIẢI-NGHĨA.**— **Bình-cất** : bình cò cong, dùng để cất nước trong phòng thí-nghiệm. **Hiện-tượng** : những gì giác-quan ta có thể nhận thấy ; những sự lạ. **Định-luật** : (định : không thay đổi) luật luôn luôn đúng. **Tối-tân** : (tối : lắm ; tân : mới) rất mới. **Chính-xác** : thật đúng. **Khảo-sát** : xem xét cẩn-thận. **Tổng-hợp** : cho nhiều chất hợp lại với nhau theo công-thức để làm ra chất khác. **Phân-tích** : phân một chất ra để xem nó do những chất gì làm thành. **Sai một li, đi một dặm** : chỉ sai một chút, kết-quả sẽ sai đi nhiều.

**BÀI TẬP.**— 1— Giải nghĩa : định-luật, tối-tân.

2— Bình-cất dùng để làm gì ?

3— Tìm tiếng phản-nghĩa với phân-tích.

**LẦN ĐẦU TIÊN TỚI PHÒNG THÍ-NHIỆM**

1.— Lần đầu tiên bước vào phòng thí-nghiệm, có lẽ em đã ngạc-nhiên trở mắt nhìn nào chai, nào lọ, nào bình cầu, ống nghiệm, bình cổ cong... Và, trong thâm-tâm, có lẽ em rất muốn biết những thứ đó để làm gì. Có lẽ em đã sung-sướng khi nhận ra cái kính hiển-vi, cái cân thiên-bình bày trong tủ kính, cái nhiệt-kế, cái phong-vũ-biểu treo trên tường. Những thứ ấy, em chỉ mới biết qua-loa và có thể chưa bao giờ em được mó đến.

2.— Tất-nhiên rồi em sẽ được biết công-dụng và cách dùng những thứ em vừa thấy. Nhưng liệu em có dám tin rằng những dụng-cụ ấy sẽ làm cho em trở nên một nhà khoa-học hay không? Em cần phải tin điều đó. Bởi vì trước em, đã có những cậu bé cũng tới phòng thí-nghiệm lần đầu tiên với cái dáng ngỡ-ngàng như em, với tấm lòng mong-ước như em, và nay họ đã thành những nhà bác-học. Nếu em có đủ lòng tin thì những bước đầu tiên ở phòng thí-nghiệm cũng sẽ giúp được cho em trở thành nhà bác-học.

**VĂN-LANG**

**GIẢI NGHĨA.**— Bình cổ cong : bình cổ dài và cong dùng để cất, chưng. Thâm-tâm : chỗ sâu và kín trong lòng ; đáy lòng. Biết qua-loa : biết sơ-sơ. Ngỡ-ngàng : lấy làm lạ-lùng.

**Ý-TUỞNG.**— Kể một vài dụng-cụ thường thấy trong phòng thí-nghiệm. Phong-vũ-biểu dùng để làm gì? — Có những cậu bé đã tới phòng thí-nghiệm lần đầu tiên với lòng mong ước gì?

**LỜI-VĂN.**— Trong đoạn đầu, những tiếng nào cho ta thấy cậu học-sinh ngạc-nhiên? Thay từ-ngữ « trong thâm-tâm » bằng từ-ngữ khác.

**DÀN BÀI**

- 1 — Tâm-trạng của người học-sinh tới phòng thí-nghiệm lần đầu tiên.
- 2 — Phòng thí-nghiệm có thể giúp học-sinh trở thành nhà bác-học.

**ĐẠI-Ý.**— Lần đầu tiên bước vào phòng thí-nghiệm ta sẽ ngỡ-ngàng, nhưng với lòng tin-tưởng mạnh-mẽ, ta có thể trở nên nhà bác-học.

**PHÁT-ÂM.**— trở mắt — sung-sướng — qua-loa — ngỡ-ngàng — mong-ước.

## Tập đọc — học-thuộc-lòng

### LỜI ỚNG TIÊM

- 1 — Tôi chỉ là cái ống tiêm bé nhỏ,  
Mà nhà thương hâm-mộ nhất tôi.
- 2 — Sáng tinh-sương là ra khỏi hộp rồi,  
Tay ngà ngọc đón mời vào xoong nước.  
Tiếng lửa phụt, hơi cồn xông thơm nức,  
Rồi nước reo, tôi thấy ấm ran lòng.  
Lòng khiết-tinh, tôi nằm lót đệm bông,  
Đâu cần đến là mở lòng tế-độ.  
Thuốc cay đắng hay độc chẳng, há sợ ?  
Nếu cần ra tôi sống rõ đầy lòng,  
Và qua kim truyền nhẹ nhẹ ung-dung,  
Vào thớ thịt, dưới da trong huyết quản.
- 3 — Trừ lũ vi-trùng gây rối loạn,  
Trả thẳng-bằng cho hàng vạn con người.

VĂN-HANH

**GIẢI-NGHĨA.** — Hâm-mộ : yêu chuộng. Khiết-tinh : trong-sạch. Tế-độ : cứu-giúp. Ung-dung : khoan - thai, nhẹ-nhàng.

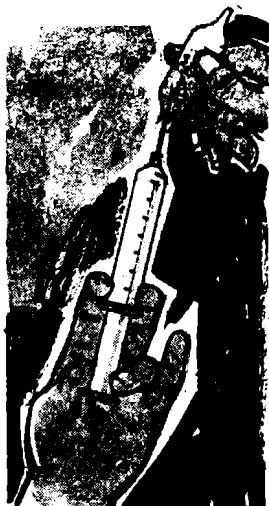
**Ý-TUỞNG.**— Ống tiêm cho rằng nơi nào hâm-mộ nó nhất ? — Trước khi tiêm, người ta phải sửa-soạn ống tiêm ra sao ? — Lúc ống tiêm rồi, người ta giữ nó cách nào cho sạch ? — Ống tiêm tận-tụy với bệnh-nhân như thế nào ?

**LỜI VĂN.**— Câu nào trong bài chứng tỏ rằng ống tiêm chuyên-cần ? — « Phụt » cho ta thấy lửa cháy như thế nào ?

**DÀN BÀI.**— 1— Cái ống tiêm tự giới-thiệu.  
2— Sự sinh-hoạt hằng ngày của ống tiêm.  
3— Ống tiêm tự-hào đã giúp ích cho đời.

**ĐẠI-Ý.**— Cái ống tiêm tự-hào về công-dụng của mình.

**PHÁT-ÂM.**— tinh-sương, thơm nức, ấm ran lòng.



## Chánh-tả

### 1.— PHÒNG THÍ NGHIỆM CỦA Ê-ĐI-SƠN

Mới 11 tuổi, cậu Ê-đi-sơn đã lập ra một phòng thí-nghiệm nhỏ ở hầm nhà. Năm sau, cậu xin được bán báo và kẹo trên xe lửa, lại được viên trưởng-xe cho phép đặt phòng thí-nghiệm trong toa chở thư. Nhờ vậy, những lúc rỗi-rỗi, cậu có chỗ đọc sách, hay làm vài thí-nghiệm.

Chính từ cái phòng thí-nghiệm thô-sơ ấy mà cậu trở nên một nhà phát minh đại-tài với rất nhiều bằng sáng-chế.

Mỗi khi bật đèn điện, vặn máy hát, mở máy thâu-thanh, chúng ta hãy nhớ tới và suy-ngẫm về những bước đầu khiếm-tốn của vị thần-đồng ấy.

#### THIỆN-CHÍ

GIẢI-NGHĨA.— Ê-đi-sơn : tên một nhà bác-học Hoa-Kỳ đã sáng-chế rất nhiều thứ, nhất là những thứ máy về điện. Trưởng-xe : người chỉ-huy đoàn xe. Thần-đồng : trẻ còn nhỏ mà đã có khiếu thông-minh dị-thường.

CÂU HỎI.— *Lúc còn nhỏ, Ê-đi-sơn đặt phòng thí-nghiệm ở những nơi nào ? — Những phòng thí-nghiệm ấy đã giúp gì cho cậu ? — Kể vài phát-minh của Ê-đi-sơn.*

ĐẠI-Ý.— Phòng thí-nghiệm thô-sơ của Ê-đi-sơn là bước đầu dẫn-dắt ông tới những phát-minh nổi tiếng.

#### CÂU HỎI CHÁNH-TẢ

1 — Giới-nghe : phát-minh, đại-tài, rỗi-rỗi.

2 — Kể vài phát-minh của Ê-đi-sơn.

3 — Tìm 2 từ-ngữ ghép có tiếng sáng như sáng-chế.

4 — Tìm một loại-từ chung và một loại-từ riêng trong câu « Chính từ... bằng sáng-chế ».

## Chánh-tả

### 2.— LẦN ĐẦU TIÊN TỚI PHÒNG THÍ-NGHIỆM

Viết lại đoạn trong bài tập đọc :

1 — Từ : « Lần đầu tiên » đến « ...bình cồ cong » ;

2 — Từ : « Nhưng liệu... » đến « những nhà bác-học ».



## Văn-phạm

## MẠO-TỪ

Có 3 mạo-từ : cái, các, những.

Mạo-từ **cái** đặt trước một danh-từ có loại-từ để nhấn mạnh vào danh-từ ấy.

Thí-du : **Cái** con dao này sắc quá !

Mạo-từ **các** và **những** : đặt trước danh-từ để chỉ số nhiều.

Thí-du : **Các** ngày nghỉ đã được định trước cả.

**Những** người chăm-chỉ đều thành công.

Chú-ý : Phải phân-biệt **cái** mạo-từ và **cái** loại-từ. **Cái**, mạo-từ, đứng trước một danh-từ có loại-từ. **cái** loại từ đứng liền trước danh-từ .

Thí-du : **Cái** con dao này sắc quá (cái : mạo-từ ; con : loại-từ ; dao : danh-từ).

Cái bàn kia đẹp (cái : loại-từ ; bàn : danh-từ).

BÀI TẬP. — « Cái con chó này hỗn quá ! Cái trứng vừa đẻ đây, nó đã ăn mất rồi ! ». Tiếng **cái** nào là mạo-từ ? — Tiếng **cái** nào là loại-từ ?

## Tập làm văn

## Tả một con gà trống

DÀN BÀI.—

I.— MỞ BÀI : Em trông thấy con gà trống vào dịp nào ? Ở đâu ?

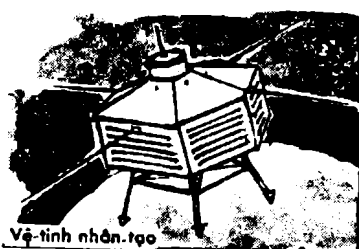
II.— THÂN BÀI : 1) Hình-dáng : lông màu gì ? Lớn cỡ nào ? Vẻ ?  
2) Các phần : đầu (mào, tích, mỏ, mắt...); cổ, mình (lông, cánh, ức, bụng); chân (đùi, cẳng, vây, móng, cựa) ; đuôi.  
3) Tính-tình : hay gáy, xông-xáo, hiếu-chiến, ra vẻ ta đây...

III.— KẾT-LUẬN : Cảm-trưởng của em.

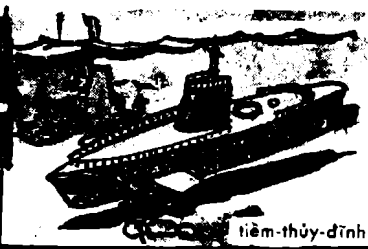
## Tập viết

Chữ hoa (chữ khò lớn, vừa và nhỏ)

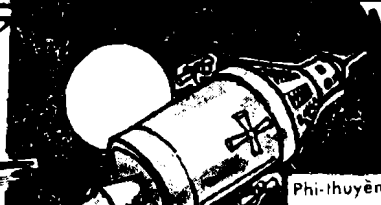
*B* Bóc ngắn cần dài



Vệ-tinh nhân-tạo



Tiêm-thủy-dĩnh



Phi-thuyền

## Ngữ-vựng

# TUẦN LỄ

11

### BÀI ĐỌC

### I. — SỰ SÁNG-CHẾ

Niu-tơn xưa thấy quả táo rơi mà suy ra trọng lực. Phải chăng đó là một sự ngẫu-nhiên ?

Không, những người có óc phát-minh đều có khiếu nhận-xét tinh-tế, có óc tưởng-tượng phong-phú, có tính ham suy-tưởng. Nhờ thế, họ khám-phá ra những luật thiên-nhiên, đề xây-dựng nên giả-thuyết, rồi đi đến những định-luật hay những sáng chế hữu-ích.

Nhờ những bộ óc vĩ-đại như thế mà nhân-loại càng ngày càng tiến-bộ.

**TẬP NÓI CHUYỆN.** — Nhà bác-học nào đã khám-phá ra trọng-lực ? — Khiếu nhận xét và óc tưởng-tượng của người có óc phát-minh thế nào ? — Nhờ khiếu nhận xét và óc tưởng-tượng họ dễ nhận ra những gì ? — Nhờ đó họ đã làm được những việc gì ?

### HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : óc phát-minh — sự sáng-chế      óc tưởng tượng  
— giả-thuyết — định-luật.

**Tính-từ** : (khiếu nhận xét) tinh-tế — (óc tưởng-tượng) phong-phú.

**Động-từ** : sáng-chế — khám-phá.

**Thành-ngữ** : Cởi-thiện đời sống.

**GIẢI-NGHĨA.**— **Sự sáng-chế** : (sáng : khởi đầu ; chế : đặt ra) sự làm ra trước nhất cái gì chưa từng có. **Óc phát-minh** : tài tìm ra cái gì chưa ai biết. **Óc tưởng-tượng** : tài nghĩ ra cái gì chưa có trong thực-tế. **Giả-thuyết** : (giả : ví phỏng ; thuyết : ý đề-xương ra) thuyết tạm đặt ra để giải-thích một điều khó hiểu. **Định-luật** : (định : không thay đổi) luật luôn luôn đúng. **Tinh-tế** : rành-rẽ. **Khám-phá** : tìm ra. **Cải-thiện đời sống** : làm cho đời sống tốt đẹp hơn.

### BÀI TẬP

Người có óc phát-minh có khiếu . . . . . tinh-tế, có óc tưởng-tượng. . . . . , có tinh-thần ham suy-trưởng. Đầu tiên, họ xây-dựng nền. . . . . rồi mới đi đến những. . . . . hay những . . . . . hữu ích.

## Ngữ-vựng

### 2. — SỰ SÁNG CHẾ (tiếp theo)

**BÀI ĐỌC.**— Một người chết từ đầu thế-kỷ, nếu sống lại, ắt không tin rằng có tàu ngầm nguyên-tử, vệ-tinh nhân-tạo. Nhưng họ sẽ ngỡ-ngàng biết bao khi sử-dụng những sáng-chế kỳ-diệu như máy thâu - thanh, máy vô-tuyến truyền-hình. Và có lẽ, họ sẽ bỏ chạy khi thấy trên trời những phi-cơ phản-lực khổng lồ, gầm như sấm, bay nhanh như cắt. Họ cũng sẽ sung sướng thấy đời sống đầy đủ tiện-nghi, thấy những thuốc trụ-sinh trừ được cả bệnh lao, bệnh cùi v.v.:

Hơn thế nữa, họ sẽ vô cùng ngạc nhiên nghe nói người ta đã dùng phi-thuyền lên mặt trăng và khám-phá ra nhiều điều mới lạ ở đó.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Kể những sáng-chế người ta dùng để khám phá không-gian. — Kể những tiện-nghi ta được hưởng trong đời sống hằng ngày. — Theo em biết vũ-khí có sức tàn-phá kinh-khủng nhất hiện nay là gì ?*

### HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : tàu ngầm nguyên-tử — vệ-tinh nhân-tạo — máy vô-tuyến truyền-hình — phi-cơ phản-lực — thuốc trụ-sinh — phi-thuyền.

**Tinh-từ** : (sáng-chế) kỳ-diệu — (phi-cơ phản-lực) khổng lồ

**Động-từ** : sử-dụng — phóng (vệ-tinh nhân-tạo)

**Thành-ngữ**: Nhanh như cắt.

**GIẢI-NGHĨA.**— Tàu ngầm nguyên-tử : tàu lặn chạy bằng sức mạnh của nguyên-tử. Vệ-tinh nhân-tạo : tinh-cầungười ta chế-tạo ra. Máy vô-tuyến truyền-hình : máy dùng vô-tuyến-điện truyền được cả lời nói và hình đi xa. Phi-cơ phản-lực : máy bay không dùng cánh quạt mà dùng máy phản-lực phun hơi ra phía sau để đẩy đi. Thuốc trụ-sinh : thuốc chống vi-trùng, như pê-ni-xi-lin, ô-rê-ô-mi-xin... Kỳ-diệu : khéo-léo lạ-lùng. Sử-dụng : (sử : sai-khiến ; dụng : dùng) dùng theo ý mình. Nhanh như cắt : (cắt : một loài chim dữ, giống như diều-hâu, bay rất nhanh) bay nhanh lắm.

**BÀI TẬP.**— 1) Giải-nghĩa : tàu ngầm, kỳ-diệu.

2) Máy thu- thanh và máy vô-tuyến truyền-hình khác nhau ra sao ?

3) « Nhanh như cắt » : người ta còn nói « nhanh » như gì nữa ?

## **Tập đọc**

### **NHỮNG PHÁT-MINH ĐẦU TIÊN**

1.— Những cuộc khám-phá và sáng-chế quan-hệ nhất đã xảy ra trong thời tiền-sử.

Người đầu tiên đã tìm cách tạo ra lửa, cái bánh xe, cái thuyền, con dao, cái khung cửi, thực sự đã làm biến đổi hẳn đời sống của nhân-loại. Những sự phát-minh đó, ngày nay ta coi là tầm thường, nhưng vào thời tiền-sử, đã có tính-cách vô-cùng quan-trọng.

2.— Những nhà phát-minh đầu tiên này đâu có được hóp-thụ một nền giáo-dục khoa-học ? Rất có thể những phát-minh của họ chỉ là ngẫu-nhiên mà thôi.

Xét kỹ thân-thể các nhà phát-minh, ta thấy rằng đa-số không phải là những người ở trong nghề. Người chế ra máy kéo sợi chẳng hạn, chỉ là một bác thợ cạo thất-học. Người chế ra máy dệt là một tu-sĩ kiêm thi-sĩ. Chính vì vậy mà có nhiều nhà kinh-tế học chủ-trương rằng có một linh-tính sáng-tạo đã giúp một số cá-nhân khám-phá hoặc sáng-chế những cái mới lạ.

*Theo VŨ-QUỐC-THỨC*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Phát-minh** : do trí thông-minh làm ra cái gì mới lạ, chưa từng có. **Thời tiền-sử** : thời trước khi có lịch-sử. **Hấp-thụ** : tiếp nhận, chịu ảnh-hưởng. **Linh-tính sáng tạo** : khả-năng làm ra những cái gì mới lạ, do trời phú cho.

**Y-TƯỜNG.**— *Những cuộc khám-phá và sáng-chế quan-hệ nhất đã xảy ra trong thời-kỳ nào ? — Hãy kể một vài phát-mình quan-trọng thời đó ? — Đa-số các nhà phát-minh đầu tiên có phải là người trong nghề không ? Cho thí-dụ.*

**LỜI VĂN.**— « *Sáng chế* » và « *chế-tạo* » khác nhau thế nào ? — *Tu-đĩ* *kiếm thi-sĩ* : « *kiếm* » nghĩa là gì ? Đặt một câu với tiếng đó.

**DÀN BÀI.**— 1) Những phát-minh tầm thường thời tiền-sử rất quan-trọng.

2) « *Linh-tính sáng-tạo* » giúp một số người không phải là chuyên-môn trở thành những nhà phát-minh.

**ĐẠI-Ý.**— Những cuộc khám-phá và sáng-chế một phần là do « *linh-tính sáng-tạo* » mà ra.

**PHÁT-ÂM.**— sáng-chế — xảy ra      tiền-sử — chủ-trương.

## Tập-đọc — học-thuộc-lòng

### ĐOÀN - KẾT LẠI !

- 1 — Đoàn-kết lại, hỡi công dân nước Việt !  
Từ Trưng-vương, Lê Lợi đến Quang-Trung,  
Toàn dân ta đã khỉ-phách anh-hùng,  
Xiết chặt khối, chống quân thù quyết-liệt !
- 2 — Đoàn-kết lại, hỡi công dân nước Việt !  
Nêu tinh-thần dân-chủ quật-cường lên !  
Gái như trai đều chl vững gan dên,  
Chung sức sống bảo-tồn non-nước Việt !
- 3 — Đoàn-kết lại, đã đến giờ quyết-liệt,  
Tay nắm tay, tiến tới nguyện hy-sinh  
Cho tự-do, cho độc-lập, hòa-bình.  
Cho Tđ-quốc muôn năm hờn bất-diệt !

Theo NGUYỄN-VỸ



**GIẢI-NHĨA.**— **Khí-phách** : tinh mạnh mẽ của người ta. **Quật-cường** : (quật : cứng-cỏi ; cường : mạnh) : cứng-cỏi, không chịu dè ai dè nén. **Bảo-tồn** : (bảo : giữ-gìn ; tồn : còn lại) giữ-gìn cho khỏi mất đi. **Bất-diệt** : không bao giờ mất.

**Ý-TUỞNG.**— *Xưa dân ta đã nhiều phen chống quân thù nào ? — Kể tên mấy vị anh-hùng cứu-quốc. — Tác-giả hô hào dân ta chung sức lại để làm gì ? — Tác-giả hô hào dân ta hy-sinh cho những gì ?*

**LỜI VĂN.**— « *Gái như trai đều chí vững...* » : tìm tiếng đồng âm với chí — Tìm một câu tục-ngữ có hai tiếng « đoàn-kết ».

- DÀN BÀI.**— 1— Xưa tổ tiên ta đã đoàn-kết chống quân thù.  
2— Tác-giả hô hào đoàn-kết để bảo-tồn đất nước  
3— Tác-giả hô hào đoàn-kết lại để tranh-thủ tự-do, độc-lập, hòa-bình.

**ĐẠI-Ý.**— Tác-giả hô-hào dân ta noi gương tổ tiên mà đoàn-kết lại để bảo-tồn đất nước.

**PHÁT-ÂM.**— **Trung-vương, xiết-chặt, hy-sinh, bất-diệt.**

## Chánh-tà

### I. — PHẢI SÁNG-TẠO

Trong các loài, duy loài người có óc sáng-tạo. Con ong làm tổ khéo thay, cây hồng nở hoa thật đẹp. Nhưng tổ ong tuy khéo, hoa hồng tuy đẹp mà xưa thế nào, nay vẫn vậy, có khéo hơn, đẹp hơn được đâu ?

Chúng ta hãy tạ ơn Thượng-đế đã ban cho chúng ta bộ óc sáng-tạo, và hãy trang-trọng mà sử-dụng « món quà » trời ban ấy. Nếu chúng ta chẳng biết tìm ra cái mới-mẻ, chỉ bo-bo sống trong khuôn-sáo cũ, thì tức là tỏ ra bội-bạc đối với Thượng-đế vậy.

Theo NGUYỄN-VAN-XUÂN

**GIẢI-NHĨA.**— **Sáng-tạo** : làm ra cái gì mới mẻ, **Trang-trọng** : kính-cần. **Bo bo** : cố giữ lấy, không chịu rời bỏ. **Khuôn-sáo** : mẫu-mực đã lỗi thời.

**CÂU HỎI.**— Trong các loài, loài nào có óc sáng-tạo? — Kể thí dụ trong bài chứng tỏ cây cỏ và loài vật không có óc sáng-tạo. — Nếu ta không biết tìm ra cái mới mẻ thì có lỗi gì với Thượng đế?

**ĐẠI-Ý.**— Chúng ta phải biết dùng bộ óc sáng-tạo mà Thượng-đế đã ban cho.

**NHẬN XÉT CHÁNH-TÀ.** khéo thay — trang trọng — món quà — khuôn-sáo.

**CÂU HỎI CHÁNH-TÀ**

- 1) Giải-nghĩa : Thượng-đế, sử-dụng, bội-bạc.
- 2) Nhờ đâu ta tìm ra được những cái mới lạ?
- 3) Tìm tiếng phản-nghĩa với : khéo, mới-mẻ.
- 4) Tìm tiếng mạo-từ trong câu thứ nhất bài chánh-tà.

**Chánh-tà**

**2.— NHỮNG PHÁT-MINH ĐẦU TIÊN**

Viết đoạn 1 bài tập-đọc

**Văn-phạm**

**ĐẠI-DANH-TỪ**

Đại-danh-từ là tiếng dùng thay cho danh-từ.

Thí-dụ : Ba chăm học. Anh được thầy khen luôn. (Anh : thay cho Ba).

Em tôi học lớp năm. Nó ngoan lắm (Nó : thay cho em tôi).

**NHÂN-VẬT ĐẠI-DANH-TỪ**

Nhân-vật đại-danh-từ dùng thay thế cho người, con vật, đồ-vật.

Thí-dụ : — Tôi đã nói với anh rằng hân rất tốt.

— Con chó của tôi rất lớn. Nó tên là Ki-ki.

Nhân-vật đại-danh-từ gồm có:

	NGÔI THỨ I	NGÔI THỨ II	NGÔI THỨ III
SỐ ÍT	ta, tôi, tao, tớ, qua...	mày, mi, anh, người...	nó, hân, y, va...
SỐ NHIỀU	chúng ta, chúng tôi, chúng tao, tụi tôi...	chúng mày, chúng bay, các anh...	họ, chúng nó, tụi nó, bọn hân...

**Chú ý :** Những tiếng đề xưng hô với người trong họ-hàng cũng có thể liến thành đại-danh-từ như : ông, bà, chú, bác, cô, dì, cậu, mợ, anh, chị...

**BÀI TẬP.**— Tìm những nhân-vật đại-danh-từ trong câu sau đây và nói rõ ngôi thứ : Anh hãy cho tôi biết tại sao chúng nó nghỉ .

### **Tập làm văn**

---

**Em đã trông thấy một con bò, hãy tả ra.**

#### **DÀN BÀI.**

**I.— MỞ BÀI** : Em trông thấy con bò ở đâu ? Lúc nào ? Nó đang làm gì ?

**II.— THÂN BÀI** : 1) Hình-dạng toàn-thể ; sắc lông ; cao, to thế nào ? Vẽ hiền lành hay dữ-tợn.

2) Các phần : đầu (sừng,tai,mắt,mõm); cõ (yếm), mình chân, đuôi.

3) Hoạt-động của con bò lúc em trông thấy.

**III.— KẾT-LUẬN** : Em có ý nghĩ gì về con bò ?

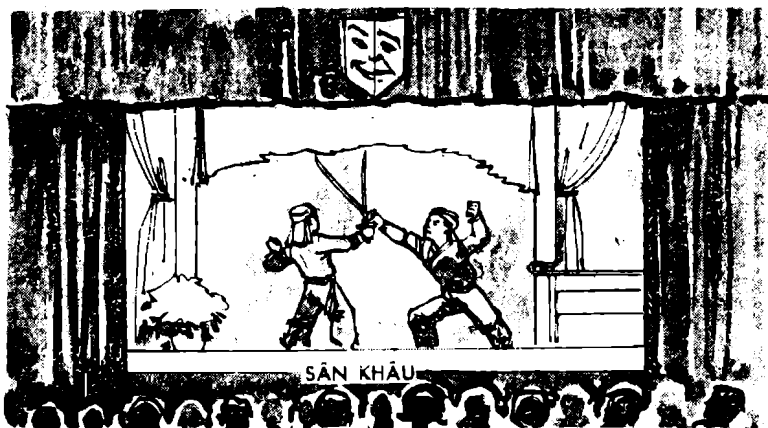
### **Tập viết**

---

Chữ hoa (chữ khò lớn, vừa và nhỏ)

*R Ràng vàng thì nắng*





**Ngũ-vương**

**TUẦN LỄ 12**

## I.— CÁC NGÀNH VĂN-HÓA

### BÀI ĐỌC

Văn-hóa chỉ chung những sản-phẩm tinh-thần của một xã-hội như tôn-giáo, giáo-dục, văn-chương, pháp-luật, triết-học, khoa-học, nghệ-thuật.

Mỗi xã-hội có một nền văn-hóa riêng. Dân-tộc ta chịu ảnh-hưởng văn-hóa của Trung-hoa, Ấn-độ và Tây-phương, nhưng đã biết chọn-lọc lấy những tinh-hoa của người mà tự tạo lấy một nền văn-hóa riêng biệt.

Trong việc bồi đắp văn-hóa nước nhà, chúng ta phải tôn-trọng những giá-trị cò-truyền của dân-tộc.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— Văn-hóa gồm những gì? — Nền văn-hóa Việt-nam chịu ảnh-hưởng của nền văn-hóa nào? — Ta đã biết chọn-lọc tinh-hoa văn-hóa nước ngoài để làm gì? — Trong việc bồi đắp văn-hóa nước nhà, ta phải tôn-trọng điều gì?

### HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : văn-hóa — văn-chương — pháp-luật — triết-học — nghệ-thuật.

**Tinh-từ** : (văn-hóa) cò-truyền, ngoại-lai.

**Động-từ** : Bồi-đắp (văn-hóa) — chọn-lọc.

**Thành-ngữ** : Bốn ngàn năm văn-hiến.

**GIẢI-NHĨA.**— Văn-hóa : chỉ chung những sinh-hoạt tinh-thần như tôn-giáo, pháp-luật... Văn-chương : nói chung về các bài văn có lời hay, ý đẹp. Pháp-luật : phép nước đặt ra bắt mọi người phải theo. Triết-học : môn học nghiên-cứu về nguồn gốc và cùng-dịch của vạn-vật. Nghệ-thuật : phép phở diễn cái đẹp như thơ, nhạc, kịch... Cờ-truyền : (cờ : đời xưa ; truyền : trao lại) do tổ-tiên để lại. Bồi-đắp : (bồi ; vun bón, bù thêm vào ; đắp : phụ thêm đất lên) bù thêm vào cho hơn mãi lên. Chọn-lọc : lựa kỹ-càng. Bốn ngàn năm văn-hiến : ý nói nước Việt-nam đã có văn-hóa từ lâu đời.

**BÀI-TẬP.**— 1— Giới-nghĩa: nghệ-thuật, cờ-truyền.

2— Văn-chương gồm những gì ?

3— Dân-tộc ta chịu ảnh-hưởng văn-hóa của những dân-tộc nào ?

## Ngữ-vựng

### 2.— CÁC NGÀNH VĂN-HÓA (tiếp theo)

#### BÀI ĐỌC

Từ ngày nước nhà lấy lại chủ-quyền, các ngành văn-hóa hoạt-động hẳn lên. Văn-nhân, thi-sĩ, ký-giả xuất-hiện nhiều. Nhật-báo, nguyệt-san, tuần-san... góp mặt đông-đảo trong làng báo. Những văn-phẩm, thi-phẩm đua nhau ra mắt độc-giả. Nhiều tác-phẩm xưa bị thực-dân cấm, nay được tự-do xuất-bản.

Với đà tiến-triển của ngành sách báo, người ta hy-vọng sẽ được đọc những áng-văn kiệt-tác, những bài thơ bất-hủ.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Người viết văn gọi là gì ? — Người làm thơ ? — Người viết báo ? — Em hãy kể tên vài nhật-báo, vài nguyệt-san, vài tuần-san.*—*Nói tên một thi-phẩm bất-hủ của Nguyễn-Du.*

#### HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : văn-nhân — thi-sĩ — ký-giả — nhật-báo — nguyệt-san — tuần-san — độc-giả.

**Tính-từ** : (áng-văn) kiệt-tác — (bài thơ) bất-hủ.

**Động-từ** : xuất-bản — sáng-tác.

**Thành-ngữ** : — *Nhà ngọc phun châu.*  
— *Xuất khẩu thành chương.*

**GIẢI-NHĨA.** — Văn-nhân : người viết văn — Thi-sĩ : người làm thơ. Ký-giả : người viết báo. Nhật báo : báo ra hằng ngày. Nguyệt-san : báo ra mỗi tháng một lần. Tuần-san : báo ra hằng tuần. Độc-giả : người đọc sách báo. Kiệt-tác : xuất-sắc hơn cả. Bất-hủ : (bất : không ; hủ : hư nát, không hợp thời) mãi mãi còn giá-trị. Xuất-bản : in thành sách. Sáng-tác : tự mình viết ra văn, làm ra thơ, vẽ nên tranh. Nhỏ ngọc phun châu : ý nói lời văn, lời thơ đẹp lắm. Xuất khẩu thành chương : mở miệng nói thành văn, thơ ; ý nói làm thơ nhanh lắm.

### BÀI TẬP

- 1— Giới-nghĩa : thi-sĩ, bất-hủ, xuất khẩu thành chương.
- 2— Báo ra hằng tháng gọi là gì ? — Báo ra nửa tháng một kỳ ? — Báo ra hằng tuần ?
- 3— Tìm 4 danh-từ ghép có tiếng *giả* như *ký-giả*.

### **Tập đọc**

### **SOẠN-GIẢ CA-KỊCH**

1.— Trước đây, ngành ca-kịch Việt-nam phát triển nhất về môn cải-lương. Các vở kịch được trình-diễn trước công-chúng chỉ có lượng mà thiếu phẩm.

2.— Từ khi nước nhà thu-hồi độc-lập, bộ môn sân-khấu cũng như các bộ môn khác trong ngành văn-hóa đã chuyển hướng. Các soạn-giả ca-kịch thi nhau sáng-tác. Trước đây họ bị cấm đoán phát-biểu mọi điều cảm-nghĩ, nay được cởi mở nên đã nói lên hết được nguyện-vọng của dân tộc. Các vở tuồng chống xâm-lãng như Đê-Thám, Nguyễn-thái-Học v.v... ra đời. Các vở tuồng dã-sử ca-ngợi những chiến-công oanh-liệt của tiền-nhân, những vở tuồng có tinh-cách xã-hội cũng được khán, thính-giả ưa thích, qua làn sóng điện hoặc trên sân-khấu.

3.— Trên đường phục-hung văn-ngệ, nhiều trường dạy diễn-xuất và ca-kịch đã được mở ra để đào-dắt những mầm non, huấn-luyện những kịch-sĩ, ngô-hầu làm vẻ-vang cho bộ môn ca-kịch.

*Theo TÂN-VIỆT-ĐIỀU*

**GIẢI-NHĨA.**— Sân-khấu : bực cao để trình-diễn ca-kịch.  
Đã-sử : sử của các tư-nhân viết. Oanh-liệt (oanh : tiếng động  
âm âm ; liệt : mạnh) : lưng lầy. Phục-hung : làm cho thịnh-  
vượng trở lại.

**Ý-TƯỞNG.**— Trước đây các vở kịch trình-diễn trước công-chúng  
thế nào ? — Bộ-môn sân-khấu ở nước ta chuyên hướng từ bao giờ ? —  
Sau cuộc chuyển hướng, thêm những loại tuồng nào ra đời ? — Trường  
đạy diễn-xuất và ca-kịch được mở ra với mục-đích gì ?

**LỜI VĂN.**— « Chỉ có lượng mà thiếu phẩm » nghĩa là gì ? — Tìm  
những từ-ngữ ghép có tiếng « kịch » như « kịch-sĩ ».

**DÀN BÀI.**— 1— Ngành ca-kịch Việt-nam trước khi thu-  
hồi độc-lập.

2— Sau khi thu-hồi độc-lập, các soạn-giả ca-  
kịch thi đua sáng-tác.

3— Việc đào-tạo các nghệ-sĩ tương-lai.

**ĐẠI-Ý.**— Từ ngày nước nhà thu-hồi độc-lập, ngành ca-  
kịch Việt-nam đã có nhiều tiến-bộ.

**PHÁT ÂM.**— trình-diễn — soạn-giả — đã-sử, đù-dắt.

## Tập đọc — học-thuộc-lòng

### CẬU BÉ BÁN BÁO

- 1 — Tôi chỉ là một trẻ con bán báo,  
Khắp phố phường chân sáo nhảy tung-tăng.  
2 — Cất tiếng rao lanh-lảnh vang đường,  
Tôi đem những món văn-chương chào khách.  
Này tạp-chí, này tân-văn, tôi cấp nách.  
Đón mời chừ mặc khách, tao-nhân.  
Trong xóm tân-văn, tôi không phải không cần,  
Ít chữ nghĩa, chỉ giữ chân bán báo.  
3 — Phận nhỏ mọn có chi mà vênh-váo,  
Nhưng bán văn-chương, ai dám bảo nghề hèn !

TÚ-MỜ



**GIẢI-NHĨA.** — **Tạp-chí** : tờ báo ra hằng tuần, hằng tháng, có nhiều chương-mục. **Tân-văn** : (tờ mới) thường dùng để chỉ tờ báo đăng tin-tức. **Mặc-khách** : người viết văn. **Tao-nhân** : người hay thơ. **Vênh-váo** : nói về bộ mặt ngếch lên, tỏ ý kiêu ngạo.

**Ý.TUỞNG.** — *Cậu bé tự giới-thiệu mình làm nghề gì ? — Cậu bé bán những loại báo nào ? — Vì lẽ gì cậu bé chỉ giữ chân bán báo ? — Tại sao cậu bé cho nghề bán báo không hèn ?*

**LỜI VẤN.** — *Từ-ngữ nào trong bài chứng tỏ cậu bé bán báo đạo ? — Thay thế từ-ngữ « ít chữ nghĩa » bằng những từ-ngữ khác. — Tìm một câu tục-ngữ ý nói nghề nào cũng quí.*

**DÀN BÀI.** — 1 — Cậu bé giới-thiệu nghề của mình.  
2 — Cậu bé hãnh-diện về công việc của mình.  
3 — Bán báo đâu phải nghề hèn !

**ĐẠI-Ý.** — Cậu bé giới-thiệu nghề của mình và tỏ ra rất hãnh-diện với nghề.

**PHÁT ÂM.** — chân sáo, lanh-lảnh, tân-văn, mặc-khách.

## Chánh-tả

### I. — TIÊU-THUYẾT CÓ LỢI GÌ ?

Ích-lợi quan-trọng nhất của tiêu-thuyết là dạy cho ta biết sống. Có những người sống như cây cỏ. Sống, đối với họ, dường như chỉ là ăn với ngủ, với chơi thôi. Nếu thế thì đời sống có gì là đáng quý ? Đời sống đáng quý là đời sống của tâm-hồn.

Chính tiêu-thuyết luyện cho tâm-hồn chúng ta trở nên phong-phú. Nhờ tiêu-thuyết, ta biết được nhiều trạng-thái của các tâm-hồn mà nhà văn diễn-tả : ta biết rung-động hơn, trước những vẻ đẹp của trời đất, trước những hành-vi cao quý của người trong truyện.

THẠCH-LAM

**GIẢI-NHĨA.** — **Tiêu-thuyết** : truyện, thường viết bằng văn xuôi. **Tâm-hồn phong-phú** : tâm-hồn giàu tình-cảm. **Hành-vi** : việc làm.

**CÂU HỎI.** — *Ích-lợi quan-trọng nhất của tiêu-thuyết là gì ? — Tiêu-thuyết đã luyện cho tâm-hồn ta trở nên thế nào ?*

**ĐẠI-Ý.**— Tiểu-thuyết đã dạy cho ta biết sống và luyện cho tâm-hồn ta trở nên phong-phú.

**NHẬN XÉT CHÁNH-TẢ.**— Tiểu-thuyết — dường như — trở nên — trong truyện.

### CÂU HỎI CHÁNH-TẢ

- 1— **Giải-nghĩa** : dường như, rung động, hành-vi.
- 2— Người viết tiểu-thuyết gọi là gì ?
- 3— Nói ích-lợi của tiểu-thuyết.
- 4— Tiếng « họ » trong câu « Sống, đối với họ.... » thuộc tu loại nào ? thay cho danh-từ nào ?

### Chánh-tả

### 2.— SOẠN-GIẢ CA-KỊCH

Viết đoạn 2 bài tập đọc.

### Văn-phạm

### ĐẠI-DANH-TỪ (tiếp theo)

Ngoài nhân-vật đại-danh-từ, còn có :

1.— **Chỉ-thị đại-danh-từ**, chỉ người hay vật nào mà ta chỉ vào hoặc trông vào mà nói, như : kia, đó, nọ, đây, này...

Thí-du : Đây là bạn tôi, Kia là em tôi.

2.— **Nghi-vấn đại-danh-từ**, đề hỏi cho biết người nào hay vật gì, như : ai, gì, chi...

Thí-du : Ai trả lời được ? Anh nói gì ?

3.— **Phiếm-chỉ đại-danh-từ**, đề chỉ trống không, như : ai, ai nấy, người ta.

Thí-du : Ở đời, ai cũng phải làm việc.

**Chú-ý** : Đừng lầm chỉ-định đại-danh-từ với chỉ-định-từ.

**BÀI TẬP.**— « Nghe tiếng gọi, ai nấy đều quay ra ». Tìm một phiếm-chỉ đại-danh-từ trong câu trên.

## Tập làm văn

Em đã trông thấy một con gà mẹ dẫn con đi kiếm mồi ; hãy tả lại .

### DÀN BÀI

I.— MỞ BÀI : Em trông thấy gà mẹ và đàn con lúc nào ? Ở đâu ?

II.— THÂN BÀI : 1.— Hình-dạng : tả gà mẹ, tả đàn con (chỉ nêu lên những điểm đặc-biệt).

2— Hoat-dộng : a) Gà mẹ : dẫn con bới đất tìm mồi, gọi con, nghe ngóng động-tĩnh.

b) Gà con : kêu chiêm-chiếp luôn mồm, chạy lảng-xăng, xô nhau lại khi mẹ gọi, tranh mồi nhau...

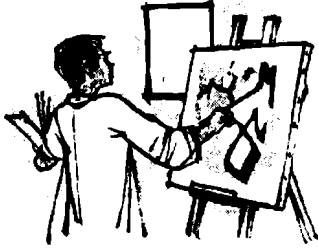
III.— KẾT-LUẬN : Cảm-tưởng của em trước tình thương yêu của gà mẹ đối với đàn con.



## Tập viết

Chữ hoa (chữ khò lớn, vừa và nhỏ)

D, Đ Đi thừa, về trình



**Ngữ-vựng**

**TUẦN LỄ 13**

## I.— CÁC NGÀNH VĂN HÓA (tiếp theo)

BAI ĐỌC.—

Các nghệ-sĩ khác như họa-sĩ, kịch-sĩ, nhạc-sĩ... đều có hoàn-cảnh thuận-tiện để phụng-sự nghệ-thuật. Văn-nghệ ở thủ-đô tỏ ra rất hoạt-động : nay một họa-sĩ trừ-danh triển-lãm tranh, mai một nhạc-sĩ tài-ba tấu-nhạc. Đôi ba tháng lại có cuộc triển-lãm nhiếp-ảnh, hoặc đại-hội ca-vũ nhạc-kịch. Thịnh-thoảng lại thêm một gánh hát ra mắt khán-giả, một hãng phim được thành-lập.

Sự hoạt-động đó chứng-tỏ rằng văn-nghệ của ta đang phát-triển.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Người có tài vẽ tranh gọi là gì ? — Người đóng kịch ? — Người giỏi âm-nhạc ? — Kể tên vài gánh hát mà em biết. — Kể một vài loại nghệ-sĩ.*

### HỌC TIẾNG

Danh-từ : nghệ-sĩ — họa-sĩ — kịch-sĩ — nhạc-sĩ — đại-hội ca-vũ-nhạc-kịch — gánh hát — hãng phim.

Tính-từ : (nghệ-sĩ) trừ-danh, tài.ba.

Động-từ : triển-lãm (tranh) — tấu (nhạc).

Thành-ngữ : Đàn ngọc, hát hay.



**GIẢI-NGHĨA.**— **Nghệ-sĩ** : người làm văn-nghệ. **Họa-sĩ** : người vẽ tranh. **Kịch-sĩ** : người đóng kịch. **Nhạc-sĩ** : người giỏi về âm-nhạc. **Đại hội ca-vũ-nhạc-kịch** : một cuộc trình-diễn văn-nghệ gồm đủ ca, múa, nhạc và kịch. **Trứ-danh** : nổi tiếng. **Tài-ba** : giỏi lắm. **Triển-lãm** : trưng bày các thứ đẹp khéo, cho người ta xem. **Tấu** : chơi nhạc, chơi đàn.

**BÀI TẬP.**— 1— *Triển-lãm* vốn là động-từ ; có thể biến-động từ ấy ra danh-từ bằng cách nào ?

2— Người ta nói *tấu* nhạc, . . . tranh . . . đàn, . . . kèn, . . . kịch.

3— Tìm 4 danh-từ ghép có tiếng *sĩ* như *nghệ-sĩ*.

## **Ngữ-vịng**

### **2. — CÁC NGÀNH VĂN-HÓA** (tiếp theo)

**BÀI ĐỌC.**— Chính-phủ có nhiều cách nâng-đỡ văn-nghệ-sĩ như giúp nhà văn xuất-bản tác-phẩm, giúp họa-sĩ triển-lãm họa-phẩm. Ngành văn-chương được khuyến-khích đặc-biệt bằng **Giải-thưởng văn-hóa toàn-quốc**. Bằng việc trao-đổi văn-hóa với các nước ngoài, Chính-phủ đã giúp cho văn-nghệ-sĩ thêm phương-tiện để trao-giới nghệ-thuật. Tóm lại, chính-phủ hằng lo bồi-đắp nền văn-hóa dân-tộc.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Chính-phủ đã nâng-đỡ văn-nghệ-sĩ bằng cách nào ? — Ngành văn-chương được khuyến-khích đặc-biệt như thế nào ? — Việc trao-đổi văn-hóa với các nước ngoài giúp gì cho văn-nghệ-sĩ ?*

### **HỌC TIẾNG**

**Danh-từ** : Văn-nghệ-sĩ — tác-phẩm — họa-phẩm — nghệ-thuật — cuộc triển-lãm.

**Tính-từ** : (văn-chương) lừng-lẫy — (văn-hóa) dân-tộc.

**Động-từ** : trao-giới (nghệ-thuật) — triển-lãm (họa-phẩm).

**Thành-ngữ** : Trao-đổi văn-hóa.

**GIẢI-NGHĨA**— **Văn-nghệ-sĩ** : chỉ chung những người viết văn và những người chuyên về nghệ-thuật. **Tác-phẩm** : sách vở hay đồ mỹ-thuật, do người nào làm ra. **Giải-thưởng Văn-chương toàn-quốc** : giải thưởng đặt ra, phát mỗi năm một lần, cho những tác-phẩm văn-chương xuất-sắc nhất. **Nghệ-thuật** : chỉ chung các môn mỹ-thuật như kiến-trúc, điêu-khắc, hội-họa,

âm-nhạc, thi-ca, kịch-nghe. Cuộc triển-lãm : cuộc trưng-bày các thứ đẹp, khéo, cho người ta xem. Lòng-lấy : (hay lấy-lừng) : vang động đâu đâu cũng biết. Trau-giỏi : làm cho tốt đẹp.

- BÀI TẬP.— 1— Giải-nghĩa : văn-nghe-sĩ, tác-phẩm, trau-giỏi.  
2— Tìm 2 tiếng ghép có tiếng phẩm như tác-phẩm.  
3— Kể một tác-phẩm văn-chương nổi tiếng Việt-nam.

### Tập đọc

### PHÒNG TRANH BÉ KÝ

1.— Nữ họa-sĩ đã trưng-bày chừng năm mươi họa-phẩm đủ các loại, từ tranh lụa, phấn màu đến hoạc-họa.

2.— Đề-tài rất phong-phú : nào chân-dung, phong-cảnh, nào hoa lá, cỏ cây, cả những cảnh sanh-hoạt trong gia-đình và xã-hội.

Bức tranh lụa « nhà thờ Hải-phòng » màu sắc tươi sáng, chiếc gác chuông cổ-kính vươn lên nền trời màu xanh nhạt của một buổi sớm mùa thu.

Bức « xem sách », bằng phấn màu, tả hai chị em ngồi xem sách bên khung cửa sổ.

« Bữa cơm nghèo », tranh lụa, tả một bữa cơm thanh-đạm của một gia-đình nghèo, bên cạnh con chó hếch mõm châu-chực những hạt cơm rơi. Họa-phẩm đã nói lên được cảnh nghèo và cũ-kỹ của thôn-quê.

3.— Từ một cô bé bán tranh, trở thành nữ họa-sĩ, Bé Ký đã tỏ ra cố-gắng rất nhiều qua cuộc triển-lãm này.

Theo VĂN-QUANG

GIẢI-NGHĨA.— Hoạc-họa : bức vẽ khôi hài. Đề-tài : (đề : đầu bài ; tài : vật-liệu dùng để chế tạo ra các vật) ý nói những cảnh-vật mà họa-sĩ chọn đề đưa vào họa-phẩm. Phong-phú : (giàu, thịnh) ý nói có nhiều loại khác nhau. Thanh-đạm : (trong và nhạt) ý nói bữa cơm có những món ăn rẻ tiền, ít thịt cá.

Ý-TUỞNG.— Bé Ký đã trưng bày bao nhiêu bức tranh ? — Những bức tranh ấy vẽ theo những đề-tài gì ? — Kể tên vài bức tranh nữ họa-sĩ đã trưng-bày. — Qua cuộc triển-lãm này Bé Ký tỏ ra thế nào ?

LỜI VẤN.— Tìm những từ-ngữ ghép có tiếng họa như họa-phẩm. — « Hếch mõm » là thế nào ?

- DÀN BÀI.**— 1— Bé Kỳ đã trưng-bày nhiều loại tranh.  
 2— Tranh trưng-bày gồm nhiều đề-tài khác nhau.  
 3— Nữ họa-sĩ đã tỏ ra cố-gắng rất nhiều.

**ĐẠI-Ý.**— Tác-giả tả phòng triển-lãm tranh của Bé Kỳ và nói lên sự cố-gắng của nữ họa-sĩ.

**PHÁT ÂM.**— họa-sĩ — trưng-bày — màu-sắc — côm rơi— triển-lãm.

## Tập đọc — học-thuộc-lòng



### ÔNG ĐỒ

- 1 — *Mỗi năm hoa đào nở,  
 Lại thấy ông đồ già,  
 Bày mực tàu giấy đỏ,  
 Bên phố đông người qua.*
- 2 — *Bao nhiêu người thuê viết  
 Tám-tắc ngợi khen tài.  
 Hoa tay thảo những nét,  
 Như phượng múa rồng bay,*
- 3 — *Nhưng mỗi năm một vắng,  
 Người thuê viết nay đâu ?  
 Giấy đỏ buồn không thắm,  
 Mực đọng trong nghiên sâu.*

**GIẢI-NGHĨA.**— Ông đồ : thầy dạy chữ Nho. Mực tàu : mực đen, đóng bánh, mài với nước lã để viết chữ Hán. Tám-tắc ngợi-khen : ngợi-khen nhiều lắm. Thảo : viết nhanh, viết thâu. Phượng múa rồng bay : ý nói chữ viết đẹp lắm. Nghiên : đồ dùng để mài mực tàu mà viết.

**Ý-TƯỞNG.**— Người ta thường thấy ông đồ viết chữ thuê trong dịp nào ? — Trước mặt ông đồ có những dụng-cụ gì ? — Tài viết chữ Nho của ông đồ được ngợi-khen như thế nào ? — Tại sao mỗi năm những người thuê viết lại vắng dần đi ?

**LỜI VĂN.**— Hình-ảnh nào báo hiệu Tết sắp đến ? — Những từ-ngữ nào cho ta thấy ông đồ được mọi người khen-ngợi ? — Hai câu cuối bài thơ gợi cho ta hình ảnh gì ?

## DÀN BÀI

- 1 — Mỗi năm Tết đến, lại thấy ông đồ ngồi viết mướn.
- 2 — Những người thuê viết và khen tài của ông.
- 3 — Người thuê viết mỗi năm một vắng, chỉ thấy ông đồ buồn-bã ngồi chờ khách.

ĐẠI-Ý.— Tác-giả mướn hình-ảnh ông đồ để nói lên sự suy-tàn của chữ Nho.

PHÁT-ÂM.— **bày** mực **tàu** — **tắm-tắc** — **rồng bay** — **sầu**.

## Chánh-tà

### I.— SÂN - KHẤU

Nhiều người đi xem hát, thường coi sân-khấu là chỗ cười đùa để giết thời-giờ, hoặc để vỗ tay tán-thưởng những đào kép mà họ ưa thích. Hiểu như thế là lầm. Sân-khấu phải đưa lại những cái gì đẹp-đẽ, những màu sắc huyền-ảo, khiến cho người ta say sưa và thích-thú. Nó phải vừa giải-trí, vừa rót vào tâm-hồn ta một lý-trưởng anh-hùng, một tinh-thần hy-sinh. Nó phải làm cho ta trốn thoát được, trong giây phút, đời sống khổ cực hằng ngày.

Chính cái sân-khấu ấy mới đáng cho ta yêu và tìm hiểu.

Theo NGUYỄN-THÀNH-CHÂU

GIẢI-NGHĨA.— Tán-thưởng : khen-ngợi. Giải-trí : làm cho trí óc được thanh-thoai.

CÂU HỎI.— *Nhiều người coi sân-khấu là chỗ để làm gì ? — Đứng ra sân-khấu phải được hiểu như thế nào ?*

ĐẠI-Ý.— Sân-khấu vừa là chỗ để giải-trí, vừa là nơi để giáo-dục quần-chúng.

NHẬN-XÉT CHÁNH-TÀ Màu - sắc — giải-trí — say-sưa

#### CÂU HỎI CHÁNH-TÀ

- 1 — Giải-nghĩa : sân khấu, đào kép, hy-sinh.
- 2 — Người đi xem hát gọi là gì ?
- 3 — Đại-ý bài này nói gì ?
- 4 — Kể các loại đại-danh-từ.

Viết từ : « Bức tranh lụa » tới « của thôn quê »  
(Coi bài tập đọc : Phòng tranh Bé Ký).

**Văn-phạm****CHỈ-ĐỊNH-TỪ**

Chỉ-định từ là tiếng đặt sau hay trước danh-từ để nói rõ về danh-từ đó hơn. Chỉ-định-từ gồm có :

— Những tiếng cho ta biết người, con vật hay đồ vật nào (chỉ-thị chỉ-định-từ) : này, ấy nọ, kia, đó.

Thí-dụ : Cây viết này của tôi.

— Những số đếm (số-lượng chỉ-định-từ) : một, hai, ba...

— Những tiếng chỉ hạng, thứ bậc (thứ-tự chỉ-định-từ) : nhất, nhì, ba, tư....

— Những tiếng dùng để hỏi (ngghi-vấn chỉ-định-từ) : gì, chi, nào...

Thí-dụ : Anh học lớp nào ?

— Những tiếng dùng để nói trống không (phiếm-chỉ chỉ-định-từ) : nào, gì, chi.

Thí-dụ : Bài nào tôi cũng thuộc.

**BÀI TẬP**

Tim một chỉ-định từ trong câu : « Loại sơn này có đủ màu » và nói tiếng đó thuộc loại chỉ-định-từ nào ?

**Tập làm văn****CHỈ-DẪN****TẢ NGƯỜI**

**PHẦN MỞ BÀI :** Giới-thiệu người mình tả.

1) Giới-thiệu người lạ thì nói mình gặp họ ở đâu, hôm nào .

2) Giới-thiệu người quen biết thì có thể nói rằng ở lớp mình, trường mình, xóm mình... có người đó, tên là...

Cũng có thể giới-thiệu bằng một cái « hiệu » gì, một thói quen hay một đặc-điểm.

**Thí-dụ :** — Nghe tiếng chuông « leng-keng, leng-keng » tôi biết ngay là anh chàng hán kẹo kéo quen thuộc đã đến...

**PHẦN THÂN BÀI :** Trước hết hãy tả hình-dáng : điệu-bộ thế nào ? chừng bao nhiêu tuổi ? khổ người, nước da, đầu tóc, mặt... Cần chú-ý đến những điểm riêng của từng hạng người. Thí dụ : tả người đã già thì chú-ý đến râu tóc, những vết nhăn, hàm răng móm, tiếng nói phều-phào...

Trong đoạn thứ nhì, tả y phục quần áo, mũ nón, giày dép...

Trong đoạn thứ ba : nếu tả người lạ thì nói đến ngôn-ngữ, cử-chỉ ; nếu tả một người quen biết hay thân-thuộc thì nói cả tính-nết, thói quen hoặc công việc hằng ngày của họ nữa. Nếu tả người đang làm việc thì đừng quên nói đến những đồ dùng của họ .

**PHẦN KẾT-LUẬN :** Nói cảm-tình, cảm tưởng hay nhận-xét của mình.

**ĐỀ :**

**Sáng nay đi học, em gặp một quân-nhân. Em hãy tả lại người đó.**

### DÀN BÀI

I.— **MỞ BÀI** : Giới-thiệu : gặp ở đâu ? Họ đang làm gì ?

II.— **THÂN BÀI** : 1) Hình-dáng : dáng-điệu, tuổi, khổ người, nước da, mặt...

2) Y-phục : quần áo, mũ, giày, cấp-hiệu.

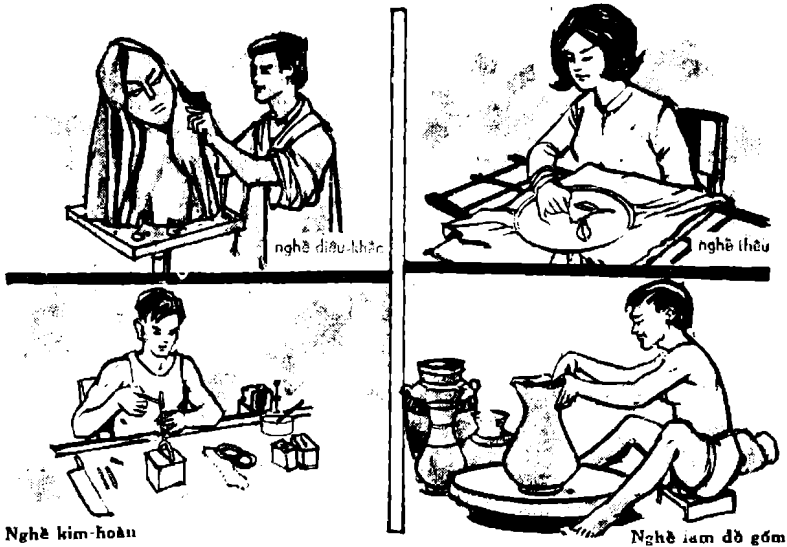
3) Ngôn-ngữ, cử-chỉ.

III.— **KẾT-LUẬN** : Cảm-tưởng, hay cảm-tình của em đối với người ấy.

**Tập viết**

Chữ hoa (chữ khổ lớn, vừa và nhỏ)

*V* Văn ôn, võ luyện



**Ngữ-vựng**

**TUÂN LỄ**

**14**

## I. — THỦ-CÔNG-NGHỆ

### BÀI ĐỌC

Người thợ Việt-nam cùn-cù, khéo-léo. Vì vậy, ngành thủ-công-nghệ nước nhà đã cung-cấp cho thị-trường nhiều sản-phẩm tinh-xảo, Chỉ với những dụng-cụ thô-sơ mà người thợ điêu-khắc có thể biến đá, gỗ thành những pho tượng mỹ-lệ. Chỉ với bàn tay khéo léo của người thợ mà nghề thêu, nghề đan đã sản-xuất được những tác-phẩm mỹ-thuật, những đồ dùng xinh-xắn. Ấy là chưa kể đến những mỹ-thuật phàm bằng sơn-mài, bằng đồi-mồi, rất được ưa thích trên thị-trường quốc-tế. Hiện nay chính-phủ khuyến-khích và nâng-đỡ rất nhiều nền thủ-công-nghệ Việt-nam.

**TẬP NÓI CHUYỆN.** — Người thợ Việt-nam có những đức-tính nào ? — Kể một vài thủ-công-nghệ ở nước ta. — Kể một vài đồ dùng thông-thường đan bằng mây, bằng sợi ny-lon. — Những loại sản-phẩm mỹ-thuật nào của ta được ưa thích trên thị-trường quốc-tế ?

## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : nghề điêu-khắc — nghề thêu — nghề đan — sản-phẩm — mỹ-thuật phẩm — sơn mài.

**Tính-từ** : (sản phẩm) tinh-xảo, mỹ-lệ — (thợ) cần-cù.

**Động-từ** : cung-cấp (cho thị-trường) — khuyến-khích (thủ-công-nghệ).

**Tục-ngữ** : *Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh.*

**GIẢI NGHĨA.**— **Thủ-công-nghệ** : nghề làm bằng tay, không dùng máy-móc. **Sản-phẩm** : đồ vật do thợ làm ra. **Nghề điêu-khắc** : nghề chạm trổ, nghề khắc và trổ hình lên gỗ, đá, đồng... **Mỹ-thuật-phẩm** : các đồ dùng đẹp, đồ trang-hoàng hay trang-sức. **Sơn-mài** : nghệ-thuật sơn bằng sơn ta mà công-phu cốt ở sự mài cọ. **Tinh-xảo** : rành, khéo. **Mỹ-lệ** : đẹp. **Cần-cù** : chăm-chỉ, chịu khó. **Cung-cấp** : đem đến cho. **Khuyến-khích** : làm cho người ta hăng-hái mà làm việc. **Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh** : (nghệ : nghề ; tinh : rành-rẽ, giỏi) có một nghề tinh-xảo thì thân mình sẽ được sung-sương (xem lối văn trang 116 )

### BÀI TẬP.—

Ngành . . . . . ở nước ta đã sản-xuất được nhiều . . . . . tinh-xảo. Nhìn những pho tượng . . . . . ta mới thấy cái khéo-léo của người thợ làm nghề . . . . . Nhìn bức thêu công-phu, ta thấy cảm-phục tính cần-cù, cái khéo-léo của người thợ làm nghề . . . . . Những . . . . . bằng sơn mài, bằng đôi-môi được nhiều người ưa thích.

## Ngữ-vựng

## 2. — TIÊU-CÔNG-NGHỆ

### BÀI ĐỌC

Nước ta có nhiều **tiêu-công-nghệ**. Nhiều nghề rất tinh-xảo xưa không phát-triển được vì thị-trường hồi đó nhỏ hẹp. Ngày nay nhiều **tiêu-công-nghệ cổ-truyền** như nghề khảm, nghề kim-hoàn, nghề làm đồ gốm phát-đạt hơn trước. Chúng ta lại học thêm được những **tiêu-công-nghệ mới** như nghề làm mũ, đóng đồ da, may áo-phục v.v... **Nguyên-liệu** ở xứ ta dồi-dào, **nhân-công** rẻ nên hàng-hóa do **tiêu-công-nghệ** của ta sản-xuất có thể bán với giá hạ, để **tiêu-thụ**.



**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Xưa kia, tại sao nhiều tiểu-công-nghệ không phát-triển được ? — Kể những tiểu-công-nghệ cổ-truyền . — Kể những tiểu-công-nghệ mới . — Nhờ đâu các hàng tiểu-công-nghệ của ta có thể bán với giá hạ ?*

## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : tiểu-công-nghệ — nghề khảm — nghề kim-hoàn — nghề làm đồ gốm — nguyên-liệu —

**Tính-từ** : (tiểu-công-nghệ) cổ-truyền, phát-đạt— (nguyên-liệu) dồi-dào.

**Động-từ** : phát-triển — sản-xuất — tiêu-thụ.

**Tục-ngữ** : *Rượu bẽ bẽ, không bằng một nghề trong tay.*

**GIẢI NGHĨA.**— **Tiểu-công-nghệ** : công-nghệ nhỏ thường có tính-cách gia-đình. **Phát-triển** : mở rộng thêm. **Cổ-truyền** : từ xưa để lại. **Nghề khảm** : nghề đục gỗ thành-hình rồi lấy xà-cừ, hoặc ngà mà cắm vào. **Nghề kim-hoàn** : (kim : vàng ; hoàn : cái vòng) nghề làm đồ nữ-trang. **Nghề làm đồ gốm** : (gốm : chỉ đồ bằng đất sét nung) nghề làm đồ sành, đồ sứ. **Dồi-dào** : có nhiều.

## BÀI TẬP.—

- 1 — **Giải-nghĩa** : tiểu-công-nghệ, nguyên-liệu, sản-xuất.
- 2 — **Tim 2 từ-ngữ** ghép trong có tiếng *sản* như *sản-xuất*.
- 3 — **Nguyên-liệu cần** cho nghề làm đồ gốm là gì ? cần cho nghề dệt vải là gì ?



1.— Chiều hôm ấy Hồng mặc mưa, chạy vào trú ở lò rèn của thợ Hồ. Để tránh tạt, cô vào đứng gần bếp lửa.

2.— Sau bếp, đứng sừng-sững hai ông bẽ to tướng. Một thằng bé ngồi trên con ngựa cao đặt sau đó, thụt luôn tay. Ông bẽ thở khò-khè như mệt hôn-hèn. Mỗi lần nó thở ra là than trong bếp lại đỏ tươi lên. Hồng chạy ra sau bếp, rồi trèo lên ngựa mà ngồi chung với thằng bé. Thằng bé mỗi tay, lơi thụt, than lu mờ. Từ Hồ nạt nó, nó vội thụt lia-lịa. Than hồng lên, trong-trẻo lạ. Những thanh sắt nung đỏ lần lần như lửa.

3.— Bỗng trời chớp một cái, rồi một tiếng sét nổ long trời. Thằng bé giật mình, ngừng tay lại. Hồng liền giành lấy hai cây thụt rồi ra tay thử. Lạ quá! thằng bé thụt coi nhẹ hều, còn Hồng, sao rần hết sức mà nhấn không nổi. Ông bẽ, dưới tay Hồng, giống như người nghệt mũi. Hồng cười ngất rồi trao cây thụt cho thằng bé cũng đang bành miệng ra mà cười.

*Theo BÌNH NGUYỄN-LỘC (Đò Dọc)*

**GIẢI-NGHĨA.**— Lò rèn : nơi luyện sắt thành những khí-cụ.  
Ông bẽ : đồ dùng của thợ rèn, dùng để thổi không-khí vào lò cho than cháy. Thụt lia-lịa : thụt liên liền.

**Y-TUỞNG.**— *Mặc mưa, Hồng vào trú ở đâu ? — Trong lò rèn, Hồng thấy gì ? — Thằng bé làm gì ? — Từ Hồ làm gì ? — Tại sao thằng bé đang thụt ông bẽ lại ngừng tay ? — Hồng liền làm gì ?*

**LỜI-VẤN.**— *« Con ngựa » ở đây chỉ cái gì ? — Từ-ngữ nào tá tiếng kêu của ông bẽ ? — Tìm những trạng-từ đi đôi với động-từ « cười », như tiếng « ngất » trong « cười ngất ».*

**DÀN BÀI.**— 1— Hồng vào trú mưa ở một lò rèn.

2— Cảnh thụt bẽ trong lò rèn.

3— Hồng thử thụt bẽ nhưng không thụt nổi.

**ĐẠI-Ý.**— Nhân vào trú mưa, Hồng được xem cảnh lò rèn.

**PHÁT-ÂM.**— lò rèn sừng-sững - trèo lên - trong-trẻo.

**ĐÂY XÓM CHÀI**

- 1 — *Đáy biển rộng âm âm muôn sóng vỗ,  
Dọc theo bờ lối nhỏ dầy lều tranh,  
Hàng sào cao, căng thẳng dưới trời xanh  
Những cánh lưới còn nức mùi tôm cá.*
- 2 — *Đáy xóm chài, xóm dân nghèo vất vả,  
Chuyên xông pha trên biển cả mưu sinh.  
Cùng gió to, sóng lớn hện chung tình,  
Mà khai thác những kho tàng thủy-phủ.*
- 3 — *Đời chài lưới đành là đời lam-lũ,  
Vấn câu hò, tiếng hát bủa thuyền đi,  
Dù nắng, mưa, sương, gió quăn-ngại gì ?  
Miễn nặng cá, yên-lành thuyền về bến.*



*Theo LAM-SƠN*

**GIẢI-NGHĨA.**— *Mưu-sinh* : tìm kế kiếm ăn. *Kho tàng* : kho chứa đồ quý. *Thủy-phủ* : biển. *Lam-lũ* : vất vả, bần-thiêu.

**Ý-TUỜNG.**— *Dọc theo bờ biển ta thấy gì ? — Hàng sào cao dựng lên để làm gì ? — Dân chài chỉ mong ước điều gì ?*

**LỜI-VẤN.**— *Tiếng nào trong bài cho ta thấy nhà của dân chài, cái cao, cái thấp ? — Những từ-ngữ nào tả đời sống vất vả của dân chài ?*

**DÀN BÀI.**— 1— Cảnh một xóm chài.

2— Đời sống gian-lao của dân chài.

3— Tuy cực khổ, dân chài vẫn vui với nghề mình.

**ĐẠI-Ý.**— Tác-giả tả xóm chài và nói lên đời sống vất vả nhưng hăng-say của dân chài.

**PHÁT-ÂM.**— *lều tranh — giữa trời — vất vả — mưu-sinh.*

## Chánh-tả

### 1.— NGHỀ LÀM ĐỒI-MỒI

Đồi-mồi là một loại rùa, mai có vân hồng và trong-suốt. Người ta bắt nó đem về nuôi, để giữ cho mai không bị róm nóng. Trong ba năm, đồi mồi lớn lên, mai to ra, mịn-màng, óng-ánh màu vàng lẫn màu nâu tươi.

Những mai này được thợ lành nghề biến thành quạt, lược, hộp, vòng... xinh-xắn và mỹ-thuật.

Vì vậy nên chẳng lấy làm lạ, khi thấy những sản-phẩm đồi-mồi của Việt-nam được trưng-bày tại nhiều cửa hàng trên khắp thế-giới và được rất nhiều người ưa-chuộng.

#### DOÃN-NGỌC

GIẢI-NGHĨA.— Róm-nóng : sém nắng, cháy nắng ở ngoài da, vò. Lành nghề : biết rành-rẽ về một nghề nào. Mỹ-thuật : ở đây là đẹp, khéo.

CÂU HỎI.— *Mai đồi-mồi thế nào ? — Mai đồi-mồi dùng để làm gì ? — Tại sao những sản-phẩm đồi-mồi được nhiều người ưa-thích ?*

ĐẠI-Ý.— Những sản-phẩm bằng đồi-mồi của Việt-nam được nhiều người ưa-thích.

NHẬN XÉT CHÁNH-TẢ. — trong suốt róm xinh-xắn.

#### CÂU HỎI CHÁNH-TẢ

- 1— Giải-nghĩa : mịn-màng, sản-phẩm.
- 2— Ở nước ta, tỉnh nào có nghề làm đồi-mồi ?
- 3— Tìm tiếng phản-nghĩa với : xinh-xắn.
- 4— Tìm một tiếng chỉ-định từ trong đoạn 2 bài chánh-tả.

## Chánh-tả

### 2.— TRONG LÒ RÈN

Viết đoạn 2 trong bài tập đọc.

## Văn-phạm

### TÍNH-TỪ

Tính-từ là tiếng thường đi liền với tiếng danh-từ hay đại-danh-từ để chỉ cái tính, cái chất, cái thể, cái dáng... của danh-từ hay đại-danh-từ đó.

Thí-dụ : — Anh Ba ngoan — Đất sét mềm — Tháp chuông cao.

Tính-từ đơn chỉ có một tiếng.

Thí-dụ : hoa thơm — cam ngọt.

Tính-từ ghép có 2 hay nhiều tiếng...

Thí-dụ : Thầy giáo tận-tâm — Học trò chăm-chỉ.

Tính-từ cũng thường dùng như động-từ.

Thí-dụ : Cái hoa này thơm lắm.

### BÀI TẬP.

Tìm những tính-từ trong câu sau đây :

« Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ,

Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh ».

## **Tập làm văn**

**Em hãy tả ba em (hay má em).**

### DÀN BÀI

- I.— MỞ BÀI : Giới-thiệu (thí-dụ : giới-thiệu bằng một thói quen hay một đặc-điểm gì).
- II.— THÂN BÀI : 1) Hình-dáng : tuổi, khổ người, mặt.  
2) Y-phục : thông-thường lúc ở nhà, lúc đi đâu.  
3) Tính-nết : nghiêm-khắc hay vui-vẻ, dễ-dãi. Cách đối-xử với người trong nhà, với hàng xóm.
- III.— KẾT-LUẬN : Cảm-tình của em đối với người.

## **Tập viết**

Chữ hoa (chữ khổ lớn, vừa và nhỏ)

Uống nước nhớ nguồn



ca-xuong

**Ngữ-vựng**

**TUẦN LỄ 15**

**BÀI ĐỌC**

**I. — CÔNG-KỸ-NGHỆ**

Trong những năm gần đây, chính quyền đã tiếp tay với các tư-nhân để **khuyến-trương** nhiều ngành **kỹ-nghệ**, hầu nâng cao mức sống cho dân chúng. Nhiều xí-nghiệp được **thiết-lập**; những **cơ-xưởng** **tối-tân** được **điều-khiển** bởi những **công-nhân** **lành-nghe** và những **đốc-công** **cần-mẫn**. Chính-quyền lại **cải-tiến** **luật lao-động** để **bảo-vệ** **quyền-lợi** cho **công-nhân**.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Chính-quyền làm gì để nâng cao mức sống cho dân-chúng? — Kể một vài xưởng kỹ-nghệ mà em biết— Chính-quyền làm gì để bảo-vệ quyền-lợi công-nhân?*

**HỌC TIẾNG**

**Danh-từ** : kỹ-nghệ — xí-nghiệp — cơ-xưởng — đốc-công — công-nhân — luật lao-động.

**Tính-từ** : tối-tân — (đốc-công) cần-mẫn — (công-nhân) lành-nghe.

**Động-từ** : khuyến-trương — thiết-lập (xí-nghiệp).

**Thành-ngữ** : *Nâng cao mức sống.*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Kỹ-nghệ** : (kỹ-thuật và công-nghệ) nghề dùng máy móc và nhân-công để chế-tạo đồ dùng. **Xí-nghiệp** : (xí : trừ-tính; nghiệp : nghề) tổ-chức kinh-doanh lớn. **Cơ-xưởng** : xưởng máy. **Đốc-công** : người trông nom, đốc-thúc thợ-thuyền làm việc. **Công-nhân** : người làm công. **Luật lao-động** : bộ luật bảo-vệ quyền-lợi cho người đi làm công. **Tối-tân** : rất mới. **Cần-mẫn** : siêng-năng, lanh-lợi. **Khuếch-trương** : (khuếch : mở rộng ra ; trương : lớn) mở-mang cho rộng lớn. **Thiết-lập** : dựng nên.

**BÀI TẬP.**—

Nền . . . của ta mới thành hình. Tuy nhiên các . . .  
 . . . được thiết-lập . . . thêm mãi. Các . . . . . đều  
 có máy móc . . . do những đốc-công . . . . và . . .  
 . . . lãnh nghề điều-khiển.

## **Ngữ-vựng**

### **2. — CÔNG-KỸ-NGHỆ (tiếp theo)**

**BÀI ĐỌC**

Muốn cho dân-tộc phú-cường, cần phải kỹ-nghệ-hóa nước nhà. Song chtra thề thiết-lập ngay những đại-kỹ-nghệ, vì chúng ta hiện thiếu chuyên-viên, thiếu tư-bản. Chính-phủ đang lo đào-tạo chuyên-viên và kêu gọi các công-ty ngoại-quốc đầu-tư. Mặt khác, chính-phủ cho khai-thác thủy-điện-lực ở Đa-nhim, mỏ than ở Nông-sơn, và tìm mỏ dầu hỏa, bởi vì phải có điện-lực và nhiên-liệu dồi-dào thì mới có kỹ-nghệ lớn được. Một lò luyện-kim vĩ-đại được dự-trù thiết-lập tại khu kỹ-nghệ Biên-hòa.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Muốn cho dân-tộc phú-cường, ta phải làm gì ? — Tại sao ta chưa thề lập ngay những đại kỹ-nghệ ? — Hiện nay chúng ta đã khai-thác được mỏ than ở đâu ? — Chính-phủ đã làm gì để khuếch-trương kỹ-nghệ ?*

### **HỌC TIẾNG**

**Danh từ** : đại kỹ-nghệ — chuyên-viên—tư-bản — công-ty—  
 nhiên-liệu — thủy-điện-lực — lò luyện-kim.

**Tính-từ** : (lò luyện-kim) vĩ-đại — (nhiên liệu) dồi-dào.

**Động-từ** : kỹ-nghệ-hóa — đầu-tư.

**Thành-ngữ** : khuếch-trương kỹ-nghệ.

**GIẢI-NGHĨA.**— **Đại kỹ-nghệ** : kỹ-nghệ lớn, như kỹ-nghệ đóng tàu, đúc súng — **Chuyên-viên** người có tài-năng chuyên-môn về một khoa kỹ-thuật. **Tư-bản** : (tư : của-cải ; bản : tiền vốn) vốn để kinh-doanh. **Công-ty** : hội buôn hoặc hội kỹ nghệ do nhiều người góp vốn mà nên. **Thủy điện-lực** : sức điện được làm ra bằng cách dùng thác nước để quay máy điện. **Lò luyện-kim** : lò nấu và gạn lọc để lấy kim-loại nguyên-chất. **Kỹ-nghệ-hóa** : tổ-chức việc sản-xuất theo phương-pháp kỹ-nghệ. **Đầu-tư** : (đầu : hợp nhau ; tư : của-cải) góp vốn kinh-doanh.

- BÀI TẬP.**— 1 — **Giải-nghĩa** : tư-bản, đầu-tư, vĩ-đại.  
 2 — Kể những nhiên-liệu mà em biết.  
 3 — Hiện nay chúng ta có nhà máy thủy-điện ở đâu ?

**Tập đọc**

**. NHÀ MÁY CHỈ SỢI KHÁNH-HỘI**

1.— Em sẽ không bao giờ quên buổi đi thăm nhà máy chỉ sợi Khánh-hội, do nhà trường tổ-chức.

2.— Những máy-móc tối-tân đang xinh-xịch chuyên-vận. Đây là những máy cán bông do nam công-nhân điều-khiển. Kia là những máy kéo-sợi do những nữ công nhân sản-súc. Lại có máy hấp chỉ cho thật khô, có máy quay chỉ thành « con chỉ ». Và cuối cùng là phòng đóng « con chỉ » thành từng kiện. Máy-móc tinh-xảo thay ! Bông chạy từ đầu tới cuối nhà máy là thành sợi, sẵn-sàng để dệt được rồi. Thầy em bảo rằng sản-xuất như thế gọi là « sản-xuất dây chuyền ».

3.— Trên đường về, bên tai em còn văng-vẳng mãi tiếng máy chạy đều-đều. Những tiếng đó như đánh nhịp cho lòng em sung-sướng, tưởng đến đà tiến-bộ của nền kỹ-nghệ nước nhà đang vươn lên rất mạnh.

**VẤN-TRƯỜNG**

**GIẢI-NGHĨA.**— **Điều-khiển** : sắp đặt, sai khiến ; ở đây : trông coi cho máy chạy. **Kiện** : học hàng lớn. **Tinh-xảo** : khéo-léo, rành-rẽ.

**Ý-TUỞNG.**— *Học-sinh nói trong bài này đi thăm nhà máy nào ? — Nơi đây có những máy gì ? — Em học-sinh trong bài này ước-mong gì ?*



LỜI VĂN.— *Tìm những danh-từ ghép có tiếng « công » như « công nhân » — Tìm tiếng phản-nghĩa với « chăm chú ».*

DÀN BÀI.— 1 — Tác giả thăm nhà máy chỉ sợi Khánh-hội.  
2 — Cảnh làm việc dây chuyền trong nhà máy.  
3 — Điều ước mong của tác giả trên đường về.

ĐẠI-Y.— *Cảnh làm việc bên trong nhà máy chỉ-sợi Khánh-hội và điều ước mong của tác giả.*

PHÁT ÂM.— Chỉ sợi — máy-móc — chuyền - vận

## Tập đọc — học-thuộc-lòng

### CÔNG-NGHỆ

- 1 — *Ai ơi, ruộng-dất bẽ-bẽ,  
So ra, còn kém một nghề trong tay.  
Bởi vì vật dụng hằng ngày,  
Chúng ta đều phải nhờ tay thợ-thuyền.  
Thủ-công vì thế phải chuyên,  
Học cho tinh xảo, mới nên sang giầu.*
- 2 — *Nước nhà công-nghệ bấy lâu,  
Ngày thêm cải-tiến, kém đâu hàng ngoài.  
Đại kỹ-nghệ phải học người,  
Tốt-tần máy-móc giữa thời cạnh-tranh,  
Học sao cho giỏi, cho sành,  
Đem về áp-dụng nước mình cho hay.*
- 3 — *Mọi nghề tiến tới đều tay,  
Công, thương phát đạt nước nay phú cường.*

Theo HÀ-QUANG-HUY

GIẢI-NGHĨA.— Thủ-công : (thủ : tay) nghề làm đồ dùng bằng tay. Tinh-xảo : khéo.léo, rành.rẽ. Sành : biết rõ.

Y-TƯỞNG.— *So-sánh ruộng đất với một nghề trong tay thì đáng nào hơn ? Tại sao vậy ? — Công nghệ nước nhà ra sao ? — Về đại kỹ-nghệ, ta phải làm gì ? — Mọi nghề đều tiến-tới thì nước nhà sẽ thế nào ?*

LỜI VĂN.— « Ruộng đất bẽ bẽ » nghĩa là gì ? — Tìm một câu tục ngữ ý nói có một nghề tinh-xảo thì sẽ được sung-sướng.



**DÀN BÀI.**— 1 — Ta cần phải học một nghề cho tinh xảo.

2 — Về đại kỹ-nghệ, ta cần phải học người và dùng máy-móc tối tân.

3 — Mọi nghề tiến bộ thì nước sẽ giàu mạnh.

**ĐẠI-Ý.**— Tác giả khuyên mọi người học nghề cho tinh-xảo để nước nhà thêm giàu mạnh.

**PHÁT-ÂM.**— vật-dùng — thợ-thuỳn — tinh-xảo — sang-giàu — học cho sành.

## Chánh-tả

### 1.— CẬU THỢ IN

Bàng và Thọ đi **giữa** hai hàng máy in đang chạy ầm ầm.

Hai anh em gặp một cậu thợ tập việc, cũng chỉ **trọc** tuổi Bàng. Cậu này mặc quần thợ màu xanh thẫm, đầy vết dầu máy và mực. Mực **giấy** cả lên bàn tay cậu và bết cả lên mặt khiến Bàng và Thọ phải **bật** cười. Nhưng cậu thợ vẫn **điềm-nhiên** bước đi. Không những không để ý đến Bàng và Thọ, cậu lại còn có vẻ **kiêu-hãnh** vì đã mang trên người những dấu hiệu của sự làm việc.

Theo THẠCH-LAM

**GIẢI-NGHĨA.**— **Trọc** : chùng, tầm độ. **Giấy** : chỉ vết dơ dính vào. **Điềm-nhiên** : lặng yên, không quan-tâm. **Kiêu-hãnh** : cậy mình, lên mặt.

**CÂU HỎI.**— *Bàng và Thọ vào thăm nơi nào ? — Hai cậu gặp ai ? — Cậu bé này ăn mặc thế nào ? — Tại sao cậu bé ấy làm cho Bàng và Thọ bật cười ? — Cậu bé ấy tỏ ra thế nào ?*

**ĐẠI-Ý.**— Cậu thợ in **hãnh-diện** vì được mang trên người dấu-hiệu của sự làm việc.

**NHẬN XÉT CHÁNH-TẢ.**— **trọc** tuổi Bàng — **màu xanh thẫm** — mực **giấy** lên tay — **kiêu-hãnh** — **dấu-hiệu**.

### CÂU HỎI CHÁNH-TẢ.—

1— **Giải-nghĩa** : thợ tập việc, xanh thẫm, chạy ầm ầm.

2— Tìm tiếng **phản-nghĩa** với « thẫm ».

3— Cậu thợ tập việc có vẻ **kiêu-hãnh** vì lẽ gì ?

4— Tìm hai **tĩnh-từ** trong bài chánh-tả.

## Chánh-tả

### 2.— NHÀ MÁY CHỈ SỢI KHÁNH-HỘI

Viết đoạn 2 bài tập đọc.

## Văn-phạm

### ĐỘNG-TỪ

Động-từ là tiếng chỉ việc làm của chủ-từ.

Thí-dụ : Bàn và Thợ đi giữa hai hàng máy in.

Hai anh em gặp một cậu thợ...

Những tiếng : là, ở, có..., tuy không chỉ việc làm nhưng cũng là động-từ.

Thí-dụ : Thanh-niên là cột trụ Quốc-gia.

Dãy Trường-sơn ở Trung-phần.

Việt-nam có nhiều thắng-cảnh.

Động-từ đơn có một tiếng như : ăn, học, thi, nghỉ...

Động-từ ghép có nhiều tiếng như : kiến-thiết, sản-xuất, kỹ-nghệ-hóa.

### BÀI TẬP

Tim những tiếng động-từ trong câu : « Mực giấy..... bật cười ».

(Coi bài chánh-tả : Cậu thợ in)

## Tập làm văn

Em hãy tả một người thợ hớt tóc đang làm việc

### DÀN BÀI

#### I.— MỞ BÀI

Giới-thiệu : Em ngồi chờ hớt tóc tại tiệm, đã có dịp quan-sát người thợ hớt tóc đang làm việc.

II.— THÂN BÀI : 1 — Hình-dạng tổng-quát:— Tuổi, khổ người, nước da, gương mặt.

2— Cách ăn mặc.

3— Những đồ dùng của người thợ (dao, kéo, tông-đơ, lược, khăn choàng... v.v.).

4— Công việc của người thợ (tả thứ-tự từng công việc, chải tóc, hớt, cạo mặt, sửa lại mái tóc cho ngay ngắn... v.v.).

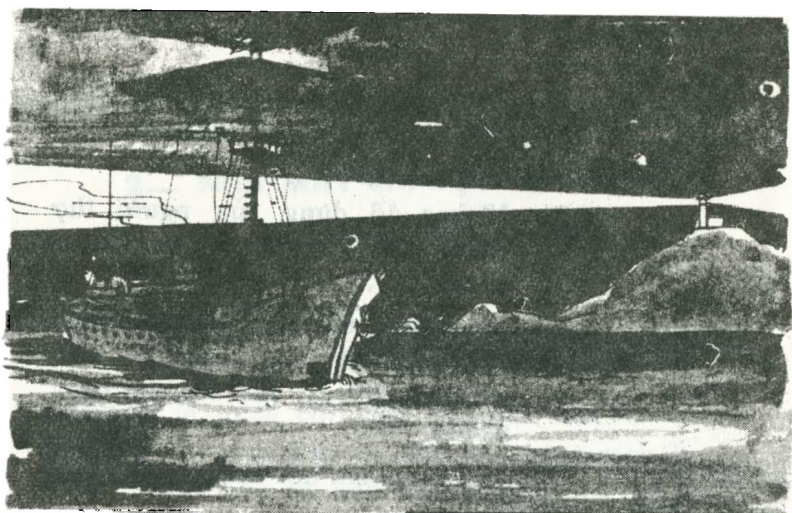
III.— KẾT-LUẬN : Cảm nghĩ của em đối với việc làm của người thợ.



**Tập viết**

Chữ hoa (chữ khò lớn, vừa và nhỏ)

*Y Yêu thầy mến bạn*



TUẦN LỄ

16

**Ngữ-vựng**

## I.— HẢI-CẢNG

### BÀI ĐỌC

Sài-gòn là một **thương-cảng** **sầm-uất** vào bậc nhất ở Đông-Nam-Á. Dọc theo bến tàu, các **thương-thuyền** đậu san-sát để **ăn hàng** **háy** **rờ hàng**. Ngoài cầu tàu có những **cần trục** to lớn để **chuyên hàng-hóa** xuống tàu, hay từ dưới tàu lên bến, cho **phu khuôn-vác** đem chất vào kho chứa hàng. Tàu bè ra vào **hải-cảng** được **đoàn hoa-tiêu** **thiện-nghệ** hướng-dẫn.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Sài-gòn là thương-cảng thế nào? — Dọc theo bến tàu, người ta thấy gì? — Cần trục dùng để làm gì? — Ở bến tàu, hàng-hóa được chứa vào đâu? — Tàu bè ra vào hải-cảng được ai hướng-dẫn?*

### HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : hải-cảng -- thương-cảng -- quân-cảng --  
thương-thuyền -- cần trục -- hoa-tiêu.

**Tính-từ** : (thương-cảng) sầm-uất -- (hoa-tiêu) thiện-nghệ.

**Động-từ** : ăn hàng -- rờ hàng.

**Thành-ngữ** : Trên bến, dưới thuyền.

**GIẢI-NHĨA.**— **Hải-cảng** : (hải : biển ; cảng : bến) bến tàu ở bờ biển. **Thương-cảng** : bến để tàu bè ra vào buôn bán. **Quân-cảng** : bến để chiến-hạm đậu. **Thương-thuyền** : tàu buôn. **Cần trục** : một thứ máy có cần dài dùng để chuyển vật nặng. **Trên bến dưới thuyền** : ý nói cảnh sâm-uất ở bến tàu. **Hoa-tiêu** : người lái tàu. **Sâm-uất** : đông-dúc, nhộn-nhíp. **Thiện-nghệ** : (thiện : giỏi, thạo ; nghệ : nghề) thạo nghề, giỏi nghề ; rành nghề. **Ăn hàng** : đem hàng-hóa ở bến xuống tàu. **Rõ hàng** : đem hàng ở dưới tàu lên bến.

### BÀI TẬP

Đọc theo bờ biển Việt-nam có nhiều . . . . . như Đà-Nẵng, Nha-Trang, Vũng Tàu. Sài-gòn hiện nay là một thương-cảng . . . . . Các thương-thuyền ra vào thường-xuyên để . . . . hay . . . . Cam-ranh là một . . . . . quan-trọng vào bậc nhất ở Đông-Nam-Á.

## **Ngữ-vựng**

### 2.— **HẢI-CẢNG** (tiếp theo)

#### BÀI ĐỌC.—

Ở nước ta nhờ đường biển, việc giao-thông giữa các tỉnh miền duyên-hải, cũng như với các nước, rất thuận-tiện. Ban đêm tàu bè ra vào hải-phận Việt-nam, được những hải-đồng dẫn đường. Ở các hải-khẩu hay thương-khẩu, có những thủy-hiệu giúp cho tàu bè qua lại dễ-dàng. Hằng ngày, biết bao tàu bè chuyên-chở hàng-hóa vượt hàng ngàn hải-lý để cập bến Sài-gon, rồi lại nhổ neo để về những phương trời khác.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Việc giao-thông bằng đường biển ở nước ta thế nào ? — Nhờ những gì mà ban đêm tàu bè đi lại được dễ-dàng ? — Ở các hải-khẩu hay thương-khẩu, người ta đặt những thủy-hiệu để làm gì ? — Tìm tiếng phán-nghĩa với « cập bến ».*

#### HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : miền duyên-hải — hải-phận — hải-đăng — hải-khẩu — thương-khẩu — thủy-hiệu — hải-lý.

**Tính-từ** : (việc giao-thông) thuận-lợi —

**Động-từ** : cập bến — nhổ neo — chuyên-chở.

**Thành-ngữ** : Đi biển như phương, đi đường như lối.

**GIẢI-NGHĨA.**— **Miền duyên-hải** : miền ven biển. **Hải-phận** : phần biển thuộc về một nước nào. **Hải đặng** : (đặng : đèn) đèn pha ở biển để chỉ đường cho tàu. **Hải-khẩu** : cửa biển, chỗ sóng chảy vào biển. **Thương-khẩu** : cửa biển để buôn bán. **Thủy-hiệu** : (thủy : nước ; hiệu : dấu riêng) dấu riêng, đặt ở các cửa biển, chỉ mực nước nông, sâu hay chỗ nguy-hiểm, để giúp tàu bè qua lại bình-yên. **Hải-lý** : đơn-vị dùng đo đường biển, dài 5.555m.

## BÀI TẬP

- 1 — **Giải-nghĩa** : hải-đặng, thủy-hiệu, hải-phận.
- 2 — **Phân-biệt** « hải-khẩu » và « thương-khẩu ».
- 3 — **Phân-nghĩa** với « nhờ neo » là gì ?

## **Tập đọc**

### **CAM-RANH**

1.— Cam-ranh là một kỳ-quan trên thế-giới và là một hải-cảng tốt đẹp của Việt-nam trong tương-lai.

2.— Đó là một cái vụng lớn, rộng bảy cây số, dài mười lăm cây số, sâu từ hai mươi đến hai mươi lăm mét ; núi cao bao kín bốn bề, chỉ chừa ra một thủy-đạo để tàu ra vào. Trong khoảng rộng, sâu và kín gió như vậy, hàng trăm tàu lớn có thể tiến vào, đi ra, đậu tại bến dễ-dàng.

3.— Nếu Cam.ranh được biến thành một hải-cảng thật sự, thì tàu biển qua Đông-Nam-Á tất phải ghé vào để lấy than, dầu mỡ, nước ngọt, vật thực, để sửa chữa, hoặc để buôn-bán. Như vậy Cam-ranh sẽ có ảnh-hưởng lớn đến nền kinh-tế nước nhà. Ai cũng biết rằng khi nước mình có một hải-cảng quan-trọng, tàu bè các nước đều ghé vào thì nền kinh-tế sẽ phồn-thịnh thêm. Ấy là chưa kể tới số ngoại-tệ thu được của du-khách ngoại-quốc ghé hải-cảng để đòi-chác tiền-bạc, mua hàng-hóa.

*Theo TRẦN-NGỌC-LẬP*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Kỳ-quan** : cảnh-tượng lạ lùng. **Hải-cảng** : bến để cho tàu đậu. **Vụng** : chỗ biển ăn sâu vào đất liền. **Thủy-đạo** : đường thủy. **Phồn-thịnh** : đông đảo, thịnh-vượng.

**Y-TUỞNG.**— Trong tương-lai Cam-ranh là hải-cảng thế nào ? — Nói qua về địa thế của Cam-ranh — Khi Cam-ranh thành một hải-cảng, các tàu ngoại-quốc ghé để làm gì ? — Tại sao nền kinh-tế của ta phần thịnh thêm nếu Cam-ranh thành hải cảng ?

**LỜI VẤN.**— Kể những danh-từ ghép có tiếng hải. Thay « vật-thực » bằng tiếng khác.

**DÀN BÀI.**— 1 — Cam-ranh sẽ là một hải-cảng tốt đẹp.

2 — Địa-thế thuận-lợi của Cam-ranh.

3 — Nếu thành hải-cảng, Cam-ranh sẽ có tầm quan-trọng quốc-tế.

**ĐẠI-Y.**— Cam-ranh có đủ điều kiện để trở thành một hải-cảng quốc-tế.

**PHÁT-ÂM.**— Cam-ranh — trong khoảng — hàng trăm.

## Tập-đọc — học-thuộc-lòng

### BẾN CHƯƠNG-DƯƠNG

- 1 — Trời xanh ngát vẩn mây bàng bạc,  
Gió tấu đều điệu nhạc vi-vu.  
Nắng vàng sao gắt buổi trưa,  
Cho dòng sông cũng tẻn-thơ cau buồn ?
- 2 — Đầu cầu tàu, nằm ườn dọc bến,  
Những con tàu ngấp-nghển lườn nhau ;  
Lô-nhỏ nào cột, nào sào,  
Những dây cùng nhợ, những phao cùng đèn.
- 3 — Nhìn về dưới, xám đen tàu trận,  
Nhìn sang sông : bãi vắng phời trần,  
Tóc dừa chen cánh chuối xanh,  
Nhà sàn trần trụi, ghe mảnh phời khô.



VIÊN-HÀM



**GIẢI-NHĨA.**— Bến Chương-dương : tên một bến tàu ở Sài-gòn. Những con tàu ngấp-nghén lờm nhau : tác-giả coi những tàu bị sóng đánh nhỏ lên, nhỏ xuống như đang lờm nhau (những ghe thuyền thường có vẽ hai con mắt ở mũi).

**Ý-TUỜNG.**— *Nền trời thế nào ? — Nắng buổi trưa ra sao ? — Dọc bến, ta trông thấy gì ? — Bên kia sông có gì ?*

**LỜI VẤN.**— « Nhà sàn trần-trụi » là thế nào ? — « ghe mảnh » còn gọi là gì ?

**DÀN BÀI.**— 1 — Cảnh thiên-nhiên ở bến Chương-dương.

2 — Đoàn tàu đậu dọc bến.

3 — Quang-cảnh bên kia sông.

**ĐẠI-Ý.**— Tác-giả tả cảnh bến Chương-dương vào một buổi trưa đẹp trời.

**PHÁT ÂM.**— xanh ngắt — vi-vu — chuỗi xanh.

## Chánh-tà

### I.—CẢNH MÙA ĐÔNG TẠI MỘT BẾN TÀU

Ngày hôm ấy, cảnh-vật bao-phủ trong sương mù. Ngọn gió vi-vèo thổi như cắt những người phu chỉ mặc một manh áo rách đang khuôn-vác ở dưới bến và làm tê lòng những hành-khách đang đứng ở trên tàu, đã tê lòng vì cảnh biệt-ly. Sóng biếc nhỏ lên ngụp xuống như đú-dồn với làn hơi nước trắng phau. Vài con thuyền nhỏ, dăm chiếc ghe mảnh ẩn hiện trong sương-mù. Lâu lâu, còi của tàu rời bến hay vào bến rúc lên inh-ỏi.

#### LÊ-VĂN-TRƯƠNG

**GIẢI-NHĨA.**— Hành-khách : người đi đường, đi tàu, đi xe. Cảnh biệt-ly : cảnh lúc chia tay. Đú-dồn : đùa dỡn.

**CÂU HỎI.**— — *Cảnh vật bến tàu như thế nào ? — Phu khuôn-vác ăn mặc thế nào ? — Những hành-khách đang đứng trên tàu thấy lòng mình thế nào ?*

**ĐẠI Ý.**— Quang-cảnh một bến tàu vào một ngày mùa đông có sương mù bao phủ.

**NHẬN XÉT CHÁNH-TÁ.**— *sương mù* — *vì vèo* — *sóng*  
*lắc* — *trắng phau*.

**CÂU HỎI CHÁNH-TÁ.**—

- 1— **Giải-nghĩa** : cảnh biệt-ly, thuyền tam-bán, ngụp xuống, dú-đờn.
- 2— Kể tên vài hải-cảng của nước ta.
- 3— Tìm hai danh-từ ghép có tiếng *cảng* như *hải-cảng*.
- 4— Tìm những động-từ trong câu thứ nhì của bài chánh-tá.

## **Chánh-tá**

### **2.— CAM-RANH**

Viết đoạn 1 và 2 bài tập đọc

## **Văn-phạm**

### **CHỦ-TỪ CỦA ĐỘNG-TỪ**

Chủ-từ của động-từ là tiếng làm chủ công việc mà động-từ diễn ra.

Thí-dụ : — Chiếc **cần-trục** quay đều đều.

— **Người** lên tàu, **kẻ** xuống bến.

Những câu nói trống không, hoặc đề sai khiến, thì không có chủ-từ.

Thí-dụ : — Ăn trông **đói**, ngồi trông **hương**.

— Nói to **lên**.

Một động-từ có thể có nhiều chủ-từ.

Thí-dụ : Ruồi, muỗi, chuột... truyền bệnh nơi này qua nơi khác.

Nhiều động-từ có thể có chung một chủ-từ.

Thí-dụ : — Giờ chơi, chúng tôi chạy, nhảy, la-hét, nỏ-đua.

**BÀI TẬP.**—

Tìm động-từ và chủ-từ của động-từ ấy trong câu : « Còi tàu rúc lên inh-ỏi ».

## Tập làm văn

Giờ ra chơi, em đứng xem hai người bạn chơi bóng vù (đánh cù). Hãy tả lại cuộc chơi ấy.

### DÀN BÀI

- I.— MỞ BÀI : Trống đánh báo hiệu giờ chơi; hai người tên là gì? chơi bóng vù ở chỗ nào?
- II.— THÂN BÀI: 1) Tả qua dáng-dẻ; 1, cử-chỉ, lời nói của từng người.  
2) Cuộc chơi diễn ra thế nào: thi bóng vù, hăm, tiếng cãi-cọ.
- III.— KẾT-LUẬN: Cảm-tưởng hay nhận xét của em.



## Tập viết

Chữ hoa (chữ khở lớn, vừa và nhỏ)

*N* Năng nhặt chặt bị



TUẦN LỄ

17

**Ngữ-vựng**

## I. — THƯƠNG-MẠI

### BÀI ĐỌC

Trước đây, những nguồn-lợi trên thương-trường phần lớn do **thương-gia** ngoại-kiều nắm giữ. Họ đã **lũng-đoạn** thị-trường bằng cách **đầu-cơ** tích-trữ và buôn bán **chợ đen**. Ngày nay dân ta chú-trọng đến việc thương-mại rất nhiều. Bộ Kinh-tế đã tích-cực **nâng-dỡ** các thương-gia Việt-nam để họ có thể tranh-thương với các công-ty ngoại-kiều. Đến cả những người buôn bán nhỏ cũng được giúp-dỡ bằng **Quy Tiều-thương tín-dụng**. Nhờ vậy, việc thương-mại của ta **phát-đạt** hơn trước.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Tại sao việc thương-mại của dân ta trước đây không phát-đạt ? — Trước đây, thương-gia ngoại-kiều lũng-đoạn thị-trường nước ta bằng cách nào ? — Bộ Kinh-tế lập ra Quy Tiều-thương tín-dụng để làm gì ? — Ngày nay việc thương-mại của ta ra sao ?*

### HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : Việc thương-mại — Bộ Kinh-tế — quy Tiều-thương tín-dụng — thương-gia — chợ đen — hóa-đơn.

**Tính-từ** : (việc thương-mại) phát-đạt, đình-trệ.

**Động-từ** : tranh-thương — nâng-dỡ (thương-gia).

**Thành-ngữ** : *Đầu-cơ tích-trữ.*

**GIẢI-NHĨA.**— **Bộ Kinh-tế :** cơ-quan trông-nom về việc buôn bán và về công-kỹ-nghệ. **Quy Tiêu-thương tín-dụng :** tiền đề cho các nhà buôn nhỏ vay. **Chợ đen :** sự mua bán lén-lút trong thời-kỳ hàng-hóa khan-hiếm. **Tranh-thương :** cạnh-tranli trong việc buôn bán. **Đình-trệ :** ngưng đọng lại, không chạy. **Hóa-đơn :** (hóa : hàng ; đơn : tờ kê-khai) tờ kê-khai số hàng cùng giá tiền. **Phát-đạt :** thịnh-vượng, tiến-bộ. **Đầu-cơ tích-trữ :** lợi-dụng cơ-hội tốt cất giấu hàng-hóa, khi nào khan-hiếm đem ra bán chợ đen:

### BÀI TẬP

- 1 — Giải-nghĩa : *thương-gia, phát-đạt, đình-trệ.*
- 2 — Tìm 2 từ-ngữ ghép có tiếng *thương* như *thương-mại.*
- 3 — Tìm 1 tục-ngữ hoặc ca-dao có tiếng *buôn* hay tiếng *bán.*

## Ngữ-vựng

### 2. — XUẤT-NHẬP-CẢNG

#### BÀI ĐỌC

Việc thương-mại của ta còn thấp kém : ta mua vào nhiều mà bán ra rất ít. Nhưng gần đây nhờ chính-phủ trợ-cấp xuất-cảng, nhờ Nha Ngoại-thương và Phòng Thương-mại tìm kiếm thị-trường nên hàng xuất-cảng của ta có tăng lên. Chính-phủ còn nâng-dỡ hàng nội-hóa bằng cách hạn-chế hàng nhập-cảng. Những hàng cần-thiết được nhập-cảng theo hối-suất chính-thức. Còn những xa-xi-phôm phải theo hối-suất tự-do. Làm như vậy chính-phủ tiết-kiệm được nhiều ngoại-tệ rất cần-thiết cho sự hoạt-động của các ngành kinh-tế khác.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Cơ-quan nào trông coi về việc ngoại-thương ? — Tại sao chúng ta phải hạn-chế hàng nhập-cảng ? — Nhờ đâu mà hàng xuất-cảng của ta tăng thêm ? — Những thứ hàng nào được nhập-cảng theo hối-suất chính-thức ? — Những hàng nào phải nhập-cảng theo hối-suất tự-do ?*

## HỌC TIẾNG

**Đanh-từ** : Nha Ngoại-thương — Phòng Thương-mại — hàng xuất-cảng — hàng nhập-cảng — hối-suất — xa-xi-phẩm — ngoại-tệ.

**Tính-từ** : (hối-suất) chính-thức, tự-do.

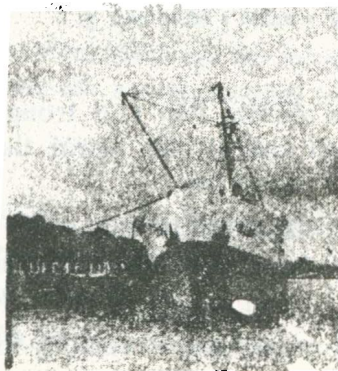
**Động-từ** : trợ-cấp (xuất-cảng) — tiết-kiệm (ngoại-tệ) — hạn-chế (nhập-cảng).

**Tục-ngữ** : Phi thương bất phú.

**GIẢI.NGHĨA.**— Nha Ngoại-thương : cơ-quan trông-nom về việc buôn bán với các nước ngoài. Hối-suất : giá mua bán ngoại-tệ. Xa-xi-phẩm : thứ hàng đắt tiền mà không cần-thiết, như nước hoa, thuốc lá thơm... Ngoại-tệ : (ngoại ; nước ngoài ; tệ : tiền) tiền của nước ngoài. Trợ-cấp xuất-cảng : trả tiền thêm cho nhà xuất-cảng để có thể bán hàng ra nước ngoài với giá rẻ. Tiết-kiệm ngoại-tệ : để dành tiền của nước ngoài. Hạn-chế nhập-cảng : không cho nhập-cảng quá mức đã ấn-định. Phi-thương bất phú : không buôn bán thì không giàu được.

### BÀI TẬP

Đề nâng-dỡ hàng nội-hóa và tiết-kiệm, chính-phủ đã . . . nhập-cảng. Những hàng . . . phải nhập-cảng theo . . . . tự-do. Nhờ sự hoạt-động tích-cực của Nha . . . và Phòng . . . . mà hàng . . . . đã gia-tăng hơn trước.



## CỔ HÀNG XÉN

1.— Sáng sớm, trong gió bắc lạnh, Tâm đã gánh hàng lên chợ. Sương trắng còn đầy ở các ngõ trong làng. Mùi rơm-rác và cỏ ướt thoang-thoảng bốc lên mùi quen của quê hương và của đất màu khiến Tâm thấy dễ chịu. Nàng rào bước để chóng đến chợ.

2.— Cái đòn gánh cong xuống vì hàng nặng, kiu-kịt trên mảnh vai nhỏ bé, theo nhịp điệu bước đi... Chịu khó, chịu khó, từng bước, từng bước một, hết bước nọ sang bước kia, cứ thế mà đi. Tâm thấy ngày nay cũng như mọi ngày, ngày mai cũng thế nữa; tất cả cuộc đời nàng, lúc nào cũng là chịu khó. Nhưng đâu có phải một mình cô! Trong những lũy tre xanh kia, bao nhiêu người như cô, cũng phải chịu khó và nhọc nhằn, để kiếm tiền nuôi chồng, nuôi con, nuôi các em. Tâm không chán nản, vì chung-quanh nhiều người khác cũng làm việc, cũng sống như nàng.

3.— Tâm cứ bước đều chân và đến chợ hãy còn sớm.

Theo THẠCH-LAM

**GIẢI-NGHĨA.**— Rào bước : bước mau. Can-đảm (gan và mật) : ý nói chịu đựng mọi gian-khở, không kêu ca không phàn-nàn gì.

**Y-TUỞNG.**— Trên đường tới chợ, Tâm thấy gì? nghĩ gì? — Cuộc đời của Tâm thế nào? — Nàng chịu khó làm việc để làm gì?

**LỜI-VẤN.**— « Thoang-thoảng » là thế nào? — « Mảnh vai nhỏ bé » có thể thay chữ « mảnh » bằng chữ gì?

### DÀN BÀI

1 — Tâm lên đường đến chợ trong sáng sớm lạnh lẽo.

2 — Tâm chịu khó để cho người thân được no đủ.

3 — Tâm đến chợ sớm.

**ĐẠI-Ý.**— Cổ hàng xén là hình ảnh của những bà mẹ, bà chị biết quên thân mình để lo cho hạnh-phúc của những người thân yêu.

**PHÁT-ÂM.**— rơm-rác — thoang-thoảng — kiu-kịt.

**KHUYẾN-THƯƠNG**

- 1 — Nước nhà đương budi canh-tân,  
Muốn cho thịnh-vượng ta cần doanh-thương.
- 2 — Hãy xem các nước Tây-phương  
Bán buôn khắp cả thị-trường năm châu,  
Cho nên nước mạnh, dân giàu.  
« Phi thương bất phú » đúng câu tục-truyền.  
Dân mình cũng giống Rồng Tiên,  
Lẽ nào ta chịu lợi quyền kém ai !  
Rủ nhau hợp cò, hợp tài,  
Mở hợp-tác-xã lâu dài về sau.
- 3 — Ta buôn nhất định ta giàu,  
Phú-cường đẹp với năm châu kém gì ?



Theo HÀ-QUANG-HUY

**GIẢI-NGHĨA.**— Khuyến-thương : khuyến người ta buôn-bán. Doanh-thương : làm việc buôn bán. Thị-trường : nơi buôn-bán. Phi thương bất phú : không buôn-bán thì không giàu. Tục-truyền : điều lưu truyền trong xã-hội. Hợp-cò : góp cò-phần, chung phần vốn vào một hội buôn. Phú-cường : giàu mạnh.

**Ý-TUỞNG.**— Muốn cho nước thịnh-vượng phải làm thế nào ? — Nhờ đâu mà các nước Tây-phương được giàu mạnh ? — Kể những thương-cảng Việt-nam.

**LỜI-VẤN.**— Tìm những thành-ngữ hay tục-ngữ có tiếng « buôn » và « bán ». — Tác-giả dùng câu nào để quĩ-quyết rằng phải buôn-bán thì nước mới giàu mạnh ?

**DÀN BÀI**

- 1 — Muốn nước giàu mạnh, ta cần phải buôn bán.
- 2 — Các nước Tây-phương giàu mạnh là nhờ buôn-bán, lẽ nào ta lại chịu thua kém họ.
- 3 — Ta buôn bán sẽ giàu chẳng kém nước nào.



**ĐẠI-Y.**— Ta cần noi gương các nước Tây-phương trong việc buôn-bán để nước được giàu mạnh.

**PHÁT-ÂM.**— **khuyến-thương** — **thịnh-vượng** — **thị-trường** — **tục truyền.**

## **Chánh-tả**

### **I. — NGOẠI-THƯƠNG**

Ngoại-thương gồm cả nhập-cảng và xuất-cảng. Có thể nói hai ngành này liên-quan với nhau như bóng với hình. Ta bán ra ngoài những thô-sản, nguyên-liệu dư thừa trong nước cùng những sản-phẩm tiểu-công-nghệ để lấy ngoại-tệ mà mua những ngoại-hóa cần-thiết.

Ngày nào mà người Việt-nam ở hải-ngoại cầm một thứ hàng trung-hày ở tiệm buôn nước ngoài mà kiêu-hãnh nói : « Đây là hàng Việt-nam » thì lúc đó thương-gia Việt-nam ắt lấy làm vinh-hạnh là đã dự phần vào việc kiến-thiết quốc-gia.

*Theo NGUYỄN-NGỌC-LƯƠNG*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Ngoại-thương** : việc buôn bán với các nước ngoài. **Liên-quan** : dính-dàng chặt-chẽ. **Thô-sản** : sản vật ở một vùng. **Ngoại-hóa** : hàng-hóa do nước ngoài sản-xuất. **Hải-ngoại** : nước ngoài. **Vinh-hạnh** : vẻ-vang, may mắn.

**CÂU HỎI.**— *Ngoại-thương gồm có những ngành nào ? — Ta xuất-cảng những gì ? — Khi nào thương-gia Việt-nam được lấy làm vinh-hạnh ?*

**ĐẠI-Y.**— Sự quan-trọng của nền ngoại-thương.

**NHẬN XÉT CHÁNH-TẢ.**— **xuất-cảng** — **thô-sản** — **vinh-hạnh.**

#### **CÂU HỎI CHÁNH-TẢ**

- 1 — **Giải-nghĩa** : xuất-cảng, ngoại-tệ, thương-gia, kiến-thiết,
- 2 — Ta dùng ngoại-tệ thu được để làm gì ?
- 3 — Tìm tiếng phản-nghĩa với ngoại-thương, nhập-cảng, ngoại-hóa.
- 4 — Tìm động-từ với chủ-từ của nó trong câu thứ nhất bài chính-tả.

**2.— CỒ HÀNG XÉN**

Viết từ đoạn : « Tâm thấy ngày nay.... hãy còn sớm ».

**Văn-phạm**

**TÚC-TỪ CỦA ĐỘNG-TỪ**

Túc-từ của động-từ là tiếng làm trọn nghĩa cho tiếng động-từ.

Thí-dụ : Tôi tôn-kính thầy giáo — (thầy giáo làm túc-từ cho động-từ tôn-kính).

Gián-tiếp túc-từ có giới-từ đứng trước (những giới-từ như : của, bằng, với...)

Thí dụ : Tôi đi học với anh Ba.

Trực-tiếp túc-từ không có giới từ đứng trước.

Thí-dụ : Tôi học bài.

Có những động-từ không cần túc-từ.

Thí dụ : Tôi hát. Nó vẽ.

**BÀI TẬP**

« Ta ăn cơm với rau, cá, thịt » : Tìm trực-tiếp túc-từ và gián-tiếp túc-từ của động-từ ăn.

**Tập làm văn**

**TẢ CẢNH**

**CHỈ DẪN**

Có nhiều thứ cảnh : cảnh thân-một như cảnh gia-đình sum-hợp, cảnh bè-bạn nói chuyện...; cảnh nơi chốn, như cảnh nhà mình, cảnh chùa-chiền...; cảnh hoạt-động, như cảnh một trận cầu, cảnh chợ-búa, phố-phường...; cảnh thiên-thiên, như cảnh trời mưa, cảnh đồng quê, bãi biển...

Đành rằng khi tả mỗi cảnh cần phải theo một dàn bài riêng, nhưng ta vẫn có thể dựa vào một vài quy-tắc chung sau đây :

**PHẦN MỞ BÀI :** Hãy giới-thiệu cảnh sắp tả ; giới-thiệu nghĩa là nói mình thấy cảnh ấy khi nào , ở đâu ,...

**PHẦN THÂN BÀI :** 1) Trước hết phải phác-họa khung-cảnh.

2) Sau đó mới tả tỉ-mỉ : trông thấy gì (gần trước, xa sau) ; nghe thấy gì ? nghĩ thấy những mùi gì ?...

3) Sau cùng, nói những cảm-giác của mình : vui, buồn, thích-thú, chán ghét...

**PHẦN KẾT-LUẬN :** Hãy nói cảm-tưởng, cảm-tình hay sự nhận xét của mình...

**ĐỀ :**

**Chiều hôm qua, sau khi em đi học về, cả nhà quây-quần ăn cơm. Em hãy tả cảnh thân-mật ấy.**

**DÀN BÀI**

I.— **MỞ BÀI** : Bữa cơm dùng vào khoảng mấy giờ ? ở chỗ nào ?

II.— **THÂN BÀI** : 1) Khung-cảnh chỗ ăn cơm (mát mẻ hay nóng nực, ánh sáng ra sao ?)

2) Tả kỹ : bàn .ghế, những người ngồi ăn, các món ăn, chén, đũa...

3) Cảnh thân-mật, vui-vẻ : lời nói, tiếng cười ; những tiếng động khác ; cử chỉ đặc-biệt của một vài người.

III.— **KẾT-LUẬN** : Cảm-tưởng của em.

**Tập viết**

Chữ hoa (chữ khò lớn, vừa và nhỏ)

*M* *Môi hồ rặng lạnh*



**Ngữ-vựng**

**TUẦN LỄ 18**

**I. — HỢP-TÁC-XÃ**

**BAI ĐỌC**

Những người cùng làm một nghề thường lập **hợp-tác-xã** để khỏi bị kẻ trung-gian lợi-dụng. Muốn gia-nhập **hợp-tác-xã**, các **xã-viên** phải đóng tiền **nhập-hội**, góp **cổ-phần**. Họ bầu những người **mẫn-cán** vào **ban quản-trị**. Hằng năm, **ban quản-trị** phải trình-bày trước **đại hội-đồng** thường niên, những công việc đã làm và **thanh-toán sô-sách** cùng định số lời đem chia cho **xã-viên**.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Hợp-tác-xã có mục-dịch gì? — Xã-viên phải góp những khoản tiền gì cho hợp-tác-xã? — Hằng năm, ban quản-trị phải làm gì trước đại-hội-đồng?*

**HỌC TIẾNG**

- Danh-từ** : **hợp-tác-xã** — **xã-viên** — **tiền nhập-hội** — **cổ-phần** — **ban quản-trị** — **đại-hội-đồng**.
- Tính-từ** : **(ban quản-trị) mẫn-cán** — **(sô-sách) phân-minh**.
- Động-từ** : **gia-nhập (hợp-tác-xã)** — **bầu (ban quản-trị)** — **thanh-toán (sô-sách)**.
- Tục-ngữ** : *Buôn có bạn, bán có phường.*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Hợp-tác-xã** : (hợp-tác : đồng-tâm hiệp-lực mà làm ; xã : một đám nhiều người hợp lại) hội của những người sản-xuất hay tiêu-thụ... có mục-đích nâng-đỡ nhau và loại trừ trung-gian. **Xã-viên** : người có chân trong hợp-tác-xã. **Tiền nhập hội** : số tiền phải đóng khi vào hội. **Cổ-phần** : phần tiền hội-viên hùn để làm vốn cho hợp-tác-xã. **Ban quản-trị** : ban điều-khiển công việc của hợp-tác-xã, thường gồm có : chủ-tịch, phó chủ-tịch, thư-ký, thủ-quỹ... **Đại-hội-đồng** : cuộc họp có mời tất cả mọi xã-viên. **Môn-cán** : chăm-chỉ, đưọc việc. **Phân-minh** : rõ ràng, rành-rẽ. **Gia-nhập** : vào hội. **Bầu** : chọn người xứng-dáng vào một chức-vị gì. **Thanh-toán** : tính-toán cho xong.

### BÀI TẬP

Khi gia-nhập hợp-tác-xã, các . . . . . phải đóng tiền . . . . . và góp . . . . . Những người . . . . . thường được bầu vào ban . . . . . để điều khiển công việc của hợp-tác-xã.

### Ngữ-vựng

### 2.— HỢP-TÁC-XÃ (tiếp theo)

#### BÀI ĐỌC

Hợp-tác-xã mang lại cho xã-viên những lợi-ích thiết-thực. Hợp-tác-xã tiêu-thụ mua hàng tận nơi sản-xuất để bán rẻ cho xã-viên. Hợp-tác-xã sản-xuất giúp những người làm cùng một nghề tổ-chức lấy công việc của mình, khỏi phải nhờ tới chủ. Hợp-tác-xã nông-nghiệp giúp nhà nông mua các thứ cần dùng với giá rẻ, và bán thẳng nông-sản cho các nhà tiêu-thụ lớn. Hợp-tác-xã tín-dụng cho các xã-viên cần vốn vay với mức lời nhẹ. Phong-trào hợp-tác-xã hiện đang phát-triển mạnh-mẽ ở nước ta.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— Kể các loại hợp-tác-xã mà em biết—Hợp-tác-xã tiêu-thụ mang lại lợi-ích gì ? — Hợp-tác-xã nông-nghiệp ? — Hợp-tác-xã tín-dụng ? — Hiện nay phong-trào hợp-tác-xã ở nước ta ra sao ?

#### HỌC TIẾNG.

Danh-từ : Hợp-tác-xã tiêu-thụ — Hợp-tác-xã sản-xuất — Hợp-tác-xã nông-nghiệp — Hợp-tác-xã tín-dụng.

**Tinh-từ** : ( lợi-ích) thiết-thực.

**Động-từ** : thiết-lập — phát-triển.

**Thành-ngữ** : *Buôn tận gốc, bán tận ngọn.*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Hợp-tác-xã tiêu thụ** : hợp-tác-xã giúp xã-viên mua hàng rẻ. **Hợp-tác-xã sản-xuất** : hợp-tác-xã giúp xã-viên làm ra hàng hóa và bán được giá cao. **Hợp-tác-xã tín-dụng** : Hợp-tác-xã cho vay tiền. **Thiết-thực** : có thật, hợp với lòng mong muốn của người ta. **Thiết-lập** : dựng nên. **Phát-triển** : mở-mang, bành trướng. **Buôn tận gốc, bán tận ngọn** : mua tận nơi sản-xuất, bán tận tay người dùng.

**BÀI TẬP.**— 1 — Nhà nông có thể vào hợp-tác-xã gì ? Dân chài ? Nhà buôn ?

2 — Tìm tiếng phản nghĩa với « sản-xuất ».

3 — « Buôn tận gốc, bán tận ngọn » là thế nào ?

## **Tập đọc**

### **HỢP-TÁC-XÃ**

1.— Hôm đó là một ngày rét mướt năm 1884. Trong căn nhà lụp-xụp tại thành-phố nước Anh, hai mươi ba người thợ dệt họp mặt. Họ bàn nhau họp thành tổ-hợp để tự mua những thứ cần-thiết cho đời sống và nghề-nghiệp của họ, cùng tự bán lấy vải họ sản-xuất.

2.— Cái hình-thức tổ-hợp ấy, nay mang tên là hợp-tác-xã, đã được áp-dụng trong hầu hết các nước tân-tiến trên Thế-giới. Thật không ai ngờ được rằng một hình-thức hợp-tác nghề-nghiệp hữu-hiệu như thế, lại chỉ do sáng-kiến của một nhóm thợ tầm thường mà ra !

3.— Hai mươi ba người thợ dệt kia, bắt đắ dĩ lắm mới phải thành lập tổ-hợp để đối-phó với một tình-trạng kinh-tế khó-khăn. Họ có ngờ đâu rằng sáng kiến của họ đã làm phát-sinh ra hợp-tác-xã. Mỗi khi bị yếu thế hay gặp bất-lợi về kinh-tế như thiếu vốn, hay phải cạnh-tranh, là các nhà công-kỹ-nghệ họ, nhau thành hợp-tác-xã.

*Theo NGUYỄN-ĐIỀU*

**GIẢI-NHĨA.**— **Tổ-hợp** : đoàn-thể, nhóm.— **Áp-dụng** : đem dùng.— **Bớt đóc đĩ** : không đư<sup>o</sup>ng đư<sup>o</sup>c.

**Ý TƯỞNG.**— 23 người thợ dệt nước Anh lập tổ-hợp với mục-đích gì ? — Hình-thức tổ-hợp này, nay mang tên là gì ? — Khi nào các nhà công-kỹ-nghệ hợp nhau thành hợp-tác xã ?

**LỜI VĂN.**— « Nhà lợp xup » là gì ? — Tìm tiếng phản nghĩa với « tấn tiến » ?

- DÀN BÀI.**— 1 — Nhóm thợ dệt hợp thành một tổ-hợp.  
2 — Tổ-hợp này là nguồn-gốc của hợp-tác-xã ngày nay.  
3 — Hợp-tác-xã giúp các nhà công-kỹ-nghệ yếu thế làm ăn đư<sup>o</sup>ng dễ-dàng.

**ĐẠI-Y.**— Nguồn gốc và ích-lợi của hợp-tác-xã.

**PHÁT ÂM.**— Rét **mướt** — lan truyền — sáng kiến —

## Tập đọc — học-thuộc-lòng



### HÃY THÀNH-LẬP HỢP-TÁC-XÃ

- 1 — Ngày nay sinh-hoạt vọt cao,  
    Khiến người tiêu-thụ xôn-xao, òi-hời.
- 2 — Con buôn mặt vốn bốn lời,  
    Gian-thương rình-rập gạt người đủ phương.  
    Bán, buôn mánh-khoé ai lường,  
    Dân lành chịu thiệt khôn đư<sup>o</sup>ng tránh ngăn.
- 3 — Cùng nhau ta hãy hợp-quần,  
    Góp công, góp của chống quân tham tiền ;  
    Lập thành hợp-tác-xã riêng,  
    Lãnh phần mua bán chẳng phiền lụy ai.

Theo VIẾT-HÀ

**GIẢI-NGHĨA.**— Gian-thương : người buôn bán không thật thà. Khôn -lường : ý nói ai mà biết được. Hợp-quần : tụ-hợp lại với nhau.

**Y-TƯỜNG.**— *Tại sao người tiêu-thụ xôn-xao, bời-hời ? — Vì đâu dân lành chịu thiệt-thòi ? — Đề chống gian-thương, tác-giả hồ-hào gì ?*

**LỜI VĂN.**— « Một vốn bốn lời » ý nói gì ? — Tác-giả dùng các từ-ngữ « quân tham tiền » để ám chỉ những ai ?

- DÀN BÀI.**— 1 — Người tiêu-thụ xôn-xao vì giá sinh-hoạt vọt cao.  
2 — Gian-thương dùng mọi manh-khoé để bóc-lột dân lành.  
3 — Chúng ta phải thành-lập hợp-tác-xã.

**ĐẠI-Ý.**— Chúng ta nên lập hợp-tác-xã để tránh gian-thương bóc-lột.

**PHÁT ÂM.**— sinh-hoạt, vọt cao, rình rập, phiền lụy.

## **Chánh-tà**

### **I. — HỢP-TÁC-XÃ HỌC-SINH**

Ban quản-trị của hợp-tác-xã giao-dịch thẳng với các nhà sản-xuất hay nhà buôn lớn để mua các vật-dụng cần-thiết cho các hội-viên.

Về vật-chất các xã-viên được mua giá rẻ vì không phải qua tay trung-gian.

Về tinh-thần, các hội-viên ở vào một hoàn-cảnh thuận-tiện nhất để đem ra thực-hành tinh-thần tương-trợ, để biết ích-lợi của sự hợp-tác.

Về mặt xã-hội, các học-sinh được sửa-soạn để làm nhiệm-vụ công-dân, vì mỗi hợp-tác-xã học-sinh có thể ví như một nước cộng-hòa nhỏ trong đó các xã-viên tự cai-quản lấy mình.

**GIẢI-NGHĨA.**— Ban quản-trị : ban điều-khiển công việc của hợp-tác-xã. Nhà sản-xuất : người làm ra các hàng hóa, vật-dụng. Tương-trợ : giúp-đỡ lẫn nhau



**CÂU HỎI.**— Muốn mua vật-dùng, ban quản-trị hợp-tác-xã làm thế nào? — Về vật-chất, các xã-viên được lợi gì? — Về tinh-thần, xã-viên có dịp làm gì? — Về mặt xã-hội, hợp-tác-xã có ích-lợi gì?

**ĐẠI-Ý.**— Hợp-tác xã học-sinh đem lại cho các xã-viên nhiều điều lợi-ích về phương-diện vật-chất, tinh-thần và xã-hội.

**NHẬN XÉT CHÁNH-TẢ.**— **g**lao-địch, **s**ản-xuất, **tr**ung-gian, **s**ửa-soạn.

**CÂU HỎI CHÁNH-TẢ.**—

1) **Gi**ới-nghĩa : nhà sản-xuất, xã-viên, tương-trợ.

2) **G**ia-nhập hợp-tác-xã học-sinh, các xã-viên được lợi những gì?

4) Tìm một trực-tiếp túc-từ và một gián-tiếp túc-từ trong câu đầu bài chánh-tả.

**Chánh-tả**

## 2. — HỢP-TÁC-XÃ

Viết từ : « Hôm đó » đến « trên thế-giới ».

**Văn-phạm**

## CHỈ-ĐỊNH TÚC-TỪ

**Chỉ định túc-từ** là túc-từ của danh-từ, dùng để định rõ nghĩa của danh-từ.

1— Có khi chỉ định túc-từ đứng liền sau danh-từ.

**Thí-dụ :** Bãi biển **Nha trang** đẹp.

2— Có khi chỉ-định túc-từ cách danh-từ bởi một giới-từ.

**Thí-dụ :** Quyển sách của **tôi**.

Chỉ-định túc-từ có thể là danh-từ, đại-danh-từ, động-từ hay tính-từ.

- Thí-dụ : — Kỹ-nghệ Việt-nam đang phát-triển (danh-từ).  
 — Cái nón của nó đẹp (đại-danh-từ).  
 — Đó là chuyện bịa (động-từ).  
 — Bãi biển đẹp (tính-từ).

**BÀI TẬP.**— Tìm 3 chỉ-dịnh túc-từ trong câu : « Làng tôi học được nghề của làng anh ».

## **Tập làm văn**

### **EM HÃY TẢ QUANG-CẢNH TRƯỜNG EM HỌC.**

#### **DÀN BÀI**

- I.— **MỞ BÀI** : Nói vị-trí của trường.
- II.— **THÂN BÀI** : 1) Khung.cảnh : khu đất, tường hay hàng rào bao quanh cổng...  
 2) Tả tỉ-mỉ : sân, cây cối, cột cờ, các dãy nhà — văn.phòng — các lớp học (cửa, bảng ghi tên lớp...) — nhà phụ (nhà để xe, nhà cầu, nhà kho...)  
 3) Nói qua về sự hoạt-động hằng ngày.
- III.— **KẾT-LUẬN** : Cảm tình của em đối với trường.

## **Tập viết**

Chữ hoa (chữ khò lớn, vừa và nhỏ)

*T. Tay viết một xốt*





**Ngữ-vựng**

**TUẦN LỄ 19**

**I. — CỨU-TẾ**

**BÀI ĐỌC**

Ở đời thường có những thiên-tai bất-kỳ : nào nạn bão-lụt tàn-khốc tiêu-hủy cả mùa-màng, nào hỏa-hoạn thiêu rụi nhà cửa, khiến bao gia-đình bồng lằm vào cảnh màn trời chiếu đất. Lại còn những chiến-họa, những nạn dịch-tễ khủng-khiếp có khi giết hại hàng vạn người. Trong cảnh cơ-hàn, đồng-bào xấu số chỉ còn trông chờ ở lòng từ-thiện của mọi người.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— Kể một vài thiên-tai. — Hỏa-hoạn tàn-khốc như thế nào ? — Nạn dịch-tễ khủng-khiếp thế nào ? — Ta có đôn-phận gì đối với đồng-bào bị thiên-tai ?

**Danh-từ** : thiên-tai — hỏa-hoạn — chiến-họa — dịch-tễ — cảnh cơ-hàn.

**Tính-từ** : (thiên-tai) tàn-khốc, khủng-khiếp — (đồng-bào) xấu số.

**Động-từ** : tiêu-hủy — thiêu rụi.

**Thành-ngữ** : Cảnh màn trời chiếu đất.

**GIẢI-NGHĨA.**— **Thiên-tai** : tai họa do trời gây ra. **Hỏa-họa** : nạn cháy nhà. **Chiến-họa** : tai-họa do chiến-tranh gây ra. **Dịch-tễ** : bệnh truyền-nhiễm lan-tràn mạnh, có thể làm chết nhiều người một lúc. **Cảnh cơ-hàn** : (cơ : đói ; hàn : rét) cảnh đói rét. **Tàn-khốc** : (tàn ác và khốc hại) gây ra nhiều sự thiệt-hại, nhiều cảnh đau thương. **Khủng-khiếp** : kinh hãi, khiếp sợ. **Tiêu-hủy** : phá tan nát.

### BÀI TẬP

1) Giải-nghĩa : *thiên-tai, chiến-họa, khủng-khiếp*.

2) Tìm 1 danh-từ ghép trong có tiếng « tai » như « *thiên-tai* ».

3) Kể một câu tục-ngữ hay ca-dao khuyên ta nên làm việc nghĩa.

## Ngữ-vịng

### 2.— CỨU-TẾ (tiếp theo)

#### BÀI ĐỌC

Mỗi khi có thiên-tai xảy ra là tinh-thần vị-tha của đồng-bào lại biểu-lộ mạnh-mẽ qua công-cuộc cứu-trợ. Những ủy-ban cứu-tế được thành-lập. Các cuộc lạc-quyên được phát-động sâu-rộng. Các nhà hăng-tâm, hăng-sản giúp đỡ tiền bạc, tặng-phẩm cho những đồng-bào xấu-số.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Khi nào người ta lập ra ủy-ban cứu-tế? — Các cuộc lạc-quyên mở ra nhằm mục-đích gì? — Em có thể làm gì để giúp đồng-bào bị thiên-tai?*

#### HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : ủy-ban cứu-tế — cuộc lạc-quyên — nhà từ-thiện — tặng-phẩm — tinh-thần vị-tha — lòng bác-ái.

**Tính-từ** : (người) hăng-tâm, hăng-sản — phúc-hậu.

**Động-từ** : ủy-lạo (nạn-nhân) — phát-động — tham - gia (phong-trào cứu-trợ).

**Thành-ngữ**: Lá lành đùm lá rách.

**GIẢI-NGHĨA.**— Ủy-ban cứu-tê : ban được lập nên để tổ chức việc cứu-trợ những người gặp hoạn-nạn. Cuộc lạc-quyên : cuộc quyên tiền, tặng-phẩm, để giúp những người gặp nạn. Nhà từ-thiện : người giàu lòng thương kẻ khác, hay làm phúc. Tặng-phẩm : những thứ người ta cho. Tinh-thần vị-tha : (tha ; tha nhân : người khác) lòng vì người khác. Lòng bác-ái : (bác : rộng ; ái : yêu) lòng yêu thương rộng-rãi. Hằng-tâm hằng-sản : hằng-tâm : sẵn lòng ; hằng-sản : sẵn của) ý nói người sẵn lòng bỏ tiền của ra để làm việc thiện. Phúc-hậu : hay thương người. Ủy-lạc : an ủi. Phát-động : xướng lên và hô-hào cho người ta theo. Lá lênh đùm lá rách : gói bánh thì lấy lá lênh bọc ra ngoài lá rách ; nghĩa bóng có ý khuyên người giàu giúp đỡ người nghèo khổ.

## BÀI TẬP

Dùng những tiếng đã học điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

Trong lúc tai-biến, các nhà từ-thiện và các đoàn-thể tổ-chức những cuộc . . . . . để thu tiền bạc và . . . . . mà giúp đỡ nạn-nhân.

Các cuộc lạc quyên thu được kết-quả tốt đẹp nhờ tinh-thần vị-tha của các nhà . . . . .

## Tập đọc

### TÌNH-YÊU ĐỒNG-BÀO

1.— Vừa ra khỏi cổng trường, Nam chạy như bay, để chóng tới nhà.

2.— Nam nhớ lại thư của Ty Tiểu-học :

« Các cháu thân mến,

« Hẳn các cháu đã nghe nói nhiều tình đang bị nạn lụt làm hàng vạn đồng-bào lâm vào cảnh màn trời chiếu đất. Trong những nạn-nhân đó, dĩ-nhiên có một số học-sinh. Để tỏ tình tương-trợ, các cháu có thể góp phần vào việc cứu-trợ các bạn lâm-nạn ».

Nam nhớ lại cái nhìn trêu-mến và lời nói dịu-dàng của mẹ lúc em xin tiền để góp : « Con biết thương yêu đồng-bào như

vậy, ba má mừng lắm». Nam đã trao cho anh liên-đội-phó 50 đồng, kèm với bức thư an-ủi mà em đã cố-gắng viết cho thật hay.

3.— Hôm nay, Ty Tiểu-học báo cho biết, tiền lạc-quyên đem mua được 5.000 gói quần áo. Nam tưởng-trọng ra 5.000 học-sinh mặc đồng-phục, đứng xếp hàng một. Và em thầm tính : « Ít nhất hàng cũng dài tới hai cây số rưỡi ! Hai cây số rưỡi ! Bằng từ nhà ta tới trường ! Nam đứng dừng lại mà không hay, ngây-ngất với cái hình ảnh vĩ-đại ấy. —

### TIÊU-LANG

GIẢI-NHĨA.— *Tương-trợ* : giúp đỡ lẫn nhau. *Cứu-trợ* : cứu giúp. *Lạc-quyên* : vui lòng đóng góp tiền hoặc phẩm-vật để làm việc nghĩa. *Vĩ-đại* : to lớn.

Y-TƯỞNG.— *Vừa ra khỏi trường, Nam làm gì ? — Lúc Nam xin tiền, mẹ nói gì với em ? — Nam góp cho anh liên-đội-phó những gì ? — Tiền lạc-quyên mua được bao nhiêu quần áo ?*

LỜI VẤN.— *Những tiếng nào tỏ rằng Nam vội về nhà ? — Phản nghĩa với « dịu dàng » là gì ?*

### DÀN BÀI

- 1— Tan học, Nam vội-vã đi cho chóng về tới nhà.
- 2— Học-đường và gia-đình cùng khuyến-khích Nam làm việc nghĩa.
- 3— Kết-quả của cuộc lạc-quyên thật là vĩ-đại.

ĐẠI-Ý.— Dù còn nhỏ tuổi, Nam đã sớm biết yêu thương đồng-bào.

PHÁT-ÂM.— lạc-quyên — hàng vạn — tương-trợ — triu-mến — vĩ-đại.



**ĐƯA TRẺ MỒ-CÔI**

1— *Chiều mưa ngoài song cửa,  
Gió lạnh thổi lá rơi,  
Có người em bé nhỏ,  
Đứng dưới hiên nhìn trời.*

2— *Gió lạnh thổi tê môi,  
Mái tóc xanh rã rời;  
Hai hàm răng lập-cập,  
Run run lên từng hồi.  
Em đưa tay gạt lệ,  
Bước đi dưới trời mưa;  
Mặc gió lùa tê-tái,  
Trên tấm thân bơ-phờ.*

3— *Em đi trong gió sương?  
Về chợ dầu đường?  
Xót thân em bé bỏng  
Sớm chịu đời tang-thương.*

**HOÀI-ĐIỆP**

**GIẢI-NGHĨA.**— Mồ-côi : không còn cha mẹ. Lệ : nước mắt.

**Y-TUỞNG.**— Em nhỏ đứng dưới mái hiên làm gì? — Gió lạnh khiến cho em nhỏ thế nào? — Tác giả thương hại em nhỏ về nỗi gì?

**LỜI VẤN.**— Kể những từ-ngữ chứng tỏ rằng em bé rét lắm. — Những câu nào cho ta đoán rằng em bé không có nhà cửa?

**DÀN BÀI.**— 1) Một em bé đứng dưới mái hiên trú mưa.

2) Em bé rét run mà cứ phải ra đi trong mưa gió.

3) Tác-giả tỏ lòng thương xót em bé.

**ĐẠI-Y.**— Tác-giả thấy một em bé cô-độc trong cảnh mưa rét mà động lòng thương-xót.

**PHÁT-ÂM.**— song cửa — rã-rời — run-run — gió sương



**1.— THƯƠNG KẾ KHÓ**

Nghe mẹ, con ơi, con đừng tập thói làm ngơ trước kẻ nghèo khó ngửa tay xin con.

Con hãy nghĩ rằng con chẳng thiếu-thốn gì, nhưng người nghèo khó thì thiếu-thốn đủ thứ.

Thỉnh-thoảng con hãy bớt ra một vài đồng, để cho một người mẹ đói khát, một đứa trẻ mồ-côi, một người già-nua không nơi nương-tựa. Sự bố-thí của trẻ con không những là một việc làm phúc mà còn là một sự vô-về nữa. Mỗi lần con đặt vào tay người nghèo một đồng tiền thì con cũng đặt kèm theo một bông hoa nữa vậy.

*Theo HÀ-MAI-ANH*

**GIẢI-NGHĨA.**— Trẻ mồ-côi : trẻ mất cha, mất mẹ. Nương-tựa : nhờ cậy. Bố-thí : cho người nghèo khó.

**CÂU HỎI.**— *Mẹ nhắc con không nên tập thói gì ? — Tại sao vậy ? — Mẹ khuyên con nên bớt tiền để làm gì ?*

**ĐẠI-Ý.**— Mẹ khuyên con nên bố-thí cho những người nghèo khổ.

**NHẬN XÉT CHÁNH-TÀ.**— đói khát — già nua — nương-tựa.

**CÂU HỎI CHÁNH-TÀ.**—

- 1.— Giải-nghĩa : làm ngơ, kẻ khó.
- 2.— Đại-ý bài này nói gì ?
- 3.— Tìm tiếng phản nghĩa với : « thiếu thốn », « sung sướng ».
- 4.— Tìm một chỉ-định túc-từ trong câu « Sự bố-thí của trẻ con... sự vô-về ».

**2.— TÌNH-YÊU ĐỒNG-BÀO**

Viết. từ : « Nam nhớ lại... đến vĩ-đại ấy ».



**TRẠNG-TỪ**

Trạng-từ là tiếng phụ nghĩa cho động-từ, tính-từ hay một trạng-từ khác.

Thí-dụ : Phi-cơ bay cao—Hoa sen thơm lỏm.

Thời-gian trôi nhanh quá !

Chú ý : Động-từ đặt sau động-từ, khác, tính-từ đặt sau động-từ hay tính-từ khác thường biến thành trạng-từ.

Thí-dụ : Bùn bắn tung lên— Tôi đi nhanh.

Màu lá cây xanh đậm.

**BÀI TẬP.—**

Tìm những trạng-từ trong hai câu thơ :

« Ao thu lạnh-lẽo nước trong veo,

Một chiếc thuyền câu bé tẻo-teo ».

**Tập làm văn**

Một hôm, má em sai em đi chợ mua trái cây. Em hãy tả qua quang-cảnh chợ và tả kỹ khu bán trái cây.

**DÀN BÀI.—**

I.— MỞ BÀI : Em đi chợ nào ?

II.— THÂN BÀI : 1) Lúc gần tới chợ : em trông thấy gì ? nghe thấy gì ?...

2) Quang-cảnh chợ : tiếng ồn-ào — người đông — màu sắc — đường lối rác-rưởi — nói sơ-lược những khu em đi qua (nói luôn cả cảm-giác).

3) Tả kỹ khu bán trái cây ; nói cả về cách em mua hàng.

III.— KẾT-LUẬN : Cảm-tưởng hay nhận-xét.

**Tập viết**

Chữ hoa (chữ khò lớn, vừa và nhỏ).

X Xấu người đẹp nết



**Ngữ-vựng**

**TUẦN LỄ 20**

## **I. - CÁC HỘI THIỆN**

### **BÀI ĐỌC**

Xã-hội còn nhiều kẻ khốn-cùng. Chính vì thế mà các hội-thiện được thành-lập. Nếu không có các cô-nhi-viện, viện dục-anh, thì những trẻ mồ-côi, vô-thừa-nhận sẽ sống ra sao? Không có viện dưỡng-lão, viện tế-bần thì những người già cả, tàn-tật không nơi nương-tựa biết nhờ vả ai? Không có trường mù thì những kẻ mù lòa đành cam chịu ngu dốt. Nhờ những người biết yêu đồng-loại mà những cơ-quan từ-thiện có phương-tiện để xoa-dịu những nỗi đau thương của xã-hội.

**TẬP NÓI CHUYỆN**— Các hội-thiện được lập ra với mục-đích gì? — Kể những hội-thiện mà các em biết? — Nhờ đâu mà các cơ-quan từ-thiện có thể hoạt-động được?

### **HỌC TIẾNG**

**Danh-từ** : cô-nhi-viện — viện dục-anh — viện dưỡng-lão—  
viện tế-bần — trường mù — cô-nhi.

**Tính-từ** : (trẻ) mồ-côi, vô-thừa-nhận.

**Động-từ** : nương-tựa — nhờ-vả.

**Thành-ngữ** : Thương người như thể thương thân.

**GIẢI-NHĨA.**— **Cô-nhi-viện** : (cô-nhi : trẻ mồ-côi ; viện : sở, nơi, nhà) nhà nuôi trẻ mồ-côi. **Viện dục-anh** : (dục : nuôi ; anh : trẻ nhỏ) nhà nuôi trẻ nhỏ. **Viện dưỡng-lão** : nhà nuôi những người già cả không nơi nương-tựa. **Viện tế-bần** : nhà nuôi những người nghèo-khò, tàn-tật. **Trường mù** : trường nuôi, dạy những người mù. **Trẻ vô-thừa-nhiệm** : trẻ bị bỏ rơi, không biết cha mẹ là ai.

### BÀI TẬP

- 1— Cô-nhi-viện và viện dục-anh khác nhau thế nào ?
- 2— Kể một vài cơ-quan từ-thiện mà em biết.
- 3— Giải nghĩa câu : « Thương người như thể thương thân ».

## Ngữ-vịng

### 2.— CÁC HỘI THIỆN (tiếp theo)

#### BÀI ĐỌC

Ngày nay, giới cần-lao được nhiều tổ-chức xã-hội nâng-đỡ : các quán cơm xã-hội được mở ra để cho đồng-bào lao-động có nơi ăn uống rẻ. Các chẵn-y-viện, được thiết lập ở những nơi đông dân để săn-sóc miễn-phí cho các bệnh-nhân. Còn nhiều hội thiện khác đã góp phần xoa dịu những vết-thương xã-hội, như Hội Bảo-trợ Phụ-nữ và Nhi-đồng, Hội Hồng Thập-Tự, Hội Bài-lao v.v...

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Muốn ăn uống rẻ, người lao-động thường đến đâu ? — Khi đau yếu muốn chữa bệnh không tốn tiền, ta có thể đến đâu ? Hãy kể tên một vài hội thiện mà em biết.*

#### HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : quán cơm xã-hội — chẵn y-viện — hội Hồng-Thập-Tự — hội Bài-lao — hội Bảo-trợ Phụ-nữ và Nhi-đồng.

**Tính-từ** : (công-cuộc) từ-thiện — (cảnh) cơ-cực.

**Động-từ** : bảo-trợ -- xoa dịu.

**Cá-dao** : — *Nhiều điều phải lấy giá gương,  
Người trong một nước thì thương nhau cùng.*

**GIẢI-NHĨA.**— **Quán cơm xã-hội** : tiệm bán cơm do Chính-phủ trợ cấp để đồng-bào lao-động có nơi ăn uống rẻ tiền. **Chẩn-y-viện** : cơ quan y-tế, khám bệnh, phát thuốc cho bệnh nhân mà không lấy tiền. **Hội Hồng-Thập-Tự** : hội từ thiện lấy chữ thập đỏ làm dấu hiệu. **Hội Bài-lao** : một cơ-quan do tư-nhân thiết-lập có mục-đích giúp đồng-bào chữa và ngừa bệnh lao. **Hội Bảo-trợ Phụ-nữ và Nhi-đồng** : hội có mục-đích chăm-nom sức-khoẻ cho các bà mẹ và trẻ em. **Cơ-cục** : nghèo đói, cùng khổ. **Bảo-trợ** : (bảo : giữ-gìn ; trợ : giúp) nuôi-nấng, giúp-đỡ.

**BÀI TẬP.**— Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

Nhờ có . . . . . đồng-bào lao động có nơi ăn uống rẻ.  
Khi đau yếu, ta có thể đến . . . . . để chữa bệnh không tốn tiền.— Hội . . . . . đã góp phần đắc lực vào việc . . . . .  
các vết thương do chiến tranh gây ra.— Hội . . . . . đã được thành lập để giúp đồng bào tránh những bệnh về phổi.

## **Tập đọc**

### **HỘI HỒNG-THẬP-TỰ**

1.— Hội Hồng-thập-tự Việt-nam tuy mới thành-lập nhưng đã để lại trong tâm-hồn những người đau-khổ ở đây nhiều kỷ-niệm.

2.— Nào ai quên được những chiến-sĩ bác-ái do hội đào-tạo, đã tận-tâm giúp-đỡ đồng-bào ty-nạn (hiệp-định Giơ-neo) Bàn tay xoa-dịu của đoàn chiến-sĩ bác-ái đã vượt-ve biết bao người đau-khổ, trong những vụ hỏa-tai ở Đò-thành, ở Gia-kiệm, ở Cầu Mới v.v...

Bóng những chiến-sĩ áo trắng đeo chữ thập đỏ luôn luôn thấp-thoảng tại các bệnh-xá, bên các xe cứu-thương lưu-động của hội. Ta còn thấy họ đi thăm các y-viện, các trại giam tù-binh và phạm nhân ; đi tổ-chức lễ tết cho các trẻ em mồ-côi ; đi điều-tra, tìm kiếm những kẻ biệt-tích.

3.— Nhân-loại còn thì tang-tóc vẫn còn, sứ-mạng của Hội Hồng-thập-tự vẫn còn tiếp-tục mãi mãi.

*Theo THẾ-GIỚI TỰ-DO*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Hội Hồng-thập-tự** : hội từ-tiện lấy chữ thập đỏ làm dấu-hiệu. **Lưu-động** : đi chỗ này, qua chỗ kia. **Điều-tra** : tìm-tòi, tra-xét. **Biệt-tích** : mất tích, không biết đi đâu. **Sứ-mạng** : nhiệm-vụ thiêng-liêng, cao-quý.

**Ý-TUỞNG.**— *Hội Hồng-thập-tự đã để lại gì trong tâm-hồn những người đau-khổ ? — Thiện-cứu của hội-viên đã sáng-chói trong những lần nào ? — Ta thường thấy bóng những chiến-sĩ áo trắng ở đâu ? — Tại sao sứ-mạng của hội còn tiếp-tục mãi mãi ?*

**LỜI VẤN.**— *Những chữ nào tả sự sẵn-sóc ân-cần của đoàn chiến-sĩ bác-ái ? — « Tù binh » và « phạm-nhân » khác nhau thế nào ?*

### DÀN PÀI

- 1— Hội Hồng-thập-tự Việt-nam để lại nhiều kỷ-niệm.
- 2— Những hoạt-động của hội.
- 3— Hội Hồng-thập-tự còn cứu giúp nhân-loại mãi mãi.

**ĐẠI-Ý.**— Hội Hồng-thập-tự Việt-nam hoạt-động mạnh-mẽ để thực-hiện sứ-mạng cao-cả của mình.

**PHÁT ÂM.**— **vuốt-ve — trại glam — đau khổ.**

## Tập đọc — học-thuộc-lòng

### NHỮNG BÀN TAY ĐẸP



- 1 — Có những bàn tay đẹp dịu-dàng,  
Bàn tay không vương nét kiêu-sang ;  
Cũng không tở-chuốt màu hồng-hạnh,  
Mà vẫn hồng tươi, vẫn nhẹ nhàng.
- 2 — Bao nỗi niềm riêng đành phải bỏ,  
Những bàn tay ấy quyết đeo mang :  
Đem bao êm dịu cho đau đớn,  
Hàn và lạnh cho những vết thương.
- 3 — Đây một trời thương phủ chiến-công,  
Nơi đây ve-vuốt chỉ anh-hùng :  
Nơi đây an-ủi hồn chinh-khách,  
Trên cánh tay in chữ thập hồng.

**MỘNG-TUYẾT**

**GIẢI-NHĨA.**— **Kiều-sang** : ý nói : giữ-gìn, tô-chuốt để làm dáng. **Tô-chuốt** : sửa-sang tô-điêm cho thêm đẹp. **Chí anh-hùng** : (chí : lòng quyết-định làm việc gì ; anh-hùng : bậc tài giỏi) lòng cương-quyết của bậc tài-giỏi hơn người. **Chinh-khách** : người đánh giặc.

**Y-TUỜNG.**— « *Những bàn tay* » nói trong bài là những bàn tay của ai ? — *Bàn tay người nữ cứu-thương thế nào ? — Người nữ cứu thương gạt bỏ nhũ-g nổi niềm riêng để làm gì ? — Họ an-ùi những ai ?*

**LỜI VẤN.**— « *Đây một trời thương* » : ý nói gì ? — *Câu nào trong bài cho biết sự hy-sinh của người nữ cứu thương ? — Tìm những danh-từ ghép có tiếng « chiến » như « chiến-công ».*

### DẪN BÀI

- 1 — Bàn tay người nữ cứu-thương không tô-chuốt mà vẫn đẹp.
- 2 — Người nữ cứu-thương quên mình để làm nhiệm-vụ.
- 3 — Người nữ cứu-thương an-ùi các thương, bệnh-bình.

**ĐẠI-Ý.**— Người nữ cứu-thương hy-sinh để xoa-dịu sự đau đớn của các thương, bệnh-bình.

**PHÁT ÂM.**— Bàn tay — kiêu-sang — tô-chuốt — ve-vuốt.

## Chánh-tà

### I.— THĂM VIỆN DỤC-ANH

Sáng qua, tôi theo mẹ tôi vào viện **dục-anh**.

Chúng tôi đến vào đúng giờ ăn của các em. Cảnh-tượng vui mắt làm sao ! Em này ăn bằng thìa, em kia ăn **bốc**. Chỗ này, mấy em **mỏi** nhìn ruồi **bay** quên cả ăn ; chỗ kia mấy em vừa ăn vừa ho, cơm bắn ra bàn như mưa ! Hai **đầy** dài gồm những trẻ em **dung** mạo hồng-hào với những mớ tóc **buộc** vải màu **sặc-sỡ**.

Ăn xong, các em đều chạy ra vườn. Mẹ tôi cũng ra vườn, **xoa** đầu em này rồi **vuốt-ve** em kia. Các em khác đua nhau chạy lại vây lấy mẹ tôi, em nào cũng **ngàng** mặt lên chờ mẹ tôi hôn.

*HÀ-MAI-ANH (dịch)*

**GIẢI-NHĨA.**— Viện dục-anh : nhà nuôi trẻ nhỏ. Cảnh-tượng : hình-ảnh bày ra trước mắt. Dung mạo : vẻ mặt. Vuốt-ve : mơn-trơn, tỏ ý yêu-thương.

**CÂU HỎI.**— Tác-giả theo mẹ đến đâu ? — Hai mẹ con tới viện dục-anh vào lúc nào ? — Ăn xong các em đi đâu ? — Mẹ tác-giả cũng ra vườn làm gì ?

**ĐẠI-Ý.**— Quang-cảnh viện dục-anh trong giờ ăn và giờ chơi.

**NHẬN XÉT CHÁNH-TẢ.**— viện dục anh — ruồi bay — sặc-sỡ — xoa đầu — chờ mẹ tới hôn .

**CÂU HỎI CHÁNH-TẢ.**—

1 — Giải-nghĩa : ăn bốc — vấy lấy mẹ tôi.

2 -- Mẹ cậu bé tỏ lòng thương yêu các em nhỏ mồ côi bằng cách nào ?

3 — Tìm tiếng phản-nghĩa với đồng-bào.

4 — Tìm một trạng-từ trong câu : « Ăn xong... chạy ra vườn »,

## **Chánh-tả**

### **2. — HỘI HỒNG-THẬP-TỰ**

Viết từ : « Hội hồng-thập-tự Việt-nam » đến « Cầu Mối » trong bài tập đọc.

## **Văn-phạm**

### **VỊ-TRÍ TRẠNG-TỪ VÀ LƯỢNG-SỐ TRẠNG-TỪ**

A) Vị-trí trạng-từ phụ nghĩa cho động-từ hoặc tĩnh-từ để định rõ một nơi xa hay gần, như : đây, đấy, kia, đó, khắp, đồng này, đồng kia...

Thí-dụ : Đứng yên đó.

Tiếng-tấm lưng-lẫy khắp nơi.

B) **Lượng-số trọng-từ** phụ nghĩa cho động từ hoặc tính-từ để chỉ một lượng nhiều hay ít, không biết rõ hoặc không hạn-định như : ít, nhiều, rất, quá, chừng, toàn...

Thí-dụ : Chúng ta nên nói ít nghe nhiều.

Diện-tích nước Việt-nam rộng **chừng** 330.000km<sup>2</sup>.  
Hôm nay tôi ăn **toàn** trái cây.

**BÀI TẬP.**— Tìm một vị-trí trạng-tự trong hai câu thơ :

« Không đi khắp bốn phương trời,  
Vùi đầu án sách ường đời làm trai ! »

## Tập làm văn

**Một hôm em đi học, bất chợt gặp mưa to, em phải tìm nơi trú (đụt mưa). Em hãy tả lại quang-cảnh ngoài đường lúc ấy.**

I.— **MỞ BÀI** : Hôm nào ? cơn mưa ấy xảy tới thế nào ? Em vào đâu trú mưa ?

II.— **THÂN BÀI** : 1) Quang-cảnh ngoài đường lúc mưa : vắng hẵn đi ; người trú mưa dưới các mái hiên, gốc cây... ; các mái nhà, cây...cối lúc đó ra sao ? nước chảy, xe cộ ; chim chóc... (nếu có).

2) Cảm-giác : (thí-dụ : buồn, bồn-chồn vì lo tới trường trễ).

3) Mưa ngớt : những người trú mưa lục-tục lên đường ; em cũng vội-vã ra đi...

III.— **KẾT-LUẬN** : Cảm-tưởng hay nhận xét.

## Tập viết

Chữ rông (viết chữ thường khổ lớn)

ì u t ì ù





người da trắng



người da vàng



người da đen



người da đỏ

**TUẦN LỄ** 21

**Ngữ-vịng**

**I.— CHÚNG-TỘC**

**BÀI ĐỌC**

Các nhà nhân-chủng-học chia loài người làm bốn giống : hoàng-chủng, bạch-chủng, hắc-chủng và hồng-chủng.

Những dân-tộc thuộc bạch-chủng và hoàng-chủng văn-minh. Những dân-tộc thuộc hắc-chủng phần nhiều chậm tiến. Thờ-dân da đỏ ở Mỹ-châu chính là người hồng-chủng. Giống người này hầu như sắp bị diệt-chủng.

Con người chẳng nên vì màu da khác biệt mà sinh ra kỳ-thị chủng-tộc. Trái lại, đã cùng là loài người thì phải nên thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau.

**TẬP NÓI CHUYỆN.** — Nhà nhân-chủng-học làm việc gì ? — Trên mặt địa-cầu có những chủng tộc nào ? — Những dân-tộc thuộc chủng-tộc nào văn-minh ? — Những dân-tộc thuộc hắc-chủng phần nhiều thế nào ? — Tại sao không nên kỳ-thị chủng-tộc ?

## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : Nhà nhân-chủng-học — hoàng-chủng — bạch-chủng — hắc-chủng — hồng-chủng — dân-tộc — thổ-dân.

**Tính-từ** : (dân-tộc) văn-minh — chậm tiến.

**Động-từ** : diệt-chủng — kỳ-thị (chủng-tộc).

**Tục-ngữ** : *Tứ hải giai huynh-đệ.*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Chủng-tộc** : giống người. **Nhà nhân-chủng-học** : người nghiên-cứu về tính-chất và sự tiến-hóa của loài người. **Hoàng-chủng** : giống người da vàng. **Bạch-chủng** : giống người da trắng. **Hắc-chủng** : giống người da đen. **Hồng-chủng** : giống người da đỏ. **Dân-tộc** : người dân sống chung trong một nước. **Thổ-dân** : dân ở một địa-phương nào. **Văn-minh** : đã đạt tới một trình-độ tiến-hóa cao. **Chậm tiến** : tiến-bộ chậm-chạp. **Diệt-chủng** : làm mất giống. **Kỳ-thị chủng-tộc** : khinh, ghét người không cùng nòi giống với mình. **Tứ-hải giai huynh-đệ** : người trong bốn bề cùng là anh em với nhau.

### BÀI TẬP

Người Việt-nam thuộc . . . . . Đa số các dân-tộc  
Âu-châu thuộc . . . . . Người Ấn-độ, người Phi-luật-Tân  
thuộc . . . . . Ở châu Mỹ còn sót lại một thiểu số người  
thuộc . . . . . Đã là người, ta không nên . . . .  
vì khác màu da.

### **Ngữ-vịng**

### **2.— CHủng-TỘC** (tiếp theo)

#### BÀI ĐỌC

Ở miền sơn cước nước ta có nhiều dân-tộc thiểu-số sinh sống. Tuy còn dã-man và hiếu-chiến nhưng họ đã biết tự-tập thành bộ-lạc, dưới quyền điều-khiển của các tù-trưởng.

Xét vì ngôn-ngữ và phong-tục người thượng có khác người kinh; nhưng lịch-sử chứng tỏ dù kinh, dù thượng, họ đã từng sát-cánh nhau bảo-vệ đất nước, không chịu để cho quân xâm-lãng đồng-hóa.

Gần đây, vì mất an-ninh, đồng-bào thượng di-cư về ở với đồng-bào kinh. Thêm một bằng chứng hùng-hồn về tình đoàn-kết kinh, thượng.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— Các dân-tộc đồng-bào thiểu-số sinh-sống ở miền nào trong nước ta ? — Họ tụ-tập thành gì ? — Mỗi bộ-lạc đặt dưới quyền điều-khiển của ai ? — Người Kinh và người Thượng đoàn-kết với nhau để làm gì ? — Gần đây, tại sao đồng-bào Thượng phải di-cư ?

## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : Người kinh — người thượng — đồng-bào — bộ-lạc — tù-trưởng — ngôn-ngữ — phong-tục.

**Tính-từ** : (Bộ-lạc) dã-man, hiếu-chiến — (đồng-bào) thiểu-số.

**Động-từ** : Di-cư — đồng-hóa — tụ-tập.

**Thành-ngữ** : Con Rồng, cháu Tiên.

**GIẢI-NGHĨA.**— Người kinh : người Việt gốc ở miền châu-thỏ. Người thượng : người Việt gốc ở miền rừng núi. Đồng-bào : anh chị em cùng một mẹ; ở đây, là người cùng một nước. Bộ-lạc : nhóm dân ở quây-quần với nhau thành một chòm, một xóm, chưa biết tổ-chức thành một quốc-gia. Tù trưởng : người đứng đầu một bộ-lạc. Phong-tục : thói quen lâu đời trong xã-hội. Ngôn-ngữ : tiếng nói. Dã-man : còn man-rợ, chưa được khai-hóa. Hiếu-chiến : ưa đánh nhau, ưa gây chiến. Đồng-bào thiểu-số : chỉ các sắc-tộc như Chăm, Mèo, Mường, Mán, Thượng v.v... Di-cư : bỏ chỗ cũ để đến ở chỗ khác. Đồng-hóa : làm cho giống nhau. Tụ-tập : nhóm họp nhau lại một chỗ.

## BÀI TẬP

- 1 — Giải-nghĩa : đồng-bào, hiếu-chiến, tụ-tập.
- 2 — Người đứng đầu một bộ-lạc gọi là gì ?
- 3 — Tìm một thành-ngữ chỉ dòng giống người Việt-nam.

1.— Người Mèo thấp bé nhưng khỏe-mạnh và nhanh-nhẹn. Giang-sơn của họ là rừng núi. Họ không có ruộng sâu để cấy cấy, nên hằng ngày chỉ ăn bắp, rau, đậu. Cơm là món ăn xa-xỉ, dành cho những ngày lễ tết, đình-đám.

2.— Đàn ông Mèo mặc áo cánh ngắn rộng tay, quần cụt, chân đi dép nứa, tóc thường để xõa hai bên vai. Đàn bà, mặc áo cánh chần, váy gấp làm nhiều nếp xuống ngang đầu gối, đầu đội khăn to, chân quấn xà-cạp phồng to từ đầu gối xuống mắt cá, tay và cổ đeo nhiều vòng bạc to và rộng.

3.— Dân Mèo rất chuộng âm-nhạc. Khi làm việc, lúc đi đường, họ luôn luôn huyt sáo hay ngâm-nga vài điệu hát. Đi chợ về, gặp hôm bán được nhiều hàng, trời lại nắng ráo, họ vừa tiến bước vừa nhảy múa, ca hát vang trời. Trong những dịp hội-hè, tết nhất, các cuộc nhảy múa lại càng trng-bùng náo-nhiệt.

*T.G.T.D.*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Đình-đám** : nói chung về ngày hội-hè. **Nứa** : loại tre mình mỏng, lông dài, mọc ở rừng. **Áo cánh chần** : áo ngắn và hẹp.

**Ý-TUỞNG.**— *Vóc-dáng người Mèo thế nào ? — Tại sao đối với người Mèo, cơm là món ăn xa-xỉ ? — Đàn ông Mèo ăn mặc ra sao ? — Đàn bà Mèo ăn mặc thế nào ? — Người Mèo nhảy múa và ca hát vào những dịp nào ?*

**LỜI VĂN.**— *Thay tiếng « chuộng » trong từ-ngữ « chuộng âm-nhạc » bằng một tiếng khác. Tìm và giải nghĩa tiếng đồng âm với « đường ».*

**DÀN BÀI**

1— Vóc-dáng và thực-phẩm của người Mèo .

2— Y-phục của đàn ông và đàn bà Mèo.

3— Dân Mèo chuộng âm-nhạc.

**ĐẠI-Y.**— Người Mèo ăn mặc đơn-giản và thích múa hát.

**PHÁT-ÂM.**— giang-sơn — ruộng sâu — náo-nhiệt — nhảy múa.

**DÂN-TỘC VIỆT**

- 1 — Trên dải đất chạy ven bờ biển-cá,  
Dưới trời Đông-Nam-Á rạng màu xanh ;  
Một giống người nhỏ bé nhưng tinh-anh  
Đã xây đắp một sơn-hà gấm-vóc.
- 2 — Sống chen chúc giữa bao nhiêu đị-tộc,  
Quây-quần nhau để giành đất mưu-sinh,  
Họ phải luôn mạnh-mẽ suốt gươm linh.  
Và chiến-đấu để giữ gìn đất nước.



**ĐĂNG-PHƯƠNG**

**GIẢI-NHĨA.** — Rạng : ở đây là nổi bật lên. Tinh-anh : phần lọc-lỗi, tốt đẹp nhất. Sơn-hà gấm vóc : (sơn : núi ; hà : sông ; gấm : thừ hàng dệt có hoa, nhiều sắc ; vóc : thừ hàng tơ, nền bóng) đất nước tươi đẹp. Đị-tộc : khác chủng-tộc, khác nòi giống. Mưu-sinh : tìm kế nuôi sống thân mình.

**Y-TUỞNG.** — Nước Việt-nam ở miền nào châu Á ? — Chạy dài theo bờ biển nào ? — Về vóc-dáng và tinh-thần, người Việt-nam thế nào ? — Họ đã xây đắp được một sơn-hà ra sao ? — Họ sống chen-chúc giữa những chủng-tộc nào ? — Họ phải làm gì để giành đất mưu-sinh ?

**LỜI-VẤN.** — Tinh-từ « quây-quần » cho ta biết người Việt-nam có tinh-thần gì ? — Tiếng « họ » trong bài thuộc loại-tự nào ?

**DÀN BÀI**

- 1 — Tuy nhỏ bé nhưng dân-tộc Việt đã tạo-dựng được quốc-gia.
- 2 — Dân-tộc Việt đã đoàn-kết để giữ-gìn đất nước.

**ĐẠI-Ý.** — Dân-tộc Việt đã tạo-dựng và giữ-gìn được đất nước.

**PHÁT-ÂM.** — Dân-tộc Việt — chen-chúc — quây-quần — đất mưu-sinh — suốt gươm linh.

## Chánh-tà

### I.— TÔI LÀ NGƯỜI VIỆT

Tôi là người Việt. Nước tôi bé nhỏ, ở ven bờ biển cả, có sông sâu làm hào, có núi cao làm lũy, có những danh-lam thắng-cảnh trang-hoàng. Dân tôi hiền-lành, nhưng quả-cảm, kiên-nhẫn, giàu tình-cảm và nhân-đạo.

Tôi sống trên mảnh đất tổ-tiên tôi đã sống. Tôi thờ không-khí tổ-tiên tôi đã thờ. Khắp rừng núi, sông ngòi, cỏ cây, hoa lá, đều phảng-phất dấu-vết của tổ-tiên tôi. Cho nên một cánh cây, một tấc đất của non sông hoa gấm này, tôi đều coi là những báu-vật thiêng-liêng không ai được quyền xâm-phạm.

Theo HOAI-SƠN

GIẢI-NGHĨA.— Hào : đường nước bao-học chung quanh thành.lũy. Lũy : thành đắp bằng đất. Quả-cảm : quả-quyết, dũng-cảm.

CÂU HỎI.— *Nước Việt-nam ở ven bờ biển nào ? — Dân-tộc Việt-nam có những đức-tính nào ? — Tại sao tác-giả coi mỗi cánh cây, mỗi tấc đất của non sông là những báu-vật ?*

ĐẠI Ý.— Một người Việt bày tỏ lòng yêu nước của mình.

NHẬN XÉT CHÁNH-TÀ.— ven — sông sâu — trang-hoàng — tấc đất — báu.vật — xâm-phạm.

CÂU HỎI CHÁNH-TÀ.—

- 1 — Giải-nghĩa : kiên-nhẫn, nhân-đạo, non sông hoa gấm.
- 2 — Kể một vài danh-lam thắng-cảnh của nước ta.
- 3 — Tìm tiếng phản-nghĩa với « hiền lành ».
- 4 — Trong câu « khắp đồi núi... của tổ-tiên tôi » tiếng nào là vị-trí trạng-từ ?

## Chánh-tà

### 2.— NGƯỜI MÈO

Viết đoạn 1 và đoạn 2 bài tập đọc

## NGHI-VẤN TRẠNG-TỪ

Nghi-vấn trạng-từ là trạng-từ dùng để hỏi.

1 — Hỏi về vị-trí, như : **đâu, bao xa.**

Thí dụ : **nhà anh ở đâu ?**

2 — Hỏi về duyên-cớ, như : **sao, làm sao, tại sao.**

Thí-dụ : **Tại sao ta phải làm việc ?**

3 — Hỏi về cách-thức, như : **sao, làm sao, thế nào.**

Thí-dụ : **Muốn trở thành học-sinh giỏi, phải làm thế nào ?**

4 — Hỏi về lượng-số, như : **mấy, bao nhiêu.**

Thí-dụ : **Cái áo này giá bao nhiêu ?**

5 — Chỉ về thời-gian, như : **bao giờ, bao lâu..**

Thí-dụ : **Bao giờ anh đi Vũng-tàu ?**

BÀI TẬP.—

Dùng ba nghi-vấn trạng-từ sau đây để đặt ba câu hỏi : **đâu, tại sao, bao nhiêu.**

## Tập làm văn

## THUẬT TRUYỆN

CHỈ DẪN :

Thuật truyện tức là kể lại một câu chuyện mà mình đã đọc, đã chứng kiến, hoặc đã được nghe người khác kể.

Thuật truyện, trước hết hãy giới-thiệu những nhân-vật chính và phụ, mô-tả nơi mà truyện xảy ra. Truyện nào cũng phải có kết-cục ; ta phải khéo-léo kể sao cho có mạch-lạc và hấp-dẫn, khiến người nghe phải đón chờ đoạn-kết.

## DÀN BÀI

I.— MỞ BÀI : Giới-thiệu truyện.

II.— THÂN BÀI : 1) Khởi đầu truyện.  
2) Truyện diễn ra như thế nào ?  
3) Kết-cục ra sao ?

III.— KẾT-LUẬN : Vì sao em thích truyện ấy ?

ĐỀ.— Trong các truyện cổ-tích mà em đã đọc hoặc đã được nghe kể, em thích nhất truyện nào ?  
Hãy thuật lại.

## DÀN BÀI

: (Thí.dụ : Truyện ăn khế trả vàng).

I.— MỞ BÀI : Giới-thiệu truyện.

II.— THÂN BÀI : 1) Sự phân chia gia-tài bất-công.  
2) Chim thần xuất-hiện.  
3) Người em được thưởng vì thật-thà.  
4) Người anh bị phạt vì gian-tham.

III.— KẾT-LUẬN : Truyện có ý dạy ta rằng : « Tham thì thâm ».



### *Tập viết*

Chữ rông (viết chữ thường, khổ lớn)

*a m, múi múi*





**Ngũ-vương**

**TUÂN LỄ 22**

## I. — TÔN-GIÁO

### BAI ĐỌC

Con người hầu hết đều tin-tưởng ở thần-quyền. Do lòng tin-ngưỡng ấy mà phát-sinh ra tôn-giáo. Có tôn-giáo độc-thần thờ-phượng một Đấng Tối-Cao mà mỗi tôn-giáo tôn-xưng bằng một danh-hiệu riêng như Thiên-chúa, Thượng-đế, Đấng Chí-tôn. Có tôn-giáo đa-thần thờ Thần Sông, Thần Núi, Thần Gió, Thần Mưa v.v...

Tin-đồ của tôn-giáo nào cũng cố-gắng ăn ngay ở lành, mong cho khi chết được về thiên-đàng niết-bàn, hoặc cảnh cực-lạc. Song đáng tiếc rằng có một vài tôn-giáo hiện bị pha trộn những điều tin kiêng huyền-hoặc, khiến cho lòng tin đạo của tin-đồ dễ biến thành lòng mê-tín dị-đoan.

**TẬP NÓI CHUYỆN.** — Con người hầu hết đều tin-tưởng ở quyền-năng nào ? — Do lòng tin-ngưỡng ấy mà phát-sinh ra gì ? — Tôn-giáo độc-thần thờ-phượng đấng nào ? — Tôn-giáo đa-thần thờ những vị thần nào ? — Tin-đồ các tôn giáo cố-gắng ăn ngay ở lành vì lẽ gì ? — Tại sao lòng tin-đạo của các tin-đồ thuộc một vài tôn-giáo dễ biến thành lòng mê-tin dị-đoan ?

**Danh từ** : thần-quyền — tin-ngưỡng — Đấng tối-cao — Thiên-đường — niết-bàn — tin-đồ.

**Tính-từ** : (Tôn-giáo) độc-thần, đa-thần — (Điều tin kiêng) huyền-hoặc.

**Động-từ** : Tin-tưởng (ở thần-quyền) — Phát-sinh — Thờ phượng.

**Thành-ngữ** : Mê-tin dị-đoan.

**GIẢI-NGHĨA.**— **Thần-quyền** : oai-quyền của thần-thánh. **Tin-ngưỡng** : lòng tin-tưởng, ngưỡng mộ một tôn-giáo. **Đấng Tối-cao** : Đấng ở trên hết mọi loài. **Thiên-đường** : thế-giới cực-lạc, theo Thiên-chúa-giáo. **Niết-bàn** : nơi mà linh-hồn bất sinh bất-diệt. **Tin-đồ** : người tin theo một tôn-giáo nào. **Tôn-giáo độc-thần** : tôn-giáo chỉ thờ một Đấng Tối-cao. **Tôn-giáo đa-thần** : tôn-giáo thờ nhiều vị Thần. **Huyền-hoặc** : dối, mê-hoặc, không có thật. **Phát-sinh** : sinh ra. **Mê-tin dị-đoan** : nhầm mắt tin theo những điều huyền-hoặc không có thật.

## BÀI TẬP

Từ thời thượng-cổ, con người đã tin-tưởng ở . . . . .  
Lúc đầu người ta theo . . . . ., thờ thần Sông, thần Núi, thần Mưa, thần Gió... Về sau người ta theo . . . . ., chỉ thờ một Đấng Tối-cao. Các tôn-giáo đều răn dạy . . . . .  
ăn ngay ở lành.

### Ngữ-vựng

## 2.— TÔN-GIÁO (tiếp theo)

### BÀI ĐỌC

Phần nhiều tôn-giáo phát-sinh từ châu Á. Các vị giáo-chủ sáng-lập ra tôn-giáo, truyền-thụ giáo-lý và giáo-điều cho tin-đồ, nhằm mục đích răn dạy con người làm lành tránh dữ, ăn ở xứng đạo làm người. Người mình rất mộ-đạo. Người thì theo Phật-giáo hoặc Thiên-chúa-giáo. Người thì theo Cao-đài-giáo hoặc Phật-giáo Hòa-hảo. Phật giáo du-nhập nước ta trước Thiên-chúa-giáo. Cao-đài-giáo và Phật-giáo Hòa-hảo là hai giáo-phái mới được sáng-lập ít lâu nay.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Phần nhiều tôn-giáo phát-sinh từ dân ? — Các vị giáo chủ truyền-thụ giáo-lý và giáo-điều cho tín-đồ nhằm mục-đích gì ? — Người Việt-nam theo những tôn-giáo nào ? — Phật-giáo hay Thiên-chúa giáo du-nhập nước ta trước ?*

## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : Phật-giáo — Thiên-chúa-giáo — Cao-đài-giáo — Phật-giáo Hòa-hảo — Giáo-chủ — Giáo-lý — Giáo-điều.

**Tính-từ** : Mộ-đạo.

**Động-từ** : Sáng-lập (tôn-giáo) — truyền-thụ (giáo-lý) — du-nhập.

**Tục-ngữ** : *Chiếc áo không làm nên thầy tu.*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Phật-giáo** : đạo do Đức Thích-ca Mâu-ni làm giáo-chủ, phát-sinh từ Ấn-độ. **Thiên-chúa-giáo** : danh-xưng chỉ chung các đạo thờ Thiên-chúa như Công-giáo, Tin-lành... **Cao-đài-giáo** : một đạo mới thành-lập ở Tây-ninh, dung-hòa Phật-giáo, Thiên-chúa-giáo và tôn-giáo khác. **Phật-giáo Hòa-hảo** : một ngành đạo Phật, phát xuất từ làng Hòa-hảo ở An-giang. **Giáo-chủ** : người lập ra một tôn-giáo. **Giáo-lý** : nghĩa-lý đương nhiên trong một tôn-giáo buộc mọi người phải công-nhận. **Giáo-điều** : điều răn dạy trong đạo. **Mộ-đạo** : mền đạo. **Sáng-lập** : dựng nên. **Truyền-thụ** : truyền dạy cho người khác. **Du-nhập** : từ nước ngoài đem vào nước mình. **Chiếc áo không làm nên thầy tu** : ý nói đừng xét người theo bề ngoài.

## BÀI TẬP

- 1 — Giải-nghĩa : Giáo-chủ, mộ-đạo, du-nhập.
- 2 — Kể vài ngành của Thiên-chúa-giáo.
- 3 — Giáo-lý và giáo-điều khác nghĩa nhau thế nào ?

1.— Phụng mở gói quà của mình ra trước những cặp mắt chăm-chú của các bạn. Và tất cả cùng reo lên một lượt : « Ồ ! búp-bê ! ».

2. — Mặt Phụng sáng hẳn lên. Một con búp-bê thật đẹp, tóc vàng óng, có băng tím vấn ngang đầu, đôi mắt xanh, nhúm mỡ đượ. Búp-bê đứng sùng-sùng ở trên nắp hộp. Nó mặc váy hồng nạm kim-tuyến, đi giày trắng. Nó cười với Phụng, với lũ trẻ. Mặt nó hồng-hào và cái miệng rất tươi.

Phụng sẽ bế nó đi ăn cháo ở phòng dưới. Trong giờ học, búp-bê sẽ ngủ ở ngăn kéo. Buổi tối, hai đứa sẽ đi cầu kinh ở giáo-đường. Búp-bê sẽ ngồi trên lòng Phụng. Chắc mắt của nó sẽ mở to dưới ánh đèn sáng.

3.— Bây giờ thì Phụng xem đến cái hộp đựng búp-bê. Cái hộp dán giấy hoa màu xanh, buộc dây đỏ, trong có đệm lụa và cái gối xinh-xinh. Phụng mỉm cười sung-sướng.

*Theo NHẬT-TIẾN*

**GIẢI-NGHĨA.**— Quà Giáng-sinh : đồ vật tặng nhau vì dịp kỷ-niệm ngày Chúa Cứu-thế ra đời. Vấn : quần chụ quanh. Sùng-sùng : đứng thẳng, đứng trơ ra. Nạm kim-tuyến (nạm : dát vào, cần vào ; kim-tuyến ; chỉ vàng) dẹt lẫn chỉ và óng ánh.

**Ý-TUỞNG.**— *Khi Phụng mở gói quà Giáng-sinh ra, các bạn làm gì ? — Hình-dáng con búp-bê trong bài ra sao ? — Nhận được con búp-bê, Phụng nghĩ đến những điều gì ? — Trong hộp đựng búp-bê có gì ?*

**LỜI VĂN.**— *Câu nào trong bài nói lên được sự mừng-rỡ của Phụng khi nhận được con búp-bê ? — Tác-giả dùng những màu sắc nào để tả con búp-bê ?*

**DÀN BÀI**

1 — Phụng mở gói quà Giáng-sinh.

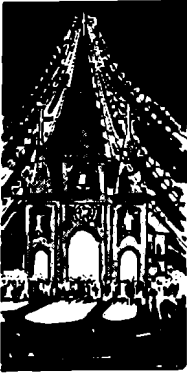
2 — Con búp-bê và cảm-nghĩ của Phụng.

3 — Phụng sung-sướng mở hộp đựng búp-bê.

**ĐẠI-Y.**— Nhân dịp lễ Giáng-sinh, Phượng nhận được con búp-bê đẹp.

**PHÁT-ÂM.**— Tóc vàng óng — vãn ngang đầu — sừng-sừng — lũ trẻ

**Tập đọc — học-thuộc-lòng**



**ĐÊM GIÁNG-SINH**

- 1 — Đêm hôm nay xa lạ cũng anh em,  
Vì tất cả đều cảm thông lời Chúa.
- 2 — Từng em nhỏ bên trời Tây hơn-hở,  
Quà No-en chưa rõ thứ gì đây,  
Những bà già thành-kính chấp hai tay.  
Mắt cầu khấn ngược lên nhìn tượng Chúa ;  
Nơi thành-thị cũng như miền thôn-dã,  
Người xôn-xao chờ đợi phút thiêng-liêng.
- 3 — Lúc không-gian vang dội tiếng chuông rền,  
Nơi chiến-địa cũng ngừng tay tàn-bạo.

Theo **BÀNG-BÁ LÂN**

**GIẢI-NGHĨA.**— Cảm-thông : vì cảm-động mà hiểu được.  
Thôn-dã : (thôn : xóm trong làng ; dã : đồng ruộng) nơi thôn quê, đồng ruộng. Phút thiêng-liêng : giờ phút kỷ-niệm Chúa Hài-đồng ra đời.

**Y-TUỞNG.**— Vì sao đêm Giáng sinh người xa lạ cũng coi nhau như anh em ? — Những em nhỏ chờ đợi cái gì ? — Các bà già làm gì trước tượng Chúa ? — Lúc chuông Giáng-sinh vang rền thì ở chiến-địa người ta làm gì ?

**LỜI VẤN.**— Tìm những tình-từ trong bài, nói lên tình-cảm của những em nhỏ, những bà già khi chờ đợi giờ kỷ-niệm Chúa giáng-sinh. — « Người xôn-xao chờ đợi » : từ-ngữ « xôn-xao » nói lên ý gì ?

**DÀN BÀI.**—

- 1 — Đêm Giáng-sinh mọi người thông-cảm nh. u.
- 2 — Tâm-trạng mọi người trước giờ kỷ-niệm Chúa giáng-sinh.
- 3 — Khi chuông Giáng-sinh vang dậy, ngoài chiến-địa cũng ngừng chém giết.

**ĐẠI-Y.**— Ở khắp mọi nơi người ta mong đợi giờ phút Chúa giảng-sinh.

**PHÁT ÂM.**— Thành-kính — hai tay — ngược lên — phút thiêng—liêng .

## Chánh-tà

### I.— TIẾNG CHUÔNG NHÀ THỜ XƯA

Đã lâu lắm rồi, tôi không còn được nghe cái tiếng chuông ta ngân-ngã ấy nữa, nhưng nó vẫn vang lên trong lòng tôi. Nó vẫn đi liền với hình ảnh rõ-rệt của ngôi thánh-đường cũ-kỹ, ở đó, tôi đã được vị linh-mục già âu-yếm mở lòng cho về đời sống. Cũng chính nó đã gọi tôi đến dự những cảnh đầu tiên về cuộc đời : những buổi lễ, những cuộc rước, những đám cưới, đám tang, những buổi họp đoàn-thể...

Tiếng chuông ta ngân-ngã ấy đã bị thay thế hẳn bằng hồi chuông tây oang-oang, dồn-dập. Nhưng nó vẫn còn vang mãi trong lòng tôi, bởi vì nó là âm-thanh đầu-tiên cho ý nghĩa vào lòng tôi trong những ngày thơ-ấu.

#### XUAN-HÒA

**GIẢI-NGHĨA.**— Thánh-đường : nhà thờ của Công-giáo.  
**Đoàn-thể** : một số đông người kết-hợp lại nhằm một mục-đích chung. Hồi chuông dồn-dập : hồi chuông dồn mau, tiếng nó kế tiếp tiếng kia.

**CÂU HỎI.**— *Tiếng chuông ta gọi cho tác-giả nghĩ tới những kỷ-niệm nào ? — Tại sao tác-giả không quên được những tiếng chuông ngân-ngã ấy ?*

**ĐẠI-Y.**— Tác-giả nhớ đến những tiếng chuông nhà thờ xưa và những kỷ-niệm nó gợi lại cho tác-giả.

**NHẬN XÉT CHÁNH-TÀ.**— **vẫn vang lên, rõ-rệt, âu-yếm, mở lòng, oang-oang.**

## CÂU HỎI CHÁNH TẢ

- 1 — Giới-ngữ : Đám tang, ngân-nga, âm-thanh.
- 2 — Tại sao tác-giả không còn được nghe những tiếng chuông ta ngân-nga nữa ?
- 3 — Tìm một tiếng nôm đồng nghĩa với « thánh-đường ».
- 4 — Nghi-vấn trạng-từ là gì ? Dùng một nghi-vấn trạng-từ để đặt thành một câu.

### Chánh-tả

## 2.— QUÀ GIÁNG-SINH

Viết đoạn 2 bài tập đọc

### Vấn-phạm

## Ý-KIỆN TRẠNG-TỪ

Ý-kiến trạng-từ dùng để nói ra một ý xác-định, phủ-định hay hoài-nghi và để đặt câu hỏi :

- 1 — Ý-kiến trạng-từ dùng để nói ý xác-định : có, dạ, vâng, chắc hẳn, ắt là, tất nhiên, quả nhiên.....
- 2 — Ý-kiến trạng-từ dùng để nói ý phủ-định : không, đừng, chớ, chẳng bao giờ, .....
- 3 — Ý-kiến trạng-từ chỉ ý hoài-nghi : có lẽ, chắc gì, biết đâu, không chừng, .....
- 4 — Ý-kiến trạng-từ dùng để hỏi : đâu, bao xa, sao, làm sao, tại sao, thế nào, mấy, gì, .....

BÀI TẬP.—

Dùng ba ý-kiến trạng-từ sau đây đặt thành ba câu :  
tất-nhiên, làm sao, chẳng bao giờ.

## Tập làm văn

ĐỀ :

Trong những anh-hùng lịch-sử, em khâm-phục vị nào nhất ? Hãy thuật lại tiểu-sử và công-nghiệp của vị đó.

### DÀN BÀI

(Thí-du : Vua Quang Trung)

I. — MỞ BÀI : Giới-thiệu vị anh-hùng.

II. — THÂN BÀI : 1 — Tiểu-sử.

2 — Công-nghiệp :

a) Đại phá quân Thanh.

b) Tổ-chức việc chính-trị, văn-học, quân-sự.

III. — KẾT-LUẬN : Ý-nghĩ của em.



## Tập viết

Chữ rông (viết chữ thường khổ lớn)

o q c d      quả dưa





## I.— TÔN-GIÁO (tiếp theo)

### BÀI ĐỌC.—

**Đạo Phật** phát-sinh từ Ấn-độ, do Đức Thích-ca Mâu-ni sáng-lập. Đức Phật thấy đời là bể khổ nên truyền đạo từ-bi của Ngài để tế-độ chúng-sinh.

Những người xuất-gia đầu Phật gọi là tăng, ni. Họ là những nhà tu khổ hạnh, sống ở chùa, ăn chay niệm Phật hằng ngày. Những người theo đạo Phật là Phật-tử. Ngày rằm, mừng một và những dịp lễ như lễ Phật-đản, lễ Trung-nguyên, họ đến chùa lễ Phật và nghe các nhà sư thuyết-pháp. Trong giới Phật-tử có nhiều người tu tại-gia, hằng ngày ăn chay niệm Phật ở nhà.

**TẬP NÓI CHUYỆN**— Đạo Phật phát-sinh từ đâu ? — Do ai sáng-lập ? — Đức Phật truyền đạo nhằm mục-đích gì ? — Tăng, ni là gì ? — Hằng ngày, các tăng, ni làm gì ? — Người theo đạo Phật gọi là gì ? — Họ thường lên chùa để làm gì ? — Thế nào là tu tại gia ?

### HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : Phật — Đức Thích-ca Mâu-ni — Tăng — Ni — Chúng-sinh — Phật-tử — Lễ Phật-đản — Lễ Trung-nguyên.

**Tính-từ** : (Đạo) từ-bi — (Nhà tu) khổ-hạnh.

**Động-từ** : Tế-độ — Niệm Phật — Thuyết-pháp —

**Thành-ngữ** : Xuất-gia đầu Phật.

**GIẢI-NHĨA.**— **Đạo Phật** : tôn-giáo do Đức Thích-ca Mâu-ni sáng-lập. Thích-ca Mâu-ni : danh-tính vị giáo-chủ sáng-lập ra Phật-giáo, người Ấn -độ. **Tăng** : sư nam. **Ni** : sư nữ. **Chung-sinh** : tiếng nhà Phật, nói chung các loài sinh-vật. **Phật-tử** : người tin theo đạo Phật. **Lễ Phật-đàn** : lễ kỷ-niệm ngày Đức Phật ra đời. **Lễ Trung-nguyên** : lễ nhằm ngày rằm tháng bảy. **Từ-bi** : hiền lành, thương người. **Khổ-hạnh** : khắc-khò, sống ép xác không thiết những sự sung-sướng. **Tế-độ** : cứu vớt chúng-sinh ra khỏi biển khổ. **Niệm Phật** : đọc lầm-nhầm trong miệng câu « nam-mô A-di đà Phật ». **Thuyết-pháp** : diễn-giảng đạo-lý Phật-giáo cho tín-đồ nghe. **Tu tại gia** : tu ở nhà. **Xuất-gia đầu Phật** : rời nhà để gửi mình vào cửa Phật, ý nói đi tu.

### BÀI TẬP

Đức . . . . . sáng-lập Phật-giáo. Ngài truyền-bá giáo-lý nhiệm-mầu để . . . . . chúng-sinh. Người đàn ông xuất-gia gọi là . . . . . Người đàn bà xuất-gia gọi là . . . . . Người tin theo Phật-giáo gọi là . . . . . Phật-tử có thể . . . . . tại gia. Hằng ngày họ ăn chay, . . . . . Phật. Họ thường đến chùa để nghe các nhà sư . . . . . vào những ngày rằm, mừng một.

## **Ngữ-vựng**

### 2.— TÔN-GIÁO (tiếp theo)

#### BÀI ĐỌC

Đứng đầu Giáo-hội Công-giáo là Đức Giáo-hoàng. Sau Ngài có các hồng-y, tông-giám-mục, giám-mục và linh-mục. Giúp vào việc hành-đạo và truyền-đạo còn có các dòng-tu và các đoàn-thể giáo-dân.

Mục-tiêu của đạo Công-giáo là thực-hành đức bác-ái của Chúa Ki-tô. Chính nhờ ở đức bác-ái đó, kèm theo đức tin mạnh-mẽ mà các giáo-sĩ và giáo-dân đã hàn gắn được những vết thương của nhân-loại và thu-hút được một số khá đông người tông-giáo.

**TẬP NÓI CHUYỆN.** — *Vị nào đứng đầu Giáo-hội Công-giáo ? — Kê các hàng giáo-sĩ Công-giáo đứng sau Đức Giáo-hoàng ? — Các dòng tu được thành-lập với mục-đích gì ? — Người theo đạo Công-giáo gọi là gì ? — Mục-tiêu của đạo Công-giáo là gì ? — Nhờ đâu mà các giáo-sĩ và giáo dân đã hàn gắn được những vết thương của nhân-loại ?*

## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : Giáo-hội Công-giáo — Đức Giáo-hoàng — Hồng-y — Tổng-giám-mục — Giám-mục — Linh-mục — Giáo-sĩ — Dòng-tu — Giáo-dân.

**Tính-từ** : (Đức) bác-ái — (Đức-tin) mạnh-mẽ.

**Động-từ** : Hành-đạo — Truyền-đạo — Tông-giáo.

**Thành-ngữ** : Yêu người như mình.

**GIẢI-NGHĨA.**— **Giáo-hội Công-giáo** : (Giáo-hội : đoàn-thể gồm mọi người theo một tôn-giáo ; Công-giáo : một ngành của Thiên-chúa-giáo, do Đức Giáo-hoàng ở La-mã đứng đầu) đoàn-thể gồm mọi người Thiên-chúa-giáo do Đức-giáo-hoàng đứng đầu. **Đức Giáo-Hoàng** : vị giáo-phẩm đứng hàng đầu đạo Công giáo. **Hồng-y** : hàng giáo-phẩm trong đạo Công-giáo, đứng sau Đức Giáo-hoàng, mặc áo màu đỏ. **Tổng Giám-mục** : vị giám-mục đứng đầu các giám-mục khác trong giáo-khu của mình. **Giám-mục** : hàng giáo-phẩm đứng đầu một địa-phận công-giáo, cai-quản các linh-mục. **Linh-mục** : chức-vị nhỏ nhất trong Giáo-hội Công-giáo có quyền tế-lễ. **Giáo-sĩ** : người đi truyền đạo Công-giáo. **Dòng-tu** : hội gồm các giáo-sĩ, tu-sĩ sống và hành-đạo theo một tôn-chỉ riêng, được giáo-hội chấp-nhận. **Giáo-dân** : người tin theo đạo Công-giáo. **Bác-ái** : thương yêu tất cả mọi loài. **Đức-tin mạnh-mẽ** : lòng tin vững chắc vào những tín điều của đạo. **Hành-đạo** : làm những công việc về đạo như tế-lễ, dạy giáo-dân, truyền đạo. **Truyền-đạo** : giảng đạo-lý để cho người khác theo, ngõ hầu mở rộng đạo. **Tông giáo** : theo đạo.

## BÀI TẬP

- 1) Giải-nghĩa : giáo-dân, đức bác-ái, tông-giáo.
- 2) Mục-tiêu của đạo Công-giáo là gì ?
- 3) Tìm những từ-ngữ có tiếng «giáo» như giáo-sĩ.

1.— Chùa Bách-môn là danh-lam thường được nhiều người đến văng cảnh.

2.— Chùa làm kiểu chữ khẩu, bốn mặt như nhau ; bốn góc có bốn gác chuông, kiến-trúc giản-dị và kiên-cố. Nhà sư dẫn đường kể cho ba người biết là ngôi chùa dựng từ đời Chúa Trịnh...

Khi họ trèo lên gác chuông, Lộc bàn nghỉ ở đây để ăn sáng, vì chàng đã thấy đói. Mai gạt đi, nói không nên ăn mặn trong chùa.

Nửa giờ sau, dưới bóng rợp của hai hàng cây, ba người trèo lên ngọn đồi sau chùa, đến ngồi nghỉ bên cái miếu bỏ hoang, chỉ còn trơ ba cái bệ phủ rêu đen, nằm phơi dưới ánh mặt trời rọi qua mấy khóm thông già cảnh lá xơ xác.

3.— Huy trải hai tờ nhật-trình xuống cỏ. Mai lấy dao cắt thịt gà, thịt vịt rồi bày ba cái cốc sắt ra ba phía, bên mỗi cái cốc đặt một tờ giấy bản trông như ba cái khăn ăn.

**KHÁI - HUNG**

**GIẢI-NHĨA.**— Văng cảnh chùa : đi xem cảnh chùa. Kiến-trúc : xây cất nhà cửa. Ăn mặn : ăn thức ăn nấu bằng cá thịt, trái với tiếng ăn chay. Cốc : cái ly uống nước.

**Ý TƯỞNG.**— *Tại sao có nhiều người đến văng cảnh chùa Bách-môn ? — Chùa được kiến-trúc theo kiểu gì ? — Tại sao Mai không đồng ý với Lộc về việc ăn sáng trên gác chuông ? — Lên đồi, ba người ngồi nghỉ ở đâu ?*

**LỜI-VẤN.**— *Những từ-ngữ nào trong bài cho biết chùa Bách-môn đã được dựng lên từ lâu đời ? — Dao và giao khác nghĩa nhau thế nào ?*

**DÀN BÀI**

- 1) Chùa Bách-môn là một danh lam.
- 2) Lộc, Mai và Huy văng cảnh chùa.
- 3) Họ nghỉ chân và ăn sáng.

**ĐẠI-Ý.**— Lộc, Mai và Huy thăm chùa Bách-môn, một ngôi chùa cổ, phong-cảnh đẹp.

**PHÁT-ÂM.**— văng cảnh, giản-dị, xơ-xác, cắt thịt gà.

**NGỌN ĐUỐC VIỆT - NAM**



1. — *Ngọn đuốc ấy tự bốn ngàn năm trước,  
Đã được người thi-tổ giống Rồng-Tiên  
Đốt lên bằng một ánh lửa thiêng-liêng,  
Ánh lửa dưng nung lòng dân-tộc Việt.*
2. — *Từ đó, lúc âm-thầm, khi mãnh-liệt,  
Ngọn đuốc thần luôn sáng mãi không ngừng ;  
Trái bao cơn mưa bão nổi từng-bừng,  
Đuốc vẫn cháy phừng phừng không lúc tắt.  
Sức dè nén nặng-nề như khối sắt  
Của bọn người dị-tộc đến xâm-lãng,  
Cũng không làm cho đuốc Việt tiêu-tan,  
Chỉ âm-lỉ lu mờ trong một lúc.  
Rồi đuốc Việt lại bừng bừng đỏ rực,  
Bốc cao vờn, chiếu rạng cả non sông.*

**ĐẶNG PHƯƠNG**

**GIẢI-NGHĨA.**— Ngọn đuốc : bó tre, nứa hay gỗ dẽ đốt cho sáng ; ở đây : chỉ sức sống của dân-tộc Việt-Nam. Thi-tổ : vị tổ đầu-tiên. Cháy phừng-phừng : cháy mạnh lắm. Dị-tộc : khác chủng-loại, khác giống nòi. Âm-lỉ : ngấm-ngấm, không lúc nào dứt.

**Ý-TUỞNG.**— *Nước ta đã có tự mấy ngàn năm nay ? — “Giống Rồng Tiên” chỉ dòng dõi nào ? — Việt-Nam đã từng bị dị-tộc nào xâm-lãng ?*

**LỜI VĂN.**— « Giống Rồng-Tiên » : người ta còn dùng những từ ngữ nào để chỉ dân-tộc Việt-Nam ? Tìm tiếng phản nghĩa với « nặng nề » — Tìm tiếng đồng-nghĩa với « rạng ».

**DÀN BÀI.**—

- 1) Tinh-thần quật-cường của dân Việt đã được tổ-tiên hun-đúc.
- 2) Trong bất cứ trường-hợp nào, tinh-thần dân Việt vẫn mạnh mẽ.

**ĐẠI-Ý.**— *Tác-giả ca-tụng tinh-thần quật-khởi bất-diệt của dân ta.*

## Chánh-tà

### 1.— TỤNG KINH

Trên một chiếc bục gỗ trái chiều đẩu, sư-cụ ngồi tụng kinh, cặp mắt đăm-đăm nhìn thẳng vào quyển sách có chữ to, đặt trên cái kỷ nhỏ bằng gỗ mộc. Tay phải sư-cụ cầm dùi gõ mõ, cứ đọc bốn chữ lại đánh một tiếng. Tay trái sư-cụ đặt trên quyển kinh, thỉnh-thoảng lại rời quyển sách, nhắc chiếc dùi gõ một tiếng vào cái chuông con.

Sư-cụ có vẻ tôn-nghiêm lắm : bao nhiêu tâm-trí hình như thu cả vào quyển kinh, không hề thấy cụ liếc mắt ra chỗ khác. Các pho tượng ngồi trên bệ gạch thì như đương lắng tai nghe, có vẻ trầm-tư mặc-tưởng.

GIẢI-NGHĨA.— Tụng kinh : (tụng : đọc lên) đọc kinh Phật. Đăm đăm nhìn : nhìn chăm-chú vào vật gì. Kỷ : cái bàn nhỏ. Trầm-tư mặc-tưởng : lặng-lẽ mà suy-nghĩ.

CÂU HỎI.— *Sư-cụ ngồi tụng kinh ở đâu ? — Quyển kinh được đặt ở đâu ? — Tay nào của sư-cụ gõ mõ ? Tay nào gõ chuông ? — Sư-cụ có vẻ tôn-nghiêm đến như thế nào ?*

ĐÁP-Ï.— *Cánh sư-cụ tụng kinh trong chùa.*

NHẬN-XÉT CHÁNH-TÀ.— Bục gỗ, trái chiều, nhắc chiếc dùi, tâm trí, liếc mắt.

#### CÂU HỎI CHÁNH-TÀ

- 1) Giải-nghĩa : tụng-kinh, lắng tai nghe, mùi trầm.
- 2) Sư-cụ ngồi tụng kinh có vẻ thế nào ?
- 3) « Bao nhiêu tâm-trí » : thay bao nhiêu bằng từ ngữ khác.
- 4) Có những loại ý-kiến trạng-từ nào ? Cho một thí-du trong có một ý-kiến trạng-từ dùng để nói ý phủ-định.

## Chánh-tà

### 2.— VẮNG CẢNH CHÙA

Viết từ « Chùa Bách-môn là... » đến « ... ăn mặn ở trong chùa », trong bài tập đọc.

## Văn-phạm

## GIỚI - TỪ

Giới-từ dùng để nối động-từ với gián-tiếp túc-từ hoặc nối danh-từ với chỉ-định túc-từ.

Có những giới-từ sẵn có như : của, bằng, với

Thí-dụ : Cái thước của tôi

Nhà tôi lợp bằng ngói.

Có những giới-từ là tĩnh-từ biến thành, như : trong, ngoài, trên, dưới.

Thí-dụ : Tôi vào trong lớp.

Hành-khách đứng trên boong tàu.

Có những giới-từ là động-từ biến thành, như : đến, ở, theo, cho...

Thí-dụ : Nó học ở Sài-gòn.

Đưa cái bút cho tôi.

BÀI TẬP.— Tìm các giới từ trong câu :

« Quyền sách của tôi bao bằng giấy đỏ ».

## Tập làm văn

Em hãy thuật lại một buổi phát quà cho học-sinh trường em.

### DÀN BÀI

Thí-dụ : phát quà trong dịp Tết Trung-Thu.

I.— MỞ BÀI : Ngày, giờ.

II.— THÂN BÀI : 1) Quang-cảnh trường em hôm ấy (trang hoàng ; học-sinh mặc quần áo mới ; phụ-huynh tới dự).

2) Buổi lễ phát quà diễn ra :

a) Nghi-lễ.

b) Ông Hiệu-trưởng đọc diễn-văn.

c) Phát quà cho học-sinh.

d) Lễ tất : mọi người hàn-hoan ra về.

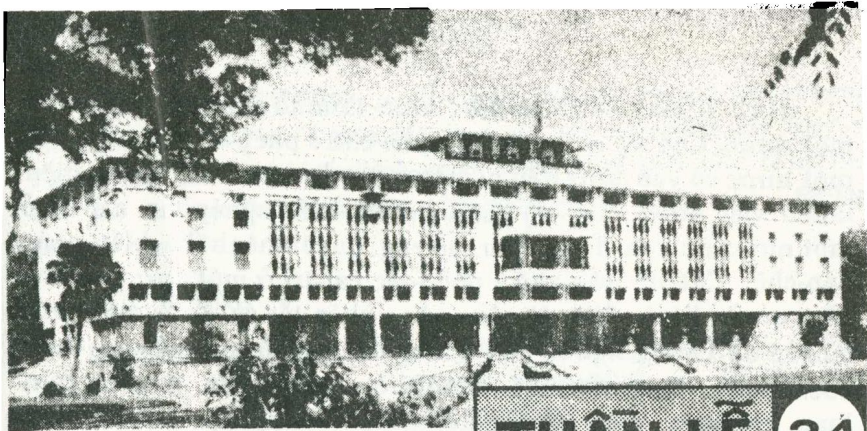
III.— KẾT-LUẬN . Cảm-tưởng của em.

## Tập viết

Chữ rỗng (viết chữ thường khổ lớn)

l x e t

xe cộ



**Ngũ-vương**

**TUẦN LỄ 24**

## I. — CHÍNH - THỂ

**BÀI ĐỌC.**— Ngày xưa các nước đều theo chế-độ quân-chủ chuyên chế. Chế-độ này quá hà-khắc, nhất là dưới triều những hôn-quân vô-đạo, làm cho dân-chúng bất-mãn. Thế là những cuộc cách-mạng đẫm máu bùng-nổ ở nhiều nước, lật đổ ngai vàng của các vua chúa chuyên-chế và thiết-lập chế-độ quân-chủ lập-hiến như ở Anh, ở Nhật, hoặc chế-độ dân-chủ như ở Pháp, ở Mỹ, ở Việt Nam. Ngoài ra, còn có các nước theo chế-độ cộng-sản như Nga-sô, Trung-hoa Lục-địa v.v...

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— Ngày xưa, các nước đều theo chế-độ chính-trị nào? — Tại sao chế-độ quân-chủ chuyên-chế lại khiến cho dân-chúng bất bình? — Các cuộc Cách mạng bùng nổ lật-đổ ngai vàng của các vua chúa chuyên-chế để thành-lập những chế-độ nào? — Hiện nay Nga-sô và Trung-hoa Lục-địa theo chế-độ nào?

### HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : Chế-độ quân-chủ chuyên-chế — Chế-độ quân-chủ lập-hiến — Chế-độ dân-chủ — Chế-độ Cộng-sản. Cuộc Cách-mạng — Hôn-quân.

**Tính-từ** : (Chế-độ) hà-khắc — (Hôn-quân) vô đạo.

**Động-từ** : (Cuộc Cách-mạng) bùng nổ — Lật đổ (ngai-vàng) — Thiết-lập (chế-độ).

**Thành-ngữ** : Tham quyền cố vị.



**GIẢI-NGHĨA.**— Chính thể : hình thức tổ chức việc cai-trị ở một nước. Chế-độ quân-chủ chuyên-chế : phép-tắc cai-trị trong một nước có vua đứng đầu nắm trọn quyền-hành và tự mình điều-khiển việc nước. Chế-độ quân-chủ lập-hiến : phép-tắc cai-trị ở một nước do vua đứng đầu nhưng quyền-hành bị hiến-pháp hạn-chế. Chế-độ dân-chủ : phép-tắc cai-trị ở một nước do dân nắm quyền hành. Chế-độ cộng sản : phép-tắc cai-trị ở một nước tài-sản để chung, người dân không có quyền tư-hữu.— Cuộc cách-mạng : thay đổi một chính-thể — Hôn-quân: ông vua dâm-loạn. Hà khắc : độc- dữ, nghiêm-nhặt. — Vô đạo : không theo đạo làm người.— Độc-tài : lấy ý riêng mình mà quyết-định công-việc.— Thiết-lập : dựng nên.— Tham quyền cố vị : vì muốn nắm giữ quyền-hành mãi mãi nên tìm cách giữ vững địa-vị.

### BÀI TẬP.—

Ngày xưa, dưới chế-độ quân chủ . . . . ., vua có toàn quyền định đoạt vận-mệnh của Quốc-gia. Nhưng chế-độ độc-tài kỹ đã bị các cuộc . . . . . của dân chúng lật đổ để thay thế bằng chế-độ . . . . . hoặc chế độ . . . . .

## Ngữ-vịng

### 2.— CHÍNH-THỂ (tiếp theo)

#### BÀI ĐỌC.—

Các nước dân-chủ trên Thế-giới phần đông theo chính-thể Cộng-hòa; người dân được tham-gia việc nước bằng cách dùng lá phiếu để bầu-cử một vị Quốc-trưởng hoặc Tổng-Thống.

Tại các nước dân-chủ chân-chính, chính quyền trong nước được chia làm ba phần là quyền hành-pháp, quyền lập-pháp và quyền tư-pháp. Ba quyền này độc-lập đối với nhau khiến các nhà lãnh-đạo quốc-gia khó trở nên chuyên-chế. Người công-dân nào cũng được hưởng quyền bình-đẳng trước pháp luật và những quyền tự-do cần thiết.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— Các nước dân-chủ trên thế-giới thường theo chính thể nào ? — Người dân tham gia việc nước bằng cách nào?— Tại các nước dân-chủ chân-chính chính-quyền được phân chia ra sao?— Tại sao các quyền hành-pháp, lập-pháp và tư-pháp phải độc-lập đối với nhau ?

## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : Chính-thể cộng-hòa — quốc-trưởng — tổng-thống — quyền hành-pháp — quyền lập-pháp — quyền tư-pháp.

**Tính-từ** : (nước dân-chủ) chân-chính — (nhà lãnh-đạo) chuyên-chế.

**Động-từ** : tham-gia (việc nước) — bầu-cử.

**Thành-ngữ** : bình đẳng trước pháp luật.

**GIẢI-NGHĨA.**— Chính-thể cộng-hòa : chính thể trong một nước chủ-quyền quốc-gia thuộc về toàn thể nhân-dân. Quốc-trưởng : chức-vị hành-pháp đứng đầu một nước theo chính-thể đại-nghị. — Tổng-thống : chức-vị hành-pháp đứng đầu một nước theo chính-thể cộng-hòa. — Quyền hành-pháp : quyền thi-hành pháp luật, đề trị dân. — Quyền lập-pháp : quyền làm ra pháp-luật. — Quyền tư-pháp : quyền xử án. — Chân-chính : chính-thực, đich-thực, không bị làm cho sai lạc đi. — Chuyên-chế : lấy ý riêng mình mà quyết-định mọi việc. — Tham-gia : dự vào. — Bầu cử : dùng lá phiếu để cử người nắm giữ một chức vị nào. — Bình đẳng trước pháp-luật : ý nói trước pháp-luật mọi người đều như nhau, không phân biệt địa vị, giàu nghèo.

## BÀI TẬP.—

- 1) Giải nghĩa : chính thể cộng-hòa, chuyên-chế, bầu-cử.
- 2) Ở một nước cộng-hòa, chính-quyền gồm những quyền nào?
- 3) « Bình đẳng trước pháp-luật » nghĩa là gì ?



**LÒNG YÊU NƯỚC**

1.— Bây giờ còn bé, con chưa hiểu rõ được thế nào là lòng yêu nước. Rồi con sẽ biết.

2.— Con sẽ cảm thấy tình yêu nước, khi con ở nước ngoài chợt nghe một người nói tiếng nước con, tự nhiên con đến hỏi chuyện người không quen ấy.

Con sẽ cảm thấy tình yêu nước mạnh mẽ hơn nữa, nếu một ngày kia nước địch vô cớ giày xéo đất nước ta ; lúc ấy, con sẽ thấy nào cha hờn con khuyên cầu « **dũng-cảm** », nào mẹ tiễn con hẹn lúc « **khải-hoàn** ».

3.— Con ơi ! Bây giờ con mới hiểu thế nào là lòng ái- quốc. Đó là một điều rất to-tát, rất thiêng-liêng. Vì một ngày kia cha thấy con đi trận về **an-toàn**, nhưng được tin con đã **lần-lút** để tránh cái chết, thì cha đây, trước vẫn đón con đi học về bằng những tiếng cười vui-vẻ, bây giờ sẽ đón con bằng những tiếng khóc xót-xa. Cha sẽ không thương con được nữa và sẽ đâm tim mà thác cho rồi.

*Theo HÀ-MAI-ANH*

**GIẢI-NHĨA.**— Vô cớ : không có cớ gì. Dũng-cảm : mạnh dạn và can-dảm. Khải-hoàn : thắng trận trở về. An-toàn : bình-yên, không thiệt-hại gì. Thác : chết.

**Y-TUỞNG.**— *Tại sao người cha bảo : « bây giờ con chưa hiểu rõ được thế nào là lòng yêu nước » ? — Ở nước ngoài, nghe một người không quen biết nói tiếng nước mình, tự-nhiên con làm gì ? — Con sẽ cảm thấy tình yêu nước mạnh mẽ hơn nữa trong trường-hợp nào ? — Người cha nói khi nào thì đón con mình bằng những tiếng khóc xót-xa ?*

**LỜI-VẤN.**— *« Lúc khải-hoàn » là gì ? — Những tiếng nào chỉ lời khuyên của cha, lời hẹn của mẹ lúc tiễn con ra trận ?*

## DÀN BÀI

- 1 — Còn nhỏ, con chưa hiểu rõ lòng yêu nước.
- 2 — Những dịp có thể giúp con hiểu rõ lòng yêu nước.
- 3 — Khi bảo-vệ quê-hương, nếu con hèn-nhát thì cha đành chết.

**ĐẠI-Ý.**— Người cha dạy cho con biết thế nào là lòng yêu nước.

**PHÁT-ÂM.**— hiểu rõ — lãng-mạ — không quen — ngoại-quốc — xử-sở — vui-vẻ.

### Tập-đọc — học-thuộc-lòng

## ĐẸP THAY CHÍNH-THÈ CỘNG-HÒA

- 1.— *Đẹp thay chính-thè Cộng-hòa !  
Vui thay tiếng hát ca thanh-bình !*
- 2.— *Cộng-hòa như ánh bình-minh,  
Như nguồn nước mát, như tình lúa xanh.  
Giúp ta kiên-quyết đấu-tranh,  
Dựng đời no ấm, công-bình, tự-do.  
Trước là xóa nhục vong-nô,  
Sau là xây-đập cơ-đỡ sáng-tươi.  
Huy-hoàng đẹp một ngày mai,  
Không còn những tiếng than dài oán-thương.  
Không còn đôi rách tai-ương,  
Phá tan áp-bức, dọn đường thân-yêu.*
- 3.— *Cuộc đời sẽ đẹp bao nhiêu,  
Núi sông rồi lại mỹ-miền hơn xưa.*

### PHỤNG-SỰ

**GIẢI-NGHĨA.**— Bình-minh : lúc trời hửng sáng. Vong-nô : (vong : mắt ; nô : đầy-tớ) mắt chủ-quyền đất nước, bị ngoại-bang sai-khiến. Huy-hoàng : chói-lọi, đẹp-đẽ. Tai-ương : hại lớn.



**Ý-TUỞNG.**— Tác-giả ca-tụng chính-thể cộng-hòa như thế nào ? — Tác-giả vi chính-thể cộng-hòa với gì ? — Chính-thể cộng-hòa giúp ta kiên-quyết làm điều gì ? — Trong tương-lai, đời sống dân ta sẽ thế nào ?

**LỜI VĂN.**— « Nhục vong-nô » ; tác-giả nhắc đến cái nhục vong-nô nào ? — Từ-ngữ nào trong bài phân-nghĩa với « đói-rách ».

### DÀN BÀI

1 — Tác-giả ca-tụng chính-thể cộng-hòa.

2 — Chính-thể cộng-hòa đem tự-do, hạnh-phúc lại cho dân ta.

3 — Dưới chính-thể cộng-hòa đất nước ta sẽ được tốt đẹp.

**ĐẠI-Ý.**— Với chính-thể cộng-hòa dân-ta được no ấm, công-bình và tự-do.

**PHÁT-ÂM.**— vui thay — nhục vong-nô — áp-bức .

## Chánh-tà

### I.— TRAO LẠI CHO ANH

Tôi, người chiến-sĩ xa nhà, đến đây với ít hành-trang và khẩu súng cá-nhân. Nhẹ nhàng quá ! Nhưng bây giờ lòng tôi nặng cảm-tình. Tôi nhớ bát nước đầu làng, nồi chè buổi tối, ánh mắt trẻ thơ. Khi tới, tôi hăng-say vì nhiệm-vụ. Khi đi, tôi thấy luyến nhớ tình người và cảnh đẹp núi sông.

Bây giờ tôi xin trân-trọng trao lại cho anh mảnh đất thân-yêu này. Hãy bảo vệ lấy nó. Mỗi con đường, mỗi thước đất đều thấm-nhuồn mồ-hôi, nước mắt và xương máu bà con, anh em anh và đồng-đội tôi. Họ chỉ xin một mảnh đất nhỏ, năm đây chứng-kiến sự lớn mạnh của quốc-gia.

Theo HOÀI-TRUNG-VIỆT

**GIẢI-NGHĨA.**— Hành-trang : đồ-đạc đem theo khi đi xa.  
Khẩu súng cá-nhân : khẩu súng của mỗi người lính. Bảo-vệ : giữ-gìn. Thấm-nhuồn : ăn sâu, nhiễm sâu vào.

**CÂU HỎI.**— *Khi đến đây, người chiến-sĩ mang theo những gì ? — Lúc ra đi, anh luyện nhớ những gì ? — Trước khi lên đường, anh kêu gọi người bạn còn ở lại phải làm gì ?*

**ĐẠI-Ý.**— Người chiến-sĩ sắp rời nơi mình vừa hành-quân, căn-dẫn những thanh-niên trong vùng hãy hết lòng bảo-vệ quê-hương.

**NHẬN XÉT CHÁNH-TẢ.**— Nhẹ-nhàng — năng-say — trân-trọng — trao lại — xương máu.

### CÂU HỎI CHÁNH-TẢ

- 1) Giải-nghĩa: chiến-sĩ, nhiệm-vụ, chứng-kiến.
- 2) Đại-ý bài này nói gì ?
- 3) Tìm bốn tiếng ghép có tiếng quốc như quốc-gia.
- 4) Tìm một giới-từ trong câu thứ nhất bài chánh-tả.

## Chánh-tả

### 2.— LÒNG YÊU NƯỚC

Viết đoạn 2 bài tập đọc

## Văn-phạm

### LIÊN-TỪ

Những tiếng như: và, nên, thì, tuy, tuy-nhiên, vì, vì vậy, song, song-la... là liên-từ.

Liên-từ dùng để :

- 1) Nói hai tiếng : *Thí-dụ* : Ba và Tư học với nhau.
- 2) Nói hai mệnh-đề : *Thí-dụ* : Năm bị phạt vì nó không thuộc bài.
- 3) Nói ý hai câu : *Thí-ay* : Ba tôi rất nghiêm. Tuy nhiên, người thương tôi lắm.

## BÀI TẬP

Tìm những liên-từ trong câu : « Ba và Tư được thưởng vì cả hai đều chăm-chỉ và ngoan-ngoãn ».

### Tập làm văn

ĐỀ.— Em nằm mơ thấy cây bút tâm-sự với em.  
Hãy thuật lại lời nó.

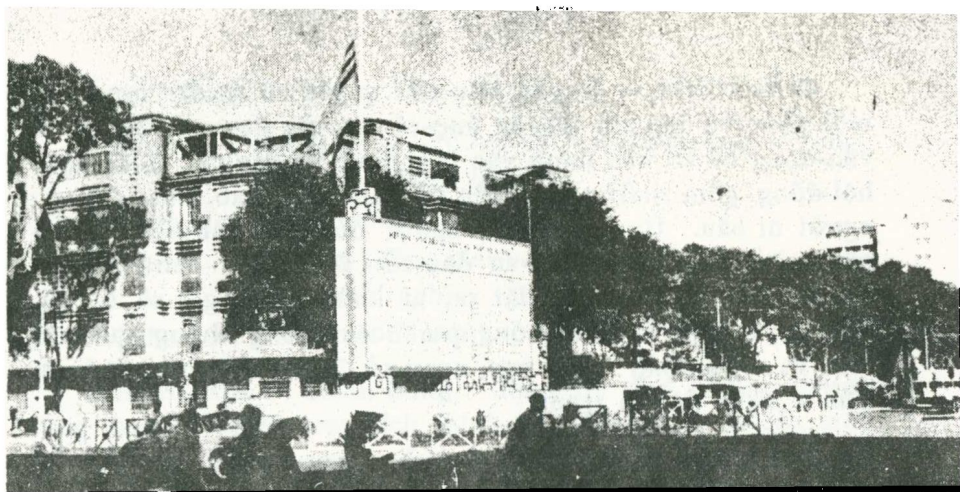
#### DÀN BÀI

- I.— MỞ BÀI : Trường-hợp được nghe chuyện (mơ thấy cây bút kể chuyện).
- II.— THÂN BÀI : 1— Cây bút ra đời (lúc được làm ra).  
2— Thời-gian nằm trong tủ kính của hiệu sách.  
3— Nỗi lòng cây bút từ khi vào tay em đến nay.
- III.— KẾT-LUẬN : Em thức dậy. Nói ý-nghĩ của em.

### Tập viết

Chữ rông (viết chữ thường khổ lớn)

v s p      v s s



**Ngữ-vịng**

**TUÂN LỄ 25**

**BÀI ĐỌC**

**CHÍNH-THỂ** (tiếp theo)

Tại các nước dân-chủ người công-dân được sử-dụng quyền bầu-cử để chọn người đại-diện cho mình trong quốc-hội. Những vị đại-diện này sẽ thay mặt dân để soạn-thảo và biểu-quyết các đạo-luật. Người dân cũng được sử-dụng quyền ứng-cử để tham-gia các cơ-quan công-quyền. Việc bầu-cử quan-hệ đến sự thịnh-suy của đất nước. Cho nên cử-tri phải sáng-suốt, chỉ bầu cho ứng-cử-viên nào xét ra xứng-đáng nhất.

**TẬP NÓI CHUYỆN.** — *Khi chọn người đại-diện cho mình trong quốc-hội, người công-dân đã sử-dụng quyền gì? — Quốc-hội được bầu ra để làm gì? — Song-song với quyền bầu-cử, người dân còn được hưởng quyền gì nữa? — Người cử-tri sáng-suốt chỉ bầu cho những ứng-cử-viên như thế nào?*

**HỌC TIẾNG.**

**Danh-từ** : quyền bầu-cử — quyền ứng-cử — quốc-hội — cử-tri — ứng-cử-viên — đạo-luật.

**Tính-từ** : (cử tri) sáng-suốt — (ứng-cử-viên) xứng-đáng.

**Động-từ** : soạn-thảo, biểu-quyết (các đạo-luật).

**Thành-ngữ** : dân vi quý.



**GIẢI-NHĨA.**— Quyền bầu-cử : quyền cử người xung vào một chức-vụ dân-cử. Quyền ứng-cử : quyền được đứng ra để vận-dộng cử-tri bầu mình vào một chức-vụ dân-cử. Quốc-hội : hội-đồng gồm những dân-biểu để làm các đạo-luật. Cử-tri : người đi bầu. Ứng-cử-viên : người đứng ra vận-dộng cử-tri bầu mình vào một chức-vụ dân-cử. Đạo-luật : bản văn ghi những điều chính-quyền đặt ra, ai không tuân giữ sẽ bị tội. Biểu-quyết : quyết-định thông qua hoặc không thông qua một điều gì. Vận-dộng : chạy vậy, xoay-xổ để đạt một mục-đích gì. Dân vi quý : dân là trọng.

## BÀI TẬP

Ngày bầu-cử . . . . . lập-pháp sắp tới. Các . . . . .  
 ráo-riết vận-dộng. Cử-tri cùng chú-ý thăm dò dư-luận để tìm  
 ra ứng-cử-viên . . . . . đại-diện mình trong tòa nhà lập-  
 pháp vì họ đã hiểu rằng quyền . . . . . quan-hệ mật-thiết  
 đến sự tồn-vong của đất nước.

## Ngữ-vụ

## CHÍNH-THỂ (tiếp theo)

### BÀI ĐỌC

Việt-nam Quốc-dân-đảng là một chánh-đảng thành-lập năm 1927, do Nguyễn-thái-Học làm đảng-trưởng. Đảng có đảng-kỳ và đảng-cương. Chủ-trương của đảng là tranh-đấu bí-mật, chờ cơ-hội giải-phóng quốc-gia. Sau mấy năm tích-cực hoạt-động, đảng đã kết-nạp được nhiều đảng-viên trung-kiên. Đảng tổ-chức những đoàn ám-sát thực-dán và tay sai. Do đó, tung tích các đảng viên bị bại-lộ. Pháp bắt đầu khủng-bố mạnh. Thấy tình hình bất-lợi, năm 1930, Nguyễn-thái-Học ra lệnh tổng-khởi-nghĩa.

**TẬP NÓI CHUYỆN.** — Nguyễn-thái-Học giữ chức-vụ gì trong Việt-nam Quốc-dân-đảng? — Đảng chủ-trương gì? — Đảng đã kết-nạp được nhiều đảng-viên thế nào? — Tại sao tung-tích các đảng-viên bại-lộ? — Nguyễn-thái-Học ra lệnh tổng-khởi-nghĩa vào năm nào?

## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : chính-đảng — đảng-kỳ — đảng-cương — đảng-trưởng — đảng-viên .

**Tính-từ** : (đảng-viên) trung-kiên.

**Động-từ** : kết-nạp (đảng-viên) — giải-phóng (quốc-gia) — Tổng-khởi-nghĩa.

**Thành-ngữ** : Lên đoàn-đầu-đài.

**GIẢI-NGHĨA.**— **Chính-đảng** : đoàn-thể của những người cùng theo đuổi một mục-dịch chính-trị. **Đảng-kỳ** : cờ của một chính-đảng. **Đảng-cương** : đường-lối của đảng. **Đảng-trưởng** : người cầm đầu một đảng. **Đảng-viên** : người có chân trong đảng. **Trung-kiên** : hết lòng và bền-chí. **Kết-nạp** : thâu-nhập. **Giải-phóng** : cởi ra, thả ra làm cho thoát khỏi sự cai-trị nghiệt-ngã. **Hoạt-động** : hành-động luôn không ngừng. **Khủng-bố** : làm cho sợ-hãi. **Tổng-khởi-nghĩa** : khắp mọi nơi cùng đứng lên một lượt để đánh đuổi kẻ thù. **Lên đoàn-đầu-đài** : lên máy chém.

### BÀI TẬP.—

- 1 — Giải-nghĩa : đồng-chí, trung-kiên, tổng-khởi-nghĩa.
- 2 — Tìm 2 danh-từ ghép có chữ «đảng» như «đảng-kỳ».
- 3 — Nguyễn-Thái-Học là đảng-trưởng đảng nào ?

1.— Trong một nước dân-chủ thực-sự, người dân có quyền tham-dự vào công-việc quản-trị quốc-gia. Vì lý-do, nước rộng dân đông, người công-dân không thể việc gì cũng quyết-định trực-tiếp được. Vì thế, phải cử một số người đại-diện ra điều-khiển công cuộc hành-pháp và dự vào việc soạn-thảo luật-pháp.

2.— Người công-dân xứng-dáng không coi thường quyền bầu-cử mà còn biết giải-thích cho những đồng-bào ít học hiểu tính-cách quan-trọng của quyền ấy nữa. Họ lại hiểu rằng việc nước là việc chung của toàn-thể công-dân, có quan-hệ mật-thiết tới sự tồn-vong của cả dân-tộc. Cho nên họ coi bầu-cử là một nhiệm-vụ mà mọi công-dân phải thi-hành.

3.— Kẻ nào tỏ ra lãnh-đạm với việc bầu-cử là có tội lớn với tổ-quốc và không xứng-dáng làm dân một nước dân-chủ, độc-lập.

Theo NGUYỄN-NGỌC-CU

**GIẢI-NGHĨA.**— Tham-gia : dự vào. Bầu-cử : chọn người xứng-dáng đại-diện mình làm một việc gì. Quản-trị : trông nom, điều-khiển. Công cuộc hành-pháp : công việc thi-hành pháp-luật. Tồn-vong : (tồn : còn ; vong : mất) sự mất còn. Lãnh-đạm : đứng-dưng, không sốt-sắng.

**Y-TUỞNG.**— Trong một nước dân-chủ, người dân có quyền tham-gia vào công việc gì ? — Người công-dân chọn người đại-diện mình trong các ngành hành-pháp và lập-pháp cách nào ? — Tại sao người công-dân phải coi quyền bầu-cử là một nhiệm-vụ ? Những kẻ thờ-ơ với quyền bầu cử là những kẻ thế nào ?

**LỜI VẤN.**— Người đi bầu-cử gọi là gì ? — Phân-nghĩa với « lãnh-đạm » là gì ?

**DÀN BÀI**

1 — Người dân có quyền tham-dự việc quản-trị quốc-gia.

2 — Người dân cần coi trọng quyền bầu-cử.

3 — Người dân thờ-ơ với việc bầu-cử là đắc-tội với tổ-quốc.

**ĐẠI-Ý.**— Người công-dân một nước dân-chủ cần phải sử-dụng quyền bầu-cử một cách đứng-đắn.

**Tập-đọc — học-thuộc-lòng**

**NƯỚC TÔI**

- 1 — Nước tôi đã đúc thành mệ. khối,  
Từ Nam-quan cho tới Cà-mau.  
Núi rừng khai.khân bấy lâu,  
Mồ hôi nước mắt dãi-dầu gian-lao.
- 2 — Núi Tân-viên dạn màu sương gió,  
Sông Cửu-long thương nhớ dầy voi.  
Lúa vàng bát-ngát Đông-nai,  
Rừng xanh bao phủ dầy dài Trường-sơn.
- 3 — Đây là nơi mồ chôn kẻ trước,  
Đây là nơi hẹn ước mai sau.  
Nghìn thu sinh tử có nhau,  
Chung thương, chung nhớ, chung sầu, chung vui.



**NGUYỄN-VĂN-CỒN**

**GIẢI-NGHĨA.**— Khai.khân : mở-mang chỗ đất hoang để  
trồng-trọt. Gian-lao : khó-nhọc, vất-vả. Nghìn thu : nghìn năm.  
Sinh-tử : sống chết.

**Y-TUỞNG.**— Nước Việt-nam chạy dài từ đâu đến đâu ? — Công  
cuộc khai.khân núi rừng thế nào ? — Nước Việt-nam có những núi cao  
sông rộng nào ? — Người dân Việt từ trước đến nay đã cùng chung  
những điều gì ?

**LỜI VĂN.**— « Mồ hôi nước mắt » : ý nói gì ? — Từ-ngữ :  
« kẻ trước » chỉ ai ? — Câu thơ nào cho ta biết người Việt-nam có tinh-  
thần đoàn-kết chặt-chẽ ?

**DÀN BÀI**

- 1 — Vị-tri nước Việt-nam và công khai-phá của tổ-tiên.
- 2 — Núi cao, sông rộng ở Việt-nam.
- 3 — Tinh-thần đoàn-kết của người Việt-nam

ĐẠI-Ý.— Tò-tiên ta đã dày công khai-phá núi rừng để truyền lại cho con cháu một giang-sơn gấm vóc.

PHÁT-ÂM.— Đức thành, nước mắt, dạn máu, sương gió.

## Chánh-tà

### I.— GIÁ-TRỊ CỦA LÁ PHIẾU

Những lá phiếu đứng-dẫn hợp lại, sẽ định-đoạt một chế-độ, sẽ cải-thiện đời sống quốc-gia, sẽ gây uy-thế cho xứ-sở trên trường quốc-tế.

Tại sao có những kẻ thiếu tài, kém đức, lại được vào quốc-hội? Tại vì có những cử-tri nóng-nổi đã không biết cân nhắc thiệt hơn, còn bị lừa gạt bằng cách này hay cách khác.

Những người có thiện-chí hãy nghĩ đến giá-trị lá phiếu của mình, nên dành thì-giờ để tìm hiểu các ứng-cử-viên và suy-nghĩ về người mình sẽ đưa vào quốc-hội để đại-diện cho mình, cho đồng-bào, cho xứ-sở.

Theo PHẠM-ĐÌNH-TÂN

GIẢI-NGHĨA.— Cải-thiện : thay đổi cho tốt hơn. Uy-thế : (uy-quyền và thế-lực) sự làm cho người ta phải kính-nể. Có thiện-chí : có ý-hướng tốt-lành.

CÂU HỎI.— *Những lá phiếu đứng-dẫn hợp lại sẽ có công-dụng gì? — Tại sao có những người kém tài đức lại được vào Quốc-hội? — Trước khi đi bầu, người có thiện-chí phải nghĩ đến điều gì?*

ĐẠI-Ý.— Đề cho những người kém tài-đức khỏi lọt vào Quốc-hội, cử-tri phải thận-trọng khi đi bầu.

NHẬN-XÉT CHÁNH-TÀ.— định-đoạt, xứ-sở, nóng-nổi, cân-nhắc, thiện-chí, suy-nghĩ.

CÂU HỎI CHÁNH-TÀ.

1 — Giải-nghĩa : quốc-hội, cử-tri, đại-diện,

- 2 — Tại sao có những kẻ thiếu tài, kém đức lại được vào quốc-hội ?
- 3 — Người ra tranh-cử gọi là gì ? Người đi bầu-cử gọi là gì ?
- 4 — Tìm những liên-từ trong đoạn chót bài chánh-tả.

## Chánh-tả

## 2.— PHẢI THAM-GIA BẦU-CỬ

Viết đoạn 2 bài tập đọc

## Vấn-phạm

### TÁN-THÁN-TỪ VÀ TRỢ-NGŨ-TỪ

1 — Tán-thán-từ là tiếng đặt ở đầu câu, hoặc cuối câu để chỉ sự vui mừng, ngạc-nhiên, đau-đớn, lo sợ.

Những tán-thán-từ thường dùng là : a ! à ! ơ ! ủa ! ề ! ai chà ! trời ơi ! hỡi ơi ! than ôi !

Thí dụ : Ủa ! nó mà rớt à !

Than ôi ! thời oanh-liệt nay còn đâu !

2 — Trợ-ngũ-từ là tiếng đặt sau một câu để nhấn mạnh, thêm ý, hoặc để lời nói khô cứng. Những trợ-ngũ-từ thường dùng là : nhé, ạ, à, đấy, vậy...

Thí-dụ : Thưa ba, con học bài rồi ạ !

Này, chớ nghịch lửa đấy !

BÀI TẬP.— Đặt một câu có tiếng tán-thán-từ *ai chà*, một câu có tiếng trợ-ngũ-từ *nhé*.

## Tập làm văn

### VIẾT THƯ

#### CHỈ-DẪN.—

Viết thư là mượn giấy bút để nói chuyện với người ở xa.

Khi viết thư phải để ý đến hai điểm : hình-thức và nội-dung.

A) Hình-thức : Tờ giấy viết thư phải sạch, không nhàu nát, góc phải vuông-vắn. Cố-gắng viết chữ cho dễ coi.

B) Nội-dung : Lời-lẽ trong thư phải gọn-gàng, đầy-đủ. Viết cho người trên phải lễ-phép, viết cho bạn-bè phải thân-mật, vui-vẻ. Ý-tưởng trong thư cần được xếp đặt có mạch-lạc.

Chú-ý : Nếu làm bài thi, cuối thư không-được ký tên.

### DÀN BÀI CHUNG

- I.— ĐẦU THƯ : Nơi viết, ngày... tháng... năm...  
Lời xưng-hở.
- II.— LÒNG THƯ : Các điều muốn nói.
- III.— CUỐI THƯ : Lời chào chúc.  
Lời xưng-hở cuối thư.  
Ký tên.
- ĐỀ.— Trò có một đứa em ham chơi hơn thích học.  
Trò hãy viết thư khuyên nó.**

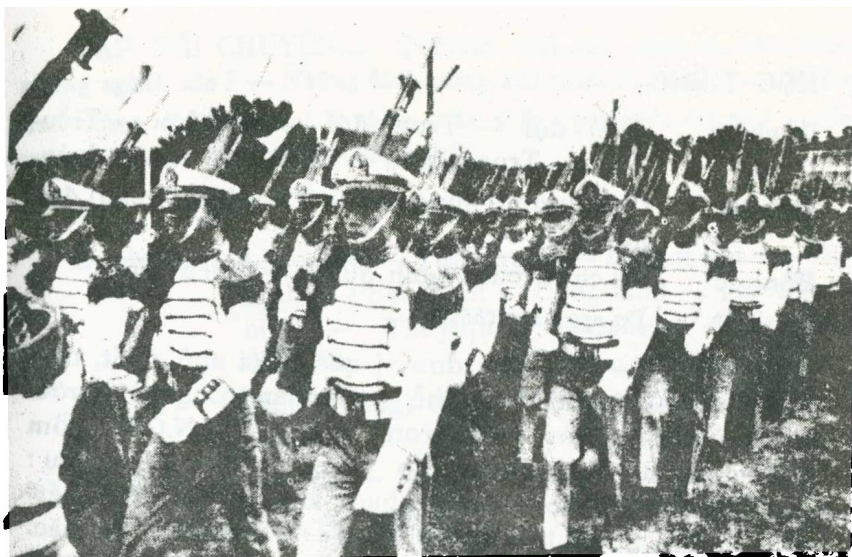
### DÀN BÀI

- I.— ĐẦU THƯ 1) Nơi viết, ngày... tháng... năm...  
Câu xưng-hở : Em thân mến,
- II.—LÒNG THƯ 2) Lý-do làm cho mình phải viết thư.  
Tin-tức nhận được về sự học-hành và sự ham chơi của đứa em.  
3) Ngỏ lời khuyên em (nhắc tới công ơn của cha mẹ và thầy giáo).
- III.— CUỐI THƯ : Hy-vọng đứa em sẽ sửa-đổi tính-nết.  
Câu thân-ái cuối thư.  
Ký tên.

**Tập viết**

Chữ rông (viết chữ thường, .khò lớn)

*y y gà gáy sáng*



**Ngũ-vương**

**TUẦN LỄ 26**

**BÀI ĐỌC**

### **I. — QUÂN-ĐỘI**

Trải qua nhiều năm chiến-đấu gian-khò, quân-đội Việt-nam Cộng-hòa trưởng-thành rất mau-lẹ. Mới ngày nào đơn-vị lớn nhất còn là trung-đoàn mà ngày nay đã lên tới quân-đoàn. Một quân-đoàn gồm nhiều sư-đoàn. Các đơn-vị từ sư-đoàn trở xuống tổ-chức như sau : Sư-đoàn gồm ba trung-đoàn ; trung-đoàn gồm ba tiểu-đoàn ; tiểu-đoàn gồm ba đại-đội ; đại-đội gồm ba trung-đội, trung-đội gồm ba tiểu-đội. Chỉ từ cấp sư-đoàn trở lên mới đủ lực-lượng hùng-hậu để tổ-chức những cuộc hành-quân đại-qui-mô ngõ hầu tiêu-diệt địch một cách hiệu-quả.

**TẬP NÓI CHUYỆN**— Đơn-vị lớn nhất trong quân-đội Việt-nam Cộng-hòa là gì ? — Quân-đoàn có bao nhiêu sư-đoàn ? — Sư-đoàn gồm mấy trung-đoàn ? — Trung-đoàn gồm mấy tiểu-đoàn ? — Tiểu-đoàn gồm mấy đại-đội ? — Đại-đội gồm mấy trung-đội ? — Trung-đội gồm mấy tiểu-đội ?



## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : Tiểu-đội — Trung-đội — Đại-đội — Tiểu-đoàn — Trung-đoàn — Sư-đoàn — Quân-đoàn.

**Tính-từ** : (Lực-lượng) hùng-hậu — (Cuộc hành-quân) đại-qui-mô.

**Động-từ** : Tỏ-chức (cuộc hành-quân) — Chiến-đấu.

**Tục-ngữ** : *Da ngựa bọc thây.*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Tiểu-đội**: đơn-vị quân đội nhỏ nhất, trên dưới 10 người. **Quân-đội**: toàn-thể quân-nhân trong một nước. **Quân-đoàn**: đơn-vị lớn nhất trong quân-đội V.N.C.H., gồm nhiều sư-đoàn, do một sĩ-quan cấp tướng chỉ-huy. **Hùng-hậu**: mạnh-mẽ và đầy-đủ. **Đại-qui-mô**: khuôn-khò lớn. **Tỏ chức**: kết-hợp và xếp-đặt cho có trật-tự. **Chiến-đấu**: đánh nhau với giặc. **Da ngựa bọc thây**: ngày xưa, khi đánh nhau, nếu chết ở ngoài trận-địa thì lấy da ngựa bọc thây để chôn; đây, ý nói: chết ở ngoài chiến-trường.

### BÀI TẬP

Anh tôi gia-nhập . . . . . Việt-nam Cộng-hòa từ năm hai mươi một tuổi. Sư-đoàn của anh đã tỏ-chức nhiều cuộc hành-quân . . . . . để lòng và diệt địch. Anh thường nói với tôi: « làm trai thời loạn dù cho « . . . . . bọc thây » cũng không quản-ngại.

### **Ngữ-vựng**

### 2.— **QUÂN-ĐỘI** (tiếp theo)

#### BÀI ĐỌC.—

Quân-đội Việt-nam Cộng-hòa chia làm ba ngành: thủy-quân, lục-quân và không-quân. Mỗi ngành lại chia ra làm nhiều binh-chủng. Bộ-binh, pháo-binh, công-binh, thiết-giáp-binh là những binh-chủng thuộc lục-quân. Thủy-quân-lục chiến và sư-đoàn nhảy dù hiện nay được coi là binh-chủng thiện-chiến nhất trong quân-đội của ta. Được những tướng-lãnh tài-ba chỉ-huy, lại được huấn-luyện kỹ-lưỡng và vũ-trang khi-giới tối-tân, quân-đội ta ngày thêm tinh-nhuệ.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Quân-lực Việt-nam Cộng-hòa chia thành những ngành nào ? — Những binh-chủng nào thuộc lực-quân ? — Những binh-chủng nào được coi là thiện-chiến nhất trong quân-đội ta ? — Tại sao quân-đội ta ngày thêm tinh-nhuệ ?*

## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : Lục-quân — Thủy-quân — Không-quân — Bộ-binh — Pháo-binh — Công-binh — Thiết-giáp-binh — Thủy-quân lực-chiến — Sư-đoàn nhảy dù.

**Tính-từ** : (Binh-chủng) thiện-chiến — (Quân-đội) tinh-nhuệ.

**Động-từ** : Chỉ-huy — Huấn-luyện — Võ-trang.

**Thành-ngữ** : *Quân dân nhất-trí.*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Lục-quân** : quân-đội để đánh trên bộ. **Pháo-binh** : binh-chủng chuyên sử-dụng súng đại-bác. **Công-binh** : binh-chủng chuyên làm đường, bắc cầu, xây pháo-đài v.v... **Thiết-giáp-binh** : binh-chủng sử-dụng các loại chiến-xa. **Thủy-quân lực-chiến** : binh-chủng thuộc thủy-quân nhưng chuyên đánh nhau trên bộ. **Thiện-chiến** : giỏi về việc đánh trận. **Tinh-nhuệ** : nói về quân-đội đã được luyện-tập tinh-thông, thành-thạo về chiến-trận. **Chỉ-huy** : ra hiệu-lệnh để sai quân lính. **Huấn-luyện** : dạy bảo, rèn tập. **Võ-trang** : được cung-cấp khí-giới, dụng-cụ chiến-tranh v.v... **Quân dân nhất-trí** : quân-đội và nhân-dân một lòng với nhau.

## BÀI TẬP

- 1 — **Giải-nghĩa** : thủy-quân, tinh-nhuệ, chỉ-huy.
- 2 — **Kê** các binh-chủng thuộc lực-quân ở nước ta.
- 3 — **Tìm** tính-từ có ghép chữ « tinh » như « tinh-nhuệ ».

**ĐẠI-HỘI KHÔNG-QUÂN VIỆT-NAM**

1.— Đùng mười giờ, đoàn khu-trục-cơ của Việt-nam Cộng-hòa bay trên nền trời khảm-đài, thả khói màu quốc-kỳ, mở đầu cho cuộc biểu-diễn.

2.— Tiếp đó, những phóng-pháo-cơ hùng-dũng tiến tới mục-tiêu là những căn nhà cách khảm-đài năm trăm mét. Chỉ trong giây phút, hai trái bom rơi trúng đích. Tiếng reo chưa dứt, một chiếc khác đã nhào tới và một căn nhà nữa tan trong khói lửa mịt-mù. Nhưng sôi-nổi nhất là lúc những phi-cơ khu-trục biểu-diễn bắn hỏa-tiến. Mỗi trái hỏa-tiến bắn ra là một mục-tiêu tan-nát.

Đến lượt những trục-thông không-lồ chở từng trung-đội thả xuống trước khảm-đài. Các quân-nhân dàn ngay thế trận, tiến vào « đất địch ».

3.— Cuộc biểu-diễn của các phi-đội Việt-nam đã nói lên sự tiến-bộ hiển-nhiên của không-quân. Mọi người vững tin ở tài-năng thuận-thực của các phi-công trong công-cuộc bảo-vệ đất nước.

*Theo THỂ-GIỚI TỰ-DO*

**GIẢI-NGHĨA.**— Khu-trục-cơ : thứ máy bay dùng để săn đuổi máy bay địch. Phóng-pháo-cơ : thứ máy bay dùng để bắn phá, thả bom. Thuận-thực : tinh-thông, thành-thạo.

**Ý-TUỞNG.**— *Những khu-trục-cơ mở màn cuộc biểu-diễn bằng cách nào ? — Những phóng-pháo-cơ hướng về mục-tiêu để làm gì ? — Lúc sôi nổi nhất là lúc nào ? — Những người xem đại-hội không-quân tin-tưởng gì ?*

**LỜI VẤN.**— *Những từ-ngữ nào cho biết phi-cơ ném bom và bắn hỏa-tiến trúng đích ?*

**DÀN BÀI**

- 1 — Cuộc biểu-diễn của Không-quân Việt-nam bắt đầu.
- 2 — Biểu-diễn oanh-tạc, đổ-bộ, nhảy-dù.
- 3 — Cuộc biểu-diễn đã làm cho mọi người tin-tưởng ở không-quân.

## Tập đọc – học-thuộc-lòng

### HẸN MAI SAU

- 1 – Em còn nhỏ, em còn đi học,  
Nhưng cứ mơ làm một chiến binh,  
Muốn sống oai-hùng nơi trận-tuyến,  
Làm trai mong thỏa chí bình-sinh.
- 2 – Mai sau khôn lớn em tình-nguyện  
Làm quân-nhân binh-chúng Nhảy dù.  
Ôi ! mến yêu sao màu mũ đỏ,  
Đã bao phen vỡ mặt quân thù !  
Hy vọng sẽ thành người lính thủy,  
Đọc ngang trên sóng với con tàu  
Trời cao biển rộng lòng phơi-phới,  
Tuổi trẻ trùng-dương lưu-luẩn nhau.
- 3 – Em yêu đại-bác thích phi-cơ,  
Yêu chiến-xa băng lướt bụi bờ.  
Nhưng em còn nhỏ nên đi học,  
Mai ngày em quyết toại niềm mơ.



### BÍCH-VÂN

GIẢI-NHĨA. — Chiến-binh : người lính xông-pha nơi trận-địa. Bình-sinh : lúc sống ở trận đời. Trùng-dương : biển cả. Lưu-luẩn : gần bó, quán-quít.

Ý-TUỞNG. — Em nhỏ trong bài này mơ ước gì ? — Tại sao em bé muốn gia-nhập binh-chúng Nhảy-dù ? — Vì lẽ gì em bé muốn trở thành lính thủy ?

LỜI VẤN. — Câu thơ nào trong bài chứng tỏ binh-chúng Nhảy-dù anh-dũng ? — Thay phi-cơ bằng tiếng nổ — Tìm những tiếng ghép có tiếng chiến, như « chiến-binh ».

## DÀN BÀI

1 — Ngay từ nhỏ, em đã thích làm chiến-binh.

2 — Mai sau em sẽ gia-nhập binh-chúng nhảy-dù hoặc thủy-quân.

3 — Em lo học-hành đề sau này thỏa lòng mơ ước.

ĐẠI Ý.— Em mơ-ước sau này trở thành một chiến-binh.

PHÁT ÂM.— trăn-tuyên — thỏa-chí — nhảy-dù — võ-mặt.

### Chánh-tà

## I.— TÌNH CHIẾN-HỮU

Hôm ấy, một chiều mưa. Cơn mưa bắt chợt ; trời đang nắng chang-chang, bỗng tối sầm lại, nước tuôn xối-xả. Hai chúng ta đứng nép bên gốc dứa mọc nghiêng soi mình trên con kính loang nước. Tôi yếu chịu rét nên run lập-cập. Bạn lấy chiếc vải tông choàng lên vai tôi, mỉm cười. « Phóng-viên chưa quen với gió mưa, choàng một chút cho ấm ». Tôi chợt ngưng, liếc mắt nhìn các chiến-hữu đang dầm mưa, ướt như chuột lột mà nét mặt vẫn hiên-ngang, bình-thản như không. Một ngọn đuốc vô-hình bùng cháy từ tận cùng tâm-hồn tôi. Tôi không thấy lạnh-lùng khổ-sở vì ngọn gió, vì nước mưa nữa...

### VIÊM-HỒNG

GIẢI-NGHĨA.— Chiến-hữu : người bạn cùng chiến-đấu. Vải tông : vải để dựng lều. Phóng-viên : người chuyên đi lấy tin cho một tờ báo. Bình-thản : tự-nhiên không lo-âu.

CÂU HỎI.— Hai người đứng nép bên gốc dứa để làm gì ?— Tại sao tác-giả run lập-cập ? — Người bạn lấy cái gì choàng lên vai tác-giả ? — Tại sao tác-giả không thấy lạnh nữa ?

ĐẠI-Ý.— Tác-giả cảm-động vì lòng ưu-ái của một chiến-hữu.

NHẬN-XÉT CHÁNH-TÀ.— chang-chang — tối sầm lại, xối-xả — run lập-cập — dầm mưa — lạnh-lùng.

## CÂU HỎI CHÁNH-TẢ.—

- 1 — Giải-nghĩa : nước tuôn xối-xả, choàng, phóng-viên.
- 2 — Tìm 4 danh-từ ghép có chữ « chiến » như « chiến-hữu ».
- 3 — Tại sao tác-giả thấy gương khi anh bạn choàng vải trắng cho.
- 4 — Tân-thán-từ là gì ? — Trợ-ngữ-từ là gì ? — Đặt một câu với tân-thán-từ « trời ơi » và một câu với trợ-ngữ-từ « đấy ».

### Chánh-tả

## 2.— ĐẠI-HỘI KHÔNG-QUÂN VIỆT-NAM

Viết từ « Những phóng-pháo-cơ hùng-dũng... » đến « một mục-tiêu tan-nát » trong bài tập đọc.

### Văn-phạm

## CÁCH NỐI CÂU ĐƠN ĐỂ LÀM THÀNH CÂU KÉP

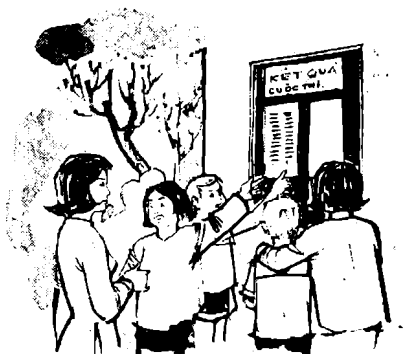
- 1) Khi ý câu nọ tương-tự ý câu kia, ta nối bằng liên-từ và.  
Thí-dụ : Hôm qua tôi làm bài luận. Hôm qua tôi học bài thi.  
Nói : Hôm qua tôi làm bài luận và học bài thi.
  - 2) Khi ý câu nọ ngược với ý câu kia, ta dùng liên-từ nhưng.  
Thí-dụ : Ba muốn được khen. Nó không đi học.  
Nói : Ba muốn được khen nhưng không chịu đi học.
  - 3) Khi có sự-lựa-chọn, ta dùng liên-từ hoặc, hay.  
Thí-dụ : Chúng ta đi chơi. Chúng ta đi xem đá banh cũng được.  
Nói : Chúng ta đi chơi hoặc (hay) đi xem đá banh cũng được.
- BÀI TẬP.— Dùng một liên-từ để nối hai câu sau đây thành một câu :
- 1 — Nó học khá. Nó thi rớt.
  - 2 — Mẹ tôi thổi cơm. Mẹ tôi nấu canh.

## Tập làm văn

**ĐỀ :** Sau khi trúng tuyển kỳ thi tuyển vào lớp Sáu, em viết thư báo tin mừng cho cha mẹ hay một thân-nhân nào đó.

### DÀN BÀI

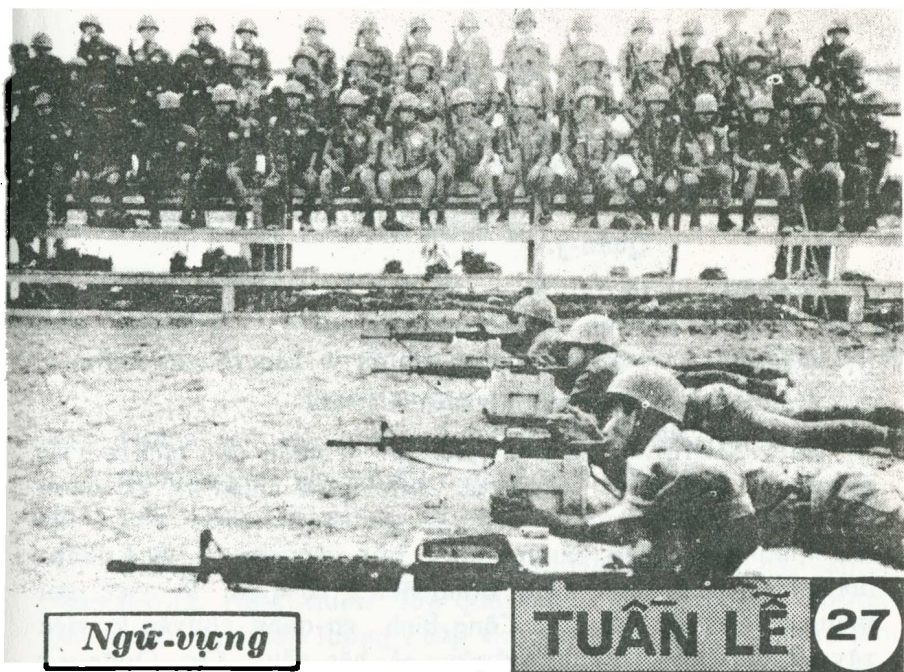
- I.— **ĐẦU THƯ** : Nơi viết, ngày... tháng... năm...  
- Lời xưng hô : Kính thưa...
- II.— **LÒNG THƯ** : Báo tin mừng thi đậu.  
- Nhắc lại những cố-gắng trước kỳ thi, cảm-tưởng trong phòng thi, sự hồi-hộp lúc coi bằng...  
- Sung-sướng vì đã không phụ công-ơn cha mẹ, thầy giáo.  
- Hứa cố-gắng để xứng đáng hơn nữa.
- III.— **CUỐI THƯ** : Lời hỏi thăm và chào chúc.  
Câu xưng hô cuối thư. Ký tên.



## Tập viết

Chữ rỗng (viết chữ thường khổ lớn)

l b, h k ky - binh



**Ngũ-vương**

**TUẦN LỄ**

**27**

**I. — QUÂN-ĐỘI** (tiếp theo)  
**BÀI ĐỌC. —**

Từ ngày nhập-ngũ , nay anh Ba mới về thăm gia-đình. Nhìn anh oai-nghiêm trong bộ quân-phục, Nam chợt hỏi :

— Anh Ba, sao phù-hiệu của anh không giống phù-hiệu của anh Tư ở cạnh nhà, ta ?

— À, anh Tư là sĩ-quan quân-y, còn anh thuộc ngành quân-nhu.

— Như vậy Bộ Quốc-phòng có nhiều cơ-quan trực-thuộc phải không anh ?

— Đúng rồi, Bộ Quốc-phòng còn có nhiều nha, tổng-cục và cục nữa, như Tổng-cục Chiến-tranh Chánh-trị, nha Quán-pháp, nha Động-viên, cục Công-binh, cục Quân-y v.v... Còn nhiều cơ-quan nữa mà anh không nhớ hết.

**TẬP NÓI CHUYỆN. —** Nhìn phù-hiệu của anh Ba, Nam hỏi gì ? — Anh Ba trả lời thế nào ? — Tổng-cục Chiến-tranh Chính-trị có nhiệm-vụ gì ? — Cục nào lo cung-cấp lương-thức, quân-trang cho binh-sĩ ? — Cục quân-y được thiết-lập nhằm mục-đích gì ?



## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : Bộ Quốc-phòng — Tổng-cục Chiến-tranh Chính-trị — nha Quân-pháp — nha Động-viên — cục Công-binh — cục Quân-nhu — cục Quân-y.

**Tính-từ** : (lượng-thực) dồi-dào — (quân-pháp) nghiêm-minh.

**Động-từ** : cung-cấp (lượng-thực) — bảo-vệ (sức khỏe).

**Thành-ngữ** : *Nâng cao tinh-thần chiến-đấu.*

**GIẢI-NGHĨA.**— Bộ Quốc-phòng : cơ-quan đầu não lo việc phòng-thủ đất nước. Tổng-cục Chiến-tranh chính-trị : cơ-quan thuộc Bộ Quốc-phòng, lo việc động-viên tinh-thần chiến-đấu của quân-dân. Nha Quân-pháp : nha chuyên lo việc pháp-luật trong quân-đội. Nha Động-viên : cơ-quan lo việc gọi thanh-niên nhập-ngũ. Cục Công-binh : cơ-quan chuyên lo việc xây cất đồn-trại, sửa chữa đường sá, bắc cầu... Cục Quân-y : cơ-quan lo việc chữa bệnh, săn-sóc sức khỏe cho quân-nhân. Nghiêm-minh : chặt-chẽ, rõ-ràng. Cung-cấp : theo sự cần dùng mà cấp cho đủ.

### BÀI TẬP.—

Mỗi cơ-quan thuộc Bộ . . . . . giữ một nhiệm-vụ riêng. Tổng-cục . . . . . được thành-lập để làm nao-núng tinh-thần quân-dịch và động-viên tinh-thần quân-dân. Cục Quân-nhu lo . . . . . quân-trang, lương-thực cho binh-sĩ. Những quân-nhân phạm lỗi nặng được nha . . . . . xét-xử và trừng-phạt

## **Ngữ-vựng**

### 2.— QUÂN-ĐỘI (tiếp theo)

### BÀI ĐỌC.—

Sáng nay, anh Ba dẫn Nam xuống chợ Bến-thành. Hai anh em vào tiệm bán quân-trang. Vừa trông thấy mấy bông mai vàng để trong tủ kính, Nam vội chỉ vào nói :

— Anh Ba ! mua mấy bông mai vàng mà đeo, đẹp lắm.

— Đâu có được, em. Đây là cấp-hiệu của sĩ-quan cấp úy. Em quên anh là binh-nhất trừ-bị à ?

Rồi anh chỉ cho Nam xem các cấp-hiệu sĩ-quan cấp tá, cấp tướng và cả cấp-hiệu của hàng hạ-sĩ-quan nữa.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— Anh Ba dẫn Nam vào tiệm bán gì? — Nam thấy gì? và nói với anh Ba thế nào? — Anh Ba trả lời ra sao? — Anh Ba chỉ cho Nam xem những gì?

### HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : sĩ-quan — hạ-sĩ-quan — cấp tướng — cấp tá — chuẩn-ủy — thượng-sĩ — trung-sĩ — hạ-sĩ — binh nhất — binh nhì.

**Tính-từ** : (quân-nhân) trừ-bị, hiện-dịch.

**Động-từ** : nhập-ngũ — phụng-sự (tổ-quốc)

**Thành-ngữ** : Binh hùng, tướng mạnh.

**GIẢI-NGHĨA.**— Sĩ-quan : quân-nhân thuộc cấp ủy, cấp tá, cấp tướng. Hạ-sĩ-quan : lớp quân-nhân gồm trung-sĩ, thượng-sĩ, chuẩn-ủy. Cấp tướng : cấp sĩ-quan từ chuẩn-tướng trở lên. Cấp tá : cấp sĩ-quan gồm thiếu-tá, trung-tá, đại-tá. Cấp ủy : cấp sĩ-quan gồm thiếu-ủy, trung-ủy đại-ủy. Quân-nhân trừ-bị : loại quân-nhân được gọi nhập ngũ để thi-hành nhiệm-vụ quân-sự. Quân-nhân hiện-dịch : loại quân-nhân tình-nguyện để phục-vụ trong quân-đội.

### BÀI TẬP

- 1 — Giải-nghĩa : quân-nhân hiện-dịch, nhập-ngũ.
- 2 — Thế nào là quân-nhân trừ-bị? Đặt từ-ngữ « quân-nhân trừ-bị » thành một câu.
- 3 — Tìm ba động-từ ghép có tiếng ngã như nhập-ngũ.



**NGƯỜI NỮ TRỢ-TÁ XÃ-HỘI**

1.— Liên gia-nhập quân-đội. Lần đầu tiên, trong bộ quân-phục mới gọn-gàng của một nữ trợ-tá xã-hội, nàng thấy lúng-túng, ngỡ-ng-nghịu trong dáng đi, trong cử-chỉ. Dần-dần nàng cũng thấy quen và ham-thích vì hình như bộ binh-phục có sức nhiệm-mầu làm thay đổi hẳn con người nàng. Vốn tính nhanh-nhẹn, vui-vẻ, nàng đã gây được cảm-tình với các bạn đồng-đội, với thương-bệnh-binh nằm điều-trị trong quân-y-viện.

2.— Liên đã tìm được lý-tưởng của cuộc sống. Từ khi khoác trên mình bộ quân-phục, nàng đã chịu đựng được mọi nỗi khổ-cực và lướt qua được nhiều thử-thách. Bộ áo ấy đã và sẽ khuyến-khích nàng rất nhiều. Nó còn thăm bảo nàng rằng : đã có bao chiến-sĩ từng **nằm gai, nếm mật** để phụng-sự lý-tưởng quốc-gia chân-chính thì nàng chẳng đáng hăng-say làm việc để phụng-sự lý-tưởng chung đó sao ?

*Theo PHƯƠNG-LIÊN*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Ngỡ-ng-nghịu** : có vẻ không quen và thẹn-thùng. **Nhiệm-mầu** : sâu-xa, huyền-diệu. **Lý-tưởng** : ý-nghĩ cao-xa trong trí người ta. **Nằm gai, nếm mật** : ý nói phải chịu gian-lao, khổ-cực như nằm trên gai nhọn, nếm mật đắng.

**Ý-TUỞNG.**— *Lần đầu tiên mặc bộ quân-phục nữ trợ-tá xã-hội, Liên cảm thấy thế nào ? — Tại sao dần dần Liên thấy quen và ham-thích bộ quân-phục ấy ? — Liên đã gây được cảm-tình với những ai ?*

**LỜI VĂN.**— *Thay từ-ngữ « nhiệm-mầu » bằng một từ-ngữ khác ? — « Làm việc một cách say-sưa » : « say-sưa » nghĩa là gì ?*

**DÀN BÀI**

1 — Liên quen dần với bộ quân-phục và nếp sống của nữ trợ-tá xã-hội.

2 -- Liên đã tìm thấy lý-tưởng phụng-sự quốc-gia.

ĐẠI-Ý.— Liên gia-nhập ngành nữ trợ-tá xã-hội và sung sướng đã tìm thấy lý-tưởng.

PHÁT-ÂM.— nữ trợ-tá — ngưỡng-nghĩa — say-sưa

**Tập-đọc — học-thuộc-lòng**

**TRẦN-BÌNH-TRỌNG**

- 1 — Trần-bình-Trọng, anh-hùng ngàn thu trước,  
Đem tâm thần bảy thước chống sơn-hà,  
Mảng lo đến nợ nước, bỏ tình nhà,  
Phá Mông-cổ, sa-cơ, đành thất thế !
- 2 — Tướng giặc thấy người tài nên rất nề,  
Đem quan sang, trước trọng dụ ngài hàng.  
«— Quân bay lắm ! dù dâng cả ngai vàng,  
Khó lay-chuyển lòng ta thờ Tờ-quốc.  
Đừng tưởng bá vinh-hoa mà mua được  
Lòng trung-quân ái-quốc của ta đâu !  
Bắt được ta thôi chớ nói gì lâu,  
Cứ đem chém, ta không hề than tiếc !  
Hễ còn sống, ta là dân nước Việt,  
Chết, ta đành làm quí nước Nam ta » !
- 3 — Ôi anh hùng tử, khi hùng nào tử,  
Nêu gương trong sách sử để muôn đời !



**VÔ-DANH**

GIẢI-NGHĨA.— Mông: mãi, ham. Sơn-hà: núi sông, đây là đất nước. Bá vinh-hoa: (bá: thuốc độc trộn lẫn với đồ ăn; vinh-hoa: phú-quí, vẻ-vang) mời phú-quí đem ra để nhử người ta. Trung-quân ái-quốc: hết lòng với vua và yêu nước.

Y-TUỞNG.— Trần-bình-Trọng là danh tướng đời nào? — Ông đánh nhau với giặc nào? — Tại sao bắt được ông, giặc không giết ngay? — Bọn chúng khuyên-dụ ông điều gì? — Ông trả lời thế nào? — Ông đã nêu gương gì cho chúng ta noi theo?

LỜI-VẤN.— « Ngàn thu » nghĩa là gì? — « Tâm thần bảy thước » ý nói gì?

## DÀN BÀI

1 — Trần-bình-Trọng bị giặc bắt.

2 — Trần-bình-Trọng không chịu hàng giặc.

3 --- Trần-bình-Trọng nêu gương sáng trong lịch-sử.

ĐẠI-Y.— Khi bị giặc bắt, Trần-bình-Trọng không chịu hàng quyết giữ lòng trung-quân ái-quốc.

PHÁT-ÂM.— sơn-hà — mảng lo — nên rất nề — trước trọng — tò-quốc.

### Chánh-tà

## I.— PHIÊN GÁC ĐÊM

Người linh canh trao nhiệm-vụ cho Nam xong, rồi nói :  
« Hôm nay tối trời anh phải cẩn-thận ».

Trên nền trời, một mảnh sao rơi, vạch thành vệt sáng dài như một viên đạn lửa vừa thoát khỏi nòng súng. Nam giết mình cúi xuống nhìn quanh lô-cốt. Mọi vật đều yên-lặng. Anh lắng tai nghe, không một tiếng giun, tiếng đế nào. Quan-sát một hồi, không thấy gì đáng nghi, Nam mỉm cười.

Nam chợt nhớ tới những đồng-đội, giờ phút này cũng đang làm phận-sự như anh, ở miền rừng già Cao-nguyên hay ở vùng Đồng-thấp lầy-lội.

Theo PHẠM-ANH-QUANG

GIẢI-NGHĨA.— Lô-cốt : đồn-canh. Lắng tai : đề tai mà nghe, chăm-chú nghe. Quan-sát : xem-xét. Đồng-đội : đây, chỉ những người trong quân-ngũ.

CÂU HỎI.— Khi trao nhiệm-vụ cho Nam, người linh canh nói gì ? — Nam nhìn thấy gì ở trên trời ? — Cảnh vật quanh lô-cốt thế nào ? — Khi đứng gác, Nam chợt nhớ tới những người nào ?

ĐẠI-Y.— Nam canh gác cẩn-mật và nghĩ đến bạn đồng-đội cũng đang làm nhiệm-vụ như anh ở khắp nơi.

NHẬN-XÉT CHÁNH-TÀ.— trao nhiệm-vụ — sao rơi — nòng súng — giạt mình — tiếng giun, tiếng đế.

## CÂU HỎI CHÁNH-TÁ

- 1 — Giải-nghĩa : nhiệm-vụ, lo-cốt, lầy-lội, bản-thân.
- 2 — Tại sao người lính canh lại dặn Nam phải cẩn-thận ?
- 3 — « Người lính canh giao nhiệm-vụ » : thay « giao » bằng tiếng khác.
- 4 — Nối hai câu sau đây thành một câu . « Chúng ta ăn cơm, chúng ta ăn bánh ».

### Chánh-tá

## 2.— NGƯỜI NỮ TRỢ-TÁ XÃ-HỘI

Viết đoạn 1 bài tập đọc

### Văn-phạm

## NHẬN-XÉT VỀ CÁCH CHUYỂN-Ý

- 1 — Khi ý sau là kết-quả của ý trước, người ta dùng liên-từ *nên*, cho *nên*.  
Thí-dụ : *Năm chăm học nên nó thi đậu.*
- 2 — Khi ý sau làm giảm ý trước, người ta dùng liên-từ *tuy-nhiên*.  
Thí-dụ : *Ta cần tập thể-dục. Tuy nhiên, không nên tập quá độ.*
- 3 — Khi ý sau trái với ý trước, người ta dùng liên-từ *nhưng* hay *nhưng mà*,  
Thí-dụ : *Tư chẳng ưa tôi nhưng tôi không ghét nó.*

### BÀI TẬP

« *Tư không nghe lời thầy, nó không tiến-bộ được* ».

Chuyển ý hai câu trên bằng một liên-từ.

**ĐƠN-TỪ**

**CHỈ-DẪN**

Đơn-từ là lối viết thư cho nhà chức-trách, cho sở tư... đề tường-trình hoặc xin việc gì.

Khi làm đơn phải chú-ý đến hai điểm : hình-thức và nội-dung.

A) Hình-thức : Tờ giấy viết đơn phải sạch, không nhàu-nát, góc phải vuông-vắn, cố-gắng viết cho dễ coi.

B) Nội dung : Lời lẽ trong đơn phải minh-bạch, không rườm-rà làm mất thì giờ của người xét đơn, cũng không vắn-tắt đến nỗi thiếu-sót những chi-tiết cần-thiết. Tùy theo địa-vị của người xét đơn mà xưng-hô cho lễ-phép và duy-nhất. Nếu có đính kèm giấy tờ gì cũng nên ghi rõ ở cuối đơn, bên góc trái.

**DÀN BÀI CHUNG**

- I.— ĐẦU ĐƠN : Nơi viết, ngày... tháng... năm...  
Người nhận đơn.
- II.— LÒNG ĐƠN : Điều muốn tường-trình hoặc thỉnh-cầu.
- III.— CUỐI ĐƠN : Lòng tôn-kính và biết ơn.  
Nay kính xin hoặc nay kính trình.  
Ký tên.

ĐỀ :

**Em làm hộ bà hàng xóm một lá đơn đề xin cho con bà ta vào trường tiểu-học công-lập.**

**DÀN BÀI**

- I.— ĐẦU ĐƠN : Nơi ở, ngày... tháng... năm...  
Kính gửi Ông Hiệu-trưởng trường  
Tiểu-học...  
Câu xưng-hô : Thưa Ông.

II. — LÒNG ĐƠN : Họ, tên, tuổi, địa-chỉ... của mẹ đứa trẻ.  
Lý-lich của đứa nhỏ. Xin vào học lớp  
nào? Trình bày hoàn-cảnh. Kêu gọi  
lòng tốt của ông Hiệu-trưởng.

III. — CUỐI ĐƠN : Lời cảm tạ. Nay kính xin. Ký tên.  
Đính kèm : khai-sinh, chứng-chỉ học-  
trình (nếu có).

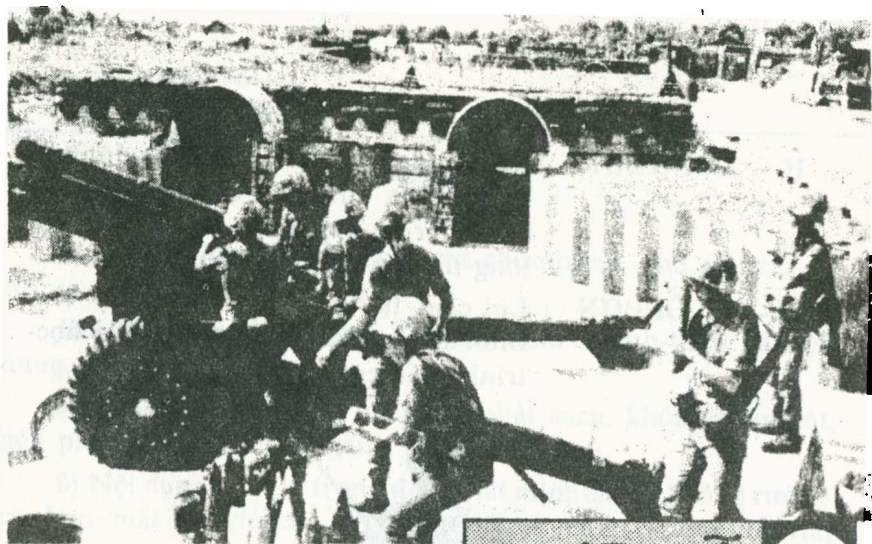


### **Tập viết**

Chữ rỗng (viết chữ hoa khô lớn)

O L E G An-xuyên, Gò công





**Ngữ-vựng**

**TUẦN LỄ 28**

BÀI ĐỌC.

### I. — VŨ KHÍ

Chiến-tranh xưa kia ít tàn-sát vì người ta chỉ dùng vũ-khí thô-sơ. Lúc giao tranh, quân-sĩ hai bên múa kiếm, mã-tấu hoặc sử-dụng giáo, mác để đâm chém nhau. Ngày nay vì những vũ-khí tối-tân mà chiến-tranh trở nên thảm-khốc. Khi lâm-trận, quân-sĩ hai bên bắn súng trường, súng lục, súng liên-thanh vào nhau. Nếu đối-phương ở xa, người ta cầu đại-bác hoặc súng cối có tầm sát-hại rất rộng. Bắn phá chiến-xa địch thì có súng ba-dô-ca. Hạ máy bay địch thì có súng cao-xạ.

**TẬP NÓI CHUYỆN.** - *Tại sao chiến-tranh xưa kia ít tàn-sát? Khi giao-tranh người ta dùng gì để đâm chém nhau? — Tại sao chiến-tranh ngày nay trở nên thảm-khốc? — Khi lâm trận, quân hai bên bắn nhau bằng những thứ súng nào? — Kể tên vài thứ súng có tầm sát-hại rộng. — Người ta dùng súng gì để phá chiến-xa? dùng súng gì để hạ máy bay địch?*

**HỌC TIẾNG.**—

**Danh-từ** : Kiếm — mã-tấu — giáo — mác — súng trường —  
súng lục — súng liên-thanh — súng đại-bác —  
súng cối — súng-ba-dô-ca — súng cao-xạ.

Tinh-từ : (Võ-khí) thô-sơ, tối-tân.

Động-từ : Múa (gươm) — bắn (súng) — cầu (đại-bác).

Thành-ngữ : *Đạn đả lên, tên đả xuống.*

**GIẢI-NGHĨA.**— Kiếm : gươm. Mã tấu : thứ dao của người cưỡi ngựa đeo. Giáo : thứ khi-giới cán dài, mũi sắt nhọn, dùng để đâm. Mác : thứ khi-giới cán dài, lưỡi dài và sắc, dùng để chém. Súng liên-thanh : súng tự động, bắn liệch nhiều phát liên-tiếp. Súng đại-bác : súng lớn dùng để bắn trái phá. Súng ba-dô-ca : thứ súng dùng để phá chiến xa. Súng cao-xạ : thứ súng để bắn hạ máy bay. Thô-sơ : sơ sài. Tối-tân : rất mới.

### BÀI TẬP

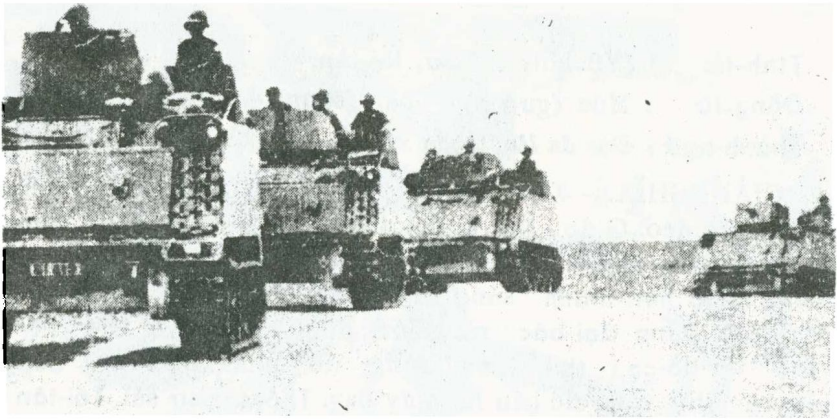
Võ-khí ngày nay . . . . . Địch-quân ở gần, người ta dùng đủ loại súng cá nhân để . . . . . hạ. Địch-quân ở xa, người ta cầu súng . . . . . hoặc súng . . . . . để tàn sát. Gặp chiến xa địch, người ta dùng súng . . . . . để phá hủy. Khi máy bay địch tấn-công, người ta bắn súng . . . . . để hạ.

## Ngữ-vịng

### 2.- VÕ-KHÍ (tiếp theo)

#### BÀI ĐỌC

Bộ-binh không chiến-đấu lẻ-loi mà được yểm-trợ bằng nhiều phương-tiện hữu-hiệu. Trên bộ thì có các chiến-xa như xe tăng, thiết-giáp-xa mở đường, thiết-vận-xa giúp cho sự chuyển-vận quân được mau lẹ và bớt nguy-hiêm. Trên không các phi-cơ quan-sát, thám-thính tình-hình địch và, khi cần, sẽ hướng-dẫn cho pháo-binh oanh-tạc, phi-cơ phóng-pháo xạ-kích. Khi máy bay địch xuất-hiện thì đã có các phi-cơ khu-trục sẵn đuôi. Gần đây, người ta lại dùng phi-cơ trực-thăng để chở quân trong những cuộc hành quân chớp-nhoáng, khiến địch không kịp trở tay.



**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Bộ-binh có chiến-đấu lẻ-loi không ? Tại sao ? — Kể vài loại chiến-xa mà em biết. — Thiết-vận-xa để làm gì ? — Phi-cơ quan-sát có công-dụng gì ? — Trong những cuộc hành-quân chớp-nhoáng người ta dùng thứ phi-cơ nào ? — Thứ phi-cơ nào dùng để săn đuổi phi-cơ địch ?*

## HOC TIẾNG

**Danh-từ** : Chiến-xa — thiết-giáp-xa — thiết-vận-xa — phi-cơ quan-sát — phi-cơ phóng-pháo — phi-cơ trực-thăng — phi-cơ khu-trục.

**Tính-từ** : (Cuộc hành-quân) chớp-nhoáng — (phương-tiện) hữu-hiệu.

**Động-từ** : Yểm-trợ — thám-thính — xạ-kích.

**Thành-ngữ** : Long trời lở đất.

**GIẢI-NGHĨA.**— **Chiến-xa** : loại xe bọc thép có đặt súng để đánh trận như xe tăng, thiết-giáp-xa. **Thiết-giáp-xa** : xe bọc thép để mở đường khi hành-quân. **Thiết-vận-xa** : loại xe bọc thép để chuyên chở binh-sĩ di-chuyển cho bớt nguy-hiêm. **Phi-cơ quan-sát** : máy bay chuyên việc dò xét tình-hình địch. **Phi-cơ phóng-pháo** : máy bay chuyên thả bom, bắn phá. **Phi-cơ trực-thăng** : phi-cơ lên xuống thẳng không cần chạy một quãng dài trên phi-đạo rồi mới cất cánh. **Phi-cơ khu-trục** : phi-cơ

chuyên săn đuổi máy bay địch đến tấn-công. Cuộc hành-quân chớp-nhoáng : cuộc hành-quân thật mau lẹ. Phương tiện hữu-hiệu : phương-tiện đem lại kết-quả ngay. Yểm-trợ : che chở và giúp-đỡ. Thám-thính : dò xét. Xạ-kích : bắn phá.

### BÀI TẬP

- 1 — Giải-nghĩa : phi-cơ trực-thăng, thám.thính, chớp-nhoáng.
- 2 — Công-dụng của thiết-giáp-xa và thiết-vận-xa khác nhau thế nào ?
- 3 — Tìm những động-từ chỉ sự hoạt-động của máy bay.

### Tập đọc

### SINH-VIÊN SĨ-QUAN

1 — Các anh đến với chúng tôi vào một buổi sáng tung-bùng của ngày Quốc-khánh. Bước chân hiên-ngang của các anh đập trên nền đất tự-do, theo nhịp trống quân-hành.

2 — Bộ quần-phục nhà trường còn trinh-nguyên nếp gấp. Súng của các anh có lẽ chưa quen mùi đạn và chiếc lưỡi-lô bóng loáng vết dầu chưa từng nhuộm máu. Các anh đi đẹp quá, nhịp nhàng, hùng-dũng, nhưng không nghênh-ngang như gót giày đinh năm xưa của đoàn quân viễn-chinh ngoại-quốc.

Nhìn các anh đen sạm trong màu nắng, cánh tay dẫn chắc ghi khẩu súng trên vai, chúng tôi thấy các anh mạnh-mẽ làm sao ! Màu da rám nắng ấy hiện lên nền trắng của quần-phục, sao mà rõ-ràng thế !

3 — Chúng tôi, biết bây giờ các anh mới chỉ là sinh-viên, nhưng mai đây mấn-khóa, nhận nhiệm-vụ, các anh sẽ được tung ra bốn phương trời, chung lưng với các bậc đàn anh để bảo-vệ đất nước.

Theo BÍCH-NGÂN

**GIẢI-NGHĨA.** — Trống quân-hành : trống đánh để binh-lính theo nhịp mà đi. Nghênh-ngang : vênh-vào, kiêu-ngạo chẳng coi ai ra gì cả. Đoàn quân viễn-chinh : đoàn quân đi đánh giặc ở phương xa. Rám nắng : cháy nắng, sém nắng. Mấn-khóa : hết khóa học.

**Y-TƯỜNG.**— *Tác-giả trông thấy sinh-viên sĩ-quan vào dịp nào ?—  
Bước chân họ đi ra sao ? — Căn-cứ vào đâu mà tác-giả cho rằng các sinh-  
viên sĩ-quan mạnh-mẽ ? — Khi mãn-khóa họ được tung đi bốn phương  
để làm gì ?*

**LỜI VĂN.**— *Những từ-ngữ nào cho biết sinh-viên sĩ-quan chưa  
từng ra trận ? — « Đoàn quân viễn-chinh ngoại-quốc » nói ở đây là đoàn  
quân nào ?*

### DÀN BÀI

1 — Đoàn sinh-viên sĩ-quan đi trong nắng sớm ngày Quốc-khánh.

2 — Tuy chưa dự trận nhưng họ đã dày-dạn sương nắng.

3 — Họ sẽ được tung đi bốn phương để bảo-vệ đất nước.

**ĐẠI-Y.**— Hôm nay sinh-viên sĩ-quan đi diễn-hành nhưng ngày mai họ sẽ được tung ra khắp nẻo đường đất nước.

**PHÁT-ÂM.**— **Trống quân-hành — quân biết — đen sạm—**

## TẬP-ĐỌC — HỌC-THUỘC-LÒNG

### LỜI CÂY SÚNG HỎNG

- 1 — *Ta nằm đây, bạn cùng bao bạn súng,  
Chiếc võ nòng, chiếc bệp dùm châu thân ;  
Ta nằm đây, thân dày-dạn phong-trần,  
Mặc mỗi một cùng rì hoen tàn-phá.*
- 2 — *Những đêm thanh, cõi lòng ta lạnh giá,  
Nhớ chuỗi ngày oanh-liệt đã pha-phôi.  
Nhớ núi cao, nhớ rừng rậm, than ôi !  
Thân tàn-phế mong chi đời ngang dọc.*
- 3 — *Đem ta đi, vút vào lò lửa rực !  
Nấu ta đi ! rèn đúc lại ta đi !  
Trở cho ta thời oanh-liệt xưa kia,  
Thời tranh-lấu trong gian-nguy, khàc cực !*

**ĐẶNG-VŨ**



**GIẢI-NGHĨA.**— **Châu-thân** : (châu : quanh khắp ; thân : mình) khắp cả mình. **Dày-dạn** : quen, không sợ. **Phong-trần** : (phong : gió ; trần : bụi) chỉ cuộc đời vất-vả. **Oanh-liệt** : (oanh : tiếng động ầm ầm ; liệt : mạnh) lừng-lẫy. **Tàn-phá** : bị tàn-tật không làm gì được nữa. **Ngang-dọc** : vầy-vùng mặc sức.

**Y-TUỞNG.**— *Những cây sùng nói trong bài tại sao không còn dùng được ? — Những cây sùng này bị chấu gì tàn-phá ? — Những đóm thanh, cây sùng nhớ lại gì ? — Tại sao cây sùng không còn mong được sống lại đời ngang dọc ? — Cây sùng đòi hỏi điều gì ?*

**LỜI VĂN.**— *Tìm những từ-ngữ trong đoạn 1 nói lên cây sùng bị hỏng. — « Chuỗi ngày oanh-liệt đã pha-phôi » nghĩa là gì ?*

### DÀN BÀI

- 1 — Cây sùng hỏng nằm trong kho, bị hoen rỉ dần.
- 2 — Cây sùng nhớ lại thời oanh-liệt.
- 3 — Cây sùng đòi được rèn đúc lại.

**ĐẠI-Ý.**— Cây sùng hỏng nhớ lại thời oanh-liệt và mong được rèn đúc lại để vầy-vùng ngang dọc như xưa kia.

**PHÁT-ÂM.**— **vỡ lòng** — **dày-dạn** — **oanh-liệt** — **lửa rực**.

## Chánh-tà

### I.— CÂY SÙNG

Phương bắt đầu làm quen với cây sùng. Cây sùng là linh-hồn của người quân-nhân cho nên việc làm quen ấy không khó-khơn gì. Chàng ôm-ấp, nông-niu nó hằng bữa, như ôm-ấp và nâng-niu chính linh-hồn mình. Nhưng không có một thầy học nào nghiêm-ngặt hơn nó. Chính nó tập cho Phương có dáng đi hùng-mạnh, có thể đứng trang-nghiêm. Nó đưa chàng vào kỹ-luật sắt thép. Nó bắt chàng đi hằng giờ, rồi chạy, rồi bò lê, bò lết, băng rừng, lội suối, trèo non. Nó luyện cho Phương trở thành con người của gió sương, của quê-hương dân-tộc.

HỮU-PHƯƠNG

**GIẢI-NHĨA.**— **Nông-niêu** : ở đây là giữ-gìn. **Nghiêm-ngặt** : ráo-riết, gắt-gao. **Trọng-nghiêm** : chỉnh-tề, ngay-ngắn. **Kỷ-luật** : phép-tắc được đặt ra để những người cùng một đoàn-thể tuân-theo.

**CÂU HỎI.**— *Tại sao việc Phương làm quen với cây súng không khó-khăn gì ? — Cây súng đã tập cho Phương những thói quen nào ? — Nó luyện cho Phương trở thành con người thế nào ?*

**ĐẠI-Ý.**— Cây súng vừa là bạn thân vừa là thầy của Phương trong đời sống quân ngũ.

**NHẬN-XÉT CHÁNH-TÀ.**— **nông-niêu**, **nghiêm-ngặt**, **đáng đi**, **bò lè bò lết**, **lợi suối**, **trèo non**.

### CÂU HỎI CHÁNH-TÀ

- 1 — **Giải-nghĩa** : **quân-nhân**, **băng rừng**, **người của gió sương**.
- 2 — « **Kỷ-luật sắt thép** » là **kỷ-luật** thế nào ?
- 3 — « **Cây súng** » : thay « **cây** » bằng tiếng khác.
- 4 — Tại sao trong câu : « **cây súng là linh-hồn... không khó khăn gì** » tác-giả lại dùng liên-từ « **cho nên** ».

## Chánh-tà

## 2.— SINH-VIÊN SĨ-QUAN

Viết đoạn 2 bài tập đọc

## Vấn-phạm

### PHÂN-TÍCH TỰ-LOẠI

Phân-tích tự-loại là nói mỗi từ-ngữ thuộc loại nào, có công-dụng gì, làm chức-vụ gì.

Danh-từ, đại-danh-từ thường làm chủ-từ, túc-từ cho động-từ, tính-từ, hay làm chỉ-định túc-từ cho danh-từ.

Thí-dụ : phân-tích tự-loại câu « Văn đọc bài lâu-lâu ».

Văn : danh-từ riêng, làm chủ-từ cho động-từ đọc — Đọc : động-từ, chỉ hành-động của chủ-từ văn — Bài : danh-từ chung, làm trực-tiếp túc-từ cho động-từ đọc — Lâu-lâu : trạng-từ, phụ nghĩa cho động-từ đọc.

## BÀI TẬP

Phân-tích tự-loại câu « Tôi đi học với em tôi »

### **Tập làm văn**

---

Đề.— Em trò bị bệnh phải nghỉ học. Ba trò bảo trò đứng tên người để làm đơn xin phép cho đứa em.

#### DÀN BÀI

- I.— ĐẦU ĐƠN : Nơi ở..., ngày..., tháng..., năm...  
Kính gửi Ông Hiệu-Trưởng trường tiểu học. . . .  
Câu xưng hô : Thưa Ông Hiệu-Trưởng,
- II.— LÒNG ĐƠN : Họ, tên, địa-chỉ của ba em.  
Xin phép nghỉ học, thời-hạn và lý-do.
- III.— CUỐI ĐƠN : Lời cảm ơn.

Ký tên.

### **Tập viết**

---

Chữ rông (viết chữ thường, khổ lớn)

Ê T I Thủ • trực





**Ngữ-vựng**

**TUẦN LỄ 29**

BÀI ĐỌC

**I. — VŨ-KHÍ** (tiếp theo)

Không-quân có máy bay để ném bom là một thứ vũ-khí rất lợi-hại. Bom na-pan thiêu-hủy cơ-sở của địch. Bom nguyên-tử, bom khinh-khí có sức tàn-phá thật khủng-khiếp, có thể tiêu-diệt cả nhân-loại. Hỏa-tiến mang đầu đạn nguyên-tử đến những nơi cách xa hàng ngàn cây số. Trên bộ có địa-lội, dưới nước có thủy-lội, để phòng-thủ các căn-cứ quân-sự cho khỏi bị địch tấn-công bất thình-linh.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— Không-quân dùng máy bay để làm gì? — Muốn thiêu-hủy các cơ-sở của địch, người ta dùng loại bom nào? — Những thứ bom nào có sức tàn-phá khủng-khiếp? — Muốn phá-hoại những nơi xa hàng ngàn cây số thì phải dùng thứ vũ-khí nào? — Địa-lội và thủy-lội dùng để làm gì?

**HỌC TIẾNG**

**Danh-từ** : Bom na-pan — bom nguyên-tử — bom khinh-khí — hỏa-tiến — địa-lội — thủy-lội.

**Tính-từ** : (Vũ-khí) lợi-hại — (sức tàn-phá) khủng-khiếp.

**Động-từ** : Thiêu-hủy — tấn-công — phòng-thủ.

**Thành-ngữ** : Bách phát bách trúng.

**GIẢI-NHĨA.**— Bom na-pan ; thứ bom chế bằng xăng đặc để đốt phá. Bom nguyên-tử ; thứ bom dùng sức mạnh của nguyên-tử, có sức tan-pnà rất rộng. Bom khinh-khí ; thứ bom mạnh gấp mấy ngàn lần bom nguyên-tử, còn gọi là bom H. Hóa-tiến ; một thứ đạn có thể phóng đi rất xa, có sức phá-hoại rất mạnh. Địa-lôi ; loại mìn chôn dưới đất. Thủy-lôi ; thứ mìn thả dưới nước để phá tàu địch. Vô-khí lợi-hại ; vô-khí ghê-gớm, đáng sợ. Thiêu-hủy ; đốt phá cho mất đi. Tấn-công ; xông tới mà đánh. Phòng-thủ ; giữ-gìn đối-phó với cuộc tấn-công. Bách phát bách trúng ; bắn trăm phát trúng cả trăm.

### BÀI TẬP

Muốn thiêu-hủy các cơ-sở của địch người ta dùng bom . . . . . Thế-giới có thể bị hủy-diệt nếu trong cuộc chiến, các cường-quốc sử-dụng bom . . . . . và bom . . . . . Ngày nay, ngồi ở xa hàng ngàn cây số, người ta có thể tàn-phá đất địch được là nhờ ở các . . . . mang đầu đạn nguyên-tử.

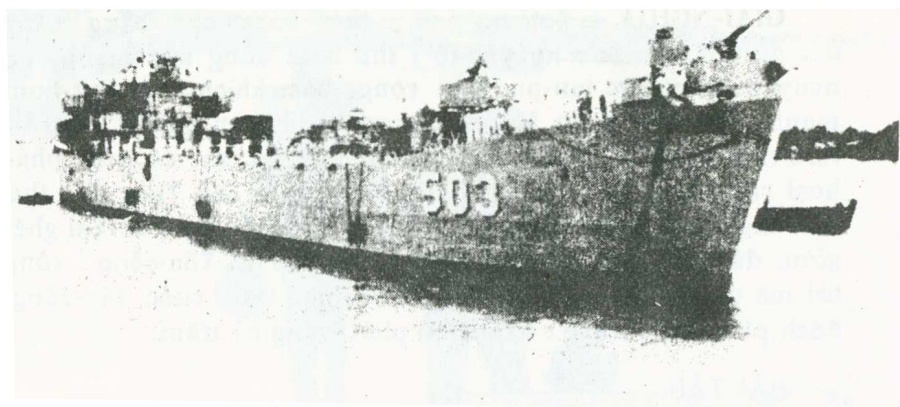
### Ngữ-vịng

## 2.— VŨ-KHÍ (tiếp theo)

### BÀI ĐỌC

Tuần-phòng và kiểm-soát mặt biển thì có hải-lực. Hải-lực của các cường-quốc gồm những hạm-đội hùng-mạnh với những hàng-không mẫu-hạm không-lò, những pháo-hạm, thiết-giáp-hạm, tuần-dương-hạm v.v... Ngoài ra còn các tiêm-thủy-dính là một loại tàu chiến đã tỏ ra lợi-hại trong kỳ đệ-nhi thế-chiến.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— Tuần-phòng và kiểm-soát mặt biển là nhiệm-vụ của lực-lượng quân-sự nào ? — Hạm-đội của các cường quốc thế nào ? — Tàu chiến trên có đặt súng lớn gọi là gì ? — Tàu vô bọc thép gọi là gì ? — Tàu chuyên đi hộ-vệ các tàu khác gọi là gì ? — Tàu chiến dùng để đi tuần trên mặt biển gọi là gì ? — Tiêm-thủy-dính còn được gọi là gì nữa ?



## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : hải-lực — hạm-đội — chiến-hạm — hàng-không  
mẫu-hạm — pháo-hạm — thiết-giáp-hạm —  
hộ-tống-hạm — tiềm-thủy-đĩnh.

**Tính-từ** : (hạm-đội) hùng-mạnh — (hàng-không mẫu-  
hạm) không-lồ.

**Động-từ** : tuần-phòng — kiểm-soát (mặt biển).

**Thành-ngữ** : *Vượt trùng-dương.*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Hải-lực** : (hải : biển ; lực : sức mạnh) lực-  
lượng hải quân. **Hạm-đội** : một đội tàu chiến. **Chiến-hạm** : tàu  
chiến. **Hàng không mẫu-hạm** : chiến-hạm không-lồ, có sân bay  
để phi cơ lên xuống. **Pháo-hạm** : tàu chiến trên có đặt súng lớn.  
**Thiết-giáp-hạm** : tàu chiến vỏ bọc thép. **Hộ-tống-hạm** : tàu  
chuyên đi hộ-vệ các tàu khác. **Tuần-dương-hạm** : tàu chiến  
dùng để đi tuần trên mặt biển. **Tiềm-thủy-đĩnh** : tàu ngầm, tàu  
lặn dưới nước. **Tuần-phòng** : canh giữ. **Kiểm-soát** : xem xét.  
**Vượt trùng-dương** : vượt biển.

## BÀI TẬP

1 — Giải-nghĩa : *tiềm-thủy-đĩnh, hạm-đội, hộ-tống-hạm.*

2 — Tìm tiếng phản nghĩa với : *hùng-mạnh, không-lồ.*

3 — Tìm 4 danh-từ ghép có tiếng « hạm » như « *chiến-hạm* ».

**CHẠM SÚNG**

1. — Một loạt súng nổ làm tôi giật mình. Tôi vội lấy súng, lao xuống vệ đường, lẩn vào bụi rậm. Trung-sĩ Oai kéo chân tôi, thì-thào :

— Chắc chúng định cướp G.M.C. ; chúng biết xe chở lương mà !

2. — Đồn còn cách có hơn hai cây số, tôi dùng máy phát thanh gọi về đồn.

— Gọi ngay phó đồn-trưởng cho tôi.

— Chính Khải đây. Anh bị phục-kích ?

— Dĩ-nhiên, ông tưởng tôi đi sẵn chắc ? Đưa một trung-đội đến ngay !

3. — Buồng máy, tôi gọi trung-sĩ Oai, ra lệnh. Rồi tôi vẫy tay ra hiệu cho hai người lính hò theo. Tôi vòng ra sau đồi, đeo súng lên vai, tháo kẹp lựu đạn... Bò trong bụi rậm, tôi lên tới đỉnh đồi, gai góc xước gần hết mặt. Khẩu trung-liên của địch **áp-đảo** bọm tôi từ lâu. Thấp-thoảng dưới kia, mây bóng người lố-nhố. Tôi lẳng thật mạnh hai trái lựu-đạn, quì lên bắn liên-tiếp hai hăng tiêu-liên.

Những tiếng « **xung-phong** » chúng tôi hò ầm-ĩ làm họ rút lui khá nhanh.

Viên trung-sĩ lại gần, nhe răng cười :

— Đánh võ mồm thế mà được, trung-uy hay thực !

**THẾ-UYÊN**

**GIẢI-NGHĨA**. — **Thì-thào** : nói nhỏ với nhau. **G.M.C.** : loại xe cam-nhông của quân-đội. **Đồn** : chỗ quân đóng để canh-phông, còn gọi là bót. **Phục-kích** : nấp một chỗ để đánh lên. **Áp-đảo** : lẩn-áp. **Tiếng xung phong** : tiếng hò cho quân tiến lên đánh xáp lá-cà.

**Y-TUỞNG**. — *Nghe loạt súng nổ, tác-giả vội làm gì ? — Tác-giả dùng cách gì liên-lạc với đồn để gọi quân tăng-viện ? — « Mấy bóng người lố-nhố » : đó là bọn nào ? — Tại sao bỗng nhiên địch lại rút lui ?*

LỜI VĂN.— « Lãng » nghĩa là gì ? — « Đánh võ mồm » là thế nào ? — Tìm các tác-từ trong câu thứ 2. Loạn đầu .

### DÀN BÀI

- 1.— Xe lương bị rơi vào ổ phục-kích.
- 2.— Tác-giả gọi quân tiếp-viện .
- 3.— Nhờ chiến-thuật nghi-binh mà tác-giả thắng địch.

ĐẠI-Y.— Bị phục-kích, nhờ khôn-khéo và can-đảm tác-giả đẩy lui được địch-quân.

PHÁT-ÂM.— Vệ đường, đi sẵn, vẫy tay, xước mặt.

## TẬP-ĐỌC — HỌC-THUỘC-LÒNG

### LÀM TRAI

- 1.— Con nay cũng một người trong nước,  
Phải nhắc cân gia, quốc đổi đường,  
Làm trai hồ-thĩ bốn phương,  
Sao cho khỏi thẹn với gương Lạc-Hồng.
- 2.— Thời-thế có anh-hùng là thế,  
Chữ vinh-hoa xá kẻ là chi.  
Mấy trang hào-kiệt xưa kia,  
Hy-sinh thân-thế cũng vì nước non.
- 3.— Con đương độ đầu son tuổi trẻ,  
Bước cạnh tranh há dè nhường ai ?  
Phải nên thương lấy giống nòi,  
Đừng tham phú-quí mà người tắc lòng.

A-nam TRẦN-TUẤN-KHAI



GIẢI-NGHĨA.— Nhắc cân : (do từ-ngữ cân-nhắc) so-sánh cho biết nặng nhẹ, hơn thiệt thế nào. Hồ-thĩ : cung tên, chỉ người có chí lập-công ở phương xa. Vinh-hoa : vẻ-vang, tốt đẹp. Hào-kiệt : người có tài-tri hơn người.

Y-TUỞNG.— Cha khuyên con phải cân-nhắc điều gì ? — Tại sao người thanh-niên phải có chí lập-công ở phương xa ? — Những bậc hào-kiệt xưa kia đã hy-sinh thân-thế vì lẽ gì ? — Cha khuyên con đừng tham phú-quí mà người điều gì ?

LỜI-VẤN.— « *Gương Lạc-Hồng* » : đây là những tấm gương nào ?  
— *Tìm một câu ca-dao ca-tụng chỉ « hồ-thị bốn phương » của người con trai.*

### DẪN BÀI

- 1 — Con phải lập chí vùng-vẫy bốn phương cho khỏi thẹn với tổ-tiên.
- 2 — Con đừng ham bả vinh-hoa mà phải biết hy-sinh cho đất nước.
- 3 — Con phải luôn luôn tranh-đấu và thương yêu giống nòi.

ĐẠI-Ý.— Lời cha khuyên con gác bỏ vinh-hoa, phú-quí, một lòng phụng-sự quốc-gia.

PHÁT-ÂM.— gia, **quốc** đời đường — vinh-hoa — đầu son — cạnh-tranh.

## Chánh-tà

### I. — PHI-CƠ THẨM-THÍNH

Phi-cơ thẩm-thính là nguồn an-ủi cho biết bao đoàn quân lạc-lõng, bao đồn lẻ-loi. Nó đã xuất-hiện kia, sà xuống sát mái đồn. Người ở dưới reo hò, người ở trên giơ tay vẫy. Rồi người ta thấy từ phi-cơ tung ra một gói con con, buộc dây vải màu, bay phát-phới. Trong gói, thường chỉ là mấy bức thư, nét chữ nguệch.nguoc của người vợ gửi cho chồng hay đứa trẻ viết cho cha nơi biên-ải. Các em thử tưởng-tượng nỗi vui mừng của họ biết là chừng nào !

GIẢI-NGHĨA.— Lạc-lõng : tản mát đi. Sà xuống : liệng thấp xuống. Bay phát-phới : bay đi bay lại trước gió. Biên-ải : cửa ải ở biên-giới.

CÂU HỎI.— Phi-cơ thẩm-thính là nguồn an-ủi cho những đoàn quân thế nào ? — Khi nó xuất-hiện, mọi người trong đồn làm gì ? — Tại sao mỗi khi nó xuất-hiện người trong đồn lại vui mừng ?

ĐẠI-Ý.— Mỗi lần phi-cơ thẩm-thính đem thư đến, quân-nhân trong những đồn bót hẻo-lánh lại reo hò vui mừng.

**NHẬN-XÉT CHÁNH-TÀ.**— lạc-lõng — sà xuống — gơ tay  
vẫy — dấy vải màu — nguệch-ngoạc.

**CÂU HỎI CHÁNH-TÀ.**—

- 1) Giải-nghĩa : phi-cơ thám-thình, đồn chiến lẻ-loi, nét chữ nguệch-ngoạc.
- 2) Những người lính ở đồn chiến lẻ-loi, hằng ngày mong phi-cơ thám-thình với hy-vọng nhận được gì ?
- 3) Tìm tiếng phản-nghĩa với « vui mừng ».
- 4) Phân-tích tự-loại câu : « Người ở dưới reo hò ».

**Chánh-tà**

**2.— CHẠM SÚNG**

Viết đoạn 3 bài tập-đọc, từ « Tôi gọi trung-sĩ Oai . . . »

**Văn-phạm**

**MỆNH-ĐỀ**

Một câu thường gồm nhiều mệnh-đề. Mệnh-đề thường có chủ-từ, động-từ, túc-từ.

Thí-dụ : Tôi ăn cơm.

Cuốn sách hay quá !

Có những mệnh-đề :

— không có chủ-từ : Ăn cây nào, rào cây ấy.

— không có túc-từ : Nó hát, tôi vẽ.

Có ba thứ mệnh-đề :

1) Mệnh-đề độc-lập, tự nó phát-biểu đủ một ý

Thí dụ : Tôi học bài.

2) Mệnh-đề chính, phải cần đến mệnh-đề phụ mới đủ ý.

Thí dụ : Tôi nghỉ vì tôi bận (tôi nghỉ : mệnh-đề chính ; vì tôi bận : mệnh-đề phụ).

Mệnh-đề phụ, bổ-túc cho cái ý nói trong mệnh-đề chính (xem thí dụ trên).

**BÀI TẬP.—**

Câu sau đây có mấy mệnh-đề ? là những mệnh-đề nào ?  
« Con phải nghe thầy giảng thì mới tiến-bộ được ».

**CHỈ DẪN.**— Bình-giải là giải-nghĩa và bàn những câu ca-dao, tục-ngữ, thành-ngữ, cách-ngôn hay những lời nói của các bậc thánh-hiền, các bậc danh-nhân truyền lại.

**PHẦN MỞ BÀI.**— Giới-thiệu câu sắp bình-giải, bằng cách nói trường-hợp nào nó được đề-cập tới, hoặc đưa ra một nhận-xét dẫn đến câu ấy...

**PHẦN THÂN BÀI.**— Giải-nghĩa đen, nghĩa bóng ; tìm các thí dụ trong đời học-sinh, trong gia-đình, ngoài xã-hội hoặc trong lịch-sử để chứng-minh. Tuy-nhiên, có những câu chỉ có nghĩa đen mà không có nghĩa bóng. Trong trường-hợp ấy, ta giải-nghĩa những chữ khó, rồi nói câu đó ngụ ý gì.

**PHẦN KẾT LUẬN.**— Xem câu đó đúng hay sai để rút ra một phương-châm xử-thế, một lẽ-lối làm việc hay một lý-tưởng để noi theo.

**ĐỀ.**— **Bình giải câu : « Kiến tha lâu có ngày đầy tổ »**  
DÀN BÀI

I.— **MỞ BÀI :** Đề khuyên người đời nên bền lòng, tri chí.

II.— **THÂN BÀI :** 1) **Nghĩa đen :** Con kiến nhỏ, tổ kiến to, thế mà kiến tha mỗi mãi cũng đầy tổ được.

2) **Nghĩa bóng :** Việc dù khó cứ kiên-nhẫn mà làm, nay một chút, mai một chút, rồi cũng thành-công.

3) **Thí-dụ để chứng minh :**

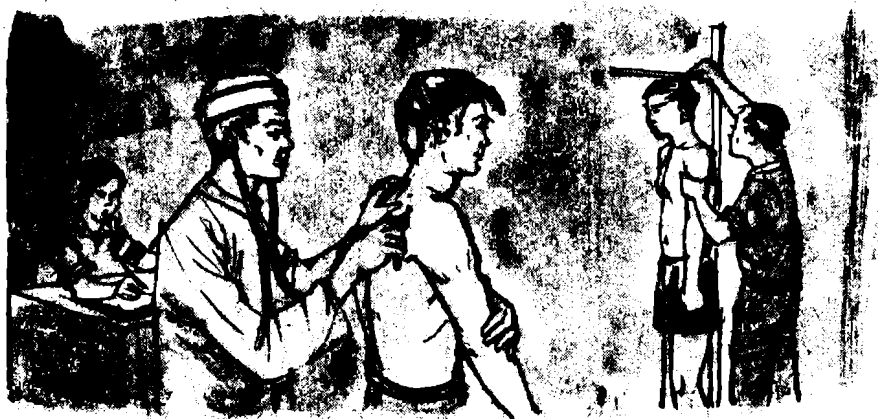
a) Nghèo mà cần kiệm sẽ giàu.

b) Học trò dốt mà cố gắng sẽ giỏi.

4) **Bàn-bình :** câu này rất đúng, nên áp-dụng câu này thế nào.

III.— **KẾT LUẬN :** Áp-dung câu tục-ngữ vào việc học của ta.





**Ngũ-vịng**

**TUẦN LỄ 30**

## I.— QUÂN-DỊCH

### BÀI ĐỌC

Quân-dịch là một nhiệm-vụ thiêng-liêng và cao-cả của thanh-niên một nước độc-lập. Khi đến tuổi, ta có hôn-phận phải trình-diện trước Hội-đồng Kiểm-tra Trung-binh. Ở đây, ta khai lý-lịch và được khám sức khỏe để sắp hạng. Người có đầy đủ sức khỏe được sắp vào hạng chiến-đấu. Người thiếu sức khỏe thì ở hạng phụ-dịch. Người ốm yếu hay bị tàn-tật thì được hoãn-dịch hoặc miễn-dịch. Khám sức khỏe xong, ta sẽ được cấp-phát một thẻ trung-binh. Khi nào nhận được lệnh nhập-ngũ, ta sẽ lên đường thi-hành nhiệm-vụ đối với tổ-quốc.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Thi-hành quân-dịch là một nhiệm-vụ thế nào ? — Khi đến tuổi, ta phải trình-diện trước hội-đồng gì ? — Người đầy đủ sức khỏe được sắp vào hạng nào ? — Người thiếu sức khỏe được sắp vào hạng nào ? — Những người thế nào được miễn-dịch ? — Khám sức khỏe xong, ta được cấp thẻ gì ? — Khi nào phải lên đường thi-hành nhiệm-vụ đối với tổ-quốc ?*

## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : quân-dịch — Hội-đồng Kiểm-tra Trung-binh — lý-lich — hạng chiến-đấu — hạng phụ-dịch — thẻ trung-binh — lệnh nhập-ngũ.

**Tính-từ** : (Nhiệm-vụ) thiêng-liêng, cao-cả.

**Động-từ** : trình-diện — hoãn-dịch — miễn-dịch.

**Ca-dao** : *Làm trai cho đáng nên trai,  
Xuống đồng đồng tính, lên đời đời tan.*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Quân-dịch** : bổn-phận phải nhập-ngũ của thanh-niên khi đến tuổi. **Hội-đồng Kiểm-tra Trung binh** : hội-đồng xét lý-lich và khám sức khỏe thanh-niên để gọi nhập-ngũ. **Lý-lich** : phiếu ghi tên, tuổi, nghề-nghiệp và những chi-tiết cần-thiết về một người nào. **Hạng chiến-đấu** : hạng thanh-niên có đầy đủ sức khỏe để phục-vụ trong đơn-vị chiến-đấu. **Hạng phụ-dịch** : hạng thanh-niên thiếu sức khỏe, khi nhập-ngũ sẽ làm những việc nhẹ. **Thẻ trung-binh** : (trung-binh : gọi ra lính) thẻ ghi rõ mọi chi-tiết để gọi nhập-ngũ. **Thiêng-liêng** : đáng kính, đáng trọng. **Trình-diện** : ra trước Hội-đồng Kiểm-tra Trung-binh để làm thủ-thức nhập-ngũ.

### BÀI TẬP

Khi đến tuổi, người thanh-niên yêu nước . . . . .  
trước Hội-đồng Kiểm-tra Trung-binh. Nếu đủ sức khỏe, họ sẽ  
được sắp vào hạng . . . . . và được cấp một thẻ . . . . .  
Trong trường-hợp ốm-yếu, tàn-tật họ sẽ được . . . . .  
hoặc . . . . .

## Ngũ-vựng

### 2. — QUÂN-DỊCH (tiếp theo)

#### BÀI ĐỌC

Hôm nay, anh Hải nhận được lệnh nhập-ngũ. Anh đến trình-diện tại tiêu-khu, rồi được đưa đến trại nhập-ngũ. Sau khi làm thủ-tục nhập-ngũ, anh được phát quân-trang, quân-dụng. Mấy hôm sau, anh lên xe đến Trung-tâm Huấn-luyện Quang-trung để thụ-huấn về quân-sự. Sau đó, anh được gửi đi phục-vụ tại một đơn-vị chiến-đấu. Khi mãn hạn quân-dịch, anh sẽ được giải-ngũ. Lúc đó anh sẽ hãnh-diện vì đã làm tròn nghĩa-vụ công-dân.

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— Nhận được lệnh nhập-ngũ, Hải đến trình-diện tại nơi nào? — Anh làm gì ở trại nhập-ngũ? — Anh được phát những thứ gì? — Anh được thụ-huấn quân-sự ở đâu? — Thụ-huấn xong anh được gửi đi đâu? — Khi nào anh được giải-ngũ?

## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : tiểu-khu — trại nhập-ngũ — thủ-tục nhập-ngũ — quân-trang — quân-dụng — trung-tâm huấn-luyện.

**Tính-từ** : (thủ-tục) giản-dị — phức-tạp.

**Động-từ** : thụ-huấn — phục-vụ — giải-ngũ.

**Tục-ngữ** : Quốc-gia hưng-vong, thất-phu hữu-trách.

**GIẢI-NGHĨA.**— Tiểu-khu : khu quân-sự ở cấp Tỉnh. Trại nhập-ngũ : trại đón tiếp các tân-binh đến tạm-trú để chờ gửi đi các trung-tâm huấn-luyện. Quân-trang : quần áo, giày dép... của quân-nhân. Quân-dụng : những đồ dùng của quân-nhân như cốc, sêng... Trung-tâm huấn-luyện : trường huấn-luyện chính. Giản-dị : sơ-sài, dễ-dãi. Phức-tạp : rắc-rối, bẽ-bộn, tạp-nhập. Thụ-huấn : nhận sự huấn-luyện. Phục-vụ : làm nhiệm-vụ. Quốc-gia hưng vong, thất-phu hữu-trách : người dân tâm thường cũng phải chịu trách-nhiệm về sự thịnh-suy, mất còn của đất nước.

## BÀI TẬP

1 — Giải-ngũ : quân-trang — giản-dị — thụ-huấn.

2 — Tìm tiếng phản-ngĩa với giải-ngũ.

3 — Sau khi làm thủ-tục nhập-ngũ, người tân-binh được gửi đi thụ-huấn về quân-sự ở đâu?



**LÊN ĐƯỜNG NHẬP NGŨ**

1.— Đã từ lâu, xóm dân chài Yên-hạ vẫn sống lèn-thàn giữa miền quê hiu-quạnh. Cho đến một hôm, chiến-tranh bùng nổ, có một cặp vợ chồng trẻ phiêu-giạt đến xóm nghèo lầy-lội đó.

2.— Sáng nay người vợ tiễn chồng sang sông để làm tròn nhiệm vụ người trai thời-loạn. Đọc theo con đường nhỏ gồ-gề chạy đến chân đê, hai người yên-lặng rảo bước. Chàng tay xách hành-trang, tay khoác áo đi mưa, nét mặt tinh-anh, cặp mắt trong sáng như lộ vẻ tin-tưởng bất-diệt ở ngày mai. Nàng tha-thướt như liễu, gương mặt đượm vẻ ưu-tu trước giờ ly-biệt.

Con đò tới bến, khách quá-giang xô nhau lên bờ. Phút chia tay đã đến. Chàng mạnh-dạn bước xuống đò. Nàng yên-lặng đứng trên bờ dăm-dăm nhìn theo con đò nan từ-từ rẽ nước.

3.— Bóng con đò nhỏ dần, nhỏ dần rồi lặn vào màn sương trắng đục của buổi bình-minh.

*Theo VƯƠNG-HUY*

**GIẢI-NGHĨA.**— Phiêu-giạt : (phiêu : trôi ; giạt : bị sóng gió xô đẩy đi) trôi giạt. Sang sông : qua sông. Hành-trang : đồ dùng đem theo khi đi đường xa. Bất-diệt : không thể mất đi được. Ưu-tu : lo nghĩ. Khách quá-giang : người qua sông.

**Ý-TUỞNG.**— *Nhân dịp nào, cặp vợ chồng trẻ đến làng Yên-hạ ? — Sáng nay, vợ tiễn chồng đi đâu ? — Người chồng tay xách gì ? — Tại sao gương mặt người vợ đượm vẻ ưu-tu ? — Khi người chồng xuống đò, người vợ đứng trên bờ làm gì ?*

**LỜI VĂN.**— « Nhiệm-vụ người trai thời-loạn » là nhiệm-vụ gì ?  
— « Thướt-tha như liễu » nghĩa là gì ?

## DÀN BÀI

1 — Khi chiến-tranh bùng nổ, có hai vợ chồng đến cư-ngụ ở làng Yên-hạ.

2 — Người vợ tiễn chồng qua sông để lên-đường nhập-ngũ.


3 — Bóng người chồng khuất vào trong sương đục.

ĐẠI Ý.— Vợ tiễn chồng lên đường làm nhiệm-vụ người trai thời loạn.

PHÁT-ÂM.— Lầy-lội — sang sông — chạy đến — khoác áo — con dò nan.

## Tập-đọc — học-thuộc-lòng

### THI-HÀNH QUÂN-DỊCH

- 
1. — Đêm lặng-lẽ, vành trăng cài đỉnh núi,  
Gieo ánh vàng rải dưới bước chân đi.  
Lớp gió ngàn rũ sạch bụi nhung-y,  
Vui tiến bước trong đàn thông phách suối.
2. — Người quân-dịch ra đi, lòng phấn-khởi,  
Vì giang sơn, vì nghĩa-vụ thanh-niên ;  
Tập dầm mưa, tập dãi nắng cho quen,  
Trọng kỷ-luật biết tinh-thần đồng-đội.
3. — Bụi tập-dượt nơi thao-trường quên mỏi,  
Khi thực-hành trong binh-chủng gắng công.  
Vui anh em viễn-xứ một nhà chung,  
Nghĩa đoàn-kết thấm tở tình đất nước.

NHU TUYẾT

GIẢI-NHĨA.— Lớp gió ngàn : cơn gió miền rừng núi. Nhung y : áo mặc đi trận. Đàn thông : tiếng gió thổi qua ngọn thông nghe như tiếng gảy đàn. Phách suối : (phách : nhạc khí bằng gỗ hay tre để gõ nhịp trong khi hát) tiếng suối chảy róc-rách như tiếng phách. Viễn xứ : nơi xa, phương xa.

**Y-TUỜNG.**— Đoàn quân di-chuyển ở đâu ? vào lúc nào trong ngày ? — Đoàn quân thuộc thành phần nào ? — Trong quân đội, tập được những thói quen nào ? — Ở thao-trường và trong binh-chủng họ tỏ ra thế nào ? — Tại sao họ đoàn-kết với đồng-đội ?

**LỜI VẤN.**— Những từ-ngữ nào cho biết đoàn quân di-chuyển ở miền rừng núi ? — «Bụi hung y» ý nói đời sống trong quân-ngũ thế nào ?

## DÀN BÀI

- 1) Đoàn quân đi trong rừng vào lúc ban đêm.
- 2) Thanh-niên quân-dịch, trong khi làm nghĩa - vụ, tập được nhiều thói quen tốt.
- 3) Thanh-niên quân-dịch cố gắng tập tành và đoàn-kết với các bạn.

**ĐẠI-Ý.**— Thanh-niên quân-dịch tập-luyện quân-sự và đoàn kết với các bạn đề phụng-sự đất nước.

**PHÁT-ÂM.**— Lặng.lẽ — gieo ánh vàng — phách suối — dãi nắng.

## Chánh-tà

### I.— CHIẾN-SĨ TRUYỀN-TIN

Chúng tôi lên đường giữa lúc hoàng-hôn đang đỏ xướng. Đoàn xe dần dần gia tăng tốc-độ, càng lúc càng đi sâu vào đêm tối. Hai bên đường cây-cối ngủ yên. Xa xa, đồi núi lờm-ngờm mờ. Một vài ánh lửa chớp-chờn ẩn-hiện như ma trời.

Đoàn xe đã đến nơi ẩn-định. Mọi người nhanh-nhẹn hoạt-động trong công-tác của mình. Chẳng mấy chốc, các cột ăng-ten được dựng lên, lồ-nhổ như những cột buồm và máy điện đã nổ xinh xịch. Việc liên-lạc với các nơi tốt đẹp ngay từ đầu. Ai nấy cùng thở phào nhẹ-nhôm.

**GIẢI-NHĨA.**— **Gia-tăng**: thêm. **Chập-chờn**: khi ăn, khi hiện. **Ma trời**: ánh-sáng lập-lòe ở bãi tha-ma về ban đêm, do chất lân-tinh ở xương người mà ra; người ta tưởng lầm ánh-sáng ấy là ma. **Công-tác**: việc làm.

**CÂU HỎI.**— Đoàn xe của các chiến-sĩ truyền tin lên đường vào lúc nào trong ngày? Dọc đường họ thấy những gì? — Khi đến nơi ấn-định họ làm gì? — Những cột ãng-ten được dựng lên trông lổ-nhổ như những cái gì?

**ĐẠI V.**— Trong cuộc hành-quân ban đêm, các chiến-sĩ truyền-tin thi-hành công-tác mau chóng và tốt đẹp.

**NHẬN-XÉT CHÁNH-TẢ.**— **Gia-tăng** — **lồm-ngồm** — **chập-chờn**, **ma trời** — **ãng-ten** — **xinh-xịch**.

· **CÂU HỎI CHÁNH-TẢ**

- 1 — **Giải-nghĩa**: truyền-tin, hoàng-hôn, gia-tăng tốc-độ, lổ-nhổ.
- 2 — Đoàn chiến-sĩ truyền-tin lên đường vào lúc nào?
- 3 — « Ai nấy cùng thở phào... »: thay « ai nấy » bằng những tiếng khác.
- 4 — Câu thứ nhất bài chánh-tả có mấy mệnh-đề? là những mệnh-đề nào?

**Chánh-tả**

**2. — LÊN ĐƯỜNG NHẬP-NGŨ**

Viết đoạn 2 bài tập đọc.

**Văn-phạm**

**CÔNG-DỤNG CỦA MỆNH-ĐỀ PHỤ**

Mệnh-đề phụ có thể:

1) **Làm trực-tiếp túc-từ** cho mệnh-đề chính.

Thí-dụ: Nó xem gà ăn thóc.

2) **Làm trường-hợp túc-từ** cho mệnh-đề chính.

Thí-dụ: Tôi gặp Ba lúc nó đi học.

Mệnh-đề phụ làm trường-hợp túc-từ, thường bắt đầu bằng những liên-từ: khi, vì, bởi vì, nếu, lúc...

3) Làm chỉ-định túc-từ cho danh-từ hay đại danh-từ ở mệnh-đề chính.

Thí-dụ : Cây viết anh cho tôi rất tốt.

Ai quyết chí học-hành sẽ trở nên học-trò giỏi

## BÀI TẬP

Tìm mệnh-đề phụ trong câu sau đây và nói công-dụng của từng mệnh-đề :

« Người mà bạn giới-thiệu rất thật-thà »,

## Tập làm văn

BÌNH GIẢI CÂU:

« Gắn mực thì đen, gắn đèn thì sáng ».

### DÀN BÀI

I.— MỞ BÀI : Giới-thiệu câu cách-ngôn.

- II.— THÂN BÀI : 1) Nghĩa đen:— gắn mực, mực sẽ lem vào  
— gắn đèn thì được sáng sủa  
2) Nghĩa bóng : gắn người xấu sẽ ra xấu  
— gắn người tốt sẽ nên tốt.  
3) Thí-dụ :— gắn mực: chơi với bạn  
xấu.  
— gắn đèn: chơi với bạn tốt  
4) Bàn bình : có nhiều phần đúng.

III.— KẾT-LUẬN: Học-sinh phải chọn bạn mà chơi.

## Tập viết

Chữ rông (viết chữ hoa khô lớn).

S P B R

Su-đéc, Rạch-giá





**Ngũ-vực**

**TUẦN LỄ 31**

## I.— CHIẾN-TRANH

### BÀI ĐỌC

Vi đâu người chiến-binh xông-pha nơi mũi tên lần đạn ?  
Vi ham chiến-lợi phạm ? Vi mơ những chiến-công oanh-liệt ?  
Không ! Phải tham-dự những chiến-dịch nguy-nạn, những cuộc  
hành-quân gian-khổ mới thấy rằng những thứ tầm-thường kia  
không thể thúc-đầy người ta trở thành chiến-sĩ.

Người ta chiến-đấu vì những lý-lẽ khác, rất thiêng-liêng :  
cứu-nguy dân-tộc, bảo-vệ lý-tưởng, duy-trì an-ninh cho đồng  
bào. Người ta còn chiến-đấu vì tình đồng-ngũ nữa : đoàn việ-  
n binh nào lại chẳng hăm-hở đi cứu quân bạn ?

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Người chiến-binh xông-pha nơi mũi tên lần  
đạn không phải vì những lý-do tầm-thường nào ? — Chi khi nào người ta  
mới hiểu người chiến-binh không chiến-đấu vì những lý do tầm thường  
đó ? — Người chiến-binh chiến-đấu vì những lý-lẽ thiêng-liêng nào ?*

## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : Chiến-binh — chiến-lợi-phẩm — chiến-công — chiến-dịch — cuộc hành-quân — viện-binh.

**Tính-từ** : (Chiến-công) oanh-liệt — (Chiến-dịch) nguy-nan — (Cuộc hành-quân) gian-khò.

**Động-từ** : Xông-pha - tham-dự (chiến-dịch) — cứu-nguy (dân-tộc).

**Tục-ngữ** : *Giặc pha không bằng nhà cháy.*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Chiến-tranh** : việc đánh nhau giữa hai hay nhiều nước. **Chiến-binh** : người lính đánh nhau ngoài mặt trận. **Chiến-lợi-phẩm** : những thứ bắt được của quân-dịch như lương- thực, vũ-khí... **Chiến-công** : công trạng lập được nơi chiến- trường. **Cuộc hành-quân** : công-cuộc điều-động quân-dội đi tìm địch mà đánh. **Viện-binh** : binh đi tiếp-cứu. **Oanh-liệt** : lừng-lẫy. **Nguy-nan** : nguy-hiểm, khó-khăn. **Gian-khò** : khó-khăn, cực- nhọc. **Xông-pha** : dấn thân vào chỗ nguy-hiểm. **Cứu-nguy** : giúp cho thoát khỏi cơn nguy nan.

### BÀI TẬP

Quân-dội Việt-nam Cộng-hòa thường mở những cuộc . . . . .  
để tiêu diệt địch. Các chiến binh . . . . . nơi trận-địa. Họ  
lập được nhiều . . . . . oanh-liệt và luôn-luôn thu được . . . . .

## **Ngữ-vựng**

### **2.— CHIẾN-TRANH** (tiếp theo)

#### BÀI ĐỌC

Ngày 1-9-1939 **đệ nhị thế chiến bùng nổ**. Thật là một cuộc chiến-tranh **khủng-khiếp**. Đức tấn-công Ba-lan, Anh, Pháp gửi tới **hậu thư** cho Đức rồi **tham chiến**. Đức dùng **chiến-thuật chớp nhoáng** chiếm Ba-lan, các nước Bắc-Âu rồi cả nước Pháp nữa. Sau đó, Đức liên-minh với Ý và Nhật. Cả ba mở rộng **chiến-truờng** ở Âu-châu, Phi-châu và Á-châu, chiếm đóng nhiều nước trên thế-giới.

Nhưng **cuộc chiến-thống** của Đức, Ý, Nhật chỉ là tạm bợ. Bị Đồng-minh **phản-công** mạnh, Đức, Ý, Nhật phải thu hẹp **chiến-luyến**. Cuối năm 1942, Ý xin **đình-chiến**. Năm 1945, Đức rồi Nhật **đều hàng** Đồng-minh.

**TẬP NÓI CHUYỆN.** — *Đệ nhị thế chiến bùng nổ ngày nào ? — Đức tấn-công nước nào ? — Những nước nào gửi tối-hậu-thư cho Đức ? — Đức dùng chiến-thuật gì để chiếm Ba-lan, các nước Bắc - Âu và nước Pháp ? — Sau đó Đức liên-minh với những nước nào ? — Vì nước Đức, Ý, Nhật mở rộng chiến-trường ở những nơi nào ? — Tại sao về sau Đức, Ý, Nhật phải thu hẹp chiến-tuyến ? — Ý xin đình-chiến năm nào ? — Đức rời Nhật đầu-hàng Đồng-minh năm nào ?*

## HỌC TIẾNG

**Danh-từ** : Đệ-nhị thế-chiến — tối-hậu thư — chiến-thuật — chiến-trường — cuộc chiến-thắng — chiến-tuyến.

**Tính-từ** : (Cuộc chiến-tranh) khủng-khiếp — (Chiến-thuật) chớp-nhoáng.

**Động-từ** : Tham-chiến — đình-chiến — đầu-hàng.

**Thành-ngữ** : Tấn-công như vũ-bão.

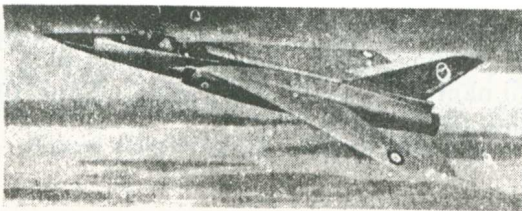
**GIẢI-NGHĨA.** — **Đệ-nhị thế-chiến** : cuộc đại chiến thứ nhì xảy ra giữa nhiều nước trên thế-giới. **Tối-hậu thư** : bức thư cuối cùng của nước nọ gửi cho nước kia buộc phải nhận một vài điều-khoản, nếu không thì khai-chiến... **Chiến-thuật** : cách-thức sắp đặt, điều-khiển binh-sĩ trong việc đánh nhau. **Chiến-tuyến** : đường giữa hai đội quân đang đánh nhau. **Khủng-khiếp** : sợ-hãi, ghê-sợ. **Chiến-thuật chớp nhoáng** : lối đánh nhanh và mạnh. **Tham-chiến** : dự vào việc chiến-tranh. **Đình-chiến** : ngừng, thôi đánh nhau. **Đầu-hàng** : chịu thua.

## BÀI TẬP

1 — Giải-nghĩa : tối-hậu-thư, chiến-trường, đình-chiến.

2 — Đệ-nhị thế-chiến bùng nổ vào năm nào ?

3 — Tìm những động-từ ghép có tiếng « chiến » như tham-chiến.



**QUYẾT-CHIẾN**

1.— Quân địch bắn vào như mưa... Chốc-chốc lại có người lùh đứng bắn ở cửa sổ gác xuống. Mấy người lính khác tay bốp vết thương, chân bước lảo-đảo...

2.— Vòng bán-nguyệt của quân địch càng thắt chặt thêm. Bên ngoài có tiếng hò :

— Hàng đi ! Hàng đi !

Viên đại-úy thét lớn :

— Không đời nào !

Lửa cháy tứ phía. Nhiều quân ngã lăn. Mấy cửa sổ đã bỏ không. Cái phút nguy-cấp đã bày ra trước mắt. Đại-úy nghẹn-ngào kêu :

— Thôi quân ta không đến rồi !

Nói xong, ông chạy đi chạy lại, rút kiểm toan tự-vấn. Bỗng một viên đội ở trên mái trèo xuống reo ầm lên :

— Quân ta đã đến ! Quân ta đã đến !

Thế rồi, kẻ bị thương, người còn mạnh, hết thảy đều ra các cửa sổ kháng-chiến kịch-liệt.

3.— Một lát sau, người ta thấy có sự hỗn-loạn trong hàng quân địch. Viên-binh đã đến kịp thời và giải vây cho đội bộ-binh.

*Theo HÀ-MAI-ANH*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Lảo-đảo** : trở bộ ngã nghiêng, muốn té. **Nguy-cấp** : ngặt-nghèo, gấp rút. **Tự-vấn** : tự mình cửi cở mình mà chết.

**Y-TUỞNG.**— *Tình-hình trong đồn như thế nào ? — Khi quân địch hô « hàng đi » thì viên Đại-úy đồn-trưởng đáp ra sao ? — Thấy quá nguy-cấp viên Đại-úy rút kiểm ra toan làm gì ? — Được tin quân cứu viện đến, mọi người làm gì ?*

**LỜI VĂN.**— *« Bắn vào như mưa » nghĩa là gì ? — Trái nghĩa với « hỗn-loạn » là gì ?*

## DÀN BÀI

- 1 — Binh-sĩ trong tiền-dồn đã nhiều người bị trúng đạn của địch-quân.
- 2 — Đang khi quân địch thắt chặt vòng vây thì viện binh kéo tới.
- 3 — Viện-binh giải vây cho đồn.

ĐẠI-Ý. — Quân trong đồn quyết-chiến để đợi viện-binh tới giải vây.

PHÁT-ÂM. — Tay bóp vết thương, thắt-chặt, kịch-liệt, giải vây.

## Tập-đọc — học-thuộc-lòng

### TÌNH NHÂN - LOẠI

1. — Trời lam ánh lưỡi liềm vàng,  
Vòm sao lấp-lánh muôn tràng ngọc xanh.
2. — Gươm quân chiếu ánh long-lanh,  
Sơ-trường sau cuộc đấu-tranh hải-hùng  
Xác người tan-tác đầy đồng,  
Dũng bình tình dậy dưới chông tử-thi.  
Lách mình chàng cố lẻ đi,  
Bên sườn hoen ố máu rì vết thương.  
Tiếng ai thoi-thóp bên đường,  
Quân thù rên-rỉ và đương thở dài.  
— « Trời ơi ! khát quá ! này ai  
Đi qua làm phước xin vài ngụm thôi ».
3. — Trạnh lòng xúc cảm bồi-hồi,  
Chàng đưa bình nước cho người tử-thương



T. T.

GIẢI-NGHĨA. — Sơ-trường : bãi đất rộng, nơi quân hai bên đánh nhau. Thoi-thóp : chỉ hơi thở nhẹ và ngắn của người sắp chết. Xúc-cảm : (xúc : động chạm tới ; cảm : cảm-động ở trong lòng) cảm động đến lòng mình.

Y-TUỜNG. — Sau khi quân hai bên thôi đánh nhau, quang cảnh bãi chiến-trường ra sao ? — Đang lách mình lẻ đi, Dũng nghe thấy gì ? — Tại sao Dũng đưa bình nước cho kẻ thù ?

LỜI VĂN.— « Vòm sao lấp-lánh muốn tràn ngọc xanh » : ý nói gì ? — Từ-ngữ nào trong bài cho biết kẻ thù của Dững sắp chết ?

### DÀN BÀI

- 1) Vòm trời đầy trăng sao ở bãi sa trường.
- 2) Sau trận chiến, Dững nghe thấy tiếng kẻ thù rên-ri xin nước.
- 3) Dững đưa bình nước cho kẻ thù.

ĐẠI-Y.— Sau cuộc chiến, vì giàu tình nhân-loại, Dững cho kẻ thù uống nước.

PHÁT ÂM.— Lư<sup>oi</sup> li<sup>em</sup> v<sup>ang</sup>, tr<sup>ang</sup> ngọc x<sup>anh</sup>, g<sup>rom</sup> qu<sup>an</sup>, t<sup>an</sup>-t<sup>ac</sup>, r<sup>en</sup>-r<sup>i</sup>.

## Chánh-tà

### I.— MONG LÊN ĐƯỜNG

Bản ngã mình trên giường tre, lòng nôn-nao chỉ mong trời mau sáng để lên đường nhập-ngũ.

Qua cửa sổ, ánh trăng nghiêng nghiêng chiếu lờ-mờ trên các đồ vật. Bản kéo mền đắp lên ngực, mơ-màng nhìn lên trời.

Một áng mây nhỏ trôi qua khung cửa, khiến chàng tưởng-tượng đến những cánh dù trôi trong gió rồi hạ xuống một khu rừng hoang-vu hay một cánh đồng xanh mướt. Bản nghĩ đến cuộc sống thanh-bình, đến người dân quê yên-lành làm việc bên sự bảo-vệ của những chàng trai yêu nước, yêu quê-hương.

Theo PHẠM-THÀNH-CHÂU

GIẢI-NGHĨA.— Nôn-nao : bồn-chồn không yên. Hoang-vu : nơi bỏ hoang, cỏ mọc đầy. Cuộc sống thanh-bình : cuộc sống yên-ên. Quê-hương : nơi mình sinh-trưởng.

**CÂU HỎI.**— *Bản mong trời mau sáng để làm gì ? — Nhìn áng mây trôi qua cửa sổ, Bản tưởng-tượng đến những cái gì ? và Bản nghĩ tới những điều gì ?*

**ĐẠI-Ý.**— Đêm trước hôm lên đường gia-nhập binh-chủng Nhảy Dù; Bản mơ-màng nghĩ đến vai trò của mình trong công-cuộc bảo-vệ đồng-bào.

**NHẬN XÉT CHÁNH-TÀ.**— giường tre, nón-nao, hoang-vu.

### CÂU HỎI CHÁNH-TÀ

- 1 — Giải-nghĩa : giường tre, chiếu lờ-mờ.
- 2 — Em thử đoán xem Bản gia-nhập binh-chủng nào ?
- 3 — Tìm những tiếng phản-nghĩa với : « lờ-mờ », « thanh-bình ».
- 4 — Phân-tích mệnh-đề trong câu : « Bản kéo mền..... nhìn lên trời ».

## Chánh-tà

### 2.— QUYẾT-CHIẾN

Viết đoạn 2 bài tập đọc

## Văn-phạm

### CÂU CHỈ VIỆC CHỦ-ĐỘNG VÀ CÂU CHỈ VIỆC THỤ-ĐỘNG

1 — Trong câu chỉ việc chủ-động thì chính chủ-từ làm cái việc do động-từ diễn ra.

Thí-dụ : Tôi gọi em tôi — Ông Ba pha trà.

2) Trong câu chỉ việc thụ-động thì chủ-từ chịu nhận cái việc do động-từ chỉ. Trong những câu chỉ việc thụ-động, trước động-từ thường có chữ bị hay được.

Thí-dụ : Nam hay bị phạt.  
Tư được thầy khen.

## BÀI TẬP

Đôi câu sau đây sang thể thụ-động : « Con chó đuổi tôi ».

### Tập làm văn

---

ĐỀ :

**Bình giải câu : « Lá lành đùm lá rách »**

#### DÀN BÀI

- I.— MỞ BÀI : Giới-thiệu : người xưa nhận rõ sự cần-thiết của lòng tương-thân, tương-ái nên đã để lại cho ta câu...
- II.— THÂN BÀI :
  - 1) Nghĩa đen : gói bánh, lấy lá lành bọc ra ngoài lá rách.
  - 2) Nghĩa bóng : người giàu giúp đỡ kẻ nghèo, người được may-mắn giúp đỡ người hoạn-nạn.
  - 3) Ý khuyên ta nên giúp đỡ những người nghèo khó, kẻ gặp hoạn-nạn.
  - 4) Phê-bình : nêu giá-trị của câu tục-ngữ.
- III.— KẾT-LUẬN : Tham-gia các công-cuộc cứu-trợ đồng-bào bị hỏa-hoạn, bão lụt...

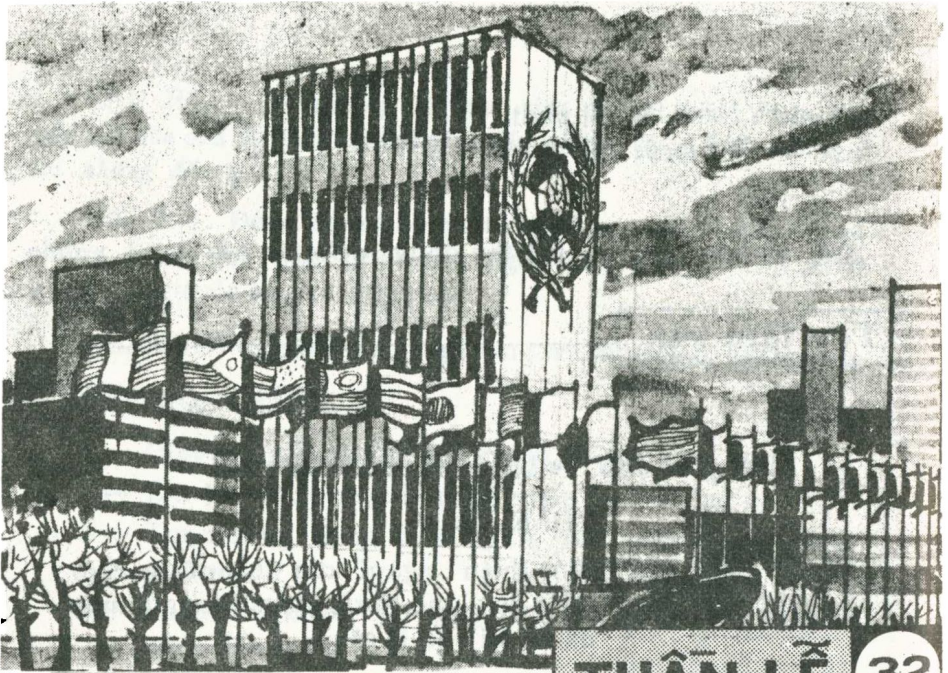
### Tập viết

---

Chữ rộng (viết chữ hoa khô lớn)

*M N X Nha trang*





Ngũ-vọng

TUẦN LỄ

32

## I.— HÒA-BÌNH

Năm 1945, trước sức tấn công như vũ-bão của Đồng-minh, Ý, Đức rồi Nhật bại trận liên-miền, phải buông khí-giới. Những dân-tộc hiếu-hòa hy-vọng một nền hòa-bình trường-cửu.

Đáp-ứng nguyện-vọng của nhân-loại, Liên-hiệp-quốc bắt tay vào công-cuộc bảo-vệ an-ninh chung. Dư-luận quốc-tế cũng không ngớt bàn-tán về việc mở hội-nghị hòa-bình, ký kết hòa-ước và thảo-luận việc tài-binh.

Trong mỗi quốc-gia, dân-chúng hời-cư, hăng-hái tham-gia công-cuộc kiến-thiết xứ-sở. Binh-sĩ được giải-ngũ trở về đời sống dân-sự, vui cảnh an-cư lạc-nghiệp.

TẬP NÓI CHUYỆN.— Tại sao năm 1945, Ý, Đức rồi Nhật bại trận liên-miền? — Những dân-tộc hiếu-hòa hy-vọng một nền hòa-bình như thế nào? — Liên-hiệp-quốc bắt tay vào công cuộc gì? — Dư-luận quốc-tế không ngớt bàn-tán về những việc gì? — Trong mỗi quốc-gia dân chúng hăng hái tham-gia công-cuộc gì? — Binh-sĩ được giải-ngũ để làm gì?

## HỌC TIẾNG

**Đanh-từ** : Liên-hiệp-quốc — hội - nghị hòa-bình — hòa-ước—việc tái-bình—công cuộc kiến-thiết.

**Tĩnh-từ** : (nền hòa-bình) trường-cửu—(dân-tộc) hiếu-hòa

**Động-từ** : Đại-trận — buông (khí-giói) — hồi-cư.

**Thành-ngữ** : An-cư lạc-nghệp.

**GIẢI-NGHĨA.**— Liên-hiệp-quốc : tổ-chức quốc-tế, thành-lập năm 1944 có mục-đích đoàn-kết các dân-tộc để bảo-vệ nền hòa-bình thế-giới. Hội-nghị hòa-bình : hội-nghị bàn việc giảng hòa, việc đình-chiến. Hòa-ước : bản văn gồm những điều các nước tham-chiến ký-kết với nhau để giảng hòa. Việc tái-bình : (tái : bớt đi) bớt quân-số và vũ-khí đi. Công-cuộc kiến-thiết : việc xây-dựng. Trường-cửu : (trường : dài ; cửu : lâu) lâu dài. Hiếu-hòa : (hiếu : thích ; hòa : không sinh-sự) thích, chuộng hòa-bình. Hồi-cư : (hồi : về ; cư : ở) trở về chỗ cũ sau thời gian dời đi nơi khác để tránh giặc. An-cư lạc-nghệp : (an : yên ; cư : ở ; lạc : vui ; nghệp : nghề) chỗ ở yên-ổn, công việc làm ăn vui-vẻ.

### BÀI TẬP

Nhân-loại mong-mỏi được an-hưởng một nền hòa-bình . . . . .  
. . . . . Thề theo lòng mong mỏi đó, . . . . .  
thành-hình, nắm giữ vai trò bảo-vệ an-ninh chung. Các dân-tộc . . . . .  
đặt rất nhiều tin-tưởng vào cơ-quan quốc-tế này. Mỗi khi có sự tranh-chấp xảy ra giữa hai quốc-gia, Liên-hiệp-quốc can-thiệp tức khắc để cho nhân-dân được . . . . .  
lạc-nghệp.



**BÀI ĐỌC**

Đệ-nhi thế-chiến vừa chấm-dứt thì đó đây lại bùng lên những cuộc tranh-chấp nhỏ. May mà Hội-đồng Bảo-an kịp thời can-thiệp nên đã dập tắt được ngòi lửa chiến-tranh đe-dọa hòa-bình.

Khốn thay, vấn-đề khí-giới nguyên-tử và sự tranh-chấp giữa các cường-quốc cứ làm cho nền hòa-bình thế-giới thành ra bấp-bênh. Những người nặng tình yêu nhân-loại vẫn lớn tiếng hô-hào các cường-quốc đi đến cuộc kiểm-soát vũ-khí nguyên-tử và cuộc tài-bình toàn-diện.

Nhưng liệu ý-chí hòa-bình của nhân-loại có đủ sức ngăn tay những kẻ ngóng-cuồng, hiếu-chiến chăng ?

**TẬP NÓI CHUYỆN.**— *Hội-đồng nào đã nhiều lần can-thiệp vào những vụ tranh-chấp giữa các quốc-gia để dập tắt ngòi lửa chiến-tranh ? — Tại sao nền hòa-bình thế-giới hiện nay rất bấp-bênh ? — Những người nặng tình yêu nhân-loại thường hô-hào các cường-quốc làm gì ?*

**HỌC TIẾNG**

**Danh-từ** : Hội-đồng Bảo-an — sự tranh-chấp — cuộc kiểm-soát vũ-khí nguyên-tử — ý-chí hòa-bình.

**Tính-từ** : (nền hòa-bình bấp-bênh) — (cuộc tài-bình) toàn diện.

**Động-từ** : dập tắt (ngòi lửa chiến-tranh) — kiểm-soát (vũ-khí) — đe-dọa (hòa-bình)

**Thành-ngữ** : *Thái-bình thịnh-trị.*

**GIẢI-NGHĨA.**— **Hội-đồng Bảo-an** : một cơ-quan thuộc tổ-chức Liên-hiệp-quốc có nhiệm-vụ giữ an-ninh thế-giới. **Sự tranh-chấp** : sự giành nhau, tranh nhau. **Ý-chí hòa-bình** : lòng yêu hòa-bình mạnh-mẽ, cương-quyết. **Bấp-bênh** : không vững, không chắc-chắn. **Toàn-diện** : mọi mặt. **Thái-bình thịnh-trị** : ý nói trong nước được bình-an, thịnh-vượng, yên-ôn.

## BÀI TẬP

- 1 — Giải-nghĩa : bấp-bénh, toàn-diện, kiểm-soát.
- 2 — Hội-đồng Bảo-an có nhiệm-vụ gì ?
- 3 — Tìm tiếng phản-nghĩa với « đập tắt ».

### Tập đọc

## LIÊN-HIỆP-QUỐC

1. — Năm 1944, sau cuộc đại-chiến thế-giới thứ hai, các nước đã họp nhau ở Cựu-kim-son, Hoa-kỳ, để thành-lập một tổ-chức quốc-tế mới, có nhiệm-vụ bảo-vệ hòa-bình và an-ninh cho nhân-loại. Tổ-chức này lấy tên là Liên-hiệp-quốc, thay thế cho Hội-đồng Quốc-liên đã bị tan-rã trong cuộc thế-chiến.

2. — Cơ-cấu cũng như chương-trình hoạt-động của Liên-hiệp-quốc có phần rộng-rãi và hoàn-hảo hơn hội Quốc-liên nhiều. Trải qua nhiều năm hoạt-động, Liên-hiệp-quốc chứng-tỏ đã làm được nhiều việc hữu-ích cho nhân-loại chứ không phải chỉ là một tổ-chức hình-thức mà thôi. Với mục-đích bảo-vệ an-ninh và hòa-bình thế-giới cũng như tăng-gia mức sống, phát-triển văn-hóa nhân-loại, Liên-hiệp-quốc đã ghi được nhiều thành-tích đáng kể.

Theo *TRANG-KIỀU-LÂN*

**GIẢI-NGHĨA.** — Thế-chiến : cuộc chiến-tranh xảy ra giữa nhiều nước trên thế-giới. Cơ-cấu : (cơ : nền ; cấu : dựng lên) nền-tảng xây-dựng. Tổ-chức hình-thức : cơ-quan chỉ có bề ngoài chứ không hoạt-động thực-sự. Phát-triển : mở rộng ra.

**Ý-TUỞNG.** — Tổ-chức Liên-hiệp-quốc thành-lập năm nào ? — So với hội Quốc-liên, cơ-cấu và chương-trình hoạt-động của Liên-hiệp-quốc thế nào ? — Liên-hiệp-quốc đã ghi được nhiều thành-tích đáng kể về những phương-diện nào ?

**LỜI-VẤN.** — « Tổ-chức quốc-tế » nghĩa là gì ? — Phản-nghĩa với « hòa-bình » là gì ?

## DÀN BÀI

1 — Tổ-chức Liên-hiệp-quốc thay thế Hội-dồng Quốc-Hân.

2 — Liên-hiệp-quốc đã thực-sự hoạt-động đúng tôn-chỉ họcch-định.

ĐẠI-Ý.— Từ ngày thành-lập đến nay, Liên-hiệp-quốc đã thực-sự làm việc để phụng-sự nhân-loại về nhiều mặt.

PHÁT-ÂM.— Thay thế — tan-rã — chương-trình — mục-sống

### Tập đọc — học-thuộc-lòng



## MÙA THANH-BÌNH

- 1.— Cầu đò ngày xưa đã dựng lên,  
Cống ai qua nhịp búa vang rền.  
Bàn tay xóa vết thương non nước,  
Đề mãi ngàn sau nhắc tuổi tên.
- 2.— Thăm lúa xanh non mượt cánh đồng  
Từ chân núi biếc đến ven sông.  
Con cò thông-thả bơi đôi cánh,  
In bóng sừng non nhuộm nắng hồng.
- 3.— Vạn vật vui tươi, nét diễm-kiều,  
Muôn lòng cởi mở đón thương yêu.  
Bài thơ thăm-thiết dâng sông núi,  
Bát-ngát một trời ý Thuấn, Nghiêu.

Theo TUỜNG-LINH

GIẢI-NGHĨA.— Thanh-bình : (thanh : trong sạch ; bình : yên lặng) ý nói không có giặc-giã. Diễm-kiều : (diễm : đẹp đẽ ; kiều : mềm-mại) đẹp-đẽ và mềm-mại. Ý Thuấn, Nghiêu : tên hai vị vua thánh-triết đời xưa ở nước Tàu ; ý nói đất nước được thanh-bình như thời vua Thuấn, vua Nghiêu.

Ý-TUỜNG.— Người ta bắc lại những nhịp cầu đò đã xóa được những dấu-tích gì ? — Thăm lúa ngoài đồng thế nào ? — Vạn-vật ra sao ? — Lòng người cởi-mở đón gì ?

LỜI VẤN.— « Vết thương non nước » là gì ? — Câu thơ nào tả đồng lúa rộng mênh-mông ? — Trái nghĩa với « thăm-thiết » là gì ?

### DÀN BÀI

- 1 — Đất nước bị chiến-tranh được xây-dựng lại.
- 2 — Cảnh đồng lúa xanh non, cò bay thong thả.
- 3 — Lòng người vui tươi trong cảnh thanh-bình.

ĐẠI-Ý.— Chiến-tranh đã chấm-dứt ; mọi người cùng xây-dựng lại đất nước và hân-hoan sống những ngày thanh-bình.

PHÁT-ÂM.— Thanh-bình — ven sông — sườn non —

## Chánh-tà

### I. — ƯỚC MONG THANH-BÌNH

Qua cánh đồng trống, tôi mơ-màng ngắm cảnh thanh-bình của đồng ruộng và trong lòng đột-nhiên nổi dậy một ước-mong tha-thiết : ước-mong hòa-bình. Không đâu cần hòa-bình bằng đồng ruộng.

Ôi ! đẹp biết bao nhiêu sự êm-ả của đồng quê ! Những ruộng lúa xanh gợn sóng. Những lũy tre đìu-dàng ản-cung. Những người nông-dân cặm-cù đang thăm ruộng. Những em bé chăn trâu trên bãi cỏ. Những phụ-nữ gồng-gónh đi hoặc về chợ.

Bầu không-khí bao trùm người và vật ấy cần hòa-bình. Những kẻ chủ-trương phá-hoại đồng-quê, thật là có tội với đồng-bào, với nhân-loại, cả với thiên-nhiên.

LE-HUY ĐỐ-VẤN

GIẢI-NGHĨA.— Hòa-bình : yên-ôn, không chiến-tranh. Lúa xanh gợn sóng : gió thổi làm cho mặt ruộng lúa nhấp-nhó như sóng gợn. Cặm-cù : chăm-chỉ chịu khó. Chủ-trương : đứng đầu và đốc-suất một công việc gì.

**CÂU HỎI.**— *Nhân dịp nào tác-giả đột-nhiên thấy nỗi dậy trong lòng ước-mong hòa-bình?— Miền quê có những cảnh nào nói lên sự thanh-bình? — Kê chủ-trương, phá-hoại đồng quê có tội với ai?*

**ĐẠI-Ý.**— Trước cảnh thanh-bình của đồng quê, tác-giả thấy lòng tha-thiết ước-mong hòa-bình.

**NHẬN-XÉT CHÁNH-TẢ.**— Cảnh đồng trống — ước-mong tha-thiết — **chủ-trương.**

### CÂU HỎI CHÁNH-TẢ

- 1 — Giải-nghĩa : ngắm, ước-mong, nông-dân, nhân-loại.
- 2 — Đại-ý bài này nói gì?
- 3 — Tìm tiếng phản-ngĩa với « hòa-bình », « phá-hoại ».

## Chánh-tả

### 2. — LIÊN-HIỆP-QUỐC

Viết đoạn 2 bài tập đọc.

## Văn-phạm

### CÂU ĐỀ HỎI VÀ CÂU ĐỀ THAN

1) Câu đề hỏi có những tiếng : ai, tại sao, bây giờ, làm sao, thế nào, gì... đặt trước hay đặt sau câu.

Thí-dụ : Ai trả lời được ? Quyền sách này của ai ? Muốn tiến-bộ phải học-hành thế nào ? Thế nào là học trò tốt ?

2 — Câu đề than là câu có tán-thán-từ, chỉ sự đau-đớn, sự xót thương, sự buồn rầu...

Thí-dụ : Chao ôi ! đau quá ! — Sự tàn phá của bom nguyên-tử khủng-khiếp thay !

### BÀI TẬP

Làm một câu đề hỏi, một câu đề than.

## Tập làm văn

ĐỀ : Bình-giải câu : « Đoàn-kết thì sống, chia rẽ thì chết »

### DÀN BÀI

- I.— MỞ BÀI : Giới-thiệu oau cách-ngôn.
- II.— THÂN BÀI : 1) Giải-nghĩa chung : sự hợp-quần rất cần-thiết cho sự sống còn của mọi người trong xã-hội.  
2) Thí-dụ : a) Đoàn-kết : Hội-nghị Diên-Hồng.  
b) Chia rẽ : anh em họ Điền.  
3) Bàn-bình : rất đúng.
- III.— KẾT-LUẬN : Ta phải đoàn-kết, nhất là trong lúc này.

## Tập viết

Chữ rộng (viết chữ hoa khổ lớn)

Quy U Y D Quy-nhon, Đà-lạt.





# Mục Lục Việt

TUẦN LỄ	NGŨ - VÙNG	TẬP ĐỌC	TẬP ĐỌC HỌC THUỘC LÒNG
1	Thi-dục Thi-thảo	Thi-vận-hội	Ngày khai trường
2	Các trò chơi thể-thao	Thượng-đời	Trên sân vận-dộng
3	Các trò chơi thể- thao (tiếp theo)	Đánh vật	Thi - thao
4	Du-ngoạn Du-lich	Que Ninh-thuận	Đi xa biết rộng
5	Các bậc học	Tôi đi học	Phải biết học
6	Các bậc học (tiếp theo)	Trường Bách-khoa bình-dân	Cần phải học
7	Các khoa chuyên môn	Cần phải học mỗi địa-lý	Giờ quốc-sứ
8	Các khoa chuyên môn (tiếp theo)	Trường Kỹ-thuật Phú-thọ	Khuyên học canh nông
9	Các nhà bác-học	Tính đăng-trí của Am-pe	Siêng năng là vàng
10	Phòng thí - nghiệm	Lần đầu tiên tới phòng thí-nghiệm	Lời ổng tiem
11	Sự sáng-chế	Những phát-minh đầu tiên	Đoàn-kết lại
12	Các ngành văn-hóa	Soạn-giả ca-kịch	Cậu bé bán báo
13	Các ngành văn-hóa (tiếp theo)	Phòng tranh Bé Ký	Ông đồ
14	Thủ-công-nghệ Tiêu-công-nghệ	Trong lò rèn	Đầy Xóm chài

# Ngữ Lớp 5

CHÁNH TẢ	VĂN-PHẠM	TẬP LÀM VĂN	TẬP VIẾT
1. Tập thể-dục 2. Thể-vận-hội	Nguồn gốc tiếng Việt-Nam	Tả đồ vật	I,
1. Xem đá banh 2. Thương-đài	Văn-quốc-ngữ Nguyên âm và phụ âm	Tả đồ vật	h
1. Bóng bàn Việt-nam 2. Đánh vợt	Đầu giọng	Tả đồ vật	C, G
1. Đi tắm biển 2. Qua Ninh-thuận	Đầu phầv	Tả đồ vật	è
1. Buổi học đầu tiên 2. Tôi đi học	Đầu chấm	Tả cây cối	O
1. Trường Mẫu giáo 2. Trường Bách-khoa Bình-dân	Đầu hai chấm	Tả cây cối	A
1. Trường Cán-sự Y-tế 2. Cần phải học môn địa-lý	Đầu chấm than Đầu chấm hỏi	Tả cây cối	2
1. Trường Canh-nông Cần-thơ 2. Trường Kỹ-thuật Phú-thọ	Danh-từ	Tả cây cối	, L
1. Phát-tơ và bệnh chó dại 2. Tính đặng trí của Am-pe	Loại-từ	Tả con vật	p
1. Phòng thí-nghiệm của Ê-đi-son 2. Lần đầu tiên tới phòng thí-nghiệm	Mạo-từ Đại-danh-từ	Tả con vật	B
1. Phôi sáng-tạo 2. Những phát-minh đầu tiên		Tả con vật	R
1. Tiểu-thuyết có ích-lợi gì ? 2. Soạn-giả ca-kịch	Đại-danh-từ (tiếp theo)	Tả con vật	D, Đ
1. Sân-khấu 2. Xem tranh Bá Kỳ	Chỉ-định-từ	Tả người	v
1. Nghề làm đôi-mũi 2. Trong lò rèn	Chỉnh-từ	Tả người	u

TUẦN LỄ	NGŨ-VƯƠNG	TẬP ĐỌC	TẬP ĐỌC HỌC THUỘC LÒNG
15	Công-kỹ-nghệ	Nhà máy chỉ sợi Khánh-hội	Công-nghệ
16	Hải cảng	Cam-ranh	Bốn Chương dương, buổi trưa
17	Thương-mại Xuất-nhập-xã	Cô hàng xén	Khuyến thương
18	Hợp-tác-xã	Hợp-tác-xã	Hãy thành-lập hợp-tác-xã
19	Cấu-tế	Tình-yêu đồng-bào	Đứa trẻ mồ-côi
20	Các hội-thiện	Hội Hồng-thập-tự	Những bàn tay đẹp
21	Chủng-tộc	Người Mèo	Dân tộc Việt
22	Tôn-giáo	Quả Giáng-sinh	Đêm Giáng-sinh
23	Tôn-giáo (tiếp theo)	Văng cảnh chùa	Ngon đức Việt-Nam
24	Chính-thê	Lòng yêu nước	Đẹp thay chính-thê Cộng-hòa
25	Chính-thê (tiếp theo)	Phải tham-gia bầu-cử	Nước tôi
26	Quân-đội	Đội-hội Không-quân Việt-Nam	Hẹn mai sau
27	Quân-đội (tiếp theo)	Người nữ-trợ-tá xã-hội	Trần-bình-Trọng
28	Vũ-khí	Sinh-viên sĩ-quan	Lời cây súng hồng
29	Vũ-khí (tiếp theo)	Chạm súng	Làm trai
30	Quân-dịch	Lên đường nhập ngũ	Thi-hành quân-dịch
31	Chiến-tranh	Quyết-chiến	Tình nhân-loại
32	Hòa-bình	Liên-hiệp-quốc	Mùa thanh-bình

CHÁNH-TẢ	VĂN-PHẠM	TẬP LÀM VĂN	TẬP VIẾT
1. Câu thơ in 2. Nhà máy chỉ sợi Khánh-hội	Động-từ	Tả người	Y
1. Cảnh mùa đông tại một bến tàu 2. Cam-ranh	Chủ-từ của động-từ	Tả người	N
1. Ngoại-thương 2. Cỏ hàng xén	Túc-từ của động-từ	Tả cảnh	M
1. Hợp-tác-xã học-sinh 2. Hợp-tác-xã	Chỉ-định túc-từ	Tả cảnh	T
1. Thương kẻ khó 2. Tình-yêu đồng-bào	Trạng-từ	Tả cảnh	X
1. Thăm Viện dục-anh 2. Hội Hồng-thập-tự	Vị-trí trạng-từ và lượng số trạng-từ	Tả cảnh	chữ rông hoa i, u, t
1. Tôi là người Việt 2. Người Mèo		Thuật truyền	n, m
1. Tiếng chuông nhà thờ xưa 2. Quả Giáng-sinh	Ý-kiến trạng-từ	Thuật truyền	o q a d
1. Tụng kinh 2. Văng cảnh chùa	Giới-từ	Thuật truyền	c x e t
1. Trào lại cho anh 2. Lòng yêu nước	Liên-từ	Thuật truyền	v s p
1. Giá-trị của lá phiếu 2. Phải tham-gia bầu-cử	Tán-thán-từ Trợ-ngữ-từ	Viết thư	y g
1. Tình chiến-hữu 2. Đại-hội Không-quân V.N.	Cách nối câu đơn để làm thành câu kép	Viết thư	l b h k
1. Phiên gác đêm 2. Người nữ-trợ-tá xã-hội	Nhận xét và cách chuyển ý	Đơn-từ	chữ rông hoa O A C G
1. Cây sủng 2. Sinh-viên sĩ-quan	Phân-tích tự-loại	Đơn-từ	E I
1. Phi-cơ thám-thính 2. Chạm sủng	Mệnh-dề	Bình-giải	H V L
1. Chiến-sĩ truyền-tin 2. Lên đường nhập-ngũ	Công-dụng của mệnh-dề	Bình-giải	P B R
1. Mong lên đường 2. Quyết chiến	Câu chỉ việc chủ động và thụ-động	Bình-giải	M N X
1. Ước mong thanh-bình 2. Liên-hiệp-quốc	Câu đã hỏi Câu đã thẹn	Bình-giải	Q U U D

***Giấy phép tái bản số 69 BTT/PHNT ngày 9-1-1973***

Các em học-sinh lớp năm

# MUỐN THI ĐẬU VÀO LỚP SÁU

nên có ngay các cuốn sách sau đây :

## 1.- 32 BỘ ĐỀ LUYỆN THI VÀO LỚP 6

- ★ 32 bài luận văn gồm đủ các thể văn trong chương-trình thi.
- ★ 96 câu hỏi toán ôn tập toàn bộ chương-trình Số học, Đo lường, Hình học.
- ★ 32 bài toán đố phối hợp nhiều thể toán thường gặp trong các kỳ thi vào lớp 6.
- ★ 320 câu hỏi thực hành : ôn tập toàn bộ chương-trình Đức-dục, Quốc-sử, Địa-lý, Khoa-học, Vệ-sinh.

## 2.- 202 ĐỀ TOÁN LUYỆN THI LỚP 6

- ★ 606 câu hỏi toán giúp học-sinh thấu-triệt phần giáo-khoa Số-học, Đo-lường, Hình-học.
- ★ 202 bài toán đố đầy-dủ các loại toán trong chương-trình. Đề toán soạn đúng theo chỉ thị của Bộ Giáo-dục về việc soạn đề thi vào lớp 6.

## 3.- TOÁN PHẪM LỚP 5

## 4.- BÀI HỌC QUAN YẾU LỚP 5

## 5.- NHỮNG VẤN ĐỀ